

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT**

NGUYỄN THI KIM THOA

**PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM BÍ MẬT THÔNG TIN KHÁCH
HÀNG TRONG HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG Ở VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Tp. Hồ Chí Minh năm 2020

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

NGUYỄN THI KIM THOA

**PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM BÍ MẬT THÔNG TIN KHÁCH
HÀNG TRONG HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế
Mã số chuyên ngành: 62.38.01.07

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
PGS. TS. LÊ VŨ NAM

Tp. Hồ Chí Minh năm 2020

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan Luận án này là công trình do tôi thực hiện. Mọi số liệu, kết quả nghiên cứu đã công bố được tham khảo trong Luận án đều trung thực và trích dẫn nguồn đúng quy định. Những kết quả nghiên cứu của Luận án chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình của tác giả nào khác.

Nghiên cứu sinh

BẢNG VIẾT TẮT CÁC THUẬT NGỮ

STT	Từ viết tắt	Nội dung diễn giải
1	ADPL	Áp dụng pháp luật
2	BLDS	Bộ luật dân sự
3	BLTTDS	Bộ luật tố tụng dân sự
4	BLTTHS	Bộ luật tố tụng hình sự
5	CNNHNNg	Chi nhánh ngân hàng nước ngoài
6	FATF	Lực lượng Đặc nhiệm Tài chính Quốc tế (Financial Action Task Force)
7	FATCA	Đạo Luật về tuân thủ thuế đối với tài khoản nước ngoài (Foreign Account Tax Compliance Act)
8	G-20	Nhóm các nước phát triển (G20 Nations)
9	HĐNH	Hoạt động ngân hàng
10	HTKS NB	Hệ thống kiểm soát nội bộ
11	KTNB	Kiểm toán nội bộ
12	Luật NHNNVN	Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
13	Luật các TCTD	Luật Các tổ chức tín dụng
14	Luật TTHC	Luật tố tụng hành chính năm
15	NHNN	Ngân hàng Nhà nước
16	OECD	Tổ chức Hợp tác Kinh tế và Phát triển (Organisation for Economic Cooperation and Development)
17	TAND	Tòa án nhân dân
18	TCTD	Tổ chức tín dụng
19	UN	Liên Hợp Quốc (The United Nations)
20	VBQPPL	Văn bản quy phạm pháp luật

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lý do lựa chọn đề tài nghiên cứu.....	1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài	4
5. Những điểm mới của luận án	5
6. Cấu trúc của luận án.....	6
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	7
1.1. Tổng quan về tình hình nghiên cứu.....	7
1.1.1. Công trình nghiên cứu liên quan đến lý luận về nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng	7
1.1.2. Công trình nghiên cứu liên quan đến phạm vi, giới hạn của nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng	10
1.1.3. Các công trình nghiên cứu liên quan đến việc bảo vệ quyền lợi của khách hàng khi ngân hàng cung cấp thông tin khách hàng cho chủ thể thứ ba.....	15
1.1.4. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu.....	22
1.2. Cơ sở lý thuyết của đề tài	23
1.2.1. Lý thuyết nghiên cứu	23
1.2.2. Câu hỏi nghiên cứu	27
1.2.3. Phương pháp nghiên cứu	29
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1.....	31
CHƯƠNG 2. LÝ LUẬN VỀ NGHĨA VỤ BẢO ĐẢM BÍ MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG TRONG HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG	32
2.1. Khái quát về thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng	32
2.1.1. Khái niệm thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng.....	32
2.1.2. Đặc điểm thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng.....	38
2.2. Cơ sở hình thành và phát sinh nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng	39
2.2.1. Quá trình hình thành nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng	40
2.2.2. Bản chất của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng	42

2.2.3. Cơ sở pháp lý làm phát sinh nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng	44
2.3. Phạm vi của nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng.....	51
2.3.1. Phạm vi thông tin của khách hàng cần được bảo đảm bí mật	51
2.3.2. Thời hạn thực hiện nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng.....	57
2.4. Sự cần thiết phải bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng	59
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	66
CHƯƠNG 3. GIỚI HẠN CỦA NGHĨA VỤ BẢO ĐẢM BÍ MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG TRONG HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG	67
3.1. Nguyên tắc của nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng	68
3.2. Giới hạn của nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng theo pháp luật của một số nước trên thế giới	71
3.2.1. Tổ chức tín dụng cung cấp thông tin của khách hàng theo yêu cầu của pháp luật.....	71
3.2.2 Tổ chức tín dụng cung cấp thông tin của khách hàng khi được sự đồng ý của khách hàng.....	92
3.2.3. Tổ chức tín dụng cung cấp thông tin của khách hàng vì lợi ích của các tổ chức tín dụng	95
3.2.4. Tổ chức tín dụng cung cấp thông tin của khách hàng vì lợi ích công cộng	98
3.3. Giới hạn của nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng theo pháp luật Việt Nam.....	102
3.3.1. Thực trạng quy định pháp luật về giới hạn bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng ở Việt Nam	102
3.3.2. Đánh giá pháp luật Việt Nam về giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng trong mối liên hệ với pháp luật một số quốc gia	109
3.3.3. Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về giới hạn của nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng	116
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....	119

CHƯƠNG 4. BẢO ĐẢM THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG TRONG HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG Ở VIỆT NAM120

4.1. Khái luận thực thi pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng.....120

4.1.1. *Khái niệm thực thi pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng*120

4.1.2. *Nội dung thực thi pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng*122

4.1.2.1. *Chủ thể và phương thức thực thi pháp luật về bảo mật thông tin của khách hàng*.....122

4.1.2.2. *Biện pháp bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng*124

4.1.3 *Các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng*.....125

4.2. Thực trạng thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng128

4.2.1. *Thực thi pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng của cơ quan quản lý nhà nước về tiền tệ và hoạt động ngân hàng*.....128

4.2.2.1. *Thể chế hóa quy định pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng*128

4.2.2.2. *Thực hiện hoạt động thanh tra, giám sát của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*.....130

4.2.2. *Thực thi pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng chủ thể trực tiếp nắm giữ bí mật thông tin khách hàng*.....132

4.2.2.1. *TCTD phải tuân thủ nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng*132

4.2.2.2. *TCTD phải chấp hành nghĩa vụ cung cấp thông tin khách hàng trong những trường hợp luật định*135

4.2.3. *Thực thi pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin của chính khách hàng*144

4.3. Đánh giá thực trạng thực thi pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng145

4.3.1. *Những ưu điểm trong thực thi pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng*.....145

4.3.2. Bất cập, hạn chế trong thực thi pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng.....	154
4.4. Định hướng và giải pháp bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng ở Việt Nam.....	160
4.4.1. Định hướng liên quan đến bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng	160
4.4.2. Giải pháp bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng	163
4.4.2.1. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng	163
4.4.2.2. Xây dựng cơ chế bảo vệ quyền lợi của khách hàng khi thông tin của họ bị cung cấp không đúng quy định của pháp luật.....	165
4.4.2.3. Tăng cường các hoạt động kiểm soát nội bộ nhằm bảo đảm bí mật thông tin khách hàng	167
4.4.2.4. Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng.....	167
4.4.2.5. Các giải pháp khác nhằm bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng	168
KẾT LUẬN CHƯƠNG 4.....	171
PHẦN KẾT LUẬN.....	174
NHỮNG CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ CÔNG BỐ.....	i
PHỤ LỤC	xvi
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	xxiii

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài nghiên cứu

Thông tin là “tài sản” quan trọng, quý giá đối với mỗi tổ chức, cá nhân. Xã hội ngày càng phát triển, các yêu cầu được bảo đảm bí mật (bảo mật) thông tin của con người ngày càng được coi trọng, đặc biệt trong các hoạt động kinh tế nói chung và hoạt động ngân hàng (HĐNH) nói riêng bởi các giao dịch của khách hàng tại các tổ chức tín dụng (TCTD), chi nhánh ngân hàng nước ngoài (CNNHNNg)¹ phản ánh trực tiếp nhu cầu, lối sống, sở thích cá nhân, hội nhóm mà họ là thành viên, những vấn đề liên quan đến hoạt động tài chính, đến quá trình hoạt động, sản xuất, kinh doanh của khách hàng... Các thông tin riêng tư, cá biệt này của khách hàng được TCTD thu thập và lưu giữ nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh của mình. Với tư cách là một bên trong quan hệ pháp luật, khi TCTD yêu cầu khách hàng cung cấp các thông tin để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của mình, phải có nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng mà họ có được, đây là nghĩa vụ mà TCTD cần triệt để tuân thủ.

Tại Việt Nam, thời gian qua, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của của khoa học công nghệ và truyền thông, nhiều dịch vụ ngân hàng mới đã được triển khai, đang dần đi vào cuộc sống, phù hợp với xu thế thanh toán của các nước trong khu vực và trên thế giới. Sự phát triển các dịch vụ đó làm cho các hành vi khai thác thông tin cũng tinh vi hơn, các nguy cơ xâm phạm bí mật thông tin của khách hàng trong HĐNH càng trở nên phổ biến và đe dọa đến việc bảo mật thông tin khách hàng. Số liệu thống kê về vấn đề bảo mật thông tin của Tổ chức chứng nhận TÜVRheinland Việt Nam cho thấy, mỗi năm có trên 30.000 mật khẩu của các tài khoản Internet bị công bố trên mạng và 30.000 số tài khoản tín dụng cá nhân bị trộm, một số bị công bố trên Web.² Thực tiễn HĐNH cho thấy ngày càng nhiều khách hàng của các TCTD “bỗng dưng” mất tiền trong tài khoản

¹ Theo quy định của Luật các TCTD năm 2010, hoạt động ngân hàng được thực hiện bởi các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép thành lập và hoạt động (Điều 8 Luật các TCTD năm 2010).

Do đó, luận án sẽ sử dụng thuật ngữ TCTD để thay thế cho cụm từ TCTD, CNNHNNg. Tất nhiên, đây là nghĩa vụ chung của các TCTD. Tuy nhiên, trong phạm vi luận án, tác giả chỉ nghiên cứu nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của các ngân hàng thương mại

²- Lê Hiệp, *Bảo mật thông tin: Chuyện sống còn của doanh nghiệp*, < <http://vneconomy.vn/cuoc-song-so/bao-mat-thong-tin-chuyen-song-con-cua-doanh-nghiep-64737.htm>>, truy cập ngày 15/6/2015

- Xem thêm bài viết: Trúc Dân, *Nhân viên ngân hàng bán thông tin khách hàng*, <<http://vietbao.vn/An-ninh-Phap-luat/Nhan-vien-ngan-hang-ban-thong-tin-khach-hang/65636353/218/>>, truy cập ngày 15/6/2015

làm cho khách hàng của các TCTD lo lắng và đặt ra các nghi ngờ về mức độ an ninh, sự bảo mật thông tin của khách hàng khi sử dụng các dịch vụ ngân hàng của TCTD.

Nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của việc bảo mật thông tin khách hàng, Luật các Tổ chức tín dụng (Luật các TCTD) Việt Nam xác định đây là nghĩa vụ mà TCTD phải triệt để tuân thủ, là một trong những tiêu chí xác định mức độ bảo đảm an toàn trong cung ứng dịch vụ ngân hàng. Trường hợp TCTD không thực hiện nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng thì có thể bị tạm ngừng hoạt động.³ Nói cách khác, bảo mật thông tin khách hàng đã được Luật các TCTD quy định và Ngân hàng nhà nước (NHNN) Việt Nam cũng đã có những hướng dẫn làm cơ sở cho TCTD cụ thể hóa trong thực tiễn hoạt động. Tuy nhiên, trước biến đổi nhanh của tình hình thực tế về tính đan xen, phức tạp của các quan hệ liên quan đến lĩnh vực tín dụng, ngân hàng; sự phát triển của công nghệ thông tin; hiệu quả quản trị nội bộ của TCTD; yêu cầu về quản lý nhà nước và về sự đồng bộ, thống nhất, khả thi trong thực thi pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong HĐNH cần được nghiên cứu hoàn thiện. Chính vì vậy, nghiên cứu sinh lựa chọn chủ đề **“Pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng ở Việt Nam”** làm nội dung nghiên cứu cho luận án tiến sĩ luật học, chuyên ngành Luật Kinh tế.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

Mục đích nghiên cứu

Các mục đích nghiên cứu của Luận án “Pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng ở Việt Nam” bao gồm:

- Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận của pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong HĐNH.
- Phân tích, so sánh, đối chiếu pháp luật Việt Nam với pháp luật của một số nước trên thế giới về những vấn đề pháp lý có liên quan đến việc bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH.
- Phân tích, đánh giá thực trạng thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH ở Việt Nam.

³ Điểm b Khoản 9 Điều 28 Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

- Nghiên cứu đề xuất phương hướng, giải pháp và kiến nghị hoàn thiện pháp luật và bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH ở Việt Nam.

Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được các mục đích trên, đề tài tập trung thực hiện một số nhiệm vụ nghiên cứu sau:

Thứ nhất, phân tích, đánh giá có hệ thống những công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong HĐNH làm cơ sở cho việc tiếp thu, kế thừa những kết quả nghiên cứu đã đạt được, đồng thời tiếp tục nghiên cứu phát triển những vấn đề lý luận của pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong HĐNH.

Thứ hai, làm rõ khái niệm, đặc điểm thông tin khách hàng; phân tích cơ sở hình thành, phát sinh và bản chất của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng; phân tích phạm vi, nguyên tắc, giới hạn nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng; làm rõ nội hàm khái niệm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trên các khía cạnh: chủ thể thực thi, phương thức thực thi, các biện pháp thúc đẩy việc thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH; phân tích sự cần thiết phải bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH.

Thứ ba, phân tích, so sánh, đánh giá những quy định pháp luật liên quan đến nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH ở Việt Nam với một số nước trên thế giới để làm rõ những ưu điểm, bất cập trong các qui định hiện hành về điều chỉnh pháp luật đối với hoạt động bảo mật thông tin của khách hàng trong HĐNH ở Việt Nam và đề xuất các kiến nghị hoàn thiện.

Thứ tư, phân tích, đánh giá thực trạng thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH ở Việt Nam nhằm phát hiện những hạn chế, bất cập; những khó khăn, vướng mắc để từ đó xác định phương hướng cơ bản của việc hoàn thiện, đề xuất nhóm giải pháp, kiến nghị góp phần hoàn thiện pháp luật và bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH của các TCTD.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là:

- Cơ sở lý luận ghi nhận nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong hoạt động của các TCTD ở Việt Nam cũng như trên thế giới.

- Các quy định của pháp luật Việt Nam và một số nước trên thế giới về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH.

- Thực tiễn thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH của các TCTD.

- Định hướng chiến lược phát triển thị trường ngân hàng theo hướng minh bạch, hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế của Nhà nước.

Phạm vi nghiên cứu

Bí mật thông tin trong lĩnh vực ngân hàng bao gồm bí mật quốc gia trong ngành ngân hàng, bí mật kinh doanh ngân hàng, bí mật thông tin liên quan đến khách hàng. Trong khuôn khổ luận án này, tác giả tập trung nghiên cứu quy định pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin của khách hàng trong HĐNH của TCTD.

Khái niệm HĐNH trong luận án được sử dụng đồng nghĩa với quy định của Luật các TCTD năm 2010, nghĩa là, luận án nghiên cứu hoạt động bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong các hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng và cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản của các TCTD. Đồng thời, tác giả của luận án chỉ nghiên cứu pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng của các ngân hàng thương mại Việt Nam mà không nghiên cứu pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng của các TCTD khác như ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác xã, TCTD phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân.

Những vấn đề liên quan đến hợp tác quốc tế trong ngăn chặn rửa tiền, trốn thuế, tài trợ khủng bố cũng sẽ được xem xét/ đề cập trong luận án này. Tuy nhiên, phạm vi nghiên cứu của luận án chỉ giới hạn trong việc xem xét các tác động của vấn đề trên đối với nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng. Luận án sẽ không đề cập đến các vấn đề tài chính, kinh tế liên quan đến các vấn đề trên.

4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Ý nghĩa khoa học:

Luận án là công trình nghiên cứu chuyên sâu các vấn đề lý luận của pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong HĐNH. Điều này thể hiện trên các khía cạnh:

- Phân tích và làm rõ cơ sở hình thành, bản chất, phạm vi, nguyên tắc, các giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của TCTD. Kết quả nghiên cứu này tạo lập cơ sở khoa học cho việc xác định nội dung cần thiết phải điều chỉnh bằng pháp luật đối với nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng để làm giảm thiểu tình trạng lạm dụng các giới hạn này để tiết lộ/ cung cấp hoặc không làm hết/ làm tốt nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong hoạt động kinh doanh của TCTD.

- Chỉ ra được sự cần thiết phải bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH của TCTD. Các nghiên cứu này giúp củng cố và làm rõ hơn những luận điểm, các kết luận khoa học được đề cập và làm rõ trong luận án.

- Phân tích, so sánh, đánh giá những quy định pháp luật liên quan đến giới hạn của nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong HĐNH ở Việt Nam với một số nước trên thế giới, từ đó làm rõ được điểm tương đồng, khác biệt và nguyên nhân của những điểm tương đồng và khác biệt. Kết quả nghiên cứu so sánh đó sẽ giúp hiểu rõ hơn về cơ chế điều chỉnh pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng của TCTD trong pháp luật các nước.

- Đánh giá thực trạng thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH ở Việt Nam, để từ đó có những kiến nghị cho việc hoàn thiện các quy định pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng thông qua các luận cứ khoa học. Đề xuất các giải pháp bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH ở Việt Nam từ những bất cập, hạn chế được chỉ ra khi nghiên cứu thực trạng thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH của TCTD ở Việt Nam.

Ý nghĩa thực tiễn:

Kết quả nghiên cứu của đề tài có ý nghĩa cho các nhà làm luật tham khảo trong việc hoàn thiện pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH ở Việt Nam. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng đóng góp các ý kiến để các TCTD và các chủ thể liên quan nâng cao ý thức và trách nhiệm trong việc thực thi pháp luật bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH ở Việt Nam.

5. Những điểm mới của luận án

Tiếp thu kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học đi trước, đề tài đã nghiên cứu, phân tích và có một số điểm mới cơ bản như sau:

Thứ nhất, luận án là công trình đầu tiên ở Việt Nam nghiên cứu một cách hệ thống

dưới góc độ lý luận về pháp luật bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH.

Thứ hai, luận án đã phân tích, làm sáng tỏ cơ sở hình thành, phát sinh và bản chất của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng; phân tích phạm vi, nguyên tắc, giới hạn nghĩa vụ bảo mật; làm rõ nội hàm khái niệm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trên các khía cạnh: chủ thể thực thi, phương thức thực thi, các biện pháp thúc đẩy việc thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH của TCTD.

Thứ ba, bằng phương pháp phân tích và phương pháp tổng hợp tài liệu, phương pháp phân tích luật viết, đặc biệt là phương pháp Luật học so sánh, luận án đã phác họa được hiện trạng pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH ở Việt Nam.

Thứ tư, thông qua việc hệ thống hóa, phân tích, so sánh pháp luật thực định về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH ở Việt Nam trong mối tương quan với pháp luật của một số nước trên thế giới được tác giả lựa chọn nghiên cứu, luận án đã chỉ ra những thành công, bất cập của hệ thống pháp luật ngân hàng hiện hành. Đồng thời, luận án đã cố gắng làm sáng tỏ các vấn đề phát sinh từ thực tiễn diễn biến của việc bảo mật thông tin khách hàng trong thời gian qua. Từ đó, chỉ ra các phương hướng, đề xuất nhóm giải pháp góp phần hoàn thiện những quy định pháp luật về giới hạn nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng và bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH của các TCTD ở Việt Nam.

6. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận, phụ lục và tài liệu tham khảo, nội dung của luận án được trình bày thành 4 chương riêng biệt, cụ thể dưới đây:

Chương 1. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu

Chương 2. Lý luận về nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng

Chương 3. Giới hạn của nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng

Chương 4. Bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng ở Việt Nam

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan về tình hình nghiên cứu

Bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH của TCTD là nghĩa vụ được hình thành cùng với sự ra đời của HĐNH. Những biến động về chính trị, kinh tế, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và truyền thông, kỷ nguyên số hóa đã tạo cơ sở cho sự ra đời của nguyên tắc, quy định pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng nhằm đảm bảo hài hòa hơn, phù hợp hơn với xu thế phát triển của thời đại. Đi liền với quá trình đổi mới, bổ sung các quy định pháp luật để điều chỉnh hoạt động này là sự trăn trở đầy trách nhiệm của giới khoa học với nhiều công trình khoa học đã được công bố. Trong đó, có khá nhiều công trình nghiên cứu về sự ra đời của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng, về xu thế phát triển các quy định pháp luật về bảo mật thông tin ngân hàng, về việc mở rộng các giới hạn của nghĩa vụ này, yêu cầu TCTD phải tiết lộ bí mật thông tin khách hàng trước sức ép của các tổ chức quốc tế, chính phủ nước ngoài; đến những nghiên cứu nhằm ngăn chặn sự lạm dụng bí mật ngân hàng làm ảnh hưởng đến lợi ích của khách hàng và lợi ích của quốc gia. Đó là một sự thuận lợi đối với tác giả. Việc nghiên cứu các công trình khoa học có liên quan mật thiết đến đề tài luận án có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Bởi, đó là tiền đề cho quá trình thực hiện luận án, là cơ sở để đánh giá, tìm hiểu những vấn đề lý luận và thực tiễn đã được nghiên cứu, những vấn đề còn bỏ ngỏ, là gợi mở có tính định hướng cho những vấn đề cần nghiên cứu tiếp theo mà luận án cần tập trung giải quyết. Trong quá trình nghiên cứu, tác giả thấy có một số công trình nghiên cứu nổi bật, liên quan mật thiết đến đề tài luận án mà tác giả sẽ trình bày dưới đây.

1.1.1. Công trình nghiên cứu liên quan đến lý luận về nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng

Nghiên cứu, tìm hiểu quy định pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng không thể không tìm hiểu nguồn gốc ra đời của nghĩa vụ này. Bởi muốn xóa bỏ, hạn chế hay thúc đẩy việc bảo mật thông tin khách hàng thì phải tìm hiểu nguyên nhân xuất hiện của nó, từ đó có định hướng giải quyết phù hợp. Đề cập đến nguồn gốc của quy định này, có các công trình nghiên cứu được công bố thời gian qua mà tiêu biểu là các công trình sau:

(1) *Swiss Banking Secrecy: Origins, Significance, Myth* (tạm dịch sang tiếng Việt là *Bí mật ngân hàng Thụy Sĩ: nguồn gốc, ý nghĩa, quan điểm*) của Robert U. Vogler

(2006). Công trình nghiên cứu này của Robert U. Vogler đã luận giải được một số vấn đề sau: i) Các quá trình chính trị liên quan, động cơ của việc hợp thức hóa bí mật ngân hàng Thụy Sĩ. ii) Chứng minh sự thành công của Thụy Sĩ như một trung tâm tài chính không phải chỉ bởi các quy định về bí mật ngân hàng mà chính sự ổn định về chính trị và kinh tế, chính sách tiền tệ và mức độ an toàn về mặt pháp lý cao nhất mới là chìa khóa để dẫn đến sự thành công của trung tâm tài chính này. iii) Khẳng định pháp luật bảo mật ngân hàng của Thụy Sĩ được ban hành không phải để bảo vệ các hoạt động bất hợp pháp; trái lại, nó được ban hành để bảo vệ sự Tự do cá nhân. Nghiên cứu trên chỉ mới dừng lại ở việc cung cấp một cái nhìn tổng quan về các quá trình và sự kiện có liên quan, động cơ của việc hợp thức hóa bí mật ngân hàng Thụy Sĩ theo tiến trình lịch sử từ trước chiến tranh thế giới thứ 2 đến cuối năm 1999 và như tác giả cuốn sách đã khẳng định: “*Mục đích chính của cuốn sách là cung cấp những vấn đề chính liên quan đến việc hình thành quy định bí mật ngân hàng và truyền đạt những điều này một cách dễ hiểu cho người đọc nói chung*” mà chưa có những luận giải về bản chất, giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng... Tuy nhiên, những kết quả nghiên cứu của cuốn sách này cũng đã cung cấp những luận cứ khoa học được tác giả luận án tham khảo trong việc lý giải cơ sở hình thành, nguyên tắc bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH được đề cập trong chương 2 của Luận án.

(2) *The Future of Financial Privacy: Private choices versus political rules* (tạm dịch sang tiếng Việt là *Tương lai của bảo mật tài chính: Sự lựa chọn riêng so với các quy tắc chính trị*) là cuốn sách do nhiều chuyên gia pháp lý, kinh tế của Mỹ và châu Âu viết, được xuất bản vào năm 2000. Nhóm tác giả đã cố gắng trả lời những câu hỏi liên quan đến tương lai của bảo mật tài chính, đồng thời phân tích, làm sáng tỏ những những vấn đề phức tạp xung quanh nội dung này. Cuốn sách gồm 13 chương, mỗi chương do những tác giả khác nhau viết và đề cập về những nội dung khác nhau liên quan đến bảo mật tài chính. Trong các chương này, tác giả luận án quan tâm nhiều đến chương 12 - *Swiss Views on Financial Privacy*, trang 204 - 221. Trong bài viết, nhóm tác giả đã khẳng định và chứng minh một cách khái quát rằng: quy định về bí mật ngân hàng của Thụy Sĩ là để bảo vệ sự riêng tư tài chính của khách hàng, chứng minh các quy định về bảo mật thông tin khách hàng ở Thụy Sĩ là xuất phát từ truyền thống văn hóa. Bên cạnh đó, bài viết cũng đề cập đến các thách thức mà Thụy Sĩ phải giải quyết. Dù vậy, những kết quả

nghiên cứu của bài viết đã cung cấp những luận cứ và lập luận khoa học để tác giả luận án phân tích, tìm hiểu cơ sở lý luận của việc hình thành nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong chương 2 và tham khảo khi nghiên cứu chương 3 của luận án.

(3) *Privacy as a Base for confidentiality* (tạm dịch sang tiếng Việt là *Quyền riêng tư như là một cơ sở để giữ bí mật*) của Sabh Al-Fedaghi (2012), trong tạp chí điện tử Social & Political Philosophy eJournal. Nội dung bài viết: i) Phân tích sự khác nhau giữa khái niệm bí mật (secrecy) và bảo mật (confidentiality), từ đó xác định phạm vi thông tin cá nhân thuộc và không thuộc về bí mật riêng tư cá nhân. ii) Phân tích một số tình huống thực tế để xác định thông tin sẽ áp dụng giữ bí mật riêng tư hay bảo mật. iii) Khuyến nghị vận dụng khái niệm bí mật, bảo mật trong việc công bố các thông tin cá nhân trong lĩnh vực đạo đức, luật và khoa học máy tính. Bài viết được tác giả luận án chặt lọc và xác định chính xác thuật ngữ được sử dụng trong luận án, phạm vi thông tin cá nhân mà TCTD có nghĩa vụ bảo mật trong chương 2 của luận án.

(4) Luận án *The Banker Customer Confidential Relationship* (tạm dịch sang tiếng Việt là *Mối quan hệ bí mật của khách hàng ngân hàng*) - Luận án tiến sĩ Luật của Ameera Alqayem - Trường Đại học Brunel (2014). Luận án nghiên cứu thực trạng bí mật ngân hàng tại Bahrain nhằm tìm ra khả năng cải tiến lĩnh vực ngân hàng ở Bahrain, để đất nước này có thể thành công trong việc trở thành trung tâm tài chính của Trung Đông. Luận án đã đề cập đến các vấn đề sau:

Một là, xem xét lý thuyết về bảo mật từ các quan điểm: bảo mật của luật sư và khách hàng, bí mật trọng tài, bảo mật của chính phủ, bí mật kinh doanh, bảo mật y tế, và bảo mật thông tin cá nhân; lý giải sự hình thành của nghĩa vụ bảo mật thông tin ngân hàng (từ nguyên tắc danh dự, nghĩa vụ nghề nghiệp thành nghĩa vụ pháp lý).

Hai là, phân tích phạm vi bảo mật ngân hàng, so sánh loại thông tin cần được bảo mật theo luật pháp của Bahrain và Anh. Từ đó đánh giá các quy định về giới hạn của nghĩa vụ bảo mật ngân hàng tại Bahrain thông qua việc so sánh, phân tích các ngoại lệ trong án lệ Tournier.

Ba là, phân tích mối quan hệ giữa bảo mật ngân hàng và chống rửa tiền, từ đó đưa ra những khuyến nghị sửa đổi luật pháp của Bahrain.

Xuất phát từ việc xác định mục đích, phạm vi và nội dung nghiên cứu của đề tài là tập trung vào nghiên cứu thực trạng bí mật ngân hàng tại Bahrain, từ đó tìm ra khả

năng cải tiến lĩnh vực ngân hàng ở Bahrain, để đất nước này có thể thành công trong việc trở thành trung tâm tài chính của Trung Đông. Do vậy, đề tài không đi sâu nghiên cứu về cơ chế bảo đảm quyền được bảo mật thông tin của khách hàng. Tuy nhiên, các kết quả nghiên cứu trên cũng được tác giả luận án tham khảo khi phân tích cơ sở lý luận của nghĩa vụ bảo mật, giới hạn bảo mật thông tin khách hàng tại chương 2 và 3 của luận án.

(5) *Nghĩa vụ giữ bí mật thông tin khách hàng của các tổ chức tín dụng* của Nguyễn Thanh Tú (2004), Tạp chí Khoa học pháp lý (1). Bài viết đề cập một cách khái quát về cơ sở pháp lý của nghĩa vụ, phạm vi, các trường hợp ngoại lệ được phép cung cấp thông tin của khách hàng và một số đề xuất liên quan đến việc hoàn thiện các quy định pháp luật về nghĩa vụ giữ bí mật thông tin khách hàng của TCTD ở Việt Nam. Nội dung bài viết trên có liên quan đến phạm vi nghiên cứu của luận án. Kết quả bài viết đã gợi mở nhiều vấn đề liên quan đến pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng của các TCTD ở Việt Nam được tác giả luận án tiếp thu và nghiên cứu trong luận án của mình.

1.1.2. Công trình nghiên cứu liên quan đến phạm vi, giới hạn của nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng

Thừa nhận bảo đảm bí mật thông tin khách hàng không phải là nghĩa vụ tuyệt đối, nghĩa vụ này sẽ bị giới hạn trong những trường hợp nhất định. Liên quan đến nội dung này, có thể kể đến các công trình nghiên cứu sau:

(1) *Recent Developments - Banking Secrecy Today* (tạm dịch sang tiếng Việt là *Sự phát triển gần đây - Nghĩa vụ bảo mật của ngân hàng hiện tại*) của Werner De Capitani (1998), trong tạp chí *Journal of International Law*, Vol 10, Article 2. Trong bài viết, tác giả đã: i) Lý giải lý do của việc quy định chế tài hình sự liên quan đến nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong luật pháp của Thụy Sĩ. ii) Phân tích giới hạn của nghĩa vụ bảo mật liên quan đến yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự, các điều kiện để được trợ giúp pháp lý từ Thụy Sĩ, một số ngoại lệ nhất định không được trợ giúp pháp lý (liên quan đến quan điểm về hành vi trốn thuế và gian lận thuế). iii) Khẳng định tầm quan trọng của nghĩa vụ bảo mật và đưa ra khuyến nghị cần rà soát lại quy định pháp luật để tuân thủ yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng mà không đánh đổi quyền riêng tư của họ. Nội dung của bài viết đã cung cấp những luận giải liên quan đến quy định về bảo mật thông tin khách hàng, các ngoại lệ của nghĩa vụ này. Mối quan hệ giữa nghĩa vụ bảo mật và nghĩa vụ cung cấp thông tin của khách hàng. Song, bài viết cũng chỉ mới

dừng lại ở việc nêu lên sự cần thiết phải cân bằng giữa bảo mật và cung cấp thông tin của khách hàng mà chưa nêu được những định hướng, những giải pháp cần thiết để đảm bảo sự cân bằng ấy. Kết quả nghiên cứu của bài viết đã “soi sáng” cho tác giả luận án khi tìm hiểu cơ sở lý luận về giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH tại chương 3 của luận án.

(2)- *The Limits of Swiss Banking Secrecy under Domestic and International Law* (tạm dịch sang tiếng Việt là *Những giới hạn của nghĩa vụ bảo mật ngân hàng Thụy Sĩ theo luật pháp quốc gia và quốc tế*) của Maurice Aubert (1984), trong tạp chí Berkeley Journal of International Law, Volume 21, Article 2. Nội dung bài viết đề cập đến những vấn đề sau: i) Làm rõ cơ sở pháp lý và phạm vi của bí mật ngân hàng. ii) Phân tích giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật Thụy Sĩ. Theo tác giả bài viết, bảo mật ngân hàng Thụy Sĩ không phải là quyền tuyệt đối của khách hàng. Bí mật này có thể bị can thiệp bởi các quy định pháp luật khác như thừa kế, đòi nợ và phá sản, khiếu nại về thuế và thủ tục tố tụng. iii) Phân tích, bình luận về các sửa đổi trong quy định pháp luật quốc gia liên quan đến bí mật ngân hàng trong những năm gần đây, phân tích các trường hợp cung cấp và điều kiện để cung cấp thông tin khách hàng liên quan trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự theo pháp luật quốc gia, theo công ước quốc tế, giải quyết xung đột pháp luật liên quan đến vi phạm các quy định về giao dịch nội gián của pháp luật nước ngoài, tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, phá sản ở nước ngoài, trao đổi thông tin theo Hiệp định về tránh đánh thuế hai lần... Từ những phân tích của mình, tác giả khẳng định không nên hiểu những sửa đổi đó như là một xu hướng loại bỏ nghĩa vụ này, mà khẳng định Thụy Sĩ cần sửa đổi các quy định pháp luật có liên quan để duy trì một cách tốt nhất nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng.

- *Swiss Bank Secrecy: Its Limits Under Swiss and International Laws* (tạm dịch sang tiếng Việt là *Bí mật ngân hàng Thụy Sĩ: giới hạn của nó theo pháp luật Thụy Sĩ và luật pháp quốc tế*) của Olivier Dunant và Michele Wassmer (1988), trong tạp chí Case Western Reserve Journal of International Law, Vol 20, Issue 2. Bài viết phân tích cơ sở pháp lý và phạm vi của bí mật ngân hàng để lý giải nguyên nhân ngày càng có nhiều người nước ngoài gửi tài sản vào ngân hàng Thụy Sĩ; giới hạn của nghĩa vụ bảo mật ngân hàng trong pháp luật quốc gia; đánh giá việc Thụy Sĩ ký kết các hiệp định song phương, đa phương và nội luật hóa các cam kết về tương trợ tư pháp, hạn chế việc áp dụng bí mật

ngân hàng trong một số trường hợp với mục đích làm hài lòng các nước có liên quan, về lâu dài sẽ làm ảnh hưởng đến nguyên tắc bảo mật thông tin khách hàng và không gian riêng tư của cá nhân và pháp nhân.

Với khuôn khổ là các bài báo, các nghiên cứu (2) và (3) trên mới dừng lại ở việc xác định giới hạn, các ngoại lệ của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng, xác định những xung đột về quyền được bảo mật thông tin khách hàng với nghĩa vụ cung cấp thông tin khách hàng trong quan hệ quốc tế mà chưa đánh giá những quy định như vậy liệu sẽ tác động như thế nào đến tổ chức HĐNH, đến khách hàng của họ. Dù vậy, đây một trong những nội dung mà tác giả luận án đang thực hiện. Do đó, các kết quả từ công trình nghiên cứu (2), (3) trên được tác giả luận án tham khảo khi phân tích giới hạn nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong chương 3 của luận án.

(3) *Bank Secrecy: a Look at Modern Trends from a Theoretical Standpoint* (tạm dịch sang tiếng Việt là *Bí mật ngân hàng: từ quan điểm lý thuyết nhìn về các khuynh hướng hiện đại*) của Alexander Vishnevskiy (2015), trong tạp chí *Pravo. Zhurnal Vysshey Shkoly Ekonomiki*, No 4, trang 140 - 146. Xuất phát từ bối cảnh nghiên cứu là hiện có quá nhiều cơ quan có thẩm quyền có thể truy cập vào các thông tin khách hàng. Đồng thời, các ngân hàng phải thông báo cho cơ quan chức năng về các giao dịch của khách hàng, ngay cả không có bất kỳ yêu cầu nào. Điều này sẽ dẫn đến “cái chết” của bí mật ngân hàng. Tác giả phân tích quy định pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng của Nga, Anh, Thụy Sĩ và một số nước EU từ cách tiếp cận thực chứng⁴ (quy định pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng xuất phát từ luật tư - một loại nghĩa vụ hợp đồng, một bộ phận của quyền riêng tư cá nhân) với những quy định của luật công (bảo vệ lợi ích công cộng). Mỗi quan hệ giữa luật tư và luật công đôi khi có những bất đồng (những phát triển mới trong việc mở rộng thẩm quyền tiếp cận thông tin khách hàng của ngân hàng có thể ảnh hưởng đến quyền riêng tư của khách hàng) nhưng không thể lấy sự bất

⁴ Theo quan điểm của trường phái pháp luật thực chứng, pháp luật là sản phẩm sáng tạo của con người. Giữa pháp luật và lẽ công bằng (công lý) hoặc đạo đức không nhất thiết phải có mối quan hệ nội tại với nhau theo kiểu cái này quyết định cái kia. Trong những trường hợp nhất định, pháp luật có thể là hiện thân của công lý, phù hợp với các nguyên tắc đạo đức, nhưng sự bất đồng giữa pháp luật và đạo đức trong nhiều trường hợp không đương nhiên làm cho pháp luật không còn giá trị áp dụng. Nói cách khác, pháp luật chỉ đơn thuần là những quy tắc xử sự có giá trị ràng buộc do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc thừa nhận. Không thể lấy sự bất công của pháp luật làm cơ sở để kết luận rằng pháp luật đó đã mất giá trị hiệu lực áp dụng. Dẫn lại của Nguyễn Văn Cường, *Quan niệm về pháp luật và hệ thống pháp luật ở phương Tây* <<http://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/ngghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=1549>>, truy cập ngày 30/3/2016

công của pháp luật làm cơ sở để kết luận rằng pháp luật đó đã mất hiệu lực áp dụng, mà cần có một cách tiếp cận bao quát hơn để tìm ra giải pháp nhằm cân bằng lợi ích riêng tư, cá nhân và lợi ích công cộng. Thông qua bài viết, tác giả luận án đã xác định được phạm vi, bản chất và giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng theo luật pháp của Anh, Thụy Sĩ của một số nước EU. Đây là những thông tin bổ ích giúp tác giả luận án so sánh và đánh giá một cách tổng thể về phạm vi, giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin theo hệ thống pháp luật khác nhau trên thế giới được đề cập trong chương 3 của luận án.

(4) *Can Banks Still Keep a Secret? Bank secrecy in Financial Centres around the World* (tạm dịch sang tiếng Việt là *Ngân hàng vẫn có thể giữ bí mật? Bảo mật ngân hàng tại các Trung tâm Tài chính trên thế giới*) của Sandra Booyesen, Dora Neo (2017). Đây là cuốn sách do nhiều chuyên gia pháp lý viết. Cuốn sách gồm hai phần: i) Nội dung bí mật ngân hàng; ii) Bí mật ngân hàng của các trung tâm tài chính trên thế giới như Anh, Nhật, Thụy Sĩ, Singapore.... Trong bài viết của mình, các tác giả đã phân tích những vấn đề liên quan đến bí mật ngân hàng, bảo vệ dữ liệu, các xung đột pháp luật liên quan đến xu hướng quốc tế về thúc đẩy công bố thông tin khách hàng để chống trốn thuế, rửa tiền và tài trợ khủng bố. Những kết quả nghiên cứu trong các bài viết trên đã cung cấp những luận cứ và lập luận khoa học để tác giả luận án phân tích, so sánh các giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong chương 3 của luận án.

(5) *Report on Banking Secrecy* (tạm dịch sang tiếng Việt là *Báo cáo về bảo mật ngân hàng*) của Anti-Fraud and Anti-Money Laundering Committee & Fiscal Committee (2004). Bài báo cáo tóm tắt quy định pháp luật về bí mật ngân hàng của một số quốc gia chủ yếu ở châu Âu. Bên cạnh đó, báo cáo còn lập một phụ lục so sánh các trường hợp giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin ngân hàng ở các quốc gia được liệt kê theo các tiêu chí là ngân hàng phải cung cấp thông tin khách hàng cho các cơ quan giám sát ngân hàng, cơ quan quản lý nhà nước khác, cơ quan tư pháp, từ đó xác định mức độ cung cấp thông tin khách hàng cho cơ quan thuế của các quốc gia này. Những thông tin trong báo cáo này giúp tác giả luận án hình dung một cách khái quát nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của một số nước trên thế giới. Kết quả của công trình nghiên cứu này được tác giả luận án tham khảo để so sánh, đánh giá một số quy định về bảo mật thông tin khách hàng tại chương 3,4 của luận án.

(6) *Survey On Banking Secrecy Regimes In The Euro Area* (tạm dịch sang tiếng Việt là *Khảo sát các quy định về nghĩa vụ bảo mật ngân hàng*) của European Financial market lawyer Group (2014). Xuất phát từ hiện trạng luật pháp của các quốc gia châu Âu có sự khác nhau làm ảnh hưởng đến yêu cầu chia sẻ thông tin liên quan đến báo cáo các giao dịch đáng ngờ. Báo cáo cung cấp một bảng khảo sát theo các tiêu chí: cơ sở pháp lý của nghĩa vụ, giới hạn và các chế tài khi vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của các nước được khảo sát. Từ đó, xác định giải pháp bảo đảm hài hòa giữa việc chia sẻ thông tin và báo cáo các giao dịch đáng ngờ ở các nước này. Đây là những thông tin hữu ích, giúp tác giả luận án trong việc so sánh, phân tích các quy định liên quan đến giới hạn, chế tài của nghĩa vụ bảo mật thông tin trong chương 3, 4 của luận án.

(7) *Một số vấn đề về nguyên tắc bảo mật thông tin trong lĩnh vực ngân hàng và cuộc đấu tranh chống tội phạm rửa tiền* của Nguyễn Ngọc Minh (2011), Tạp chí Ngân hàng (10). Bài viết khái quát nguồn gốc, ngoại lệ của nguyên tắc bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH; khẳng định pháp luật Việt Nam cũng đã có các quy định tạo cơ sở pháp lý trong cuộc đấu tranh chống rửa tiền đối với các tổ chức tài chính, từ đó phân tích những khó khăn và thách thức trong thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền song song với việc tôn trọng và bảo đảm bí mật thông tin khách hàng. Dù vậy, đây cũng là những thông tin mà tác giả luận án cần tham khảo thêm khi nghiên cứu về giới hạn của nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng tại chương 3 của luận án.

(8) *Nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng theo quy định pháp luật một số nước trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam* của Nguyễn Thị Kim Thoa (2016), Tạp chí Khoa học pháp lý (7). Bài viết phân tích bản chất, các trường hợp ngoại lệ, hậu quả pháp lý khi vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng. Phân tích, so sánh, đánh giá quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng với pháp luật một số nước trên thế giới; gợi mở một số giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật, bảo đảm sự cân bằng hài hòa giữa lợi ích của khách hàng, của TCTD và nhà nước. Điều này có nghĩa là nội dung bài viết có liên quan đến đối tượng nghiên cứu của luận án. Tuy nhiên, bài viết trên chỉ phân tích một số khía cạnh liên quan đến nghĩa vụ bảo mật mà chưa đánh giá một cách có hệ thống, toàn diện pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng dưới góc độ lý luận và thực tiễn. Dẫu vậy, kết quả của bài viết có giá trị

tham khảo bổ ích được tác giả luận án kế thừa, vận dụng khi nghiên cứu các nội dung tại chương 2,3,4 của luận án.

1.1.3. Các công trình nghiên cứu liên quan đến việc bảo vệ quyền lợi của khách hàng khi ngân hàng cung cấp thông tin khách hàng cho chủ thể thứ ba

(1) *The Bank's Duty of Confidentiality, Disclosure Versus Credit Reference Agencies; Further Steps for Consumer Protection: "Approval Model"* (tạm dịch sang tiếng Việt là *Nghĩa vụ bảo mật, tiết lộ cho các Cơ quan Tham khảo tín dụng Ngân hàng; các bước tiếp theo để bảo vệ người tiêu dùng: "Mô hình phê duyệt"*) của Samahir Abdulah (2013), trong tạp chí *European Journal of Current Legal Issues*, Vol 19, No 4. Bài viết đề cập đến sự cần thiết phải được sự đồng ý của khách hàng trong việc chuyển thông tin của khách hàng cho bên thứ ba khi pháp luật thiếu thống nhất hoặc thủ tục pháp lý không hài hòa. Đồng thời bài viết nhấn mạnh việc chuyển dữ liệu của khách hàng cần phải tuân thủ các điều kiện nhất định. Do đó, cần có một mô hình đã được phê duyệt để điều chỉnh và làm rõ các nguyên tắc, điều kiện trao đổi dữ liệu khách hàng. Các kết quả nghiên cứu từ các công trình trên là những thông tin rất bổ ích được tác giả luận án tham khảo khi nghiên cứu nội dung liên quan đến việc bảo vệ quyền được bảo mật thông tin của khách hàng khi TCTD cung cấp thông tin cho các cơ quan tham khảo tín dụng tại chương 3 và đề xuất những giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về trình tự cung cấp thông tin khách hàng của các TCTD ở Việt Nam tại chương 4 của luận án.

(2) *Banker's Reference and the Bank's Duty of Confidentiality under Common Law Reappraised* (tạm dịch sang tiếng Việt là *Tham khảo của Ngân hàng và nghĩa vụ bảo mật Ngân hàng dưới sự đánh giá lại của thông luật*) của Rumana Islam (2016), trong tạp chí *Jahangirnagar University Journal of Law*, Vol. 4. Mối quan hệ giữa ngân hàng và khách hàng được điều chỉnh bởi nhiều nguồn khác nhau bao gồm: hợp đồng giữa các bên, pháp luật, thông lệ ngân hàng có liên quan và các nguyên tắc của thông luật. Cơ sở của mối quan hệ đó cho thấy, trong mọi trường hợp ngân hàng phải giữ bí mật tất cả thông tin thu thập từ khách hàng, trừ những giới hạn được luật định. Bên cạnh đó, thông lệ ngân hàng cũng được yêu cầu cung cấp một số thông tin nhất định liên quan đến tài khoản của khách hàng cho bên thứ ba. Ví dụ: khi yêu cầu cung cấp thông tin tham khảo ngân hàng để tìm hiểu mức độ tin cậy của khách hàng. Dựa trên các căn cứ pháp lý ấy, bài viết xem xét hiện trạng của thông luật về nghĩa vụ bảo mật của ngân hàng và các ảnh

hưởng tiêu cực của việc cung cấp thông tin khách hàng nhằm phục vụ cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Bài viết phân tích mối quan hệ giữa ngân hàng và khách hàng; làm rõ bản chất của nghĩa vụ bảo mật ngân hàng; phân tích các tình huống phát sinh trong việc cung cấp thông tin khách hàng cho bên thứ ba khi chưa có sự đồng ý của khách hàng (ngụ ý hay rõ ràng), cung cấp thông tin khách hàng không chính xác hoặc sai lệch; phân tích trách nhiệm của ngân hàng trong những trường hợp ấy thông qua việc phân tích các tình huống trong án lệ Tournier; từ đó chứng minh sự không hợp lý trong các phán quyết của Án lệ ấy nếu áp dụng trong bối cảnh hiện tại; đề xuất giải pháp sửa đổi quy định của pháp luật hiện hành và thủ tục để ngân hàng có thể cung cấp thông tin tham khảo tín dụng mà không ảnh hưởng đến quyền lợi của khách hàng. Các kết quả nghiên cứu từ công trình trên là những thông tin rất bổ ích được tác giả luận án tham khảo khi nghiên cứu nội dung liên quan tại chương 3,4 của luận án.

(3) *The Banker's Duty of Confidentiality: Dead or Alive?* (tạm dịch sang tiếng Việt là *Nghĩa vụ bảo mật ngân hàng: Chết hay sống?*) của Tara Walsh (2010), trong tạp chí *Edinburgh Student Law Review* (2010) - Vol I. Cùng quan điểm về bảo mật thông tin khách hàng không phải là nghĩa vụ tuyệt đối như tác giả Samahir Abdulah (1), Rumana Islam (2), Tara Walsh cũng khẳng định bí mật thông tin khách hàng có thể bị can thiệp liên quan đến hành vi rửa tiền. Thông qua việc xem xét trường hợp ngân hàng báo cáo các giao dịch đáng ngờ trong mối tương quan với quyền riêng tư cá nhân. Tác giả đã phân tích, đánh giá mức độ cân xứng giữa yếu tố vì lợi ích công cộng với việc cung cấp bí mật thông tin khách hàng; đề xuất kiến nghị về tiêu chí đánh giá yếu tố “lợi ích công cộng”; giải pháp để ngân hàng tránh trách nhiệm pháp lý khi công bố bí mật thông tin khách hàng thông qua việc tìm kiếm một sự đồng ý của khách hàng trước khi cung cấp thông tin; đánh giá những khó khăn trong việc bảo mật thông tin khách hàng trước thách thức của hệ thống chuyển tiền điện tử, kỷ nguyên Internet và gợi mở hướng giải quyết để ngân hàng bảo vệ tốt nhất bí mật thông tin của khách hàng. Đây là những thông tin bổ ích được tác giả tham khảo khi nghiên cứu nội dung quyền và nghĩa vụ của khách hàng, của TCTD tại chương 3,4 của luận án.

(4) *The Duty of Confidentiality of Banks in Switzerland: Where It Stands and Where It goes: Recent Developments and Experience. The Swiss Assistance to, and Cooperation with The Italian Authorities in The Investigation of Corruption among Civil*

Servants in Italy (The "Clean Hands" Investigation): How Much is too much? (tạm dịch sang tiếng Việt là *Nghĩa vụ bảo mật của ngân hàng Thụy Sĩ: cơ sở lý luận và sự áp dụng của nó: những phát triển gần đây và kinh nghiệm. Sự hỗ trợ và hợp tác của Thụy Sĩ đối với các cơ quan chức năng của Italy trong việc điều tra tham nhũng của các viên chức tại Italy (sự điều tra "bàn tay sạch"...): bao nhiêu là quá nhiều?*) của nhóm tác giả Paolo S. Grassi và Daniele Calvarese (1995), trong tạp chí *Pace International Law Review* 1995, Vol. 7, trang 329-372. Nội dung bài viết gồm 2 phần: i) khẳng định các nghĩa vụ bảo mật của ngân hàng không phải là một nguyên tắc tĩnh và cứng nhắc; trái lại, nguyên tắc này phát triển là tùy thuộc các lĩnh vực như pháp luật hình sự, pháp luật thuế, sự tin tưởng, tín thác và nói chung toàn bộ cấu trúc của pháp luật dân sự. Nguyên tắc bảo mật của ngân hàng có thể được thiết kế để bảo vệ lợi ích tự nhiên, cũng như pháp lý của con người, nguyên tắc bảo vệ quyền nhân thân cũng đóng một vai trò rất quan trọng trong bảo mật ngân hàng. Vì quyền nhân thân chỉ có thể bị giới hạn bởi nhu cầu liên quan đến trật tự công cộng và nguyên tắc này có thể bị chi phối bởi pháp luật hình sự và tố tụng hình sự. Hoạt động tương trợ tư pháp cũng góp phần trong việc xác định giới hạn của nghĩa vụ bảo mật ngân hàng. ii) Đánh giá thực tiễn việc công tố viên của Ý lên án tham nhũng, thống trị chính trị ở nước này trong thời gian gần đây và ảnh hưởng của việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Ý và Thụy Sĩ đã hợp tác trong nỗ lực đưa các chính trị gia tham nhũng ra trước công lý bằng cách truy cập vào hồ sơ ngân hàng của những người có liên quan. Từ đó, kiến nghị việc truy cập hồ sơ khách hàng phải bảo đảm hài hòa giữa quyền được bảo mật thông tin khách hàng và việc thực hiện cam kết trong hoạt động tương trợ tư pháp. Nhóm tác giả cũng đã khẳng định giá trị của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của Thụy Sĩ vẫn giữ nguyên và sự tôn trọng, sức mạnh của hệ thống ngân hàng Thụy Sĩ được tăng cường. Đây là những nội dung, thông tin tham khảo rất bổ ích giúp tác giả luận án khi nghiên cứu những vấn đề liên quan đến nguyên tắc bảo mật thông tin, các giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng, thủ tục cung cấp thông tin khách hàng của ngân hàng cho chính phủ nước ngoài trong một số trường hợp; đặc biệt trong lý giải, phân tích để hoàn thiện pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng, bảo đảm hài hòa giữa lợi ích của khách hàng, lợi ích của các TCTD và lợi ích của quốc gia được đề cập trong chương 3,4 của luận án.

(5) *Confidentiality – A Dying Duty But Not Dead Yet?* (tạm dịch sang tiếng Việt là *Bảo mật thông tin khách hàng của ngân hàng – Một nghĩa vụ sắp chết nhưng liệu đã chết chưa?*) của nhóm tác giả: Gwendoline Godfrey, Danforth Newcomb, Brian Burke, George Chen, Niklas Schmidt, Eva Stadler, Dimitria Coucouni, William Johnston and Walter H Boss (2016), trong tạp chí *Business Law International*, Vol 17, No 3, trang 173-215. Kể từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, các chính trị gia ở một số khu vực pháp lý ngày càng muốn giảm mức độ bí mật ngân hàng. Trên cơ sở các đóng góp từ các thảo luận tại phiên họp chung, “Bảo mật ngân hàng và trao đổi thông tin quốc tế” tại Hội nghị thường niên International Bar Association - IBA (Hiệp hội Luật sư Quốc tế) năm 2015 tại Vienna, nhóm tác giả trên đã phân tích những điểm tương đồng và khác biệt về pháp luật của 6 nước: Anh, Hoa Kỳ, Áo, Cộng hòa Síp, Ailen và Thụy Sĩ theo các nội dung: liệu pháp luật của quốc gia này có ghi nhận nghĩa vụ bảo mật ngân hàng không?; giới hạn của nghĩa vụ; cách thức ngân hàng cung cấp thông tin khách hàng trong quá trình tố tụng tại tòa án hoặc chuyển thông tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; các trường hợp ngoại lệ khác, đặc biệt trong lĩnh vực thuế; cũng như những hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ bảo mật. Thông qua bài viết, nhóm tác giả khẳng định ngoại lệ của nghĩa vụ bảo mật ngân hàng sẽ tiếp tục mở rộng, trong nhiều trường hợp có thể làm thiệt hại đến lợi ích cá nhân và xu hướng luật pháp của các quốc gia này đều hướng tới sự cân bằng hợp lý giữa lợi ích riêng tư cá nhân và khả năng điều tra hành vi bất hợp pháp của chính phủ. Nghiên cứu trên của nhóm tác giả đã cung cấp những lập luận khoa học để tác giả luận án phân tích, tìm hiểu cơ sở lý luận của việc hình thành nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng tại chương 2, giới hạn của nghĩa vụ bảo mật tại chương 3 của luận án; đề xuất hoàn thiện pháp luật và bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng ở Việt Nam trong chương 4 của luận án.

(6) *Exchange of Tax Information: The End of Banking Secrecy in Switzerland and Singapore?* (tạm dịch sang tiếng Việt là *Trao đổi thông tin thuế: Sự kết thúc của bí mật ngân hàng ở Thụy Sĩ và Singapore?*) của Jean-Rodolphe W. Fiechter (2010), trong tạp chí *International Tax Journal* Vol. 36, No. 6. Xuất phát từ việc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) công bố một “danh sách đen” các quốc gia chưa áp dụng “tiêu chuẩn” về trao đổi thông tin. Tác giả trình bày quan điểm của mình thông qua việc kiểm tra xem liệu tuyên bố về kết thúc bí mật ngân hàng có đúng hay không? Rằng việc trao

đổi thông tin lẫn nhau có thực sự là “thần dược” chống trốn thuế không? Liệu nó có xóa bỏ được bí mật ngân hàng mà đã được Thụy Sĩ vun đắp hàng thế kỷ và sau đó là Singapore hay việc bảo vệ sự riêng tư có vai trò như thế nào trong trật tự thế giới mới? Tác giả đã chứng minh bí mật ngân hàng có lý do để sống sót, tiếp tục cung cấp nơi an toàn cho công dân của các quốc gia bị xâm phạm đến quyền riêng tư của họ. Khi các quốc gia tôn trọng quyền riêng tư và đưa ra một khung pháp lý vững chắc sẽ là những người chiến thắng, đặc biệt với cơ chế đánh giá đồng đẳng của Diễn đàn toàn cầu cấm gian lận (Cơ chế đánh giá đồng đẳng được thực hiện nhờ sự hợp tác của tất cả các bên liên quan. Hai nước sẽ đánh giá thứ ba, với sự trợ giúp của Ban thư ký OECD, nhằm đảm bảo rằng nó không chỉ đồng ý với tiêu chuẩn, mà còn thực sự tuân thủ và thực hiện nó). Nội dung bài viết cung cấp các thông tin tham khảo bổ ích được tác giả luận án sử dụng trong quá trình phân tích những vấn đề lý luận về quyền và nghĩa vụ của các TCTD trong việc bảo mật thông tin khách hàng và cung cấp thông tin cho các cơ quan có thẩm quyền theo luật định; đánh giá thực tiễn thực thi pháp luật về bảo mật và khuyến nghị hoàn thiện pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng tại chương 3, 4 của luận án.

(7) Luận án *A Comparative Study on Bank Confidentiality Law in Hong Kong and Mainland China* (tạm dịch sang tiếng Việt là *Nghiên cứu so sánh pháp luật bảo mật ngân hàng của Hồng Kông và Trung Quốc đại lục*), Luận án tiến sĩ của Jiang Yunfeng - Trường Đại học Hồng Kông (2004). Đề tài đã đề cập tới hai vấn đề sau:

Một là, phân tích nguồn gốc sự ra đời và phát triển của nguyên tắc bảo mật ngân hàng ở Hồng Kông và Trung Quốc đại lục.

Hai là, phân tích những khác biệt và tương đồng trong hai hệ thống pháp luật về ba lĩnh vực “*đặc biệt gai góc nhưng thú vị*”, đó là: giới hạn cung cấp thông tin khách hàng cho cơ quan tham khảo tín dụng; rửa tiền, báo cáo các giao dịch đáng ngờ và chuyển dữ liệu của khách hàng xuyên quốc gia - cho cơ quan tòa án của nước ngoài trong một số trường hợp nhất định. Từ đó, đánh giá tính hiệu quả trong việc bảo đảm bí mật thông tin khách hàng ở mỗi hệ thống pháp luật; đề xuất cải thiện các quy định có liên quan trong mỗi hệ thống pháp luật.

Luận án của Jiang Yunfeng đã đề cập khá bao quát trường hợp ngân hàng phải công bố thông tin khách hàng trong sự so sánh hiệu quả của các quy định pháp luật về bảo mật ngân hàng ở Hồng Kông và Trung Quốc đại lục mà chưa đi sâu phân tích mỗi

quan hệ giữa quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong việc bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH. Kết quả nghiên cứu của luận án trên được tác giả luận án tham khảo khi kiến nghị hoàn thiện khung khổ pháp lý bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH liên quan đến phạm vi thông tin khách hàng được yêu cầu cung cấp; thủ tục cung cấp thông tin khách hàng cho các cơ quan tham khảo tín dụng; chế độ báo cáo các giao dịch đáng ngờ; thủ tục cung cấp thông tin khách hàng nhằm trợ giúp pháp lý cho tòa án nước ngoài trong những tình huống nhất định tại chương 3, 4 của luận án.

(8) *Chính sách an toàn bảo mật cho hoạt động cung ứng dịch vụ tài chính của tổ chức tín dụng* của Nguyễn Thị Hương Thanh (2016), Tạp chí Ngân hàng (21). Bài viết đề cập đến khung pháp lý nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin của khách hàng trong hoạt động cung ứng dịch vụ tài chính trước các rủi ro về mạng, về công nghệ thông tin và khẳng định sự cần thiết thiết lập chương trình giáo dục tài chính một cách hệ thống đến người dân, chi tiết hóa các quy định chế tài xử phạt cùng một cơ chế báo cáo kết quả giám sát HĐNH một cách sát sao từ NHNN sẽ nâng cao ý thức, trách nhiệm của các TCTD trong việc bảo mật thông tin trong hoạt động cung ứng dịch vụ tài chính của mình và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của khách hàng khi sự cố xảy ra. Bài viết mới dừng lại ở việc liệt kê các quy định pháp luật về an toàn, bảo mật thông tin khách hàng trong hoạt động cung ứng dịch vụ tài chính theo các biến động của sự phát triển công nghệ thông tin. Tuy vậy, đây cũng là những thông tin để tác giả luận án tham khảo khi nghiên cứu chương 4 của luận án.

(9) *Đảm bảo bí mật thông tin khách hàng của tổ chức hoạt động ngân hàng- nhìn từ góc độ pháp lý* của Nguyễn Thị Kim Thoa (2015), Tạp chí Ngân hàng (22). Bài viết đã phân tích một cách khái quát bản chất của nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng. Đánh giá một số hạn chế trong các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến chủ thể có nghĩa vụ bảo mật thông tin, phạm vi thông tin cần được bảo mật, chế tài đối với hành vi vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của các TCTD, đồng thời đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động bảo mật thông tin của khách hàng trong HĐNH ở Việt Nam.

(10) *Một số vấn đề pháp lý về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng* của Nguyễn Thị Kim Thoa (2017), Tạp chí Ngân hàng (7). Bài viết đã hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) điều chỉnh về nghĩa vụ bảo

đảm bí mật thông tin khách hàng trong HĐNH tại thời điểm viết. Tác giả chứng minh khuôn khổ pháp lý về bảo mật thông tin khách hàng trong lĩnh vực HĐNH không ngừng được củng cố và điều chỉnh phù hợp với thực tiễn phát triển của Việt Nam; đánh giá những kết quả đạt được, những bất cập trong các quy định pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng của TCTD; từ đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực này.

(11) *Thực thi pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng* của Nguyễn Thị Kim Thoa (2018), Tạp chí Hỗ trợ phát triển (135). Bài viết đã làm rõ khái niệm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH; các điều kiện bảo đảm thực thi pháp luật bảo mật thông tin khách hàng; đồng thời đưa ra một số kiến nghị có liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật bảo mật thông tin khách hàng của các chủ thể: TCTD, khách hàng và chủ thể thứ ba có liên quan.

(12) *Nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật bảo mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng* của Nguyễn Thị Kim Thoa (2018), Tạp chí Dân chủ và Pháp luật (www.tcdcpl.moj.gov.vn). Bài viết phân tích nội hàm của việc thực thi pháp luật bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH. Phân tích nội dung hoạt động thực thi nghĩa vụ giữ bí mật thông tin khách hàng của các chủ thể có liên quan, từ đó đưa ra một vài khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thực thi nghĩa vụ này.

(13) *Một số điểm mới về việc giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài* của Nguyễn Thị Kim Thoa (2018), Tạp chí Ngân hàng (21). Thông qua việc phân tích, làm rõ những điểm mới của Nghị định này, tác giả bài viết cho rằng Nghị định số 117/2018/NĐ-CP quy định tương đối chặt chẽ về việc giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng tại các TCTD. Hy vọng với những điểm mới được đề cập trên sẽ tạo điều kiện để TCTD thực thi hiệu quả nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng, đồng thời tạo cơ chế để khách hàng có thể bảo vệ mình khi bị tiết lộ thông tin một cách bất hợp pháp.

Nhìn chung các bài viết (10), (11), (12), (13), chỉ phân tích một cách khái quát và kiến nghị từng vấn đề có liên quan đến pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH ở Việt Nam mà chưa đánh giá một cách có hệ thống, toàn diện pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng dưới góc độ lý luận và thực tiễn. Dẫu vậy, các kết quả nghiên

cứu trên có giá trị tham khảo bổ ích được tác giả luận án kế thừa, vận dụng khi nghiên cứu các nội dung tại chương 2, 3, 4 của luận án.

Tóm lại, có thể nhận thấy, các tài liệu nghiên cứu về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH trên thế giới khá đa dạng về hình thức nghiên cứu và có nội dung phong phú. Đó là những nguồn tài liệu cung cấp kiến thức lý luận cũng như kinh nghiệm thực tiễn quan trọng để tác giả tham khảo, đối chiếu, so sánh, từ đó đề xuất nhóm giải pháp góp phần hoàn thiện khung pháp lý để TCTD thực thi nghĩa vụ của mình, tìm kiếm các biện pháp để giám sát có hiệu quả hoạt động của TCTD trong việc bảo mật thông tin khách hàng; đồng thời kiến nghị hoàn thiện pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay.

Các công trình nghiên cứu trong nước liên quan đến luận án còn rất khiêm tốn, những bài viết này thường chỉ khai thác từng khía cạnh của vấn đề, chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu chuyên sâu và đầy đủ các cơ sở lý luận và thực tiễn về vấn đề bảo đảm bí mật thông tin của khách hàng trong HĐNH của các TCTD.

1.1.4. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu

Qua tìm hiểu về tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài mà tác giả luận án tiếp cận được, xin đưa ra đánh giá bước đầu như sau:

Thứ nhất, liên quan đến lý luận về nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong HĐNH của TCTD, các công trình nghiên cứu trên đã khái quát về nguồn gốc, bản chất nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng. Cụ thể: nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH có lịch sử hình thành từ lâu đời và được ghi nhận ở nhiều nước trên thế giới. Nghĩa vụ bảo mật thông tin của khách hàng được một số nước ban hành trong quy định của luật với mục đích chủ yếu là bảo vệ quyền riêng tư về nhân thân, quyền con người. Bên cạnh đó, cũng có nhiều nước vì các lý do thực dụng hơn như thu hút tài chính từ các cá nhân, tổ chức, không chỉ trong nước mà cả ở nước ngoài; tăng cường năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực ngân hàng và hỗ trợ tăng trưởng trong lĩnh vực tài chính đã quy định nghĩa vụ này trong các luật chuyên biệt.

Thứ hai, về phạm vi, giới hạn của nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong HĐNH, các công trình nghiên cứu liên quan đã khẳng định bảo mật thông tin khách hàng là nguyên tắc mà TCTD phải triệt để tuân thủ, nhưng không phải là tuyệt đối. Việc xác định các giới hạn của nghĩa vụ này là vấn đề mà các nhà khoa học dành nhiều quan

tâm nghiên cứu. Thông qua các nghiên cứu mà tác giả luận án tiếp cận được, có thể nhận thấy, pháp luật ở các nước theo hệ thống dân luật và thông luật đều quy định những giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin của khách hàng trong HĐNH. Đồng thời, xu thế thế giới hiện nay là mở rộng hơn nữa các giới hạn của nghĩa vụ này vì mục đích ngăn chặn trốn thuế, rửa tiền, tài trợ khủng bố. Tuy nhiên, các nghiên cứu trên không liên quan đến Việt Nam. Thông qua các nghiên cứu này, tác giả luận án sẽ kế thừa, tham khảo để đưa ra các giải pháp, kiến nghị phù hợp khi nghiên cứu các giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH ở Việt Nam.

Thứ ba, liên quan đến việc bảo vệ quyền lợi của khách hàng khi ngân hàng cung cấp thông tin cho chủ thể thứ ba, một số tác giả thông qua nghiên cứu của mình khẳng định cần phải có cơ chế cung cấp thông tin khách hàng liên quan đến hoạt động tương trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý lẫn nhau trong tố tụng dân sự, phá sản ở nước ngoài, trao đổi thông tin theo Hiệp định về tránh đánh thuế hai lần nhưng phải hài hòa giữa quyền được bảo mật thông tin của khách hàng và nghĩa vụ phải cung cấp thông tin khách hàng trong luật pháp quốc gia.

Thứ tư, một số nhà khoa học khẳng định việc cung cấp thông tin cho các cơ quan tham khảo tín dụng theo thông lệ sẽ ảnh hưởng đến quyền được bảo mật thông tin khách hàng. Do đó, cần có một mô hình được phê duyệt quy định rõ nguyên tắc, điều kiện trao đổi dữ liệu khách hàng nhưng lại chưa xác định được cách thức thực hiện như thế nào.

Thứ năm, một số nghiên cứu nêu trên đã khai thác từng khía cạnh của pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH ở Việt Nam và cũng đã giải quyết được một số vấn đề về nghĩa vụ của các chủ thể liên quan trong thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng.

Từ việc đánh giá tình hình nghiên cứu ở nước ngoài cũng như ở Việt Nam cho thấy, đến thời điểm này chưa có công trình nào nghiên cứu một cách đầy đủ và chuyên sâu về pháp luật bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong HĐNH ở Việt Nam. Luận án là công trình đầu tiên nghiên cứu về vấn đề này.

1.2. Cơ sở lý thuyết của đề tài

1.2.1. Lý thuyết nghiên cứu

Để thực hiện luận án, tác giả luận án dựa trên những cơ sở lý thuyết sau đây:

i) Lý thuyết về sự can thiệp của nhà nước trong đời sống kinh tế xã hội

Giữa nhà nước và thị trường trong nền kinh tế luôn có mối quan hệ biện chứng với nhau. Giải quyết mối quan hệ tương quan này, cho đến nay có 3 lý thuyết sau:

Một là, lý thuyết về tự do kinh tế. Lý thuyết này đề cao vai trò của thị trường, ủng hộ tự do kinh tế và hạn chế đến mức thấp nhất sự can thiệp của nhà nước. Đại diện cho trường phái này là nhà kinh tế học nổi tiếng người Anh Adam Smith (1723 - 1790) với thuyết “Bàn tay vô hình”. Theo các học giả ủng hộ lý thuyết này, sự phát triển kinh tế bình thường không cần có sự can thiệp của nhà nước và nhà nước không nên can thiệp vào kinh tế. Nhà nước chỉ cần thực hiện tốt các chức năng quản lý cơ bản là xây dựng thể chế pháp luật để giữ gìn trật tự kinh tế, bảo vệ quyền sở hữu, bảo vệ an ninh và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ đất nước.⁵

Tác giả luận án vận dụng lý thuyết này để phân tích liệu bảo mật thông tin khách hàng có phải là công việc của các TCTD và khách hàng. Có phải các chủ thể này có đủ dữ liệu để tự điều chỉnh hành động của mình sao cho đạt hiệu quả nhất, do vậy không cần đến sự điều tiết của nhà nước. Những TCTD thực hiện tốt nghĩa vụ này sẽ tạo dựng được niềm tin cho khách hàng, từ đó thúc đẩy hoạt động kinh doanh và sẽ tự đứng vững, phát triển trong nền kinh tế.

Hai là, lý thuyết kinh tế có điều tiết. Đây là lý thuyết về nền kinh tế có sự can thiệp mạnh của nhà nước do J.M. Keynes (1884 - 1946) đề ra. Lý thuyết này khẳng định vai trò to lớn của nhà nước trong nền kinh tế và nhấn mạnh thị trường không thể tự khắc phục khủng hoảng kinh tế cũng như các vấn đề khác của nền kinh tế. Nhằm đảm bảo sự cân bằng của nền kinh tế và ngăn chặn các cuộc khủng hoảng thì không thể dựa vào cơ chế thị trường tự điều tiết mà cần có sự giúp sức của “bàn tay hữu hình” của nhà nước.⁶ Đồng thời, những người ủng hộ học thuyết này cũng cho rằng nhà nước cần can thiệp thích hợp, gián tiếp vào thị trường thông qua việc định ra đường lối phát triển, khung pháp luật, môi trường, thể chế cho các tổ chức, cá nhân đi đúng hướng chứ nhà nước không làm thay thị trường. Lý thuyết kinh tế có điều tiết được sử dụng để phân tích việc nhà nước Việt Nam có nên sử dụng pháp luật để can thiệp vào lĩnh vực HĐNH, bảo vệ

⁵ Nguyễn Hồng Sơn (2015), “Mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường trong một số lý thuyết về kinh tế”, Tạp chí Lý luận chính trị, số 12/2015, tr 16.

⁶ Nguyễn Hồng Sơn (2015), Tlđd, tr.19.

các thông tin mà khách hàng đã tin tưởng, tín thác cho ngân hàng, bảo vệ niềm tin của khách hàng trong HĐNH.

Ba là, lý thuyết về nền kinh tế hỗn hợp. Đây là lý thuyết ra đời từ thế kỷ XIX, được P.A. Samuelson nâng lên thành tư tưởng chủ yếu trong “kinh tế học” của mình với chủ trương muốn phát triển kinh tế phải dựa vào cả “bàn tay vô hình” và “bàn tay hữu hình” là thị trường và nhà nước.⁷ Nội dung của lý thuyết này dựa trên cơ sở: thị trường cần được kiểm soát thông qua sự chỉ huy vô hình của các quy luật kinh tế thị trường, còn nhà nước nên có chức năng quản lý kinh tế bằng sự điều tiết, kiểm soát thị trường, do tự thân thị trường không thể giải quyết được các vấn đề như khủng hoảng, lạm phát, thất nghiệp... Vai trò, chức năng quản lý kinh tế của nhà nước trong nền kinh tế thị trường là thiết lập hệ thống pháp luật, thúc đẩy thị trường hoạt động có hiệu quả, đảm bảo sự công bằng và ổn định kinh tế vĩ mô.

Tác giả vận dụng lý thuyết này để phân tích vai trò của nhà nước trong việc ban hành pháp luật để bảo đảm cho TCTD, các chủ thể liên quan thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH, từ đó góp phần tích cực cho việc thúc đẩy hoạt động kinh doanh ngân hàng và sự phát triển nền kinh tế nói chung được đề cập trong chương 3, 4 của luận án.

ii) Lý thuyết thông tin bất cân xứng giữa người sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng

Lý thuyết thông tin bất cân xứng lần đầu tiên xuất hiện vào năm 1970 và đã khẳng định vị trí của mình trong nền kinh tế học hiện đại bằng sự kiện năm 2001, các nhà khoa học nghiên cứu lý thuyết này là George Akerlof, Michael Spence và Joseph Stiglitz cùng vinh dự nhận giải Nobel kinh tế cho công trình nghiên cứu: “*phân tích các thị trường với tình trạng thông tin bất cân xứng*”.

Lý thuyết thông tin bất cân xứng xây dựng giả thuyết rằng các bên tham gia giao dịch, người cung cấp sản phẩm hàng hóa, dịch vụ và khách hàng có lượng thông tin không cân xứng nhau. Người bán có lợi thế về thông tin và khách hàng không dễ tiếp cận các thông tin này. Với giả thuyết đó, các nhà kinh tế sẽ xem xét tác động của sự mất cân bằng thông tin tới sự lựa chọn của khách hàng và quyết định đầu tư của các doanh

⁷ Nguyễn Hồng Sơn (2015), Tlđd, tr.20.

nghiệp, từ đó rút ra kết luận rằng: thông tin bất cân xứng sẽ gây bất lợi cho cả người mua và người bán và sẽ dẫn đến sự thất bại của thị trường.

Thực tế, khi yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin nhằm phục vụ cho hoạt động kinh doanh của mình, TCTD cần phải bảo mật thông tin khách hàng, không được để thông tin khách hàng bị rò rỉ, bị đánh cắp hoặc cung cấp thông tin khách hàng cho các chủ thể khác, từ đó gây thiệt hại cho khách hàng. Khách hàng vốn là người yếu thế hơn so với TCTD trong quan hệ bảo mật thông tin của mình trong HĐNH. Bởi khi cung cấp các thông tin liên quan cho TCTD, họ không có đầy đủ các công cụ để giám sát quá trình bảo mật thông tin mà mình cung cấp theo luật định. Do đó, việc bảo đảm sự cân bằng về nghĩa vụ và quyền lợi của các bên tham gia vào quan hệ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH thông qua công cụ pháp lý của Nhà nước là cần thiết để nhằm khuyến khích khách hàng gửi tiền, thực hiện các giao dịch qua ngân hàng, thúc đẩy hiệu quả kinh doanh ngân hàng, từ đó thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

Tác giả vận dụng lý thuyết này để phân tích mối quan hệ giữa ngân hàng với khách hàng trong việc thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng, từ đó kiến nghị các giải pháp bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng ở chương 4 của luận án.

iii) Lý thuyết về hiệu quả của pháp luật trong điều chỉnh các quan hệ xã hội trong nền kinh tế thị trường

Hiệu quả của pháp luật là yếu tố rất quan trọng trong cơ chế điều chỉnh pháp luật, là “cái đích” của sự điều chỉnh bằng pháp luật đối với các quan hệ xã hội. Vấn đề hiệu quả của pháp luật cũng được nhiều nhà khoa học pháp lý quan tâm nghiên cứu như: Đ.A.Kerimov, Ph.N.Phaculin, L.Đ.Truliukin, B.I.Nikitinxki, V.V.Glarupin,... Ở Việt Nam, một số học giả tập trung nghiên cứu về hiệu quả của pháp luật như Đào Trí Úc, Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan... Về cơ bản, hiệu quả của pháp luật là sự so sánh giữa kết quả đạt được do sự điều chỉnh, tác động của pháp luật mang lại, trong những phạm vi và điều kiện nhất định, biểu hiện ở trạng thái của các quan hệ xã hội, phù hợp với những mục đích, yêu cầu và định hướng của pháp luật, với mức chi phí thấp.⁸ Nhìn chung, tiêu chí đánh giá hiệu quả của pháp luật vừa thể hiện trong bản thân pháp luật,

⁸ Nguyễn Minh Đoan (2012), *Hiệu quả của pháp luật, những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, tr 30.

vừa thể hiện trong môi trường tác động của nó. Đối với bản thân pháp luật thì đó là chất lượng của pháp luật, những mục đích, yêu cầu và định hướng của pháp luật. Còn đối với môi trường tác động của pháp luật thì đó là kết quả tác động của pháp luật thể hiện ở trạng thái của các quan hệ xã hội trước và sau khi có sự điều chỉnh, tác động của pháp luật cùng với mức chi phí để đạt được các kết quả đó.⁹

Tác giả vận dụng lý thuyết về hiệu quả của pháp luật vào việc điều chỉnh các quan hệ xã hội trong nền kinh tế thị trường để đánh giá thực trạng thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng, từ đó đề xuất những định hướng, giải pháp và kiến nghị bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH ở Việt Nam ở chương 3 và 4 của luận án.

1.2.2. Câu hỏi nghiên cứu

Từ cơ sở lý thuyết nêu trên, luận án được triển khai với các câu hỏi nghiên cứu dưới đây.

Câu hỏi nghiên cứu chung: Luận án *“Pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng ở Việt Nam”* được tiến hành để trả lời cho câu hỏi: Pháp luật ngân hàng có thực sự bảo đảm được bí mật thông tin khách hàng trong HĐNH không; đồng thời pháp luật ngân hàng cần thiết phải quy định/ làm rõ những nội dung nào để TCTD và các chủ thể liên quan bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH.

Giải thuyết nghiên cứu chung

- Pháp luật ngân hàng đã làm rõ bản chất, phạm vi, giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH.

- TCTD chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình trong việc bảo mật thông tin của khách hàng.

- Quyền được bảo mật thông tin của khách hàng trong HĐNH chưa được TCTD và các chủ thể có liên quan trong quan hệ pháp luật này bảo đảm một cách đầy đủ.

Cơ sở khoa học giải quyết giả thuyết nghiên cứu

- Dựa trên các lý thuyết về sự can thiệp của nhà nước trong đời sống kinh tế xã hội, lý thuyết thông tin bất cân xứng giữa người sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng,

⁹ Nguyễn Minh Đoan (2012), Tlđd, tr 39.

lý thuyết về hiệu quả của pháp luật trong điều chỉnh các quan hệ xã hội trong nền kinh tế thị trường để làm rõ bản chất của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng; phạm vi, giới hạn của nghĩa vụ bảo mật; làm rõ các khoảng trống về thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH của TCTD.

- Dựa trên hiện trạng pháp luật, thực trạng thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH, xác định trách nhiệm của các TCTD và các chủ thể liên quan trong việc thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng; đồng thời tìm kiếm các biện pháp để giám sát có hiệu quả hoạt động của TCTD trong việc bảo mật thông tin khách hàng.

- Tham khảo xu hướng lập pháp liên quan đến nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH của một số nước trên thế giới, xác định mối tương quan, những hạn chế của pháp luật Việt Nam so với pháp luật một số nước trên thế giới khi điều chỉnh nghĩa vụ này. Từ đó, kiến nghị hoàn thiện pháp luật, đồng thời đưa ra các khuyến nghị nhằm bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH.

Để trả lời câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu chung trên đây, luận án sẽ đi vào trả lời các câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu cụ thể sau đây:

- Câu hỏi nghiên cứu 1:

Tại sao bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong HĐNH vẫn là nghĩa vụ buộc TCTD phải tuân thủ?

Giả thuyết nghiên cứu liên quan đến câu hỏi nghiên cứu 1

Bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH có ý nghĩa quan trọng đối với khách hàng, hoạt động kinh doanh ngân hàng, sự an toàn của hệ thống ngân hàng và sự phát triển của nền kinh tế. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và truyền thông. Đồng thời, nguy cơ xâm phạm bí mật thông tin khách hàng trong HĐNH ngày càng phổ biến đã ảnh hưởng đến đặc quyền được bảo mật thông tin của khách hàng.

Dự kiến kết quả nghiên cứu liên quan đến câu hỏi nghiên cứu 1

Xác định được bản chất của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng, cơ sở pháp lý làm phát sinh nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng, phạm vi của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH; luận giải lý do cần thiết phải bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH của các TCTD.

- Câu hỏi nghiên cứu 2

Có cần phải giới hạn nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH của các TCTD không?

Giả thuyết nghiên cứu liên quan đến câu hỏi nghiên cứu 2

Bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH là hệ quả phát sinh theo cam kết trong hợp đồng; bên cạnh đó, nghĩa vụ này cũng được hình thành dựa trên sự tôn trọng quyền riêng tư của cá nhân, nghĩa vụ liên quan đến hoạt động chuyên môn nghề nghiệp nên các TCTD phải triệt để tuân thủ. Tuy nhiên, việc bảo mật tuyệt đối có thể ảnh hưởng đến lợi ích của các chủ thể khác, trong đó có cả lợi ích tư nhân và lợi ích của nhà nước. Do đó cần xác định giới hạn cụ thể của nghĩa vụ này.

Dự kiến kết quả nghiên cứu liên quan đến câu hỏi nghiên cứu 2

Xác định được nguyên tắc nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH của các TCTD; làm rõ các giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH của các TCTD.

- Câu hỏi nghiên cứu 3

Làm thế nào để bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH ở Việt Nam?

Giả thuyết nghiên cứu liên quan đến câu hỏi nghiên cứu 3

Pháp luật hiện hành còn những hạn chế, bất cập nên chưa thực sự bảo đảm được quyền được bảo mật thông tin khách hàng. Do đó, để bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH cần có giải pháp toàn diện từ chủ trương, chính sách, pháp luật đến cơ chế thực thi pháp luật phù hợp.

Dự kiến kết quả nghiên cứu liên quan đến câu hỏi nghiên cứu

Làm rõ nội hàm của khái niệm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH. Phân tích, đánh giá những ưu điểm, bất cập, hạn chế về thực trạng thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH. Đề xuất các kiến nghị bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH ở Việt Nam.

1.2.3. Phương pháp nghiên cứu

Để làm rõ vấn đề nghiên cứu, luận án vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Mác - Lênin. Ngoài ra, để giải quyết các nhiệm vụ đặt ra, luận án còn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu khác như:

Phương pháp phân tích và phương pháp tổng hợp tài liệu

Phương pháp này được sử dụng xuyên suốt luận án để tìm hiểu tình hình nghiên cứu và áp dụng khi nghiên cứu chuyên sâu từng khía cạnh về pháp luật bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH. Thông qua phương pháp này sẽ xác định, đánh giá và làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về nguồn gốc, bản chất, phạm vi và giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng; cũng như thực trạng thực thi pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong HĐNH. Trên cơ sở đó, phương pháp này cũng được sử dụng triệt để trong việc đề xuất các kiến nghị hoàn thiện pháp luật, các giải pháp bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH ở Việt Nam.

Phương pháp Luật học so sánh

Phương pháp này được sử dụng xuyên suốt luận án như là công cụ để so sánh, đối chiếu, đánh giá các quan điểm khoa học trong chương tổng quan về các vấn đề nghiên cứu của luận án.

So sánh, đối chiếu những quy định pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH của Việt Nam ở từng thời kì khác nhau. Thông qua đó, sẽ nhận thấy được những thay đổi theo hướng tích cực của pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH ở Việt Nam thời gian qua. Đồng thời, phương pháp này còn được sử dụng để so sánh quy định pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong HĐNH của Việt Nam và một số nước trên thế giới, nhằm hiểu rõ hơn hệ thống pháp luật của Việt Nam, nhận diện được những bất cập của pháp luật Việt Nam, khám phá được sự tương đồng và khác biệt giữa hệ thống luật được đưa ra so sánh, tham khảo kinh nghiệm và đề xuất các giải pháp pháp lý có liên quan.

Phương pháp phân tích luật viết

Phương pháp phân tích luật viết bao gồm các phương pháp cụ thể khác nhau từ đơn giản đến phức tạp nhằm phân tích, đánh giá các quy định pháp luật trong mối tương quan so sánh với pháp luật của các quốc gia hoặc văn bản pháp luật có liên quan. Phương pháp này được sử dụng xuyên suốt luận án nhằm đánh giá hiệu quả điều chỉnh của pháp luật đối với các vấn đề có liên quan; đồng thời chỉ ra những điểm hạn chế, thiếu sót trong hệ thống pháp luật Việt Nam nhằm đề xuất các giải pháp hoàn thiện.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong chương 1, tác giả luận án đã trình bày và phân tích được tổng quan tình hình nghiên cứu của luận án liên quan đến ba nội dung sau: (i) Tình hình nghiên cứu của luận án liên quan đến lý luận về nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong HĐNH. (ii) Tình hình nghiên cứu của luận án liên quan đến phạm vi, giới hạn của nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong HĐNH. (iii) Tình hình nghiên cứu của luận án liên quan đến việc bảo vệ quyền lợi của khách hàng khi ngân hàng cung cấp thông tin khách hàng cho chủ thể thứ ba. Bên cạnh đó, tác giả cũng phân tích cơ sở lý thuyết của đề tài và từ cơ sở lý thuyết nêu trên, tác giả luận án đã đưa ra các câu hỏi nghiên cứu và các phương pháp nghiên cứu của đề tài luận án. Trên cơ sở nghiên cứu đó, tác giả đưa ra một số kết luận dưới đây:

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến đề tài luận án đã phân tích khái quát về bản chất của nghĩa vụ bảo mật, giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH và sự cần thiết phải bảo đảm sự cân bằng về bảo mật và cung cấp thông tin khách hàng cho bên thứ ba vì các mục đích liên quan đến trốn thuế, rửa tiền, tài trợ khủng bố.

Thứ hai, một số vấn đề tuy đã được các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học đề cập đến nhưng vẫn cần tiếp tục nghiên cứu và phát triển. Đặc biệt là làm sáng tỏ cơ sở lý luận của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng, phạm vi, giới hạn của nghĩa vụ này, thực trạng thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng theo quy định của pháp luật Việt Nam, từ đó đề xuất các kiến nghị hoàn thiện pháp luật, các giải pháp bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH ở Việt Nam dựa trên nền tảng lý thuyết phù hợp và khoa học.

Thứ ba, tác giả nhận thấy việc nghiên cứu pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH ở Việt Nam là vấn đề mới, có ý nghĩa thực sự về mặt khoa học cũng như thực tiễn trong bối cảnh của nền kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Thứ tư, tác giả phân tích cơ sở lý thuyết trong việc nghiên cứu đề tài của luận án, thông qua việc xác định ba câu hỏi nghiên cứu chính tương ứng với các nội dung chính cần phải giải quyết trong đề tài, cùng với đó là các giả thuyết nghiên cứu và dự kiến kết quả nghiên cứu.

CHƯƠNG 2. LÝ LUẬN VỀ NGHĨA VỤ BẢO ĐẢM BÍ MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG TRONG HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

Các TCTD thông qua hoạt động nghiệp vụ của mình đã nắm giữ rất nhiều thông tin của khách hàng. Họ biết các thông tin riêng tư của khách hàng, tình trạng tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh của khách hàng, thậm chí cả sở thích, chi tiêu, lối sống, hội nhóm mà khách hàng là thành viên... Có thể nói, thông tin mà các TCTD nắm giữ là những thông tin rất quan trọng và nhạy cảm đối với khách hàng. Vấn đề đặt ra là khi nắm giữ nhiều thông tin của khách hàng như vậy thì nghĩa vụ của tổ chức này đối với những thông tin mà họ có quyền nắm giữ đó là gì?

Mục đích nghiên cứu của chương này là: i) làm rõ thông tin khách hàng trong HĐNH; ii) làm rõ nguồn gốc của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng; iii) phân tích bản chất, cơ sở pháp lý phát sinh nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH; iv) phân tích phạm vi thông tin khách hàng cần được bảo mật; v) phân tích sự cần thiết phải bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong HĐNH.

2.1. Khái quát về thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng

2.1.1. *Khái niệm thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng*

Trong đời sống con người, nhu cầu thông tin là một nhu cầu rất cơ bản. Nhu cầu đó không ngừng tăng lên cùng với sự gia tăng các mối quan hệ trong xã hội. Sự quan tâm đến hiện tượng thông tin gia tăng đột biến vào thế kỷ XX và ngày nay chúng trở thành đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành chuyên môn, trong đó có triết học, vật lý, sinh học, ngôn ngữ học, thông tin học và tin học, kỹ thuật điện tử và truyền thông, khoa học quản lý và nhiều ngành khoa học xã hội. Về phương diện thương mại, công nghiệp dịch vụ, thông tin đã trở thành một nền công nghiệp mới mẻ mang tính toàn cầu. Ngày nay, hầu như không một ngành công nghiệp, sản xuất và dịch vụ nào lại không quan tâm đến thông tin. Những quan điểm và hiện tượng khác nhau của lĩnh vực này đã dẫn đến những khái niệm và định nghĩa khác nhau về thông tin.¹⁰ Vậy thông tin là gì?

Theo Từ điển Tiếng Việt, “*thông tin là điều hoặc tin được truyền đi cho biết sự truyền đạt, sự phản ánh tri thức dưới các hình thức khác nhau, cho biết về thế giới xung*

¹⁰ Đoàn Phan Tân (2001), *Về khái niệm thông tin và các thuộc tính làm nên giá trị của thông tin*, Tạp chí Văn hóa - Nghệ thuật, số (3)

quanh và những quá trình xảy ra trong nó."¹¹

Theo nghĩa thông thường, thông tin là tất cả các sự việc, sự kiện, ý tưởng, phán đoán làm tăng thêm sự hiểu biết của con người. Thông tin hình thành trong quá trình giao tiếp: một người có thể nhận thông tin trực tiếp từ người khác thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, từ các ngân hàng dữ liệu, hoặc từ tất cả các hiện tượng quan sát được trong môi trường xung quanh.

Trong lĩnh vực tin học, thông tin là tập hợp các dữ liệu sau khi được xử lý cho ta những hiểu biết về một vấn đề nào đó. Thông tin là những dữ liệu có thể làm thay đổi tình trạng kiến thức của một người (những gì mà người đó biết) và đại diện vật chất cho những gì trừu tượng có thể tạo ra được sự thay đổi này.¹²

Dưới góc độ kinh tế, thông tin được hiểu là tin tức, nội dung thông tin phải hàm chứa giá trị nhất định, đặc biệt phải thể hiện tính mới hoặc có tính tri thức.¹³

Như vậy, mỗi lĩnh vực khác nhau thì có định nghĩa khác nhau về thông tin. Các khái niệm, quan điểm về thông tin rất đa dạng tùy thuộc vào từng lĩnh vực nghiên cứu.

Trong lĩnh vực HĐNH, chủ thể cung ứng sản phẩm dịch vụ cho khách hàng là các TCTD - đó là doanh nghiệp kinh doanh, cung ứng thường xuyên một hoặc một số các nghiệp vụ: nhận tiền gửi, cấp tín dụng, cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.¹⁴ Chủ thể còn lại là khách hàng - bên còn lại trong quan hệ dân sự, thương mại với tư cách là người mua sản phẩm, dịch vụ từ TCTD. Để thực hiện việc cung ứng các sản phẩm dịch vụ của mình, đồng thời thực hiện việc kiểm soát các giao dịch thì TCTD cần phải biết thông tin khách hàng. Vậy thông tin khách hàng trong HĐNH của TCTD là gì?

Thông tin khách hàng trong HĐNH là những thông tin mà các TCTD có được thông qua hoạt động nghiệp vụ của mình. Tuy nhiên, thông tin ấy cụ thể gồm những gì thì được quy định không giống nhau ở từng nước. Việc xác định và ghi nhận khái niệm thông tin khách hàng của các TCTD có thể khái quát thành hai nhóm:

Một là, thông tin khách hàng được ghi nhận thông qua phương pháp liệt kê.

Ở những quốc gia thông tin khách hàng được ghi nhận thông qua phương pháp này thì thường liệt kê cụ thể tất cả các thông tin liên quan đến các giao dịch được thực

¹¹ Trung tâm Từ điển học (2011), *Từ điển Tiếng Việt Đà Nẵng*, Hà nội, tr.1226

¹² Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ môn Tin học (1996), *Tập bài giảng tin học*, tập 1, tr.8

¹³ Viện Nghiên cứu và phổ biến tri thức bách khoa (1998), *Từ điển kinh tế thị trường*, tr.1173

¹⁴ Khoản 1, Khoản 12 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017

hiện giữa TCTD với khách hàng. Chẳng hạn, theo Luật Ngân hàng của Singapore năm 1970, được sửa đổi, bổ sung năm 2018, thông tin khách hàng là: “a) *thông tin liên quan đến hoặc bất kỳ thông tin nào về tài khoản của khách hàng, cho dù tài khoản đó là khoản vay, đầu tư hoặc bất kỳ loại giao dịch nào khác, nhưng không bao gồm thông tin không thể tham chiếu đến khách hàng hoặc nhóm khách hàng được định danh; hoặc b) “thông tin tiền gửi”, - thông tin tiền gửi là thông tin liên quan đến i) bất kỳ khoản tiền gửi nào của khách hàng, ii) các quỹ của khách hàng do ngân hàng quản lý; hoặc là c) kết an toàn hoặc bất kỳ thỏa thuận lưu ký an toàn được thực hiện bởi một khách hàng với ngân hàng, nhưng cũng không bao gồm thông tin không được đề cập đến bất kỳ khách hàng hoặc nhóm khách hàng định danh nào*”.¹⁵

Như vậy, theo quy định của Luật Ngân hàng Singapore, thông tin khách hàng là thông tin mà phải xác định được danh tính của khách hàng, những thông tin không thể xác định được danh tính của khách hàng không được coi là thông tin khách hàng. Ví dụ: thông tin về tài khoản, tiền gửi được trao đổi thông qua các cuộc trò chuyện điện thoại với khách hàng mà chỉ xác định là A, B hoặc C thì không bị coi là thông tin khách hàng.

Hoặc theo quy định của Luật Ngân hàng và công ty ủy thác Bahamas năm 2000, được sửa đổi bổ sung năm 2010,¹⁶ thông tin khách hàng là “*thông tin liên quan đến danh tính, tài sản, nợ, giao dịch hoặc tài khoản của khách hàng hoặc bất kỳ thông tin nào trong hồ sơ yêu cầu của khách hàng tiềm năng*”. Như vậy, theo quy định của pháp luật Bahamas, thông tin khách hàng trong HĐNH mặc dù được liệt kê nhưng nội hàm thông

¹⁵ Điều 40A, Singapore Banking Act năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2018

“customer information”, in relation to a bank, means —

(a) any information relating to, or any particulars of, an account of a customer of the bank, whether the account is in respect of a loan, investment or any other type of transaction, but does not include any information that is not referable to any named customer or group of named customers; or

(b) deposit information;

“deposit information”, in relation to a bank, means any information relating to —

(a) any deposit of a customer of the bank;

(b) funds of a customer under management by the bank; or

(c) any safe deposit box maintained by, or any safe custody arrangements made by, a customer with the bank, but does not include any information that is not referable to any named person or group of named persons;

¹⁶ - Cộng đồng Thịnh vượng Bahamas, hay Quần đảo Bahamas là một quốc gia nói tiếng Anh tại Tây Ấn. Là một quần đảo với 700 hòn đảo và đảo nhỏ, Bahamas nằm ở Đại Tây Dương, phía đông Florida và Hoa Kỳ, phía bắc Cuba và vùng Caribe, phía tây lãnh thổ phụ thuộc Anh Turks and Caicos Islands.

Bahamas là một quốc gia ổn định, phát triển với nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào du lịch và dịch vụ ngân hàng nước ngoài. Bahamas được coi là một trong những trung tâm tài chính nước ngoài hàng đầu thế giới.

- Điều 19 (1) Banks and Trust Companies Regulation Act năm 2000 (No. 38 of 2000) - Statute Law of the Bahamas, Chapter 316, được sửa đổi bổ sung năm 2010

tin khách hàng khá bao quát, bao gồm tất cả các thông tin có được trước khi trở thành khách hàng của ngân hàng. Thông tin đó không chỉ là những thông tin liên quan đến danh tính, tài sản, nợ, giao dịch... có trong hồ sơ khách hàng hiện hữu mà cả những thông tin này có trong hồ sơ của khách hàng tiềm năng.

Hai là, thông tin khách hàng được ghi nhận thông qua phương pháp loại trừ.

Tại một số quốc gia, khái niệm “thông tin khách hàng” của TCTD được ghi nhận thông qua phương pháp loại trừ thì thường ghi nhận tất cả các thông tin liên quan trong quá trình giao dịch của khách hàng với các TCTD và loại trừ những thông tin khách hàng đã công bố rộng rãi hoặc được nhiều người biết đến. Chẳng hạn Thụy Sĩ, theo quy định của luật pháp nước này thì các ngân hàng bị ràng buộc về mặt pháp lý để giữ bí mật liên quan đến những giao dịch với khách hàng cũng như bất kỳ thông tin nào có được từ các giao dịch đó.¹⁷ Có thể thấy, theo pháp luật Thụy Sĩ, thông tin khách hàng được quy định rất rộng gồm bất cứ thông tin phát sinh trong mối quan hệ giữa khách hàng và ngân hàng.

Như vậy, mặc dù có sự khác nhau về cách thức ghi nhận, nhưng có thể thấy rằng, hầu hết các quốc gia đều thống nhất thông tin khách hàng trong HDNH không chỉ là các thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi và các giao dịch khác của khách hàng mà còn bất kỳ thông tin nào trong hồ sơ yêu cầu của khách hàng.

Ở Việt Nam, thông tin khách hàng không được ghi nhận trong Luật các TCTD năm 2010, tuy nhiên theo hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP ngày 11/9/2018 của Chính phủ về việc giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Nghị định số 117/2018/NĐ-CP) thì: *“Thông tin khách hàng của TCTD, CNNHN (sau đây gọi là thông tin khách hàng) là thông tin do khách hàng cung cấp, thông tin phát sinh trong quá trình khách hàng đề nghị hoặc được TCTD, CNNHN cung ứng các nghiệp vụ ngân hàng, sản phẩm, dịch vụ trong hoạt động được phép, bao gồm thông tin định danh khách hàng và thông tin*

¹⁷ Điều 47 Luật Ngân hàng Liên bang Thụy Sĩ - The Swiss Banking Act (The Federal Law on Banks and Savings Banks) năm 1934, được sửa đổi, bổ sung năm 2019

Whoever intentionally does the following shall be imprisoned up to three years or fined accordingly:

- a. disclose confidential information entrusted to them in their capacity as a member of an executive or supervisory body, employee, representative, or liquidator of a bank or a person in accordance with Article 1b, as member of a body or employee of an audit firm or that they have observed in this capacity;
- b. attempt to induce an infraction of the professional secrecy;
- c. disclose confidential information to third parties or use this information for own benefits or the benefit of others

sau đây: thông tin về tài khoản, thông tin về tiền gửi, thông tin về tài sản gửi, thông tin về giao dịch, thông tin về tổ chức, cá nhân là bên bảo đảm tại TCTD, CNNHN và các thông tin có liên quan khác.”

Như vậy, thông tin khách hàng là những thông tin mà các TCTD có được thông qua hoạt động nghiệp vụ của mình, có thể gồm những thông tin sau: thông tin thuộc về lý lịch của cá nhân, tổ chức; các thông tin cá biệt hóa cá nhân, tổ chức (tên, tuổi, chứng minh thư, hộ chiếu, địa chỉ, điện thoại, email...; tên gọi tổ chức, trụ sở của tổ chức, thông tin về cơ cấu tổ chức...); thông tin về ngành nghề hiện tại của khách hàng; thông tin liên quan đến tiền gửi, tài sản gửi của khách hàng; thông tin liên quan đến khách hàng trong hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán...

Nếu trước đây, Nghị định số 70/2000/NĐ-CP ngày 21/11/2000 về việc giữ bí mật, lưu trữ và cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng đã không hướng dẫn một cách rõ ràng, cụ thể các thông tin khách hàng thì hiện nay, Nghị định số 117/2018/NĐ-CP đã hướng dẫn rất chi tiết về thông tin khách hàng tại Điều 3. Theo đó, thông tin định danh khách hàng là thông tin sau đây: “*Đối với khách hàng cá nhân: họ và tên, mẫu chữ ký, chữ ký điện tử, ngày, tháng, năm sinh, quốc tịch, nghề nghiệp, địa chỉ nơi đăng ký thường trú, nơi ở hiện tại, địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài đối với người nước ngoài, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử, số, ngày cấp, nơi cấp chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu (thông tin về thị thực đối với khách hàng cá nhân là người nước ngoài) của khách hàng hoặc của người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền (gọi chung là người đại diện hợp pháp) và các thông tin có liên quan khác;*

Đối với khách hàng là tổ chức: tên giao dịch đầy đủ, tên viết tắt, giấy phép hoặc quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương; địa chỉ đặt trụ sở chính, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử và thông tin quy định tại điểm a khoản này của người đại diện hợp pháp và các thông tin có liên quan khác”.

Thông tin về tài khoản của khách hàng là “*thông tin định danh khách hàng và thông tin sau đây: tên tài khoản, số hiệu tài khoản, số dư tài khoản, thông tin liên quan đến giao dịch nộp tiền, rút tiền, chuyển tiền, nhận tiền của khách hàng và các thông tin có liên quan khác”.*

Thông tin về tiền gửi của khách hàng là “*thông tin định danh khách hàng và thông tin sau đây: thông tin liên quan đến giao dịch gửi tiền của khách hàng, số dư các loại tiền gửi theo quy định của pháp luật của khách hàng tại TCTD, CNNHNNg và các thông tin có liên quan khác*”.

Thông tin về tài sản gửi của khách hàng là “*thông tin về tài sản của khách hàng (vật, tiền, giấy tờ có giá, các quyền tài sản) gửi tại TCTD, CNNHNNg, thông tin về tài sản của khách hàng do TCTD, CNNHNNg nhận quản lý, bảo quản theo quy định của pháp luật, bao gồm thông tin định danh khách hàng và thông tin sau đây: tên loại tài sản, giá trị tài sản, chứng từ chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hoặc lợi ích hợp pháp đối với tài sản của khách hàng và các thông tin có liên quan khác*”.

Thông tin về giao dịch của khách hàng là “*thông tin phát sinh từ các giao dịch của khách hàng với TCTD, CNNHNNg, bao gồm thông tin định danh khách hàng và thông tin sau đây: chứng từ giao dịch, thời điểm giao dịch, số lượng giao dịch, giá trị giao dịch, số dư giao dịch và các thông tin có liên quan khác*”.

Như vậy, pháp luật Việt Nam đã ghi nhận khái niệm thông tin khách hàng khá cụ thể và theo phương pháp liệt kê. Theo đó, thông tin khách hàng là những thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi và các giao dịch của khách hàng. Đồng thời pháp luật Việt Nam cũng đã có những quy định cụ thể hơn về thông tin khách hàng. Đó không chỉ là thông tin được hình thành khi thiết lập hợp đồng mà còn là những thông tin được hình thành trong quá trình khách hàng đề nghị TCTD cung ứng các sản phẩm, dịch vụ. Điều này có nghĩa là, theo quy định của pháp luật Việt Nam, thông tin khách hàng còn bao gồm cả những thông tin của các khách hàng tiềm năng của các TCTD. Việc quy định như vậy có ý nghĩa rất quan trọng trong việc bảo vệ niềm tin của khách hàng cũng như xác định phạm vi, giới hạn, trách nhiệm của TCTD sau này.

Cùng với xu thế phát triển công nghệ thông tin, đặc biệt là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, một khái niệm được sử dụng khá phổ biến và có mối liên hệ nhất định với thông tin khách hàng đó là dữ liệu cá nhân. Có thể hiểu dữ liệu cá nhân là các dữ liệu về một cá nhân mà qua đó có thể xác định được danh tính của người đó.

Dưới góc độ pháp lý, luật pháp một số nước đã ghi nhận khái niệm này như sau: Theo Điều 4.1 Luật Bảo vệ Dữ liệu châu Âu 2016 (General Data Protection Regulation - GDPR), dữ liệu cá nhân là “*bất kỳ thông tin nào liên quan đến một cá thể dữ liệu (“data*

subject”) đã được nhận định danh tính, hoặc có thể được nhận định danh tính, dù trực tiếp hay gián tiếp, cụ thể là bằng cách chỉ ra một định danh như tên, số định danh, dữ liệu vị trí, định danh trên mạng, hay một hoặc nhiều yếu tố chỉ định danh tính của một cá nhân mang tính vật lý, sinh lý, sinh thực, tâm lý, kinh tế, văn hoá, hoặc xã hội”.¹⁸

Hay theo quy định của Điều 2.1 Luật Bảo vệ Dữ liệu cá nhân Singapore năm 2012, dữ liệu cá nhân là các dữ liệu, dù đúng hay sai, về một cá nhân mà có thể xác định được danh tính của họ từ các dữ liệu đó; hoặc từ các dữ liệu đó và các thông tin khác mà các tổ chức có hoặc có thể có quyền truy cập.

Như vậy, thông tin khách hàng và thông tin dữ liệu cá nhân có những điểm giao nhau dù mục đích điều chỉnh có sự khác nhau. Nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của ngân hàng tập trung vào việc giới hạn việc tiết lộ/ cung cấp thông tin khách hàng. Bởi bảo mật thông tin khách hàng là bảo đảm các thông tin biết được về khách hàng được an toàn, bí mật, ngăn chặn những người không có thẩm quyền tiếp cận thông tin của khách hàng để bảo đảm quyền được bảo mật thông tin của họ, bảo vệ niềm tin của khách hàng. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, nghĩa vụ này sẽ bị can thiệp bởi những người có thẩm quyền tương ứng.¹⁹ Do đó, pháp luật phải quy định giới hạn cụ thể để bảo vệ khách hàng. Còn các quy tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân thì rộng hơn và ảnh hưởng đến việc thu thập, lưu trữ và sử dụng dữ liệu cá nhân. Song, so với dữ liệu cá nhân, thông tin khách hàng trong HĐNH của các TCTD có những điểm khác biệt sau.

2.1.2. Đặc điểm thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng

Thứ nhất, thông tin khách hàng trong HĐNH là những thông tin được hình thành trong quá trình TCTD thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp của mình. Đó là những thông tin do khách hàng cung cấp, thông tin phát sinh trong quá trình khách hàng đề nghị hoặc được TCTD cung ứng các nghiệp vụ ngân hàng, sản phẩm, dịch vụ trong hoạt động được phép. Trong khi đó, dữ liệu cá nhân được hình thành từ nhiều mối quan hệ của cá nhân và thuộc các lĩnh vực khác nhau trong đời sống xã hội như các lĩnh vực dân sự, hình sự, hành chính, kinh tế, giáo dục, y tế, công nghệ thông tin, viễn thông,

¹⁸ “personal data” means any information relating to an identified or identifiable natural person (‘data subject’); an identifiable natural person is one who can be identified, directly or indirectly, in particular by reference to an identifier such as a name, an identification number, location data, an online identifier or to one or more factors specific to the physical, physiological, genetic, mental, economic, cultural or social identity of that natural person;

¹⁹ Bởi vì bảo mật được hiểu là giữ kín bí mật trong phạm vi một số ít người, không để lộ cho người ngoài biết.

an ninh... Đồng thời, dữ liệu cá nhân có thể được chứa đựng trong nhiều loại hình của vật mang tin như trong văn bản, hồ sơ, tài liệu có sẵn, tồn tại dưới dạng bản viết, bản in, bản điện tử, tranh, ảnh, băng, đĩa, bản ghi hình, ghi âm hoặc các dạng khác theo quy định của pháp luật, qua đó có thể nhận diện, xác định được con người đó trong xã hội.

Thứ hai, nội dung thông tin khách hàng trong HĐNH rất phong phú, đa dạng bao gồm cả những thông tin riêng tư cá nhân như các thông tin định danh, thông tin liên quan đến nghề nghiệp, tuổi tác, tình trạng hôn nhân của khách hàng, thói quen tiêu dùng... và gần như toàn bộ các thông tin liên quan đến tình trạng tài chính và hoạt động kinh doanh của khách hàng, kể cả những bí mật kinh doanh khác của khách hàng. Chẳng hạn, các thông tin liên quan đến phương án sản xuất kinh doanh, doanh số hoạt động, kết quả kinh doanh của khách hàng... Có thể nhận thấy, nội dung thông tin khách hàng trong HĐNH rộng hơn nội dung thông tin liên quan đến dữ liệu cá nhân được pháp luật dữ liệu cá nhân bảo vệ, bởi các thông tin liên quan đến tổ chức, thông tin kinh doanh không được xem là dữ liệu cá nhân.

Thứ ba, thông tin của khách hàng do TCTD lưu giữ là những nội dung có giá trị kinh tế cao. Thông qua hoạt động chuyên môn nghề nghiệp của mình, TCTD nắm giữ nhiều thông tin liên quan đến tình hình tài chính, ưu đãi chi tiêu của khách hàng cá nhân. Bên cạnh đó, tùy thuộc vào loại thông tin, nội dung thông tin và chủ thể chiếm hữu, sử dụng thông tin mà thông tin khách hàng có giá trị kinh tế khác nhau. Chẳng hạn, biết được thông tin tiền gửi, mật khẩu hay mã giao dịch của khách hàng, kẻ xấu có thể lợi dụng để rút tiền của khách hàng hoặc yêu cầu TCTD thực hiện những giao dịch gây bất lợi cho khách hàng, quấy rối hoạt động kinh doanh bình thường của khách hàng hoặc nếu các đối thủ cạnh tranh của khách hàng biết được các thông tin liên quan đến phương án sản xuất, kinh doanh, mối quan hệ với các đối tác của khách hàng thì có thể dẫn đến những hành vi cạnh tranh không lành mạnh, gây thiệt hại lớn cho khách hàng của TCTD.

Chính vì tính chất, tầm quan trọng của thông tin khách hàng mà bên cạnh việc tăng cường cung ứng các dịch vụ đa dạng, tiện lợi, TCTD còn phải có nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng.

2.2. Cơ sở hình thành và phát sinh nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng

2.2.1. Quá trình hình thành nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng

Nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH không phải là sản phẩm của thế giới hiện đại. Sự hình thành nghĩa vụ này gắn liền với lịch sử hoạt động kinh doanh ngân hàng. Nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của ngân hàng đã manh nha hình thành cách đây khoảng 4000 năm vào thời kỳ Babilon cổ đại, được ghi nhận trong Bộ luật Hammurabi với quy định rằng một nhân viên ngân hàng có thể công khai hồ sơ của khách hàng chỉ khi xảy ra những tranh chấp với khách hàng đó.²⁰ Điều này cho thấy rằng, các nhân viên ngân hàng phải có nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của mình nhưng nghĩa vụ này có thể bị giới hạn trong những trường hợp nhất định. Nghĩa vụ này cũng được tìm thấy trong nền văn minh Hy Lạp - La Mã vào thời Trung cổ, khoảng năm 1118 tại Jerusalem với các HĐNH của các The Knights Templar (Hiệp sĩ dòng đền).²¹ Nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng là một trong những nội dung được quy định trong “Luật lệ của Hiệp sĩ dòng Đền” buộc các hiệp sĩ phải triệt để tuân thủ trong các hoạt động quản lý tài chính, HĐNH, lãnh thổ, đất đai của mình.

Đến thời kỳ Phục Hưng, nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng được ghi nhận trong các quy định của ngân hàng Banco Ambrosiano Milano năm 1593 với quy định rằng: ngân hàng nào vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng thì sẽ rút giấy phép kinh doanh. Năm 1619, một quy định tương tự cũng đã được ghi nhận bởi ngân hàng Hamburger.²² Vào thế kỷ XIX, nghĩa vụ này đã được áp dụng nhiều hơn và thường xuyên hơn, trở thành một điều khoản mặc nhiên trong Điều lệ của Hiệp hội các ngân hàng Đức.

Tuy nhiên, nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của TCTD chỉ có bước phát triển đáng kể trong việc công nhận và cho thi hành như một nghĩa vụ pháp lý sau chiến tranh thế giới I (1914 - 1918). Cuộc chiến tranh đó đã dẫn đến hệ quả là nhiều cá nhân giàu có di chuyển tài sản của mình đến các ngân hàng ở nước ngoài. Tại Pháp và Đức, nhiều công dân đã bí mật mang tiền gửi vào các ngân hàng của Thụy Sĩ - quốc gia láng giềng của họ, nước đã tuyên bố trung lập từ năm 1815. Điều này dẫn đến những xung

²⁰ Nghĩa vụ này được ghi nhận trong Bộ luật Hammurabi (Edouard Chambost (1983), *Bank Accounts: A World Guide to Confidentiality*, Publisher: John Wiley & Sons, tr.3

²¹ Elisa Rangel Nunes (2014), Relevant Aspects of Banking Secrecy in Angola, American International Journal of Research in Humanities, Arts and Social Sciences, Vol. 7 (1).

²² Werner De Capitani (1998), *Recent Developments - Banking Secrecy Today*, University of Pennsylvania Journal of International Law, Vol 10, Issue 1, Article 2. tr.57-70

đột lợi ích giữa Pháp, Đức và Thụy Sĩ. Đây là cơ sở để các quy định về bí mật ngân hàng, các ngân hàng nổi tiếng với chế độ bí mật nhất thế giới đã được hình thành trong giai đoạn này, trong đó có Thụy Sĩ. Năm 1934, Thụy Sĩ đã thông qua Luật Ngân hàng liên bang quy định hình phạt hình sự nếu ngân hàng nào vi phạm nghĩa vụ bảo mật. Cơ sở của việc ghi nhận hình phạt nghiêm khắc này là do những sự kiện lịch sử đe dọa đến sự riêng tư và ổn định của cả hệ thống ngân hàng và nền kinh tế Thụy Sĩ. Cụ thể là: chính phủ Pháp - dưới thời Herriot đã yêu cầu các ngân hàng và tổ chức tài chính ở Thụy Sĩ trả lại tài sản mà 2.000 khách hàng người Pháp đã gửi tại các ngân hàng và tổ chức tài chính của nước này. Còn tại Đức, năm 1933 chính phủ Đức Quốc xã đã mở chiến dịch thu hồi và tịch thu các khoản tiền mà công dân Đức gửi tại các ngân hàng Thụy Sĩ về Đức, họ đã ban hành một đạo luật quy định rằng: bất kỳ công dân Đức nào cố ý hay vô ý vì sự ích kỷ của mình, có hành vi tích tụ tài sản ở nước ngoài hoặc chuyển tiền, tài sản của mình ra khỏi nước Đức sẽ phải chịu hình phạt tử hình.²³ Trên cơ sở quy định của đạo luật này, ba người Do Thái bị tử hình do có tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thụy Sĩ. Trước sức ép đó, để bảo vệ khách hàng, nhân viên làm việc trong các ngân hàng, sự ổn định nền tài chính quốc gia, Thụy Sĩ đã ban hành Luật Ngân hàng liên bang năm 1934, áp đặt cả trách nhiệm dân sự và hình phạt hình sự đối với hành vi vi phạm nghĩa vụ bảo mật ngân hàng.

Tại Anh, bảo mật thông tin khách hàng của ngân hàng là nghĩa vụ hợp đồng với điều khoản ngụ ý rằng một ngân hàng sẽ không tiết lộ thông tin khách hàng của mình cho bên thứ ba. Nghĩa vụ này được ghi nhận trong án lệ *Tournier v National Provincial and Union Bank of England* năm 1924. Năm 1988, Ủy ban đánh giá Jack (Jack Committee)²⁴ đã khẳng định rằng án lệ *Tournier* là khởi điểm của quy định nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng tại Anh vì trước vụ án *Tournier*, đã có các vụ kiện liên quan đến vi phạm về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng như vụ *Hardy v Veasey* năm 1868 nhưng không có phán quyết nào đưa ra, rằng ngân hàng liệu có tồn tại một nghĩa vụ pháp lý liên quan đến bí mật thông tin khách hàng của họ hay không. Các tòa án đã miễn

²³ Robert S. Ladd (2011), *Swiss Miss: The Future of Banking Secrecy Laws in Light of Recent Changes in the Swiss System and International Attitudes*, *Transnational Law & Contemporary Problems*; Summer 2011, Vol. 20 Issue 2, tr. 540-560.

²⁴ Ủy ban Đánh giá Luật Dịch vụ Ngân hàng được bổ nhiệm vào tháng 1 năm 1987 dưới sự chủ trì của Giáo sư R B Jack (Jack Committee). Nhiệm vụ của Ủy ban này là kiểm tra văn bản luật và án lệ liên quan đến việc cung cấp các dịch vụ ngân hàng tại Vương quốc Anh cho các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp

cường áp đặt nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng và đúng hơn là ngụ ý rằng đó là nghĩa vụ đạo đức. Vì rằng, ngân hàng có trách nhiệm thực hiện sự tin tưởng, tín thác của khách hàng với họ và không cần phải áp đặt nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng.²⁵ Với phán quyết trong án lệ Tournier, rằng ngân hàng có nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của mình, không được tiết lộ thông tin khách hàng của mình cho bên thứ ba đã trở thành khuôn mẫu cho hầu hết các nước theo hệ thống thông luật.

Kết thúc chiến tranh Thế giới II (1939 - 1945), nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng đã được ghi nhận trong hệ thống pháp luật của nhiều nước trên toàn thế giới. Theo đó, TCTD phải kiềm chế không được tiết lộ thông tin khách hàng mà mình có được trong quá trình hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp của mình. Tuy nhiên, căn cứ làm phát sinh nghĩa vụ đó lại có sự khác nhau ở các nước khác nhau. Nghĩa vụ này có thể được phát sinh từ nguyên tắc đạo đức, danh dự, nghĩa vụ chuyên môn nghề nghiệp; hoặc được tạo lập nên bởi ý chí của ngân hàng và khách hàng, hoặc bởi ý chí của nhà làm luật. Vậy thực chất của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH là gì?

2.2.2. Bản chất của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng

Bản chất của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH là chủ đề gây tranh cãi giữa nhiều người, giữa các hệ thống pháp luật khác nhau. Có quan điểm cho rằng, nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng tương ứng với quyền được bảo mật thông tin khách hàng, đây là quyền con người và là quyền mang tính tuyệt đối, là một biểu hiện của quyền riêng tư.

Tuy nhiên, Maria José Oliveira L. Roque chỉ trích quan điểm liên kết quyền được bảo mật thông tin khách hàng với quyền con người với những lập luận sau: *Một là*, mọi người sinh ra đều có quyền sống, tự do, an toàn tính mạng, quyền được bảo vệ về danh dự, nhân phẩm nhưng không ai được sinh ra với quyền được bảo mật thông tin trong HĐNH. *Hai là*, có những người không đủ khả năng để trở thành khách hàng của các ngân hàng. *Ba là*, quyền con người là quyền đối nghịch với nghĩa vụ *erga omnes* (nghĩa vụ có hiệu lực đối với tất cả mọi người) và điều này không xảy ra đối với nghĩa vụ bảo

²⁵ Teklit Hailemichael Berhe (2014), *Conflict between anti-money laundering and anti-terrorism finance laws requirements and bank secrecy and confidentiality laws*, LLM - Institute of Advanced Legal Studies, School of Advanced Study, University of London.

mật thông tin khách hàng khi mà thông tin của khách hàng vẫn có thể bị tiết lộ trong một số trường hợp nhất định. *Cuối cùng*, tác giả này cho rằng không thể xem quyền được bảo mật thông tin khách hàng là quyền riêng tư, mang tính tuyệt đối vì trong mối quan hệ giữa khách hàng và ngân hàng, trong trường hợp hợp pháp, cũng liên quan đến nhiều hơn hai người, đó là: khách hàng, ngân hàng và bên thứ ba, ít nhất là kho bạc.²⁶

Quan điểm khác cho rằng, bảo mật thông tin khách hàng trong HDNH là sản phẩm của tự do hợp đồng, dựa trên thỏa thuận giữa ngân hàng và khách hàng để giữ gìn sự tin cậy và ủy thác của khách hàng.

Với quan điểm này, Maria Eduarda Azevedo cũng đã phản đối và cho rằng, hợp đồng giữa ngân hàng và khách hàng không phải lúc nào cũng có quy định điều khoản về bảo mật thông tin, thậm chí dù điều khoản đó là ngụ ý. Đặc biệt trong trường hợp hợp đồng chưa hình thành thì nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng sẽ không bị ràng buộc. Điều này cũng xảy ra tương tự khi hợp đồng bị hủy bỏ hoặc bị tuyên bố vô hiệu.²⁷

Một quan điểm được khá nhiều người ủng hộ đó là, bảo mật thông tin khách hàng là một loại bí mật nghề nghiệp. Bởi, thông tin khách hàng mà ngân hàng có được là do hoạt động chuyên môn nghề nghiệp của ngân hàng, ngân hàng yêu cầu khách hàng cung cấp những thông tin để phục vụ cho hoạt động chuyên môn nghề nghiệp của họ và khách hàng chỉ cung cấp thông tin cho ngân hàng khi họ tin tưởng rằng thông tin của họ không bị cung cấp cho những tổ chức, cá nhân khác. Trường hợp này, nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của ngân hàng gần giống như các nghĩa vụ bảo mật nghề nghiệp của luật sư, bác sĩ. Theo Maria Célia Ramos, nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của ngân hàng xuất hiện nhằm hai mục đích là duy trì niềm tin của khách hàng vào hệ thống ngân hàng và bảo vệ quyền riêng tư.²⁸

Saldanha Sanches, phản bác lập luận trên và cho rằng, quyền riêng tư là quyền liên quan đến cuộc sống, gia đình, nhà cửa. Bảo mật thông tin khách hàng không được ghi nhận và được thể hiện trong nguyên tắc lập hiến liên quan đến quyền riêng tư.²⁹

²⁶ Maria José O. L. Roque, Banking Secrecy and Right to Privacy, dẫn lại từ Elisa Rangel Nunes (2014), Relevant Aspects of Banking Secrecy in Angola, American International Journal of Research in Humanities, Arts and Social Sciences, Vol. 7 (1).

²⁷ Maria Eduarda Azevedo, The Banking Secrecy, dẫn lại từ Elisa Rangel Nunes (2014), Tlđđ.

²⁸ Dẫn lại từ Elisa Rangel Nunes (2014), Tlđđ

²⁹ Elisa Rangel Nunes (2014), Tlđđ

Như vậy, có thể thấy mỗi quan điểm liên quan đến bản chất của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng đều có những lý lẽ riêng của nó, tùy vào cách tiếp cận. Tuy nhiên, theo quan điểm của tác giả luận án, bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH dù không được quy định một cách trực tiếp từ nguyên tắc lập hiến về quyền con người³⁰ nhưng thông qua những thông tin mà khách hàng cung cấp cho ngân hàng, có thể biết được những thông tin cá nhân, tiền gửi ngân hàng, ưu đãi chi tiêu... Những thông tin này cũng chứa đựng những yếu tố riêng tư, cần được bảo vệ hợp pháp để ngăn chặn sự xâm phạm quyền cá nhân hoặc xâm phạm sở hữu cá nhân. Do đó, bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH cũng phải được coi là một giá trị để góp phần bảo vệ các quyền riêng tư đó. Đồng thời, nếu xét từ nguồn gốc và mục đích của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng, có thể nhận thấy, đây một nghĩa vụ bảo đảm bí mật nghề nghiệp, bắt nguồn từ mối quan hệ tin cậy, dần dần trở thành một nguyên tắc pháp lý được ghi nhận và bảo vệ, có liên quan đến quyền riêng tư của con người bởi các giao dịch của một cá nhân tại ngân hàng phản ánh trực tiếp nhu cầu, lối sống, sở thích cá nhân, hội nhóm mà họ là thành viên, những vấn đề liên quan đến hoạt động tài chính, kinh doanh của một người,... các thông tin riêng tư, cá biệt này của khách hàng được ngân hàng thu thập và lưu giữ nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh của mình. Do đó, với tư cách là một bên trong quan hệ pháp luật, khi ngân hàng yêu cầu khách hàng cung cấp các thông tin để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của mình thì các tổ chức này phải có nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng mà họ có được và trong chừng mực nào đó ngân hàng phải có nghĩa vụ ngăn chặn việc tiết lộ bất hợp pháp thông tin liên quan đến khách hàng để bảo vệ khách hàng khỏi bị quấy rầy đến cuộc sống hay công việc kinh doanh của họ.

2.2.3. Cơ sở pháp lý làm phát sinh nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng

Những tranh luận liên quan đến bản chất của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH như đề cập trên có liên quan đến các cơ sở pháp lý làm phát sinh nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng. Cụ thể dưới đây:

Thứ nhất, nghĩa vụ bảo mật thông tin của khách hàng trong HĐNH có thể phát

³⁰ Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền năm 1948, tại Điều 12 “Không ai có thể bị xâm phạm một cách độc đoán vào đời tư, gia đình, nhà ở, thư tín, hay bị xúc phạm đến danh dự hay thanh danh. Ai cũng có quyền được luật pháp bảo vệ chống lại những xâm phạm ấy.” Nhiều nước đã ghi nhận quyền con người này trong Hiến pháp.

sinh từ nguyên tắc bảo vệ quyền con người và quyền riêng tư cá nhân được ghi nhận trong Hiến pháp, luật chuyên ngành.

Có rất nhiều định nghĩa khác nhau về quyền riêng tư, theo đó quyền riêng tư được hiểu là “*quyền được cho phép một mình*”³¹ hay “*sự kỳ vọng rằng những thông tin cá nhân được đề cập tại một nơi riêng tư sẽ không được tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào biết; khi việc tiết lộ đó có thể gây ra sự xấu hổ, đau khổ cho người có thông tin bị tiết lộ*”³²... Nhưng nhìn chung có thể hiểu, đó là quyền của các cá nhân được phép giữ kín những thông tin, tư liệu, dữ liệu gắn liền với cuộc sống riêng tư của mình, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, về nơi ở, về thư tín, điện thoại, điện tín và các thông tin điện tử khác mà không một chủ thể nào có quyền tiếp cận, công khai trừ trường hợp được chính người này đồng ý hoặc được bằng quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.³³

Quyền được bí mật thông tin là quyền cơ bản của con người. Nhiều nước trên thế giới có quy định cụ thể trong Hiến pháp quyền này. Quyền riêng tư của cá nhân này là cơ sở cho nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng. Chẳng hạn, Hiến pháp liên bang Thụy Sĩ quy định: mọi người đều có quyền được bảo vệ chống lại việc lạm dụng dữ liệu cá nhân của họ.³⁴ Quy định này cũng tìm thấy trong pháp luật của Đức, nơi mà các quyền cơ bản, đặc biệt là quyền riêng tư của cá nhân và của pháp nhân cũng được quy định cụ thể trong Hiến pháp liên bang.³⁵ Tại Mỹ, quyền riêng tư cá nhân trong lĩnh vực tài chính cũng đã được công nhận thường xuyên và duy trì bởi các tòa án, “quyền riêng tư” đó được xem như là một quyền hiến định đã được công nhận bởi Tòa án Tối cao.³⁶

Có thể thấy, nghĩa vụ bảo mật thông tin của khách hàng được một số nước ban hành trong quy định của luật chung với mục đích chủ yếu là bảo vệ quyền riêng tư về nhân thân, quyền con người. Tuy nhiên, việc xác định cơ chế bảo vệ quyền riêng tư này

³¹- Toby Mendel, Andrew Puddephatt, Ben Wagner, Dixie Hawtin, Natalia Torres (2012), *Global Survey on Internet Privacy and Freedom of Expression*, the United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization, tr.9

- Global Internet Liberty Campaign (2002), *Privacy and human rights An International Survey of Privacy Laws and Practice*, <<http://gilc.org/privacy/survey/intro.html>>, truy cập ngày 17/3/2016

³² Ronald B. Standler (1997), *Privacy law in USA*, <<http://www.rbs2.com/privacy.htm>>, truy cập ngày 17/3/2016

³³ Thái Thị Tuyết Dung (2012), *Quyền riêng tư trong thời đại công nghệ thông tin*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp (9).

³⁴ Khoản 2 Điều 13 Hiến pháp liên bang Thụy Sĩ

³⁵ Nguyễn Thanh Tú (2004), *Nghĩa vụ giữ bí mật thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng*, Tạp chí Khoa học pháp lý (1).

³⁶ Robert S. Pasley (2002), *Privacy Rights v. Anti-Money Laundering Enforcement*, North Carolina Banking Institute, Volume 6, Issue 1, Article 7

có sự khác nhau ở từng nước, trong từng hệ thống pháp luật, điều này được thể hiện trong việc quy định giới hạn bảo mật thông tin và các chế tài áp đặt lên các vi phạm quyền riêng tư này. Bên cạnh đó, cũng có nhiều nước vì các lý do thực dụng hơn như nhằm thu hút tài chính từ các cá nhân, tổ chức không chỉ trong nước mà cả ở nước ngoài; tăng cường năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực ngân hàng của quốc gia và hỗ trợ tăng trưởng trong lĩnh vực tài chính đã quy định nghĩa vụ này trong các luật chuyên biệt.³⁷ Đồng thời, cùng với những tiến bộ của khoa học, công nghệ, những thay đổi trong đời sống xã hội đã dẫn đến sự hình thành và phát triển của Luật bảo vệ dữ liệu riêng tư của cá nhân trong pháp luật của các nước cả dân luật và thông luật, tính đến tháng 12 năm 2014, đã có 109 khu vực pháp lý có luật riêng tư bảo vệ dữ liệu cá nhân trên thế giới.³⁸

Thứ hai, nghĩa vụ bảo mật thông tin của khách hàng trong HĐNH có thể phát sinh từ nghĩa vụ bảo đảm bí mật nghề nghiệp.

Khi giao dịch với các TCTD, khách hàng mong muốn các tổ chức này sẽ bảo mật các thông tin của họ. TCTD có nghĩa vụ bảo vệ và từ chối tiết lộ những thông tin mà mình có được khi giao dịch với khách hàng. Nghĩa vụ này tương tự như nghĩa vụ của bác sĩ đối với bệnh nhân - bác sĩ có nghĩa vụ giữ các bí mật riêng tư liên quan đến hồ sơ bệnh án của bệnh nhân, đó là lời thề nghề nghiệp của bác sĩ - “Lời thề Hippocrate” mà mọi Y sinh trước khi được công nhận trở thành một thầy thuốc đều phải tuyên thệ;³⁹ hay nghĩa vụ luật sư đối với khách hàng⁴⁰ - luật sư phải giữ bí mật mọi thông tin của thân chủ mình, đây là quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp của luật sư đã được công nhận.

Các quy định về yêu cầu giữ bí mật chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp trong việc bảo mật thông tin của khách hàng tồn tại trong các quy định của pháp luật nhiều nước theo hệ thống dân luật. Chẳng hạn Điều 28 Bộ luật dân sự Thụy Sĩ năm 1907 (Swiss Civil Code), sửa đổi, bổ sung năm 2020 quy định những thông tin liên quan đến các vấn

³⁷ Hu Ying (2015), *Report of Proceedings: Bank Secrecy Symposium*, A Symposium at the Faculty of Law, National University of Singapore, 4-5 December 2014

³⁸ Hu Ying (2015), *Tlđđ*, tr.15

³⁹ Hà Nguyên, *Quyền riêng tư và được bảo mật thông tin của bệnh nhân*, <<http://www.ykhoanet.com/binhluan/hanguyen/36.htm>>, truy cập ngày 1/2/2016

⁴⁰ Luật sư phải giữ bí mật mọi thông tin của thân chủ mình, đây là quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp của luật sư đã được công nhận ở nhiều nước trên thế giới. Chẳng hạn, trong khoản 2.2.3 *Quy tắc ứng xử của Luật sư trong Liên minh châu Âu*

Council of the Bars and Law Societies of the European Community – CCBE (2002), *Code of Conduct for Lawyers in the European Union*, <http://www.idhae.org/pdf/code2002_en.pdf>, truy cập ngày 18/3/2016

đề kinh tế của một người luôn được coi là riêng tư và luôn được pháp luật bảo vệ bằng những chế tài khác nhau. Ở Luxembourg, Luật Bí mật ngân hàng áp đặt một nghĩa vụ chung lên bất kỳ nhân viên và những người khác làm việc cho tổ chức tài chính để duy trì bí mật bất cứ thông tin có được trong hoạt động chuyên môn của mình.

Thứ ba, nghĩa vụ bảo mật thông tin của khách hàng trong HĐNH có thể phát sinh từ nghĩa vụ hợp đồng giữa ngân hàng và khách hàng.

Khác với các nước theo hệ thống dân luật, các nước theo hệ thống thông luật không ghi nhận nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng như một dạng của bí mật nghề nghiệp. Các nghĩa vụ liên quan đến bí mật thông tin khách hàng đều xuất phát từ mối quan hệ hợp đồng giữa ngân hàng và khách hàng.⁴¹

Các nước theo hệ thống dân luật thường xem nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của TCTD là nghĩa vụ hợp đồng được xác định một cách mặc nhiên.⁴² TCTD với tư cách là một bên trong hợp đồng, phải tận tâm với khách hàng của mình trên cơ sở nguyên tắc thiện chí và trung thực.⁴³ Thực hiện nguyên tắc đó, họ không được phép tiết lộ thông tin về tài khoản và các giao dịch của khách hàng cho bên thứ ba. Nghĩa vụ giữ bí mật này là một nghĩa vụ ngụ ý và không phụ thuộc vào thỏa thuận rõ ràng giữa các bên.⁴⁴ Chẳng hạn, theo pháp luật của Đức “*không có bất kỳ quy định pháp lý rõ ràng nào quy định rằng các tổ chức tài chính có trách nhiệm xử lý những vấn đề về bảo mật thông tin khách hàng của mình hoặc người thứ ba. Thay vào đó, nghĩa vụ giữ bí mật cho các vấn đề như vậy xuất phát từ quan hệ hợp đồng hiện có giữa tổ chức tài chính và các khách hàng, mối quan hệ này thường được ngụ ý là một trách nhiệm ủy thác*”.⁴⁵ Tại Bỉ, nghĩa vụ giữ bí mật thông tin khách hàng phải được thỏa thuận thông qua hợp đồng. Tuy

⁴¹ OECD (2000), *Improving Access to Bank Information for Tax Purposes*, tr.52

⁴² Sandra Booyesen, Dora Neo (2017), *Can Banks Still Keep a Secret? Bank secrecy in Financial Centres around the World*, Cambridge University Press, tr.9

⁴³ OECD (2000), *Tlđđ*, tr.52

- Trung thực, thiện chí là thực hiện hành vi với ý định tốt một cách ngay thẳng, chính trực. Xem: Hoàng Thế Liên (Chủ biên) (2008), *Bình luận khoa học BLDS năm 2005*, tập I, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 28

- Nguyên tắc trung thực, thiện chí về mặt lý luận mang tính giả định, nghĩa là các bên khi tham gia vào giao dịch dân sự mặc nhiên được coi là trung thực, thiện chí, bên nào cho rằng bên kia không hành xử như vậy thì phải chứng minh. Xem: Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam*, tập I, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 1998, tr.55.

⁴⁴ Beth A. Rushford (1984), *The Effect of Swiss Bank Secrecy on the Enforcement of Insider Trading Regulations and the Memorandum of Understanding Between the United States and Switzerland*, Boston College International and Comparative Law Review, Volume 7, Issue 2, tr.546

⁴⁵ Alexander Vishnevskiy (2015), *Bank Secrecy: a Look at Modern Trends from a Theoretical Standpoint*, Pravo. Zhurnal Vysshey shkoly ekonomiki, no 4, tr. 140–146 (in English)

nhiên, nếu các bên không thỏa thuận rõ ràng trong hợp đồng thì trách nhiệm bảo mật có thể dựa trên một thỏa thuận ngụ ý,⁴⁶ theo nguyên tắc thiện chí trung thực.⁴⁷ Pháp luật Thụy Sĩ quy định: “*nhân viên ngân hàng có nghĩa vụ duy trì bí mật liên quan đến các hoạt động của khách hàng là một phần trong hợp đồng gửi tiền. Nghĩa vụ hợp đồng này được bắt nguồn từ Luật về đại lý*”. Theo đó, ngân hàng là một đại lý cho khách hàng của mình và nợ họ một nhiệm vụ của lòng trung thành, bao gồm cả nhiệm vụ phải giữ bí mật thông tin biết được khi thay mặt một ngân hàng. Đây là một nghĩa vụ ngụ ý và không phụ thuộc vào thỏa thuận rõ ràng.⁴⁸

Cơ sở của nghĩa vụ bảo mật theo khía cạnh này cũng được ghi nhận ở nhiều nước theo hệ thống thông luật như Anh, Mỹ, Australia, Ireland...⁴⁹ Theo đó, khi tiến hành giao dịch với các TCTD, các cá nhân hay pháp nhân đều có sự tin tưởng và tín thác đối với TCTD đó. Vì vậy, hợp đồng, giao dịch giữa TCTD và khách hàng có thể không quy định cụ thể, rõ ràng nghĩa vụ của TCTD trong việc giữ bí mật thông tin khách hàng. Tuy nhiên, các bên tham gia hợp đồng cần phải ngầm hiểu rằng đó là nghĩa vụ bắt buộc của TCTD trong quá trình tiến hành HĐNH. Mặt khác, nghĩa vụ này còn xuất phát từ nguyên tắc thiện chí, tôn trọng lợi ích của nhau trong các giao dịch dân sự, thương mại. Điều này được khẳng định rõ trong pháp luật của các quốc gia theo hệ thống thông luật.⁵⁰

Như vậy, theo khía cạnh này, quy định pháp luật các nước dân luật và thông luật đều thống nhất rằng bảo mật thông tin khách hàng là nghĩa vụ mặc nhiên của các TCTD xuất phát từ điều khoản ngầm về giữ bí mật thông tin trong hợp đồng.

Tóm lại, bảo mật thông tin khách hàng của các TCTD không chỉ phát sinh từ sự tôn trọng quyền riêng tư của cá nhân, nghĩa vụ liên quan đến hoạt động chuyên môn nghề nghiệp mà còn dựa trên nguyên tắc thiện chí, trung thực trong luật về hợp đồng, pháp luật về đại lý.

Ở Việt Nam, nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng được hình thành dựa vào nguyên tắc bảo vệ quyền con người, quyền riêng tư trong Hiến pháp và trong Bộ luật

⁴⁶ Jacques Richelle v. Freya Mareels (2014), 4 *Belgium* in Neate and Godfrey: Bank Confidentiality, Fifth edition, Bloomsbury Professional, tr.83-102.

⁴⁷ European Financial market lawyer Group (2014), *Survey on Banking Secrecy Regimes in the Euro Area*

⁴⁸ Beth A. Rushford, Tlđđ.

⁴⁹ The European Banking Federation, Anti-Fraud and Anti-Money Laundering Committee & Fiscal Committee (2004), *Report on Banking Secrecy*, tr.27, 69, 11,18.

⁵⁰ Hu Ying (2015), Tlđđ

dân sự. Cụ thể, tại Điều 21 Hiến pháp năm 2013 quy định: *“Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình. Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn. Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác. Không ai được bóc mở, kiểm soát, thu giữ trái luật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác.”*

Với căn cứ này chưa giải thích được nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin của ngân hàng đối với pháp nhân và tổ chức khác tham gia giao dịch với ngân hàng nhưng quy định trên được xem là có ý nghĩa pháp lý để xây dựng những quy định về nghĩa vụ bảo mật của các chủ thể nắm giữ thông tin của khách hàng.

Đồng thời, BLDS năm 2015 đã ghi nhận một số nghĩa vụ chung về bảo mật thông tin:⁵¹ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ... Các bên trong hợp đồng không được tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của nhau mà mình đã biết được trong quá trình xác lập, thực hiện hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Bên cạnh đó, bảo mật thông tin khách hàng còn có thể căn cứ vào nguyên tắc thiện chí và hợp tác, tôn trọng lợi ích của nhau trong giao dịch dân sự, thương mại. Cụ thể Khoản 3 Điều 3 BLDS năm 2015 quy định: *“Cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực”*.⁵² Nguyên tắc này không có giá trị bắt buộc đối với nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng, chỉ là định hướng cho những quy định cụ thể về giao dịch giữa TCTD và khách hàng.

Ngoài ra, vấn đề bảo mật thông tin cũng được đề cập trong các quy định về giao kết hợp đồng, cung ứng dịch vụ. Cụ thể: Điều 387 BLDS năm 2015 về thông tin trong giao kết hợp đồng: *“Trường hợp một bên nhận được thông tin bí mật của bên kia trong quá trình giao kết hợp đồng thì có trách nhiệm bảo mật thông tin và không được sử dụng thông tin đó cho mục đích riêng của mình hoặc cho mục đích trái pháp luật khác.”* Nếu vi phạm, gây thiệt hại thì phải bồi thường. Hoặc Điều 517 BLDS năm 2015 cũng có quy định về nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ: *“Giữ bí mật thông tin mà mình biết được*

⁵¹ Vấn đề này đã được quy định tại Điều 34 BLDS năm 1995, Điều 38 BLDS năm 2005, Điều 38 BLDS năm 2015.

⁵² Trước đây, nội dung này cũng được quy định tại Điều 6 BLDS năm 2005

trong thời gian thực hiện công việc, nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định”. Nếu tiết lộ bí mật thông tin của bên sử dụng dịch vụ thì phải bồi thường. Ngoài ra, Điều 565 BLDS năm 2015 cũng có quy định về nghĩa vụ của bên được ủy quyền: “Giữ bí mật thông tin mà mình biết được trong khi thực hiện việc ủy quyền”

Đây là cơ sở pháp lý cho việc xây dựng những quy định về bảo mật thông tin đối với các loại chủ thể, trong từng lĩnh vực khác nhau của đời sống kinh tế - xã hội, trong đó có bảo mật thông tin khách hàng trong lĩnh vực HDNH. Nhằm thực hiện quy định về bảo mật thông tin của khách hàng, nhiều văn bản quy phạm pháp luật đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Theo đó, nghĩa vụ bảo mật thông tin của khách hàng được quy định như sau: TCTD, CNNHN phải bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại TCTD, CNNHN; không được cung cấp thông tin này cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.⁵³ TCTD, CNNHN có trách nhiệm từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tiền gửi của khách hàng, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.⁵⁴ Bên cạnh đó, pháp luật cũng ghi nhận nghĩa vụ của các chủ thể có thẩm quyền tương ứng: cán bộ, công chức NHNN có nghĩa vụ giữ bí mật thông tin hoạt động nghiệp vụ của NHNN, của các TCTD và bí mật tiền gửi của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.⁵⁵ Nhân viên, người quản lý, người điều hành TCTD, CNNHN,⁵⁶ các TCTD khác⁵⁷ có nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng tại các TCTD, CNNHN.

Như vậy, theo quy định của pháp luật Việt Nam, bảo mật thông tin khách hàng là nghĩa vụ buộc các TCTD phải triệt để tuân thủ. TCTD không được để cho thông tin về cuộc sống riêng tư cá nhân, riêng tư tài chính của khách hàng bị chủ thể khác tự do tiếp cận, khai thác nếu những thông tin đó TCTD có được do khách hàng cung cấp hoặc

⁵³ Khoản 2, 3 Điều 14 Luật Các TCTD năm 2010.

⁵⁴ Khoản 3 Điều 10 Luật Các TCTD năm 2010.

⁵⁵ Khoản 3 Điều 38 Luật NHNNVN năm 2010.

⁵⁶ Khoản 2 Điều 14 Luật Các TCTD năm 2010.

⁵⁷ Các tổ chức này bên cạnh việc nắm giữ các thông tin về khách hàng mà nó giao dịch trực tiếp, TCTD còn có thể biết được các thông tin về khách hàng của các TCTD khác thông qua hoạt động trao đổi thông tin giữa các TCTD (Khoản 3 Điều 13 Luật các TCTD năm 2010).

thông tin phát sinh trong quá trình giao dịch, cung ứng các nghiệp vụ ngân hàng, sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng của mình.

Vấn đề đặt ra là liệu có phải tất cả các thông tin khách hàng mà TCTD có được trong quá trình này bắt buộc phải bảo mật không?

2.3. Phạm vi của nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng

Để xác định đúng đắn phạm vi của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH cần làm rõ: i) phạm vi thông tin nào của khách hàng cần được các TCTD bảo mật; ii) thời điểm phát sinh và chấm dứt nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng.

2.3.1. Phạm vi thông tin của khách hàng cần được bảo đảm bí mật

Về nguyên tắc, TCTD có nghĩa vụ bảo mật tất cả các thông tin khách hàng phát sinh trong mối quan hệ giữa khách hàng và TCTD. Bởi trong quan hệ pháp luật giữa khách hàng và các TCTD, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể này luôn thống nhất, phù hợp với nhau. Đối với các TCTD, khi các tổ chức này yêu cầu khách hàng cung cấp các thông tin để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của mình thì các tổ chức này phải có nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng mà họ có được, đồng thời các TCTD cũng có quyền từ chối yêu cầu cung cấp thông tin của bên thứ ba nhằm bảo đảm lợi ích của khách hàng. Đối với khách hàng, khi tham gia vào quan hệ với các TCTD sẽ có nghĩa vụ cung cấp các thông tin theo yêu cầu, đồng thời khách hàng cũng có đặc quyền là các thông tin về tài khoản, giao dịch và một số thông tin khác của mình phải được bảo vệ một cách hợp pháp và không thể bị xâm hại bởi bên thứ ba.

Như vậy, về mặt lý luận, loại thông tin khách hàng cần được bảo mật có thể giả định các trường hợp sau: i) TCTD phải bảo mật tất cả các thông tin được liệt kê chẳng hạn như thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch khác của khách hàng. ii) TCTD phải có nghĩa vụ bảo mật tất cả những thông tin phát sinh trong mối quan hệ giữa khách hàng và TCTD. iii) TCTD phải có nghĩa vụ bảo mật tất cả những thông tin phát sinh trong mối quan hệ giữa khách hàng và TCTD, trừ những thông tin khách hàng được công bố rộng rãi hoặc được nhiều người biết đến.

Việc xác định loại thông tin mà TCTD có nghĩa vụ bảo mật trong mỗi trường hợp đều có những ưu điểm và hạn chế riêng. Chẳng hạn, *đối với trường hợp thứ nhất*, ưu điểm là đã xác định rõ phạm vi thông tin nào của khách hàng cần được bảo mật. Điều

này tạo ra một cơ chế rõ ràng trong việc bảo mật, dễ dàng xác định trách nhiệm của TCTD trong việc bảo mật thông tin của khách hàng. Nhưng thông tin khách hàng mà các TCTD nắm giữ không chỉ bao gồm thông tin về tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch khác của khách hàng mà còn có thể có những thông tin liên quan đến tình hình tài chính của cá nhân, doanh nghiệp và dự án đầu tư, phương thức sản xuất, kinh doanh của khách hàng và cũng có thể bao gồm cả tình hình tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh của các đối tác của khách hàng.... Nếu đối thủ cạnh tranh của khách hàng được ngân hàng cung cấp những thông tin này, từ đó có biện pháp cạnh tranh không lành mạnh. Điều này sẽ gây thiệt hại cho khách hàng của TCTD.

Đối với trường hợp thứ hai, TCTD phải có nghĩa vụ bảo mật tất cả những thông tin phát sinh trong mối quan hệ giữa khách hàng và TCTD thì phạm vi của nghĩa vụ bảo mật thông tin quá rộng. Điều này sẽ tạo được sự tin tưởng tuyệt đối cho khách hàng. Bởi mọi khách hàng đều mong muốn được giữ bí mật những thông tin đó và họ có sự tin tưởng, tín thác đối với TCTD. Nhưng điều này một mặt có thể sẽ gây những rủi ro pháp lý cho TCTD trong quá trình kinh doanh của mình, mặt khác cũng có thể tạo cơ hội thuận lợi cho một số khách hàng thực hiện những hành vi sai trái như mua bán ma túy, rửa tiền, tài trợ khủng bố...gây thiệt hại cho lợi ích chung.

Đối với trường hợp thứ ba, TCTD phải có nghĩa vụ bảo mật tất cả những thông tin phát sinh trong mối quan hệ giữa khách hàng và TCTD, trừ những thông tin khách hàng được công bố rộng rãi hoặc được nhiều người biết đến. Quan điểm này vừa có ưu điểm, vừa có những hạn chế đó là rất khó trong việc xác định trách nhiệm của TCTD và khách hàng, thông tin nào của khách hàng được coi là đã được nhiều người biết đến? Điều này sẽ gây khó khăn trong việc xác định trách nhiệm của các bên.

Thực tiễn pháp luật các nước cũng đã có những quy định liên quan đến nội dung này và theo hai cách sau:

i) Một là, liệt kê các thông tin khách hàng mà TCTD có được thông qua việc thực hiện các hoạt động nghiệp vụ của mình.

Theo cách thức này, loại thông tin khách hàng mà TCTD có nghĩa vụ bảo mật được liệt kê chi tiết thông qua việc thực hiện các hoạt động nghiệp vụ của TCTD. Chẳng hạn, tại Singapore, Điều 40A Chương 19 Luật Ngân hàng Singapore năm 1970, sửa đổi bổ sung năm 2018 quy định: “*ngân hàng có nghĩa vụ bảo mật các thông tin liên quan*

đến tài khoản, tiền gửi, các khoản đầu tư của khách hàng và các hợp đồng lưu ký an toàn của khách hàng/thỏa thuận dịch vụ kết an toàn” hoặc Nga, Luật liên bang về Ngân hàng và hoạt động ngân hàng, tại Điều 26 về bí mật ngân hàng quy định: *ngân hàng có nghĩa vụ bảo mật thông tin về giao dịch, tài khoản, tiền gửi của khách hàng và ngân hàng giao dịch của họ cũng như bất kỳ thông tin nào khác nếu không mâu thuẫn với Luật Liên bang.*⁵⁸ Còn tại Thụy Điển, Đạo luật Kinh doanh ngân hàng (Chương 1, Điều 10) có quy định *ngân hàng có nghĩa vụ bảo mật tất cả những thông tin về mối quan hệ giữa ngân hàng và khách hàng (ví dụ: tài sản, giao dịch, khoản vay). Ngân hàng thậm chí còn không được thông báo cho người khác biết rằng một người nào đó là khách hàng của ngân hàng.*⁵⁹

Tại Anh, theo án lệ *Tournier v. National provincial and Union bank of England*:⁶⁰ “*ngân hàng sẽ không tiết lộ cho người thứ ba mà không có sự đồng ý của khách hàng một cách rõ ràng hay ngụ ý, trạng thái của tài khoản của khách hàng hoặc bất kỳ giao dịch nào của khách hàng với ngân hàng, hoặc bất kỳ thông tin nào liên quan đến khách hàng có được thông qua việc giữ tài khoản của khách hàng, trừ khi ngân hàng buộc phải thực hiện theo lệnh của Tòa án, hoặc các trường hợp làm phát sinh nhiệm vụ công khai hoặc bảo vệ quyền lợi của chính ngân hàng.*”

ii) Hai là, quy định tất cả các dữ liệu tài chính, thông tin liên quan đến khách hàng mà TCTD có được thông qua hoạt động nghiệp vụ của mình, ngoại trừ những thông tin khách hàng được công bố rộng rãi hoặc được nhiều người biết đến, chẳng hạn Thụy Sĩ, Điều 47 Luật liên bang về Ngân hàng và các Ngân hàng tiết kiệm cấm tiết lộ bất cứ thông tin nào mà khách hàng đã ủy thác cho ngân hàng.⁶¹ Tuy nhiên, theo các quyết định của tòa án, các ngân hàng không được tiết lộ cho bên thứ ba, cho dù là cá nhân hoặc cơ

⁵⁸ The European Banking Federation, Anti-Fraud and Anti-Money Laundering Committee & Fiscal Committee (2004), *Report on Banking Secrecy*, Tlđđ, tr.59

⁵⁹ The European Banking Federation, Anti-Fraud and Anti-Money Laundering Committee & Fiscal Committee (2004), *Report on Banking Secrecy*, Tlđđ, tr.23

⁶⁰ *Tournier v. National Provincial and Union Bank of England* (1924), 1 KB 461,

“It is an implied term of the contract between a banker and his customer that the banker will not divulge to third persons, without the consent of the customer express or implied, either the state of the customer’s account, or any of his transactions with the bank, or any information relating to the customer acquired through the keeping of his account, unless the banker is compelled to do so by order of a Court, or the circumstances give rise to a public duty of disclosure, or the protection of the banker’s own interests requires it.”,

<<http://www.uniset.ca/other/css/19241KB461.html>>, truy cập ngày 18/3/2016

⁶¹ Swiss Federal Act on Banks and Savings Banks năm 1934, được sửa đổi, bổ sung năm 2019.

quan chính phủ các thông tin có tính bí mật của khách hàng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Cụ thể gồm các thông tin sau: thông tin về mối quan hệ giữa khách hàng và ngân hàng, thông tin của khách hàng về tình hình tài chính, mối quan hệ giữa khách hàng với các ngân hàng khác (nếu có), các giao dịch của chính ngân hàng nếu việc tiết lộ đó gây hại cho khách hàng;⁶² Ở Luxembourg, Điều 41 Luật bí mật ngân hàng năm 1993 áp đặt một nhiệm vụ chung trên bất kỳ nhân viên và những người khác làm việc cho một tổ chức tài chính để duy trì bí mật bất cứ thông tin có được trong hoạt động chuyên môn của mình;⁶³ tại Ý, bảo mật thông tin khách hàng là một nghĩa vụ ngụ ý, theo đó các tổ chức tài chính bắt buộc phải từ chối tiết lộ bất kỳ thông tin liên quan đến mối quan hệ giữa họ và khách hàng của họ;⁶⁴ còn ở Nhật Bản không có luật về bí mật ngân hàng cụ thể, trong đó quy định nghĩa vụ bảo mật và các vi phạm cụ thể. Tuy nhiên, bí mật ngân hàng được công nhận là một nghĩa vụ pháp lý, cả trên thực tế và trong tiền lệ pháp, trong đó quy định nhiệm vụ của ngân hàng là bảo mật tất cả các dữ liệu tài chính, thông tin liên quan đến khách hàng.⁶⁵

Có thể thấy, việc quy định phạm vi thông tin khách hàng cần được bảo mật có sự khác nhau giữa hai hệ thống pháp luật. Cụ thể pháp luật các nước dân luật thường quy định nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng không chỉ giới hạn trong phạm vi thông tin khách hàng cung cấp, mà còn là bất kỳ thông tin nào liên quan đến khách hàng trong quá trình khách hàng giao dịch với TCTD sẽ được bảo mật nếu thông tin đó có tính bí mật; còn pháp luật của các nước thông luật thì lại quy định liệt kê thông tin khách hàng cần được bảo mật. Việc xác định phạm vi thông tin khách hàng cần bảo mật như trên xuất phát từ truyền thống lịch sử (bảo vệ quyền riêng tư), tăng cường năng lực cạnh tranh, thu hút tài chính từ các tổ chức, cá nhân khác không chỉ trong nước mà cả ở nước ngoài. Tuy nhiên điểm chung của cả hai hệ thống pháp luật là đều quy định bảo mật bất kỳ thông tin nào liên quan đến khách hàng trong quá trình TCTD giao dịch với khách hàng.

⁶² Maurice Aubert (1984), *The Limits of Swiss Banking Secrecy under Domestic and International Law*, tr.275.

⁶³ Luxembourg banking secrecy (Law of 5 April 1993 on the financial sector, as amended), <https://www.imolin.org/doc/amlid/Luxembourg_Law_1993.pdf>, truy cập ngày 18/3/2016

- The European Banking Federation, Anti-Fraud and Anti-Money Laundering Committee & Fiscal Committee (2004), *Report on Banking Secrecy*, Tlđđ, tr.20

⁶⁴ The European Banking Federation, Anti-Fraud and Anti-Money Laundering Committee & Fiscal Committee (2004), *Report on Banking Secrecy*, Tlđđ, tr. 19.

⁶⁵ The European Banking Federation, Anti-Fraud and Anti-Money Laundering Committee & Fiscal Committee (2004), *Report on Banking Secrecy*, Tlđđ, tr.68.

Tại Việt Nam, phạm vi thông tin khách hàng cần được bảo mật được quy định tại Điều 14 Luật các TCTD năm 2010: *“TCTD, CNNHNNg phải bảo mật đó là những thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại TCTD, CNNHNNg”*. Như vậy, pháp luật Việt Nam đã quy định phạm vi thông tin khách hàng mà các TCTD có nghĩa vụ bảo mật theo phương thức liệt kê và rõ ràng, đây là các thông tin rất quan trọng của khách hàng, nếu TCTD tiết lộ một trong các thông tin định danh, chẳng hạn mẫu chữ ký của khách hàng, kẻ gian có thể lợi dụng để rút tiền hoặc có những hành vi khác như mạo danh khách hàng để thực hiện các giao dịch mà khách hàng không mong muốn, yêu cầu TCTD cung cấp thông tin về khách hàng... trên cơ sở giả mạo chữ ký gây thiệt hại cho tài sản của khách hàng.

Liên quan đến thông tin số dư tài khoản, nắm được các thông tin này có thể biết được tình hình kinh doanh, khả năng tài chính hiện tại của khách hàng tại một thời điểm nhất định. Điều này cũng có nghĩa là hoàn toàn có thể đánh giá được khả năng cạnh tranh của khách hàng với các đối thủ. Nếu TCTD tiết lộ số dư tài khoản của khách hàng, trong nhiều trường hợp sẽ làm mất cơ hội kinh doanh của khách hàng. Các đối thủ cạnh tranh khai thác thông tin này để dành chiến thắng trong kinh doanh, gây thiệt hại cho khách hàng. Khi đó lợi ích chính đáng của khách hàng đã bị xâm hại. Ví dụ, đối thủ cạnh tranh có thể chèn ép khách hàng trong việc cùng mua, bán sản phẩm do đánh giá được khả năng chi trả của khách hàng trong thời điểm đó.

Còn thông tin liên quan đến giao dịch nộp tiền, rút tiền, chuyển tiền, nhận tiền của khách hàng. Đây là hoạt động cung ứng dịch vụ tương đối đơn giản của ngân hàng đối với khách hàng. Để thực hiện các giao dịch nộp tiền, rút tiền, chuyển tiền, nhận tiền, khách hàng thường phải cung cấp cho ngân hàng các thông tin cần thiết về người chuyển tiền, người nhận tiền, nơi nhận, số lượng tiền chuyển.... Tất cả những thông tin này ngân hàng có nghĩa vụ bảo mật vì đó là quyền được giữ bí mật riêng tư của khách hàng.

Đối với thông tin liên quan đến tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng, ngân hàng phải có nghĩa vụ bảo mật nhằm bảo đảm an toàn tiền gửi, tài sản gửi, bảo đảm được các bí mật riêng tư của người gửi tiền, tài sản.

Điều này cũng đã được hướng dẫn cụ thể tại Khoản 15, Khoản 18, Khoản 20 Điều 5 Quyết định số 45/QĐ-NHNN ngày 11 tháng 12 năm 2007 về độ mật của từng loại tài liệu, vật mang bí mật nhà nước trong ngành ngân hàng thì tài liệu, vật mang bí mật nhà

nước trong ngành Ngân hàng thuộc độ “Mật” gồm: Tài liệu liên quan đến tiền gửi và tài sản khác của từng khách hàng tại các TCTD. Mẫu chữ ký của chủ tài khoản, mẫu chữ ký dùng trong công tác thanh toán; mã số quy định cho khách hàng để xác định thẻ cá nhân của người dùng thẻ thanh toán, thẻ tín dụng và các loại thẻ khác dùng trong HĐNH.

Tuy nhiên, do tính đặc thù của HĐNH, nên các thông tin mà khách hàng cung cấp cho TCTD không chỉ là các thông tin của chính khách hàng mà có thể còn bao gồm các thông tin từ các đối tác của khách hàng. Ví dụ như trong thanh toán bằng thư tín dụng, ngân hàng thông báo (ngân hàng của bên bán) có thể không có mối quan hệ trực tiếp với bên mua hàng nhưng ngân hàng thông báo có thể biết được những thông tin như khối lượng, giá cả, thời gian nhận hàng, thời gian thanh toán... của bên mua. Nếu đối thủ cạnh tranh của bên mua hàng được ngân hàng thông báo cung cấp những thông tin này thì đối thủ đó có thể có biện pháp cạnh tranh không lành mạnh, chèn ép bên mua hàng và kết quả là có thể gây thiệt hại cho bên mua hàng. Do đó TCTD cũng cần phải có nghĩa vụ bảo mật những thông tin của đối tác của khách hàng.

Đồng thời, thông tin khách hàng trong HĐNH không chỉ gồm các thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi và các giao dịch khác của khách hàng như hướng dẫn tại Nghị định số 117/2018/NĐ-CP bởi HĐNH gồm các hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng và cung ứng dịch vụ thanh toán. Song thông tin khách hàng liên quan đến hoạt động cấp tín dụng lại chưa được quan tâm điều chỉnh.

Trong hoạt động cấp tín dụng, TCTD có quyền yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh phương án sử dụng vốn khả thi, khả năng tài chính của mình, mục đích sử dụng vốn hợp pháp, biện pháp bảo đảm tiền vay trước khi quyết định cấp tín dụng.⁶⁶ Ngoài ra, các TCTD còn có thể yêu cầu khách hàng cung cấp toàn bộ các báo cáo hàng quý, năm về tình hình sản xuất kinh doanh và những thông tin khác liên quan đến vốn vay. Như vậy, TCTD thông qua quá trình xét duyệt dự án cho vay đã sở hữu gần như toàn bộ các thông tin liên quan đến tài chính và hoạt động kinh doanh của khách hàng, kể cả những bí mật kinh doanh khác của khách hàng. Tuy nhiên, pháp luật đã không ghi nhận TCTD phải bảo mật các thông tin ấy của khách hàng. Việc này có thể ảnh hưởng đến lợi ích chính đáng của khách hàng.

⁶⁶ Khoản 1 Điều 94 Luật các TCTD năm 2010

Ở góc nhìn khác, thiếu những quy định về bảo mật thông tin khách hàng trong hoạt động cấp tín dụng không chỉ gây thiệt hại cho khách hàng mà còn gián tiếp gây thiệt hại cho các TCTD. Vì TCTD không bị ràng buộc rõ ràng về nghĩa vụ bảo mật các thông tin trong hoạt động này, do đó trong quá trình cung cấp các thông tin để vay vốn, khách hàng cũng rất dễ, lo ngại thông tin bị tiết lộ sẽ gây thiệt hại, từ đó cung cấp thông tin không đầy đủ, điều này có thể gây khó khăn cho hoạt động xét duyệt cấp tín dụng và TCTD có thể đưa ra các quyết định sai lầm. Chẳng hạn, TCTD ra quyết định không chấp thuận khách hàng có lịch sử tín dụng tốt. Trường hợp này sẽ dẫn đến việc khách hàng gặp khó khăn trong vay vốn, trở ngại trong chiến lược kinh doanh, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất. Về phía TCTD, mất đi cơ hội tăng thu nhập, mất đi một khách hàng.

Tóm lại, có thể thấy rằng các thông tin liên quan đến khách hàng mà các TCTD thông qua hoạt động nghiệp vụ của mình nắm giữ rất đa dạng và là những thông tin rất quan trọng, một khi bị các chủ thể không có quyền tiếp cận và các đối thủ cạnh tranh khai thác, sử dụng sẽ gây nhiều bất lợi, những tổn thất về kinh tế cho khách hàng, quấy rối hoạt động kinh doanh bình thường của khách hàng... Một TCTD không giữ bí mật thông tin khách hàng thường sẽ mất lòng tin của khách hàng nói riêng và của công chúng nói chung, từ đó sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của mình. Song, nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của TCTD sẽ phải duy trì đến khi nào, khi nào nghĩa vụ này sẽ chấm dứt?

Việc xác định thời hạn bảo mật thông tin khách hàng có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định trách nhiệm của TCTD trong việc bảo mật thông tin khách hàng. Chẳng hạn, những khách hàng dù đã chấm dứt giao dịch với các TCTD nhưng những thông tin của họ vẫn còn giá trị nếu bị đối thủ cạnh tranh của khách hàng khai thác hay những thông tin này vẫn cần được giữ bí mật vì vấn đề riêng tư.

2.3.2. Thời hạn thực hiện nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng

Về mặt lý luận, có nhiều lý do hợp lý để buộc các TCTD phải bảo mật thông tin của khách hàng cả trước, trong và sau khi kết thúc quan hệ hợp đồng.

Trước hết, thông tin được khách hàng cung cấp cho TCTD trước khi bắt đầu thỏa thuận hợp đồng có thể là thông tin tương tự được cung cấp bởi khách hàng sau khi thỏa thuận đó được đưa ra; do đó các thông tin như vậy thuộc trách nhiệm bảo mật của TCTD.

Thứ hai, thông tin cung cấp cho TCTD vào bất kỳ thời điểm nào trong mối quan hệ giữa TCTD và khách hàng thực sự thuộc trách nhiệm bảo mật của TCTD theo nguyên tắc tin cậy, tín thác và theo nghĩa vụ chuyên môn nghề nghiệp.

Thứ ba, các thông tin liên quan đến riêng tư, cá nhân của khách hàng cần phải được TCTD tôn trọng và bảo đảm bí mật bởi việc tiết lộ bất kỳ thông tin bí mật nào của khách hàng sau khi chấm dứt mối quan hệ giữa TCTD và khách hàng có thể gây ra tổn thất hoặc thiệt hại cho người đó.

Cuối cùng, thông tin bí mật của khách hàng có thể có tính nhạy cảm về mặt thương mại và việc tiết lộ có thể ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh sau đó của họ.

Với các yếu tố trên, dường như trách nhiệm bảo mật của ngân hàng phải được duy trì vô thời hạn, ngay cả sau khi khách hàng qua đời, miễn là luật pháp không quy định thời gian cụ thể cho việc chấm dứt nghĩa vụ.

Tuy nhiên, trên thực tiễn, việc xác định thời hạn bảo mật thông tin khách hàng được quy định không giống nhau ở từng nước. Chẳng hạn, ở Anh, trong Án lệ Tounier năm 1924, Tòa án Anh đã xác định rõ rằng *nghĩa vụ bảo mật không chỉ giới hạn khi tồn tại mối quan hệ với khách hàng mà còn tiếp tục sau khi chấm dứt*;⁶⁷ còn ở Ai Len, *nghĩa vụ bảo mật thông tin khách được áp dụng cả trước khi mối quan hệ giữa ngân hàng và khách hàng bắt đầu, sau khi nó chấm dứt, và không bị xóa sổ khi đóng tài khoản*;⁶⁸ Thụy Điển cũng quy định: *nghĩa vụ bảo mật tiếp tục ngay cả sau khi mối quan hệ đã chấm dứt*;⁶⁹ pháp luật Đức quy định *tất cả các thông tin có được trong hợp đồng và trước giai đoạn ký kết hợp đồng giữa ngân hàng và khách hàng đều được ngân hàng bảo mật*.⁷⁰

Có thể nhận thấy rằng, pháp luật nhiều nước trên thế giới đã quy định nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng không chỉ giới hạn khi tồn tại mối quan hệ giữa ngân hàng và khách hàng mà còn áp dụng cả trước và sau khi mối quan hệ này chấm dứt.

Ở Việt Nam, Luật các TCTD năm 2010 và các văn bản hướng dẫn liên quan cũng quy định thông tin TCTD, CNHNHN phải bảo đảm bí mật thông tin do khách hàng

⁶⁷ - Tournier v. National Provincial and Union Bank of England (1924), 1 KB 467

- Ameera Alqayem (2014), *The banker customer confidential relationship*, The degree of PhD in law, Brunel University, tr.101

⁶⁸ The European Banking Federation, Anti-Fraud and Anti-Money Laundering Committee & Fiscal Committee (2004), *Report on Banking Secrecy*, Tlđđ, tr.18

⁶⁹ The European Banking Federation, Anti-Fraud and Anti-Money Laundering Committee & Fiscal Committee (2004), *Report on Banking Secrecy*, Tlđđ, tr.23

⁷⁰ Hu Ying (2015), Tlđđ, tr.20

cung cấp, thông tin phát sinh trong quá trình khách hàng đề nghị hoặc được TCTD, CNNHNNg cung ứng các nghiệp vụ ngân hàng, sản phẩm, dịch vụ trong hoạt động được phép.⁷¹ Điều này cho thấy, pháp luật Việt Nam bước đầu cũng đã thừa nhận việc bảo mật thông tin trước khi hình thành mối quan hệ giữa ngân hàng và khách hàng. Vậy khi nào việc bảo mật thông tin của các TCTD sẽ chấm dứt?

Theo Điểm b Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP, quy định về trách nhiệm của TCTD: “*Đảm bảo an toàn, bí mật thông tin khách hàng trong quá trình cung cấp, quản lý, sử dụng, lưu trữ thông tin khách hàng*”. Theo quy định này, có thể hiểu là nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của TCTD không giới hạn về thời gian. Tuy nhiên, theo quy định tại Khoản 15, Khoản 18, Khoản 20 Điều 5 Quyết định số 45/QĐ-NHNN ngày 11 tháng 12 năm 2007 về độ mật của từng loại tài liệu, vật mang bí mật nhà nước trong ngành ngân hàng như đã đề cập thì theo Điểm c Khoản 1 Điều 19 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018, thời hạn giải mật đối với những thông tin này là 10 năm.

Có thể nhận thấy, một mặt pháp luật Việt Nam hiện hành có sự tương thích với pháp luật của nhiều nước trên thế giới khi quy định nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng không chỉ tồn tại khi hình thành mối quan hệ giữa ngân hàng và khách hàng mà còn áp dụng cả trước và sau khi mối quan hệ này chấm dứt. Quy định này là phù hợp, đã khắc phục được những hạn chế trong các quy định pháp luật trước đây.⁷² Mặt khác, quy định thời hạn chấm dứt nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH của TCTD chưa có sự thống nhất, rõ ràng, nên chẳng cần được hướng dẫn rõ ràng, cụ thể hơn.

Tóm lại, bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH là nguyên tắc được ghi nhận trong pháp luật của nhiều nước trên thế giới. Việc xác định cụ thể phạm vi của nghĩa vụ có ý nghĩa rất quan trọng. Đây là cơ sở để xác định và xử lý vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin và là cơ sở bảo đảm quyền được bảo mật thông tin của khách hàng trong HĐNH.

2.4. Sự cần thiết phải bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng

Thời gian qua, nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH của TCTD

⁷¹ Khoản 2 Điều 14 Luật các TCTD năm 2010, Điều 3, Điều 4 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP

⁷² Nghị định số 70/2000/NĐ-CP ngày 22/11/2000 chỉ quy định việc TCTD có nghĩa vụ giữ bí mật, lưu trữ và cung cấp các thông tin có liên quan đến tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng gửi tại các TCTD...(Khoản 1 Điều 1)

đã trở thành chủ đề gây tranh cãi và là mục tiêu của những lời chỉ trích nặng nề về việc che đậy tội phạm và hành vi không hợp pháp như rửa tiền, trốn thuế, tài trợ khủng bố... sau áp lực quốc tế chủ yếu từ Liên Hợp Quốc (The United Nations - UN) trong cuộc chiến chống ma túy,⁷³ Lực lượng Đặc nhiệm Tài chính Quốc tế (Financial Action Task Force - FATF) trong hoạt động phòng, chống rửa tiền, khủng bố và tài trợ khủng bố...,⁷⁴ Tổ chức Hợp tác Kinh tế và Phát triển (Organisation for Economic Cooperation and Development - OECD) trong chiến dịch toàn cầu liên quan đến tính minh bạch thuế,⁷⁵ Nhóm các nước phát triển (G20 Nations - G20 trong hoạt động trao đổi thông tin ngân

⁷³ **Liên Hợp Quốc**, trong nỗ lực chống buôn bán ma túy, vào năm 1988, UN đã thông qua một Công ước về Chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và chất hướng thần, trong Khoản 3 Điều 5 Công ước nêu rõ: “Để thực hiện được những biện pháp trong Điều này, mỗi bên ủy quyền cho Toà án hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác ra quyết định về việc xuất trình hoặc thu giữ những hồ sơ, chứng từ về ngân hàng, tài chính, thương mại. Mỗi bên không được từ chối thực hiện quy định của khoản này vì lý do bí mật ngân hàng”. Như vậy, Điều 5 của Công ước là một sự biểu thị rõ ràng rằng các quốc gia phải bảo đảm rằng luật pháp được ban hành không được viện dẫn lý do vì bảo mật ngân hàng để ngăn chặn việc công bố thông tin khách hàng khi có nghi ngờ rằng đó là các khoản tiền thu được từ buôn bán ma túy. Điều khoản này đã dẫn đến việc thực thi luật pháp cụ thể ở mỗi nước.

⁷⁴ **FATF** là cơ quan liên chính phủ được thành lập vào tháng 7/1989 tại Hội nghị thượng đỉnh G7 tổ chức tại Paris với nhiệm vụ thiết lập các tiêu chuẩn, phát triển và thúc đẩy các chính sách quốc gia và quốc tế nhằm chống rửa tiền (AML) và chống tài trợ khủng bố (CFT).

Nhiệm vụ hàng đầu của FATF là giúp các nước thành viên ban hành các quy định về chống rửa tiền mà mục tiêu cuối cùng là ban hành được Luật phòng, chống rửa tiền. Với mục tiêu này, tháng 4/1990, FATF đưa ra 40 khuyến nghị nhằm chống lại sự lạm dụng hệ thống tài chính để rửa tiền buôn lậu ma túy. (Xem thêm: 40 Khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền (FATF), <<https://luattaichinh.wordpress.com/2015/06/04/40-khuyen-nghi-cua-luc-luong-dac-nhiem-ti-chinh-ve-chong-rua-tien-fatf/>>, truy cập 15/6/2016)

Các khuyến nghị từ 12 đến 22 đã đưa ra các mục tiêu cụ thể nhằm bảo đảm rằng các tổ chức tài chính thực hiện một hệ thống nhận dạng khách hàng, cập nhật, theo dõi thông tin về khách hàng cũng như lưu giữ hồ sơ khách hàng và phát triển kỹ thuật quản lý tiền hiện đại và an toàn, ít có khả năng rửa tiền hơn.

Đáng chú ý nhất, Khuyến nghị 29 quy định rằng các quốc gia nên thiết lập một chế độ pháp lý để ngân hàng và các tổ chức tài chính khác ngăn chặn và phát hiện rửa tiền.

Năm 1996 và 2003, 40 khuyến nghị này đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với những diễn biến mới trong lĩnh vực rửa tiền và để phản ánh sự phát triển của những mô hình AML tốt nhất trên thế giới.

Từ tháng 10/2001, FATF đã mở rộng sứ mệnh của mình vượt ra khỏi phạm vi chống rửa tiền (AML) để thực hiện thêm nhiệm vụ về chống tài trợ khủng bố (CFT) trên toàn thế giới với việc thông qua 8 khuyến nghị đặc biệt đầu tiên về CFT. Tháng 10/2004, FATF thông qua khuyến nghị đặc biệt thứ 9 liên quan đến người chuyển phát nhanh tiền mặt. Giống như 40 khuyến nghị về chống rửa tiền, 9 khuyến nghị đặc biệt này không đơn giản chỉ là những đề nghị mà là mệnh lệnh hành động đối với mỗi nước, không chỉ các nước thành viên của FATF, mà còn những nước khác - nếu nước đó muốn được coi là nước tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về chống tài trợ khủng bố. Hơn nữa, FATF cũng yêu cầu tất cả các nước phải áp dụng 9 khuyến nghị đặc biệt và tham gia vào việc tự đánh giá. Việc thực hiện 9 khuyến nghị đặc biệt về chống tài trợ khủng bố và 40 khuyến nghị về chống rửa tiền đã tạo khuôn khổ cơ bản cho việc phát hiện, ngăn ngừa và chống tài trợ cho khủng bố và cũng góp phần làm “suy yếu” bảo mật thông tin khách hàng của ngân hàng.

⁷⁵ **OECD** là một tổ chức liên chính phủ được thành lập theo một hiệp định ký tại Paris vào ngày 14 tháng 12 năm 1960. OECD chịu trách nhiệm khởi xướng chiến dịch toàn cầu về việc bãi bỏ bảo mật ngân hàng liên quan đến tính minh bạch thuế.

Năm 1985, Ủy ban về vấn đề tài chính đã đưa ra báo cáo, Thuế và Lạm dụng bí mật của Ngân hàng “Báo cáo năm 1985” được xuất bản trong cuốn sách Tránh thuế và trốn thuế: Bốn nghiên cứu liên quan (OECD, 1987).

hàng liên quan đến minh bạch thuế⁷⁶ và Hoa Kỳ trong nỗ lực nhằm ngăn ngừa các hành vi trốn thuế thông qua các khoản đầu tư tại các tổ chức tài chính nằm ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ của các cá nhân, tổ chức nộp thuế Hoa Kỳ.⁷⁷ Song, nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của ngân hàng là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng đối với khách hàng, với TCTD và của cả nền kinh tế của mỗi quốc gia. Cụ thể như sau:

- Đối với khách hàng

Thông qua việc phân tích các thông tin khách hàng trong HĐNH của TCTD, cũng như ảnh hưởng của các thông tin này đối với hoạt động kinh doanh của khách hàng, có thể nhận thấy việc bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH là cần thiết.

Thứ nhất, bảo vệ dữ liệu liên quan đến cá nhân

Khi khách hàng mở một tài khoản tại TCTD, TCTD bắt đầu thu thập thông tin liên quan đến khách hàng để kiểm tra thông tin định danh và các giao dịch của khách

(Tax avoidance vs. tax evasion (Tránh thuế và trốn thuế): Tránh thuế cho phép một cá nhân hay doanh nghiệp hạ thấp mức thuế thu nhập còn nợ bằng việc xin những khoản khấu trừ và khoản tín dụng được cho phép. Trốn thuế là bất hợp pháp bởi vì nó cho phép một cá nhân hay doanh nghiệp tránh đóng thuế.)

Báo cáo đề xuất “tăng cường khi cần thiết thông tin có sẵn trong nước thông qua việc nối lỏng bí mật ngân hàng đối với cơ quan thuế”. Điều này phải đạt được bằng cách thúc giục cơ quan thuế của các quốc gia có quyền truy cập hạn chế thông tin khách hàng của ngân hàng để khuyến khích chính phủ của họ nối lỏng các quy tắc bảo mật ngân hàng áp dụng cho cơ quan thuế.- OECD (2000), *Improving Access to Bank Information for Tax Purposes*, đoạn 8, <<https://www.oecd.org/ctp/exchange-of-tax-information/2497487.pdf>>)

⁷⁶ **G20** được thành lập năm 1999 sau cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ Châu Á 1997 - 1998, họp thường niên ở cấp Bộ trưởng Tài chính để thảo luận các vấn đề kinh tế- tài chính toàn cầu giữa các nước phát triển và các nền kinh tế mới nổi. Thành viên bao gồm: G7 (Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Nhật, Canada, Italia), BRIC (Braxin, Nga, Trung Quốc, Ấn Độ), Các nền kinh tế mới nổi có quy mô lớn (Australia, Argentina, Mexico, Hàn Quốc, Indonesia, Nam Phi, Ả rập Xê-út, Thổ Nhĩ Kỳ) và EU. Quy mô của G20 chiếm 2/3 dân số thế giới, 90% GDP toàn cầu và 80% thương mại quốc tế.

Vào tháng 4 năm 2009, các nhà lãnh đạo của G20 tuyên bố kết thúc bí mật ngân hàng. Các nhà lãnh đạo đặc biệt đồng ý hành động chống lại các khu vực pháp lý phi hợp tác, bao gồm cả thuế và sẵn sàng triển khai các biện pháp trừng phạt để bảo vệ tài chính công và hệ thống tài chính. Đồng thời tuyên bố: Kỷ nguyên bí mật ngân hàng đã kết thúc. (OECD (2011), “*The Era of Banking Secrecy is Over*”- The G20/OECD Process is Delivering Results, (26 October 2011), <<https://www.oecd.org/ctp/exchange-of-tax-information/48996146.pdf>>)

⁷⁷ **Đạo Luật về tuân thủ thuế đối với tài khoản nước ngoài**, gọi tắt là **FATCA** (Foreign Account Tax Compliance Act) được Chính phủ Mỹ chính thức thông qua ngày 18 tháng 3 năm 2010. FATCA ra đời sau hàng loạt câu chuyện về việc các nhà băng giúp khách hàng trốn thuế, điển hình trường hợp của UBS- Thụy Sĩ, vào năm 2009, ngân hàng này đã phải chịu phạt đến 890 triệu USD và phải cung cấp cho Mỹ hồ sơ tài chính gần năm ngàn các tài khoản bảo mật được mở tại đây.

(Mai Phương, *Ngân hàng Thụy Sĩ nay không còn bí mật!*, <<http://plo.vn/kinh-te/ngan-hang-thuy-sy-nay-khong-con-bi-mat-250399.html>>, truy cập 15/9/2016)

Mục đích của Đạo luật này là nhằm ngăn ngừa các hành vi trốn thuế của các cá nhân/tổ chức Hoa Kỳ thông qua các khoản đầu tư tại các tổ chức tài chính nằm ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ. Luật này yêu cầu các tổ chức tài chính nước ngoài - FFI (Foreign Financial Institutions) phải thực hiện soát xét các chủ tài khoản và các nhà đầu tư của mình để xác định xem tài khoản của họ có phải là “tài khoản” Hoa Kỳ không.

Việc triển khai FATCA cho phép tiết lộ thông tin khách hàng tự động cho cơ quan thuế của Hoa kỳ đã thể hiện sự suy giảm đáng kể về nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng.

hàng theo yêu cầu “nhận biết khách hàng”.⁷⁸ Nếu thông tin này không được bảo vệ, khách hàng sẽ dễ bị tổn thương đối với mọi loại lạm dụng, đặc biệt là sau việc gia tăng các HDNH trực tuyến. Sử dụng ngân hàng trực tuyến đang là xu thế của ngân hàng hiện đại và tội phạm mạng cũng đang hướng đến xu thế này để chiếm đoạt tài sản của người dùng. Hai cách thức phổ biến mà hacker sử dụng để chiếm đoạt tài khoản ngân hàng của người dùng, chẳng hạn ở Việt Nam đó là sử dụng mã độc để đánh cắp thông tin và giả mạo website của các ngân hàng, tổ chức tài chính để qua mặt người sử dụng. Nếu gian lận tài chính tiếp tục tăng do hành vi trộm cắp danh tính, rủi ro phải là được giả định bởi các TCTD hoặc khách hàng của họ. Điều này, không chỉ là bắt buộc TCTD phải giữ thông tin khách hàng an toàn và bảo mật để ngăn chặn việc đánh cắp nhận dạng, mà TCTD còn phải trang bị một hệ thống tuân thủ hiệu quả để phát hiện các trường hợp gian lận danh tính.

Ngoài ra, thông tin khách hàng mà TCTD nắm giữ phản ánh nhiều khía cạnh cuộc sống cá nhân của khách hàng. Ví dụ, ngân hàng biết được thông tin liên quan đến nghề nghiệp, tuổi tác, tình trạng hôn nhân của khách hàng, thói quen tiêu dùng.... Nếu thông tin này bị rò rỉ, nó có thể khiến khách hàng bị “quấy rối” bởi những hoạt động tiếp thị đang trở nên phổ biến.

Bên cạnh đó, có những lý do quan trọng khác mà thông tin khách hàng cần được bảo vệ, đặc biệt là để bảo vệ sự an toàn cá nhân của khách hàng. Ví dụ, nếu có ai đó thể truy cập vào thông tin do TCTD nắm giữ, người đó có thể tìm địa chỉ cư trú hoặc nơi làm việc của khách hàng, điều này có thể khiến khách hàng gặp phải những người lạ hoặc người theo dõi không mong muốn.

Thứ hai, giữ trạng thái riêng tư về tài chính.

Các thông tin riêng tư về tài chính như số dư từ tài khoản, giao dịch của khách hàng có thể phản ánh mức độ giàu có của khách hàng. Sự giàu có cũng có thể mang lại sự chú ý từ những người khác, những người mong muốn người đó chia sẻ tài chính với họ hoặc quyên góp cho một tổ chức từ thiện hoặc mục đích khác. Do đó, khách hàng luôn mong muốn giữ bí mật về sự giàu có của mình, đồng thời việc giữ bí mật những thông tin này, trong một số trường hợp sẽ ngăn chặn các tranh chấp xảy ra giữa các thành

⁷⁸ Ở Việt Nam, quy định nhận biết khách hàng là một yêu cầu bắt buộc mà tổ chức tài chính phải áp dụng (Điều 8, 9 Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012)

viên trong gia đình họ.

Thứ ba, bảo vệ thông tin nhạy cảm về thương mại

Để duy trì lợi thế cạnh tranh thì việc giữ bí mật thông tin doanh nghiệp (phương án sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, mối quan hệ với đối tác của khách hàng...) là một chiến lược quan trọng trong kinh doanh. Việc TCTD tiết lộ thông tin nhạy cảm về mặt thương mại có thể khiến doanh nghiệp gặp nguy hiểm từ đối thủ cạnh tranh.

Bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH tức là bảo đảm cho các chủ thể kinh doanh cạnh tranh lành mạnh, bảo đảm được lợi ích chính đáng của khách hàng, bảo đảm an toàn tài sản, tiền gửi và các giao dịch khác của khách hàng, những điều này không chỉ có ý nghĩa đối với bản thân khách hàng mà còn có ý nghĩa đối với sự phát triển lành mạnh cho xã hội.

- Đối với các tổ chức tín dụng

Hệ thống các TCTD được xem như là huyết mạch của nền kinh tế, bởi đây là kênh huy động các nguồn vốn nhàn rỗi trong xã hội để đáp ứng nhu cầu về vốn đầu tư, sản xuất kinh doanh hay tiêu dùng của các chủ thể khác nhau trong xã hội.⁷⁹ Đồng thời, các TCTD còn cung ứng phương tiện thanh toán, dịch vụ thanh toán và các dịch vụ khác để phục vụ cho hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh của các nhà đầu tư, các chủ thể kinh doanh trong nền kinh tế. Là trung gian tài chính, thu nhập của TCTD chính là khoản chênh lệch giữa lãi suất huy động và lãi suất cho vay và từ những khoản phí thu được từ việc cung ứng dịch vụ cho khách hàng. Nói cách khác, TCTD không trực tiếp làm ra của cải vật chất mà “sống” được nhờ khách hàng. Chính vì thế, giữ khách hàng là điều quan trọng nhất cho sự tồn tại của TCTD. Bảo mật thông tin khách hàng là tiêu chí không thể thiếu trong quá trình hoạt động của TCTD để đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Bảo mật được thông tin khách hàng sẽ giúp các TCTD được đạt các mục đích sau:

Thứ nhất, khuyến khích tiền gửi ngân hàng

⁷⁹ Theo Nguyễn Thị Thủy, Nguyễn Thị Thu Hiền (2014), *Quyền tiếp cận các nguồn lực phát triển của nhà đầu tư*, Kỷ yếu hội thảo cấp khoa, Trường Đại học Luật TP.HCM: ở các quốc gia có nền kinh tế thị trường phát triển, bên cạnh hệ thống ngân hàng, việc huy động vốn cho nền kinh tế còn có thể thực hiện thông qua các kênh tài chính hữu hiệu khác như thị trường chứng khoán, thị trường bảo hiểm... Tuy nhiên, ở Việt Nam, các định chế tài chính này còn chưa phát triển. Thị trường chứng khoán chưa ổn định và hoạt động chưa hiệu quả. Thị trường bảo hiểm còn non trẻ và chưa phát triển do cuộc sống còn nhiều khó khăn, nên nhu cầu tham gia bảo hiểm của người dân còn hạn chế. Trong bối cảnh đó, vai trò cung ứng vốn, điều hòa vốn cho nền kinh tế vẫn chủ yếu do Hệ thống các tổ chức tín dụng thực hiện.

Một trong những lý do quan trọng để bảo mật thông tin khách hàng của TCTD là khuyến khích mọi người gửi tiền vào các TCTD và ngăn cản việc tích trữ tiền cá nhân. Khách hàng sẽ không gửi tiền vào tài khoản ngân hàng nếu thông tin về khách hàng và giao dịch của họ bị rò rỉ. Điều này có thể khuyến khích khách hàng giữ tiền ở nhà hoặc thậm chí có thể chuyển sang các khoản đầu tư tài chính thay thế như vàng, đầu tư vào tiền ảo. Tuy nhiên, một tác động khác của việc khách hàng không gửi tiền vào TCTD sẽ ảnh hưởng đến cả TCTD và tác động tiêu cực đến nền kinh tế.

Thứ hai, thúc đẩy hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng

Thông tin liên quan đến khách hàng được TCTD thu thập và lưu giữ nhằm phục vụ cho hoạt động kinh doanh của họ. Các TCTD không thể hoạt động hiệu quả nếu không có thông tin đầy đủ về khách hàng, những thông tin này được sử dụng ở nhiều khía cạnh trong hoạt động kinh doanh của các TCTD. Cụ thể:

i) Đây là thông tin được sử dụng nhằm phục vụ trực tiếp trong hoạt động kinh doanh của TCTD. Ví dụ: để cung cấp dịch vụ tiết kiệm, TCTD cần phải biết tên, địa chỉ và các thông tin định danh khác của khách hàng.

ii) Thông tin của khách hàng được TCTD tham khảo để phòng tránh các rủi ro hoạt động, rủi ro tín dụng. Nghĩa là, TCTD cần phải có khả năng phân tích thông tin về lịch sử tín dụng của người xin cấp tín dụng để giảm rủi ro của nợ quá hạn và thu hồi nợ hiệu quả.

iii) Thông tin của khách hàng được TCTD sử dụng nhằm mục tiêu quảng bá, tiếp thị các sản phẩm tài chính nhất định một cách dễ dàng, nhanh chóng và tiết kiệm chi phí. Đây là một biện pháp hợp lý để các TCTD có thể tồn tại trong những thời điểm cạnh tranh cao như hiện nay.

Có thể nhận thấy rằng, nếu khách hàng tin tưởng rằng các thông tin của mình được bảo mật, họ có thể cung cấp các thông tin của mình một cách đầy đủ, từ đó TCTD sẽ tránh được các rủi ro pháp lý khi không đủ thông tin của khách hàng, hoạt động kinh doanh ngân hàng sẽ đạt được hiệu quả.

- Đối với nền kinh tế

Để thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế cần phải tạo mọi điều kiện cho ngân hàng hoạt động tốt, thu hút được nhiều khách hàng. Bên cạnh việc tăng uy tín của mình bằng cách tăng cường các dịch vụ nhanh chóng, tiện lợi thì một yếu tố không kém phần

quan trọng là ngân hàng phải bảo mật thông tin khách hàng. Bảo mật thông tin khách hàng sẽ tạo được lòng tin của khách hàng, từ đó số lượng khách hàng tham gia giao dịch với ngân hàng ngày càng tăng, kéo theo lượng tiền lưu thông và số người sử dụng dịch vụ ngân hàng tăng lên, khi đó ngân hàng sẽ có lượng vốn dồi dào để cấp tín dụng, tận dụng được nguồn vốn nhàn rỗi trong dân cư và sẽ sinh lời khi được sử dụng bởi các nhà đầu tư.

Khi có lòng tin vào ngân hàng, các chủ thể kinh doanh sẽ yên tâm giao dịch với ngân hàng, sử dụng các dịch vụ của ngân hàng mà không sợ bị tiết lộ thông tin làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tận dụng được nguồn vốn do ngân hàng cấp tín dụng, tiến hành các hoạt động sản xuất, tạo ra việc làm cho người lao động, tạo ra của cải vật chất, góp phần ổn định và phát triển nền kinh tế.

Tóm lại, việc bảo mật thông tin khách hàng đem nhiều lợi ích cho các bên tham gia quan hệ pháp luật này. Do vậy, bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH của các TCTD là một nghĩa vụ hết sức cần thiết mà TCTD phải triệt để tuân thủ. Các quy định pháp luật liên quan đến nghĩa vụ này vẫn là những quy định có ý nghĩa quan trọng trong các hệ thống pháp luật hiện đại.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong chương 2, thông qua việc sử dụng những phương pháp chủ đạo như phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp và phương pháp Luật học so sánh, tác giả đã phân tích những vấn đề lý luận của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH của TCTD. Các kết quả nghiên cứu cụ thể dưới đây:

Thứ nhất, làm rõ thông tin khách hàng trong HĐNH. Cụ thể, đó là những thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi và các giao dịch khác của khách hàng được hình thành trong quá trình khách hàng đề nghị hoặc được TCTD cung ứng các sản phẩm, dịch vụ. Tuy nhiên, xuất phát từ tính đặc thù của HĐNH, các thông tin liên quan đến đối tác của khách hàng, thông tin liên quan đến hoạt động cấp tín dụng cũng cần được quan tâm điều chỉnh.

Thứ hai, làm rõ cơ sở hình thành và phát sinh, bản chất của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH. Cụ thể, nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH là nghĩa vụ có lịch sử hình thành từ lâu đời và đã được ghi nhận ở nhiều nước trên thế giới. Đây là nghĩa vụ mà các TCTD phải triệt để tuân thủ bởi nghĩa vụ này không chỉ phát sinh từ sự tôn trọng quyền riêng tư của cá nhân, nghĩa vụ liên quan đến hoạt động chuyên môn nghề nghiệp mà còn dựa trên nguyên tắc thiện chí, trung thực trong luật về hợp đồng, pháp luật về đại lý.

Thứ ba, phân tích, xác định phạm vi thông tin khách hàng cần được bảo mật, thời điểm phát sinh và chấm dứt nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng. Bởi, thông tin liên quan đến khách hàng mà các TCTD thông qua nghề nghiệp của mình nắm giữ rất đa dạng và là những thông tin có giá trị kinh tế cao. Việc thông tin bí mật của khách hàng bị tiết lộ có thể dẫn đến rất nhiều hệ lụy. Do đó, việc xác định phạm vi thông tin khách hàng cần được bảo mật, thời hạn thực hiện nghĩa vụ bảo mật có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định trách nhiệm của TCTD.

Thứ tư, bảo mật thông tin của khách hàng trong HĐNH sẽ góp phần quan trọng trong việc tạo lòng tin nơi khách hàng, giúp bảo vệ lợi ích chính đáng của khách hàng, hỗ trợ hoạt động kinh doanh ngân hàng, khuyến khích huy động được nguồn tài chính trong nước và thu hút vốn từ bên ngoài, từ đó đóng góp vào sự phát triển chung của nền kinh tế đất nước. Do đó, bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong hệ thống pháp luật của mỗi quốc gia.

CHƯƠNG 3. GIỚI HẠN CỦA NGHĨA VỤ BẢO ĐẢM BÍ MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG TRONG HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

TCTD phải bảo mật thông tin khách hàng, không được cung cấp thông tin của khách hàng cho bất kỳ chủ thể nào. Đây là hệ quả phát sinh theo cam kết trong hợp đồng, hoặc do pháp luật quy định khi khách hàng xác lập, thực hiện, chấm dứt giao dịch với TCTD. Tuy nhiên, dưới góc độ thực hiện quyền dân sự, đây là quan hệ có thể làm phát sinh “xung đột” giữa các lợi ích: bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng; thực hiện trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác có liên quan. Do đó, cần phải có giới hạn để bảo đảm quyền của khách hàng, tránh tình trạng lạm dụng các giới hạn để tiết lộ/ cung cấp hoặc không làm hết/ làm tốt nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong hoạt động kinh doanh của TCTD; đồng thời không “lấn” vào những phần bị nhà nước “hạn chế”. Việc xác định rõ ràng, cụ thể các giới hạn của nghĩa vụ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, không chỉ trong xây dựng, gìn giữ niềm tin của khách hàng đối với một TCTD cụ thể, mà còn đối với cả hệ thống tín dụng của quốc gia và hiệu lực quản lý nhà nước. Hầu hết các nước đều thống nhất rằng, nghĩa vụ này không phải là tuyệt đối mà có giới hạn/ ngoại lệ hạn chế để giải quyết các tình huống và hoàn cảnh khác nhau.⁸⁰ Tất

⁸⁰ Sở dĩ tác giả luận án đặt vấn đề sử dụng thuật ngữ là giới hạn, ngoại lệ hạn chế của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng là vì trong các nghiên cứu của một số học giả nước ngoài như trong cuốn sách Sandra Booysen, Dora Neo (2017), *Can Banks Still Keep a Secret? Bank Secrecy in Financial Centres Around the World*, Cambridge University Press), (tập hợp các bài viết của tác giả ở nhiều nước khác nhau) hay các tác giả Gwendoline Godfrey, Danforth Newcomb, Brian Burke, George Chen, Niklas Schmidt, Eva Stadler, Dimitria Coucouni, William Johnston and Walter H Boss, *Bank Confidentiality – A Dying Duty But Not Dead Yet?*, Business Law International, Vol 17, No 3 thường sử dụng từ “exception”: “Exceptions from Swiss bank confidentiality”, “Exceptions to bank confidentiality”.. Và khi dịch sang tiếng Việt, các tác giả trong các bài viết như Nguyễn Thanh Tú (2004), *Nghĩa vụ giữ bí mật thông tin khách hàng của các tổ chức tín dụng*, Tạp chí Khoa học pháp lý (1), Nguyễn Ngọc Minh (2011), Một số vấn đề về nguyên tắc bảo vệ bí mật thông tin khách hàng và cuộc đấu tranh chống rửa tiền, tạp chí Ngân hàng (10) cũng lập luận là ngoại lệ của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng.

Về mặt ngữ nghĩa **ngoại lệ** (danh từ) “cái nằm ngoài cái chung, ngoài những cái thông thường” (Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (2005), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa Sài Gòn, tr.1127); còn **nghĩa vụ** là “việc bắt buộc phải làm đối với xã hội, đối với người khác mà pháp luật hay đạo đức quy định” (Tlđd, tr.1121); **giới hạn** (danh từ) là “phạm vi, mức độ nhất định, không thể hoặc không được phép vượt qua” hoặc (động từ) là “quy định một giới hạn” (Tlđd, tr.691); **hạn chế** (động từ) là “giữ lại, ngăn lại trong một giới hạn nhất định, không để cho vượt qua” (Tlđd, tr.715);

Qua đây cho thấy, ngoại lệ của nghĩa vụ là cái nằm ngoài nghĩa vụ thông thường mà nghĩa vụ là điều bắt buộc phải tuân theo, do đó có thể hiểu ngoại lệ của nghĩa vụ bảo mật là trong một số trường hợp có thể cho phép cung cấp thông tin khách hàng nhưng phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và do vậy ngoại lệ của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng nên được hiểu cụ thể là ngoại lệ hạn chế của nghĩa vụ này.

cả các giới hạn này đều phải được xác định và áp dụng một cách nghiêm ngặt trong phạm vi do luật định.

Mục đích của chương này là phân tích nguyên tắc của nghĩa vụ bảo mật; phân tích giới hạn, lý giải lý do phải giới hạn nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH của một số quốc gia. Đồng thời, phân tích, đánh giá, so sánh pháp luật Việt Nam trong mối tương quan với pháp luật của một số nước được tác giả lựa chọn, từ đó đề xuất các kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam về vấn đề này.

3.1. Nguyên tắc của nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng

Bảo đảm bí mật thông tin khách hàng là nguyên tắc chính trong mối quan hệ giữa TCTD và khách hàng. Nguyên tắc này được hình thành dựa trên sự tôn trọng quyền riêng tư của cá nhân, nghĩa vụ liên quan đến hoạt động chuyên môn nghề nghiệp và nguyên tắc thiện chí, trung thực trong luật về hợp đồng, pháp luật về đại lý. Theo đó, TCTD không được để cho thông tin về cuộc sống riêng tư cá nhân, tài chính của khách hàng bị chủ thể khác tự do tiếp cận, khai thác nếu những thông tin đó TCTD có được do khách hàng cung cấp hoặc thông tin phát sinh trong quá trình giao dịch, cung ứng các nghiệp vụ ngân hàng, sản phẩm, dịch vụ trên cơ sở hợp đồng giữa khách hàng với các TCTD.

Tuy nhiên, nguyên tắc này đã và đang bị thách thức theo thời gian. Sự phát triển của khoa học công nghệ tạo nhiều thuận lợi cho khách hàng và hoạt động kinh doanh ngân hàng nhưng bên cạnh sự thuận lợi đó là những rủi ro và cơ hội gian lận phát sinh. Chẳng hạn, việc khách hàng lợi dụng các quy định bảo mật để thực hiện việc che giấu tội phạm và hành vi sai trái như thực hiện các giao dịch liên quan đến tài trợ khủng bố, mua bán ma túy, rửa tiền... sẽ gây nhiều bất lợi cho xã hội. Trong trường hợp này, nhà nước với tư cách là người đảm nhận chức năng bảo đảm tính có tổ chức của xã hội, có nghĩa vụ tạo điều kiện thuận lợi nhất cho việc thực hiện quyền được bảo mật thông tin của công dân trong khuôn khổ trật tự xã hội. Tuy nhiên, khi cần thiết để bảo vệ an ninh công cộng, an toàn và phúc lợi chung, thì nhà nước quyết định cần hạn chế đối với

Bên cạnh đó giữa từ giới hạn và hạn chế, tuy có những điểm khác nhau về sắc thái nghĩa nhưng giữa giới hạn với hạn chế lại có những nét gần gũi, giao thoa hay lồng ghép vào nhau, trong giới hạn có sự hạn chế với một phạm vi, mức độ nhất định và khi hạn chế điều gì đó thì bao giờ cũng chỉ có ý nghĩa trong một giới hạn nhất định, tức là phải vạch ra được ranh giới của nó. Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng thuật ngữ “giới hạn nghĩa vụ” với ý nghĩa là sự giới hạn đối với nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH.

những gì mà mình bảo vệ và đương nhiên cần có sự cân bằng giữa lợi ích công cộng và quyền tư nhân, quyền dân sự. Điều này đã được khẳng định tại Điều 8 Công ước về bảo vệ nhân quyền và những quyền tự do cơ bản năm 1950: *“mọi người đều có quyền được tôn trọng đời sống riêng tư và gia đình, nơi cư trú và thư từ”* và *“cơ quan công quyền có thể có sự can thiệp tới việc thực hiện quyền này chỉ khi sự can thiệp này được luật dự liệu và là một biện pháp trong một xã hội dân chủ, và cần thiết cho an ninh quốc gia, an toàn công cộng hoặc vì sự thịnh vượng của đất nước với mục đích ngăn ngừa sự hỗn loạn hoặc tội phạm, bảo vệ sức khỏe hoặc các giá trị đạo đức hoặc bảo vệ quyền và sự tự do của các chủ thể khác”*.

Hoặc giả sử các chủ thể khác trong xã hội bị khách hàng của các TCTD xâm hại đến tài sản. Với tư cách là chủ sở hữu tài sản, mỗi chủ thể đều có quyền tự mình bảo vệ an toàn tài sản của mình, cũng như có quyền yêu cầu cơ quan công quyền bảo vệ, mỗi khi tài sản bị xâm hại. Như vậy, có thể giả định rằng, khi lợi ích của TCTD bị xâm hại, chẳng hạn khách hàng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi TCTD đã cho vay hoặc chủ thể khác bị khách hàng của các TCTD xâm hại thì các chủ thể này có thể khởi kiện khách hàng của các TCTD để thu nợ. Do đó, nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của các TCTD trong trường hợp này có thể bị pháp luật can thiệp nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên. Bên cạnh đó, việc cung cấp thông tin khách hàng cho các bên thứ ba cũng có thể thực hiện khi khách hàng cho phép rõ ràng hoặc ngầm đồng ý việc các TCTD có thể cung cấp thông tin của mình.

Qua phân tích trên, có thể thấy, bảo mật thông tin khách hàng trong HDNH của TCTD là nguyên tắc buộc TCTD phải triệt để tuân thủ, tuy nhiên nguyên tắc này cũng cần được giới hạn trong một số trường hợp nhất định. Song, các giới hạn cần được xác định một cách rõ ràng, cụ thể để không làm ảnh hưởng đến đặc quyền của khách hàng và hoạt động kinh doanh ngân hàng cũng như lợi ích chung của xã hội.

Hầu hết, các nước đều thống nhất rằng nghĩa vụ này không phải là tuyệt đối. Chẳng hạn, theo pháp luật Thụy Sĩ, thông tin của khách hàng có thể được tiết lộ trong các trường hợp sau: (i) theo yêu cầu của pháp luật (khi các điều khoản theo luật định yêu cầu công bố); (ii) khi có lợi ích quan trọng hơn (có thể là lợi ích riêng tư hay lợi ích công

cộng); (iii) khi có sự đồng ý của khách hàng.⁸¹

Tại Anh, nghĩa vụ bảo mật thông tin của khách hàng được đề cập trong án lệ Tournier. Theo đó, đây là nghĩa vụ được xác định mặc nhiên giữa ngân hàng với khách hàng, song không phải là tuyệt đối. Án lệ Tournier đã xác định bốn điều kiện đi kèm nghĩa vụ này, đó là: (i) việc công bố thông tin theo yêu cầu của pháp luật; (ii) nhiệm vụ phải công bố công khai; (iii) các lợi ích của ngân hàng yêu cầu công bố thông tin; (iv) việc công bố được thực hiện bởi sự đồng ý rõ ràng hay ngụ ý của khách hàng.⁸²

Tại Singapore, nghĩa vụ bảo mật thông tin của khách hàng được quy định tại Điều 47 Luật Ngân hàng Singapore năm 1970, sửa đổi, bổ sung năm 2018 quy định: “*Thông tin khách hàng của ngân hàng sẽ không bị tiết lộ bởi ngân hàng hoặc bất kỳ nhân viên nào của ngân hàng tại Singapore, ngoại trừ được quy định rõ ràng trong Đạo luật này*”. Phụ lục thứ ba của Đạo luật này quy định các trường hợp cung cấp thông tin khách hàng, chẳng hạn nếu không có sự đồng ý của khách hàng, các ngân hàng được thành lập tại Singapore hoặc các ngân hàng nước ngoài có chi nhánh tại Singapore không được tiết lộ thông tin của khách hàng với bên thứ ba trừ khi có lệnh của tòa án, hoặc bảo vệ lợi ích của ngân hàng.⁸³

Có thể thấy, hầu như các nước đều có quy định về giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong các trường hợp: i) nếu khách hàng đồng ý; ii) theo yêu cầu của pháp luật; iii) vì lợi ích công cộng hay lợi ích chung; iv) vì lợi ích chính đáng của ngân hàng.

Để có cơ sở đánh giá pháp luật Việt Nam trong mối tương quan với pháp luật một số nước trên thế giới, tác giả đã lựa chọn một số nước điển hình như: Anh,⁸⁴ Singapore,⁸⁵

⁸¹ Sandra Booyesen, Dora Neo (2017), “*Can Banks Still Keep a Secret? Bank secrecy in Financial Centres around the World*”, Cambridge University Press, tr.317.

⁸² Sandra Booyesen, Dora Neo (2017), Tlđđ, tr. 342

⁸³ Yun Hui Tan, *Banking secrecy in Singapore*, DENTONS RODYK (Sept. 2014), <<http://dentons.rodyk.com/en/insights/alerts/2014/september/1/banking-secrecy-in-singapore>>

⁸⁴ Nghĩa vụ bảo mật các vấn đề tài chính của khách hàng được công nhận hợp pháp vào năm 1924 trong án lệ Tournier v National Provincial and Union Bank of England. (Tournier v. National Provincial and Union Bank of England 1924, 1 KB 461, <<http://www.uniset.ca/other/css/19241KB461.html>>

Theo phán quyết của Tòa kháng án (Court of Appeals) Anh năm 1923 trong án lệ Tournier v. National Provincial and Union Bank of England ([1924] 1KB 461), lần đầu tiên luật pháp nước Anh đã xác định rõ nghĩa vụ pháp lý của ngân hàng trong việc giữ bí mật thông tin khách hàng. Án lệ này đã trở thành khuôn mẫu trong việc quy định phạm vi và giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của các TCTD ở nhiều nước theo hệ thống thông luật.

⁸⁵ Singapore hiện đang được xếp thứ 5 về chỉ số bí mật tài chính năm 2018 bởi Mạng tư pháp thuế và được dự đoán sẽ chiếm phần lớn thị trường tài chính toàn cầu trong tương lai. Singapore đã và đang phát triển rất nhanh

Thụy Sĩ⁸⁶ và Trung Quốc⁸⁷ để phân tích giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HDNH, từ đó làm rõ những điểm tương đồng, khác biệt, tham khảo những kinh nghiệm điều chỉnh pháp lý liên quan. Đồng thời, tác giả sẽ phân tích giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng theo bốn nội dung được đề cập dưới đây.

3.2. Giới hạn của nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng theo pháp luật của một số nước trên thế giới

3.2.1. Tổ chức tín dụng cung cấp thông tin của khách hàng theo yêu cầu của pháp luật

Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận nhằm điều chỉnh hành vi của con người, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia vào các quan hệ pháp luật; đồng thời pháp luật cũng đưa ra những giới hạn cho các quy tắc đó. Giới hạn nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HDNH thường được quy định trong các văn bản luật với những điều khoản rõ ràng cho phép các TCTD cung cấp thông tin khách hàng cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong những trường hợp luật định. Chẳng hạn, pháp luật Thụy Sĩ quy định các trường hợp luật định mà TCTD phải cung cấp thông tin của khách hàng, cụ thể dưới đây:

Thứ nhất, TCTD phải công bố các thông tin khách hàng liên quan đến thủ tục tư pháp

Trong tố tụng dân sự, quy định việc công bố thông tin khách hàng của ngân hàng trước đây có sự khác nhau trong quy định pháp luật của liên bang và từng bang ở Thụy

chóng và trở thành một trung tâm giao dịch hàng hóa và ngoại hối lớn nhất của khu vực châu Á. Là thuộc địa của Anh vào năm 1819. Cơ sở pháp lý về nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HDNH của Singapore được hình thành dựa trên những nguyên tắc trong án lệ Tourmier và các án lệ khác liên quan đến nghĩa vụ bảo mật ngân hàng. Các nguyên tắc trong án lệ này vẫn có hiệu lực cho đến khi sửa đổi Luật Ngân hàng năm 2001. Luật Ngân hàng sửa đổi năm 2001 đã luật hóa nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của TCTD tại Mục 47 và Phụ lục thứ ba <<https://sso.agc.gov.sg/Acts-Supp/23-2001/Published/20010717?DocDate=20010717#pr31->>>

Đánh giá về điều khoản bảo mật thông tin khách hàng được luật hóa trong pháp luật của Singapore, Tòa phúc thẩm đã nêu rõ rằng các trường hợp giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng được quy định tại Phụ lục thứ ba của Luật Ngân hàng Singapore đã đầy đủ và không còn chỗ cho các trường hợp ngoại lệ chung chung được nêu trong án lệ Tournier. (Dẫn lại của Sandra Booyen, *Bank Secrecy in Singapore*, Part II - Bank Secrecy in Financial Centres Around the World Bank Secrecy trong Hu Ying (2015), *Tidd*

⁸⁶ Thụy Sĩ hiện vẫn được xếp thứ nhất về chỉ số bí mật tài chính năm 2018 bởi Mạng tư pháp thuế và được đánh giá là trung tâm tài chính bí mật nhất thế giới. (*Tax Justice Network, Financial Secrecy Index 2018*, <<http://www.financialsecrecyindex.com/PDF/Switzerland.pdf>>, truy cập ngày 1/10/2018)

⁸⁷ Việt Nam và Trung Quốc đều chịu ảnh hưởng của hệ thống pháp luật châu Âu lục địa, trên phương diện chính trị, kinh tế, văn hoá đều có những nét tương đồng. Việt Nam và Trung Quốc đều có thời gian tương đối dài thực hiện thể chế kinh tế kế hoạch, chính vì vậy, việc tìm hiểu quy định pháp luật Trung Quốc về nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng, từ đó rút ra những kinh nghiệm và gợi mở những giải pháp tháo gỡ vướng mắc cho việc thực thi pháp luật về nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn.

Sĩ. Ở cấp độ liên bang, Bộ luật tố tụng dân sự liên bang quy định rằng chỉ những người được dự liệu tại Điều 321 Bộ luật hình sự năm 1937, được sửa đổi, bổ sung năm 2013 mới có quyền từ chối nghĩa vụ công bố thông tin của khách hàng mà mình có được liên quan đến hoạt động chuyên môn nghề nghiệp của mình, còn những người khác chỉ được miễn trừ nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quyết định của thẩm phán. Ở cấp độ bang, yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng của ngân hàng không thống nhất giữa các bang và nhìn chung, quy định này được chia thành ba nhóm:

Nhóm đầu tiên, người bị ràng buộc bởi bí mật nghề nghiệp, bao gồm cả nhân viên ngân hàng, được miễn cung cấp thông tin khách hàng làm bằng chứng tại tòa án.

Nhóm thứ hai, thẩm phán có quyền quyết định nhân viên ngân hàng phải cung cấp bí mật thông tin khách hàng, tùy thuộc vào bản chất của phiên tòa và tầm quan trọng của chứng cứ.

Cuối cùng, một số bang khác, bí mật ngân hàng không được coi là bí mật chuyên nghiệp. Ở những bang này, các ngân hàng không có quyền từ chối làm chứng trước tòa.⁸⁸

Trong tố tụng hình sự, các ngân hàng không thể viện dẫn bí mật ngân hàng để giữ lại các thông tin của khách hàng có thể được xem là bằng chứng trong truy tố hình sự đối với tội phạm. Việc thực hiện nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong lĩnh vực hình sự bị hạn chế đáng kể, nghĩa vụ bảo mật ngân hàng hiếm khi được chấp nhận như một lý do để tránh việc cung cấp bằng chứng trước tòa. Điều 321 Bộ luật hình sự năm 1937, được sửa đổi, bổ sung năm 2013 quy định những trường hợp được miễn trừ nghĩa vụ bảo mật khi họ cung cấp hồ sơ, tài liệu như chứng cứ trước tòa gồm những người sau đây: thư ký, luật sư, công chứng viên,⁸⁹ bác sĩ, nha sĩ, và các chuyên gia khác của ngành y tế.⁹⁰ Tất cả những người khác, mặc dù bị ràng buộc bởi nhiệm vụ bảo mật nhưng không

⁸⁸ - Maurice Aubert (1984), *The Limits of Swiss Banking Secrecy under Domestic and International Law*, Tlđđ, tr.281-282.

- Paolo S. Grassi and Daniele Calvarese (1995), *The Duty of Confidentiality of Banks in Switzerland: Where It Stands and Where It Goes. Recent Developments and Experience. The Swiss Assistance To, and Cooperation With The Italian Authorities in The Investigation of Corruption among Civil Servants In Italy (The "Clean Hands" Investigation): How Much is Too Much?*, Pace International Law Review 1995, Vol. 7, tr. 343-346.

⁸⁹ Công chứng viên ở các nước theo hệ thống dân luật có vai trò quan trọng đáng kể hơn so với các nước theo hệ thống thông luật. Ở Thụy Sĩ, công chứng viên là một nhân vật thể hiện một số quyền lực của chính phủ và phải tuân thủ các yêu cầu rất nghiêm ngặt về điều kiện chuyên môn.

⁹⁰ Giáo sĩ, luật sư, luật sư bào chữa, công chứng viên, luật sư chuyên về sở hữu trí tuệ, kiểm toán viên đều phải có nghĩa vụ bảo mật theo Luật Nghĩa vụ, bác sĩ, nha sĩ, bác sĩ trị liệu (chiropractor), dược sĩ, nữ hộ sinh, nhà tâm lý học hoặc là trợ lý của bất kỳ người nào nêu trên tiết lộ thông tin bí mật của khách hàng mà mình có được trong quá trình hoạt động chuyên môn thì bị phạt tù không quá ba năm hoặc phạt tiền... Việc tiết lộ vẫn bị trừng phạt ngay cả sau khi người chịu trách nhiệm bảo mật ngừng thực hiện nghề nghiệp của mình... (Điều 321.1 Luật Hình sự Thụy Sĩ - Swiss Penal Code of 21 December 1937 (Status as of 1 July 2013))

được dự liệu rõ ràng theo Điều 321 Bộ luật hình sự năm 1937, được sửa đổi, bổ sung năm 2013 đều phải có nghĩa vụ cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan theo quy định trong quá trình tố tụng hình sự. Theo quy định trên, nhân viên ngân hàng không thuộc trường hợp miễn trừ. Do vậy, họ phải tuân thủ nghĩa vụ chung để cung cấp bằng chứng trong tố tụng hình sự. Nhân viên ngân hàng phải xác nhận hoặc cung cấp tất cả các tài liệu cần thiết cho vụ án trước Tòa. Tuy nhiên, giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của ngân hàng vẫn phải tuân thủ nghiêm ngặt. Việc cung cấp thông tin chỉ bao gồm các thông tin liên quan đến điều tra. Bất kỳ thông tin nào của bên thứ ba không liên quan đến việc điều tra đó đều phải bảo mật tuyệt đối. Điều quan trọng nữa là thông tin được cung cấp liên quan đến điều tra cụ thể không được sử dụng cho các mục đích trái phép khác.⁹¹ Tóm lại, có thể thấy, theo quy định của pháp luật Thụy Sĩ, việc cung cấp thông tin khách hàng cho tòa án liên quan đến thủ tục tố tụng hình sự là nghĩa vụ bắt buộc. Còn trong thủ tục tố tụng dân sự, quyền từ chối nghĩa vụ cung cấp thông tin của khách hàng chỉ được thực hiện khi chứng minh rằng lợi ích trong việc giữ bí mật vượt xa lợi ích trong việc cung cấp thông tin.

Hiện nay, với việc ban hành luật tố tụng liên bang, Bộ luật tố tụng dân sự Thụy Sĩ năm 2008 (Swiss Civil Procedure Code - CPC), sửa đổi, bổ sung năm 2018 và Bộ luật tố tụng hình sự Thụy Sĩ năm 2007 (Swiss Criminal Procedure Code - CrimPC), sửa đổi, bổ sung năm 2020, những khác biệt này đã được giảm thiểu. Quyền từ chối nghĩa vụ cung cấp thông tin của khách hàng có được liên quan đến hoạt động chuyên môn nghề nghiệp đã bị bãi bỏ, trừ khi chứng minh rằng lợi ích trong việc giữ bí mật vượt xa lợi ích trong việc cung cấp thông tin⁹² và không còn nhiều trường hợp được quy định trong danh sách miễn trừ nghĩa vụ bảo mật thông tin. Khoản 5 Điều 47 Luật Ngân hàng liên bang Thụy Sĩ năm 1934 (Banking Act - BA), sửa đổi, bổ sung năm 2019⁹³ đã loại trừ ngân

⁹¹ Paolo S. Grassi and Daniele Calvarese (1995), Tlđđ, tr.346

⁹² Điều 166.2 Bộ luật tố tụng dân sự Thụy Sĩ (ngày 19 tháng 12 năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2018), SR 272 (CPC): “The confidants of other legally protected secrets may refuse to cooperate if they show credibly that the interest in keeping the secret outweighs the interest in establishing the truth”; Điều.173. 2 Bộ luật tố tụng hình sự Thụy Sĩ (ngày 5 tháng 10 năm 2007, sửa đổi, bổ sung năm 2020), SR 312.0 (CrimPC), <<https://www.admin.ch/opc/en/classified-compilation/20052319/index.html#fn2>>

2 Persons entrusted with other confidential information protected by law are required to testify. The director of proceedings may relieve them of the duty to testify if they are able to establish that the interest in preserving confidentiality outweighs the interest in establishing the truth.

⁹³ 1 Whoever intentionally does the following shall be imprisoned up to three years or fined accordingly:

hàng khỏi nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng khi ngân hàng thực hiện nghĩa vụ cung cấp bằng chứng trong thủ tục tư pháp.

Thứ hai, TCTD phải công bố các thông tin liên quan đến trường hợp thừa kế

Điều 560.2 Bộ luật dân sự Thụy Sĩ năm 1907, sửa đổi, bổ sung năm 2020 quy định, sau cái chết của một người, người thừa kế sẽ tự động có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của người chết, trừ trường hợp pháp luật hiện hành có quy định khác, quyền khiếu nại, quyền tài sản, tất cả các quyền sở hữu hoặc định đoạt khác của người chết được chuyển cho những người thừa kế và các khoản nợ của người chết sẽ trở thành nợ cá nhân của họ.⁹⁴ Nghĩa vụ bảo mật không được xem là đặc quyền hoàn toàn riêng tư. Ngân hàng phải chuyển giao cho những người thừa kế tất cả các thông tin cần thiết để xác minh số lượng và giá trị tài sản là di sản của người đã chết. Tuy nhiên, quy tắc bảo mật ngân hàng có thể bảo vệ thông tin bí mật liên quan đến cuộc sống riêng tư của chủ tài khoản đã qua đời, với điều kiện chủ tài khoản yêu cầu người được ủy thác giữ bí mật ngay cả với người thừa kế nhưng không được cản trở người thừa kế xác lập quyền lợi của họ đối với tài sản thừa kế.⁹⁵

Thứ ba, TCTD phải công bố thông tin liên quan khi tiến hành thu hồi nợ và phá sản

Quy định pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng của Thụy Sĩ không nhằm bảo vệ khách hàng từ chối thanh toán các khoản nợ của họ hoặc trong trường hợp khách

a. disclose confidential information entrusted to them in their capacity as a member of an executive or supervisory body, employee, representative, or liquidator of a bank or a person in accordance with Article 1b, as member of a body or employee of an audit firm or that they have observed in this capacity;

b. attempt to induce an infraction of the professional secrecy

2 Whoever acts in negligence shall be penalized with a fine of up to CHF 250,000

3 In the case of a repetition within five years of the prior conviction, the fine will amount to a minimum of forty-five daily fines in lieu of jail time

4 The violation of the professional confidentiality shall remain punishable even after a bank license has been revoked or a person has ceased his/her official responsibilities.

5 The federal and cantonal provisions on the duty to provide evidence or on the duty to provide information to an authority shall be exempted from this provision.

6 Prosecution and judgment of offenses pursuant to these provisions shall be incumbent upon the cantons. The general provisions of the Swiss Penal Code 162 shall be applicable.

An unofficial translation of the Swiss BA by KMPG, <<https://assets.kpmg/content/dam/kpmg/ch/pdf/ch-banking-act-en.pdf>>

⁹⁴ Điều 560.2 Swiss Civil Code năm 1907, sửa đổi, bổ sung năm 2020,

2 Subject to the statutory exceptions, the deceased's claims, rights of ownership, limited rights in rem and rights of possession automatically pass to the heirs and the debts of the deceased become the personal debts of the heirs.

⁹⁵ Paolo S. Grassi and Daniele Calvarese (1995), *The Duty Of Confidentiality Of Banks In Switzerland: Where It Stands And Where It Goes. Recent Developments And Experience. The Swiss Assistance To, And Cooperation With The Italian Authorities In The Investigation Of Corruption Among Civil Servants In Italy (The "Clean Hands" Investigation): How Much Is Too Much?*, Pace International Law Review 1995, Vol. 7, tr. 329-372.

hàng bị tuyên bố phá sản. Ngân hàng phải cung cấp thông tin liên quan đến tài sản của người mắc nợ cho người quản lý tài sản phá sản, hoặc thanh lý viên được ủy quyền thu thập thông tin từ ngân hàng.

Điều 222 Luật Liên bang về nợ và phá sản năm 1889 (Federal Law on Debt Collection and Bankruptcy), sửa đổi, bổ sung năm 2020 quy định cho phép một chủ nợ (ở Thụy Sĩ hoặc ở nước ngoài) nếu tin rằng một con nợ đang che giấu tài sản tại ngân hàng Thụy Sĩ, họ cần có một lệnh của tòa như một biện pháp bảo vệ để giữ lại tài sản của con nợ.⁹⁶ Trường hợp này, ngân hàng bắt buộc phải cầm giữ tài sản theo lệnh của tòa án. Nhưng liệu ngân hàng có buộc phải cung cấp thông tin khách hàng không? Trên thực tế, mặc dù, trong nhiều trường hợp tòa án đã xác nhận nghĩa vụ của các ngân hàng là phải cung cấp thông tin liên quan đến tài sản mà họ đang cất giữ nhưng không có cơ sở pháp lý nào buộc các ngân hàng cung cấp thông tin trước khi có phán quyết cuối cùng của tòa án. Do đó, các ngân hàng thường từ chối cung cấp thông tin cho đến khi có quyết định cuối cùng của Tòa án liên quan đến các khoản phải thanh toán cho chủ nợ.⁹⁷

Thứ tư, TCTD phải công bố các thông tin liên quan đến hoạt động giám sát tài chính

Điều 29 Đạo luật liên bang về Giám sát thị trường tài chính năm 2007 - Federal Act on the Swiss Financial Market Supervisory Authority (Financial Market Supervision Act - FINMASA) quy định cá nhân, tổ chức là đối tượng giám sát tài chính, bao gồm ngân hàng, công ty kiểm toán hoặc kiểm toán viên của tổ chức này hoặc tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện làm cơ quan quản lý tài chính phải cung cấp cho Cơ quan Giám sát thị trường tài chính (Financial Market Supervisory Authority - FINMA)⁹⁸ mọi thông tin và

⁹⁶ Gwendoline Godfrey, Danforth Newcomb, Brian Burke, George Chen, Niklas Schmidt, Eva Stadler, Dimitria Coucouni, William Johnston and Walter H Boss (2016), *Bank Confidentiality – A Dying Duty But Not Dead Yet?*, Business Law International, Vol 17, No 3, tr.214

⁹⁷ Olivier Dunant, Michele Wassmer (1988), *Swiss Bank Secrecy: Its Limits under Swiss and International Laws*, Case Western Reserve Journal of International Law, Volume 20, Issue 2, <<https://scholarlycommons.law.case.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1711&context=jil>>

⁹⁸ Thụy Sĩ là nước áp dụng mô hình giám sát tài chính hợp nhất- hoạt động của các tổ chức tài chính - ngân hàng, chứng khoán, quỹ đầu tư đều chịu sự giám sát của cơ quan Giám sát thị trường tài chính (FINMA).

Đây là điểm khác biệt với Việt Nam, Việt Nam đang áp dụng mô hình giám sát tài chính theo thể chế phân tán, mỗi loại hình tổ chức tài chính - ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm - có một cơ quan giám sát riêng. Bên cạnh đó, giữa các cơ quan này cũng có mối liên hệ hợp tác với nhau và chịu sự chỉ đạo chung của Chính phủ. Cụ thể, Chính phủ là cơ quan hành pháp cao nhất. Trực thuộc Chính phủ là các bộ ban ngành, trong đó có Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia, NHNN Việt Nam, Bộ Tài chính là các cơ quan ngang bộ chịu trách nhiệm quản lý và giám sát các trung gian tài chính. Cụ thể:

- NHNN Việt Nam chịu trách nhiệm về các lĩnh vực tiền tệ ngân hàng, thực thi chính sách tiền tệ và giám sát hệ thống các TCTD. Trong đó, cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng là bộ phận trực tiếp giám sát các TCTD, CNNHNNg, quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo...

tài liệu cần thiết để cơ quan này thực hiện nhiệm vụ của mình. Những cá nhân và tổ chức được giám sát cũng phải báo cáo ngay cho FINMA bất kỳ sự cố nào có tầm quan trọng đáng kể đối với việc giám sát.

Thứ năm, TCTD phải công bố các thông tin liên quan đến quy định về thuế

Pháp luật Thụy Sĩ hiện nay phân biệt thành hai trường hợp phải công bố thông tin khách hàng liên quan đến quy định về thuế: i) cho cơ quan quản lý thuế nội địa và ii) trong quan hệ quốc tế.

Ở trong nước, người nộp thuế phải nộp tờ khai thuế có đầy đủ các thông tin cần thiết để tính thuế phải đóng và theo yêu cầu của cơ quan thuế, họ phải cung cấp tất cả các tài liệu liên quan đến việc xác định số tiền thuế.⁹⁹ Cụ thể, người nộp thuế phải cung cấp cho cơ quan thuế tất cả các giấy tờ xác nhận mối quan hệ của họ với bên thứ ba. Mặt khác, bên thứ ba có nghĩa vụ giao cho người nộp thuế tất cả các tài liệu mà họ đang sở hữu của người nộp thuế. Trường hợp, nếu người nộp thuế không cung cấp đủ hồ sơ đạt yêu cầu, cơ quan thuế không có quyền yêu cầu bên thứ ba cung cấp tất cả các tài liệu cần thiết cho việc ấn định thuế. Do đó, ngay cả khi một người nộp thuế từ chối cung cấp đầy đủ tài liệu cho cơ quan thuế, các ngân hàng cũng không có nghĩa vụ cung cấp bất kỳ thông tin nào của khách hàng cho cơ quan thuế. Nghĩa vụ của ngân hàng là công bố tài liệu cho khách hàng. Quyết định cung cấp thông tin cho cơ quan thuế là trách nhiệm của khách hàng. Hậu quả của việc khách hàng không cung cấp thông tin cho cơ quan thuế là một hình phạt thuế với định mức thuế được xác định hoàn toàn dựa trên ước tính của cơ quan thuế, thông thường là cao hơn mức thuế phải đóng nên là “gánh nặng thuế”.

Tuy nhiên, nếu phát hiện gian lận thuế (giả mạo tài liệu với mục đích trốn thuế) hoặc nghi ngờ vi phạm nghiêm trọng về thuế, cơ quan thuế mới có thể có quyền truy cập vào dữ liệu ngân hàng. Trong trường hợp này, việc chuyển giao thông tin bí mật của khách hàng phát sinh từ quan hệ pháp luật hình sự. Điều này, đồng nghĩa với việc nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng sẽ không còn ràng buộc với ngân hàng. Song, trong trường hợp trốn thuế (không kê khai tài sản, thu nhập chịu thuế trong tờ khai thuế), không

- Bộ Tài chính chịu trách nhiệm giám sát lĩnh vực bảo hiểm và chứng khoán thông qua Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm.

- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia (thành lập theo Quyết định số 34/2008/QĐ-TTg ngày 3/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ) chịu trách nhiệm giám sát vĩ mô toàn bộ hoạt động của thị trường tài chính.

⁹⁹ Paolo S. Grassi and Daniele Calvarese (1995), Tlđđ, tr. 329-372.

có cơ sở pháp lý nào cho phép làm thay đổi nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng.

Trong quan hệ quốc tế, tình hình hoàn toàn khác, những hạn chế của nghĩa vụ bảo mật đã phát triển nhanh chóng trong vài năm qua. Hỗ trợ pháp lý và hành chính quốc tế lẫn nhau đã trở thành một trong những hạn chế lớn của bảo mật ngân hàng Thụy Sĩ.

Từ năm 2009, hỗ trợ hành chính trong trường hợp trốn thuế là một phần của thỏa thuận thuế kép của Thụy Sĩ theo Điều 26 của Công ước thuế mẫu OECD (The OECD Model Tax Convention). Do đó, trong quan hệ quốc tế, bảo mật ngân hàng có thể được bãi bỏ trong cả hai trường hợp gian lận thuế và trốn thuế, theo điều khoản tương ứng về trao đổi thông tin trong hiệp ước thuế song phương. Đạo luật liên bang về hỗ trợ hành chính quốc tế trong các vấn đề về thuế điều chỉnh việc thực hiện hỗ trợ hành chính lẫn nhau theo thỏa thuận thuế kép tương ứng.

Ngoài ra, Thụy Sĩ đã đồng ý thiết lập việc Trao đổi thông tin tự động - Automatic Exchange of Information (AEOI) với OECD,¹⁰⁰ ký kết hiệp định về tuân thủ thuế đối với các tài khoản nước ngoài (FATCA) của Mỹ.¹⁰¹ Do vậy, thông tin khách hàng sẽ được cung cấp theo các hiệp định này.

Tóm lại, trong quan hệ quốc tế, bảo mật ngân hàng Thụy Sĩ không còn bảo vệ những kẻ trốn thuế. Song, tình hình ở trong nước thì khác, các sáng kiến phổ biến liên

¹⁰⁰ Theo Thỏa thuận quốc tế này, thông tin thuế trong tương lai sẽ tự động được gửi đến cơ quan thuế của các quốc gia tham gia theo năm. Với quy trình này, bảo mật ngân hàng không thể bị các khách hàng nước ngoài lạm dụng để trốn thuế tại quốc gia cư trú của họ; tuy nhiên, bảo mật ngân hàng vẫn là bí mật chuyên nghiệp theo AEOI ở các ngân hàng Thụy Sĩ vẫn còn ràng buộc với nghĩa vụ bảo mật đối với khách hàng và tài khoản của họ. Cơ sở pháp lý để áp dụng AEOI ở Thụy Sĩ sẽ có hiệu lực vào ngày 1 Tháng 1 năm 2017 và trao đổi dữ liệu đầu tiên sẽ diễn ra một năm sau đó. Thụy Sĩ đã ký các hiệp ước song phương cho việc giới thiệu trao đổi thông tin tự động với một số tiểu bang, và cũng với EU.

¹⁰¹ Sau áp lực gần đây của Mỹ về việc công khai thông tin trong hoạt động của hệ thống ngân hàng Thụy Sĩ để xem xét các trường hợp trốn thuế hoặc những khoản quỹ bất chính đã diễn ra suốt thời gian qua. Đặc biệt là từ khi UBS - ngân hàng lớn nhất nước này - thừa nhận giúp 52.000 người Mỹ trốn thuế năm 2009. Sau đó, một ngân hàng khác là Wegelin & Co. cũng thừa nhận đã giúp các khách hàng giấu khoảng 1,2 tỉ USD nguồn thu từ Mỹ. (Phạm Nghĩa, *Chăm dứt kỷ nguyên “bí mật ngân hàng” Thụy Sĩ*, <<https://nld.com.vn/thoi-su-quoc-te/cham-dut-ky-nguyen-bi-mat-ngan-hang-thuy-si-20181006212631908.htm>>, truy cập ngày 14/2/2017).

Ngày 14 tháng 2 năm 2013, Chính phủ Thụy Sĩ đã ký một hiệp định với Mỹ theo đó yêu cầu tất cả ngân hàng Thụy Sĩ thông báo về tài khoản của các khách hàng Mỹ cho giới chức thuế Mỹ. Bộ trưởng Tài chính Thụy Sĩ Eveline Widmer-Schlumpf ngày 13/2/2013 nói rằng Thụy Sĩ không có lựa chọn nào khác ngoài việc ký kết hiệp định vì nếu không làm như vậy, các thể chế tài chính Thụy Sĩ hoạt động trên các thị trường vốn Mỹ sẽ bị thiệt hại không nhỏ. Thực tế, cho dù hiệp định không được ký kết, các thể chế tài chính này không thể lảng tránh FATCA. Hiệp định sẽ mang ý nghĩa giúp việc thực thi được đơn giản hơn.

Thụy Sĩ là một trong số 7 nước cho đến giờ đã nhất trí tuân thủ FATCA, một đạo luật gây nhiều tranh cãi được đưa ra nhằm mục đích bảo đảm rằng tất cả các công dân Mỹ đều phải nộp thuế cho Sở Thuế vụ Mỹ (IRS) đối với thu nhập và tài sản của họ ở nước ngoài. FATCA làm dấy lên tranh luận ở nhiều nước vì FATCA đòi hỏi các thể chế tài chính nước ngoài thông báo cho IRS tất cả tài sản trong tài khoản nắm giữ của các công dân Mỹ. (Theo TTXVN, *Thụy Sĩ và Mỹ ký hiệp định về chống trốn thuế*, <<https://thethaovanhoa.vn/the-gioi/thuy-si-va-my-ky-hiep-dinh-ve-chong-tron-thue-n20130214223045498.htm>>, truy cập ngày 14/2/2017)

bang đang chờ giải quyết nhằm mục đích kết hợp bí mật ngân hàng vào Hiến pháp Liên bang, thậm chí còn thể hiện tình trạng hiện tại là tránh trao đổi thông tin tự động từ ngân hàng trong nước sang cơ quan thuế nội địa.

Thứ sáu, TCTD phải cung cấp các thông tin liên quan đến tội phạm nghiêm trọng và tội phạm xuyên quốc gia

Theo Điều 9 Đạo luật Liên bang về Chống rửa tiền và Tài trợ khủng bố, mỗi ngân hàng phải lập tức nộp báo cáo với Văn phòng Báo cáo rửa tiền nếu biết hoặc có căn cứ hợp lý để nghi ngờ rằng tài sản có được đó liên quan đến quan hệ kinh doanh với một số tội phạm nhất định.¹⁰²

Tóm lại, có thể thấy, nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HDNH của Thụy Sĩ không được ban hành trong bất kỳ luật riêng tư chính thức nào. Quy định pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng của Thụy Sĩ nhằm bảo vệ quyền riêng tư về tài chính của khách hàng, đồng thời quy định chặt chẽ thủ tục liên quan đến việc cung cấp thông tin riêng tư của khách hàng. Các quy định hiện hành của Thụy Sĩ ngày càng mở rộng giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng liên quan đến minh bạch thuế, tội phạm nghiêm trọng và tội phạm xuyên quốc gia.

Còn đối với pháp luật của Anh, nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của các ngân hàng ở Anh cũng được giới hạn trong trường hợp: ngân hàng phải công bố thông tin khách hàng cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, để tránh phạm tội tạo điều kiện cho các hoạt động bất hợp pháp. Cụ thể, pháp luật của Anh quy định ngân hàng phải công bố thông tin khách hàng trong các trường hợp luật định sau:

Thứ nhất, TCTD phải công bố các thông tin liên quan trong thủ tục phá sản

Trong thủ tục phá sản, người thanh lý tài sản khi có Lệnh của tòa án có quyền thu thập tất cả các tài liệu liên quan đến công ty mắc nợ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Luật Phá sản năm 1986 (Insolvency Act), sửa đổi, bổ sung năm 2013 quy định cho phép bên thanh lý có quyền yêu cầu bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào có mối quan hệ với công ty mắc nợ gửi tất cả các tài liệu liên quan đến đối tượng thanh lý hoặc phá sản, kể cả ngân hàng.¹⁰³ Do đó, khi ngân hàng cung cấp thông tin bí mật liên quan đến

¹⁰² Federal Act on Combating Money Laundering and Terrorist Financing (Anti-Money Laundering Act, AMLA) 2016, sửa đổi, bổ sung năm 2019

¹⁰³ Điều 236 Insolvency Act 1986, sửa đổi, bổ sung năm 2013

(2) The court may, on the application of the office-holder, summon to appear before it—

một khách hàng bị phá sản hoặc đang bị thanh lý tài sản, điều này không bị coi là vi phạm nghĩa vụ bảo mật.

Thứ hai, TCTD phải công bố các thông tin liên quan đến khách hàng cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cụ thể cho các cơ quan sau:

i) Cơ quan điều tra có quyền yêu cầu xuất trình bất kỳ tài liệu bí mật nào liên quan đến khách hàng đang bị điều tra nếu có lý do hợp lý để nghi ngờ rằng khách hàng có liên quan đến một loại tội phạm nào đó. Điều 9 Luật Chứng cứ hình sự và cảnh sát năm 1984 (Police and Criminal Evidence Act 1984 - PACE), sửa đổi, bổ sung năm 2018 cho phép các điều tra viên quyền yêu cầu ngân hàng cung cấp bất kỳ tài liệu nào của khách hàng và điều này không giới hạn đối với các mục trong hồ sơ của ngân hàng.¹⁰⁴

ii) Văn phòng chống Gian lận nghiêm trọng (Serious Fraud Office - SFO) có quyền điều tra bất kỳ trường hợp gian lận đáng ngờ nào. Khi Giám đốc SFO cho rằng có cơ sở hợp lý để điều tra, ông ta có quyền yêu cầu cung cấp bằng chứng liên quan từ bất kỳ người nào bị nghi ngờ có liên quan đến gian lận hoặc người khác có thể hỗ trợ điều tra. Nếu thông tin có thể được tìm thấy tại ngân hàng, Giám đốc có thể yêu cầu ngân hàng gửi bằng chứng đó hoặc trả lời bất kỳ câu hỏi nào trong quá trình điều tra. Nếu ngân hàng từ chối cung cấp thông tin đó cho SFO, họ sẽ bị cáo buộc phạm tội hình sự (Điều 2 Luật Hình sự năm 1987 (Criminal Justice Act), sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Thứ ba, TCTD phải công bố các thông tin liên quan đến hoạt động giám sát tài chính

Đạo luật thị trường và dịch vụ tài chính năm 2000 (The Financial Services and Market Act - FSMA), sửa đổi, bổ sung năm 2019 quy định cho cơ quan kiểm soát ngành

(a) any officer of the company,

(b) any person known or suspected to have in his possession any property of the company or supposed to be indebted to the company, or

(c) any person whom the court thinks capable of giving information concerning the promotion, formation, business, dealings, affairs or property of the company.

¹⁰⁴ Điều 9, Police and Criminal Evidence Act 1984, sửa đổi, bổ sung năm 2018

“(1) A constable may obtain access to excluded material or special procedure material for the purposes of a criminal investigation by making an application under Schedule 1 below and in accordance with that Schedule.

(2) Any Act (including a local Act) passed before this Act under which a search of premises for the purposes of a criminal investigation could be authorised by the issue of a warrant to a constable shall cease to have effect so far as it relates to the authorisation of searches—

(a) for items subject to legal privilege; or

(b) for excluded material; or

(c) for special procedure material consisting of documents or records other than documents.”

tài chính (Financial Conduct Authority - FCA)¹⁰⁵ có quyền giám sát các công ty (bao gồm cả các ngân hàng). Để thực hiện chức năng của mình, FCA có quyền truy cập thông tin, được nhận thông báo và báo cáo từ chính các công ty và có quyền yêu cầu các công ty ấy phải “cởi mở” và hợp tác với cơ quan này. Đạo luật thị trường và dịch vụ tài chính cũng quy định nhiều điều khoản bắt buộc các ngân hàng cung cấp bất kỳ thông tin hoặc tài liệu cho FCA.¹⁰⁶ FCA cũng được yêu cầu các cơ quan quản lý khác hợp tác trong việc cung cấp thông tin có liên quan cho cơ quan này.

Thứ tư, TCTD phải công bố các thông tin liên quan đến quy định về thuế

Luật Quản lý thuế năm 1970 (Taxes Management Act 1970), sửa đổi, bổ sung năm 2008 quy định Sở thuế vụ Anh có quyền rất lớn trong việc yêu cầu các pháp nhân cung cấp các tài liệu nhất định liên quan đến đối tượng nộp thuế, bao gồm cả ngân hàng.¹⁰⁷ Do đó, nếu Sở thuế vụ Anh tin rằng ngân hàng nắm giữ thông tin hoặc tài liệu cụ thể, có quyền yêu cầu ngân hàng cung cấp thông tin liên quan đến chứng khoán được thanh toán thay mặt cho khách hàng.¹⁰⁸

Luật Hải quan và Quản lý thuế nội địa năm 1979 (Custom and Excise Management Act 1979), sửa đổi, bổ sung năm 2019 cũng quy định cho Hải quan và Sở thuế có quyền thu thập thông tin nhất định và các tài liệu liên quan từ bất kỳ tổ chức nào, nếu tin rằng thông tin này có thể giúp điều tra. Thông tin này có thể được yêu cầu chỉ dựa trên những nghi ngờ hợp lý, ngân hàng phải tuân theo và gửi thông tin này, nếu không muốn bị cáo buộc phạm tội hình sự.¹⁰⁹

Hiện nay Cục Thuế và Hải quan¹¹⁰ (HM Revenue & Customs - HMRC) cũng được quy định nhiều thẩm quyền để điều tra nếu có nghi ngờ việc tránh thuế thông qua việc chuyển tài sản ra nước ngoài. HMRC cũng có các quyền yêu cầu cung cấp thông tin nếu nghi ngờ gian lận thuế. Như vậy, Cục Thuế và Hải quan có quyền bắt buộc các bên thứ ba, bao gồm cả các ngân hàng cung cấp tài liệu trong các trường hợp có liên quan.

¹⁰⁵ FCA được thành lập tháng 01/2013 nhằm thay thế cho FSA - Financial Services Authority - vốn đã thất bại trong việc giữ mình bạch thị trường Anh trong suốt khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008. FCA vẫn trực thuộc Bộ Tài Chính Anh và Quốc Hội Anh.

¹⁰⁶ The Financial Services and Market Act (FSMA 2000), sửa đổi, bổ sung năm 2019, Phần XI and Điều 175.5

¹⁰⁷ Điều 20 Taxes Management Act 1970, sửa đổi, bổ sung năm 2009

¹⁰⁸ Điều 17, Điều 24 Taxes Management Act 1970, sửa đổi, bổ sung năm 2009

¹⁰⁹ Điều 145 Luật Hải quan và Quản lý thuế nội địa năm 1979, sửa đổi, bổ sung năm 2019

¹¹⁰ HMRC là cơ quan chính phủ của Vương quốc Anh, chịu trách nhiệm thu thuế, thanh toán một số hình thức hỗ trợ của tiêu bang và quản lý các chế độ pháp lý khác bao gồm cả mức lương tối thiểu quốc gia. HMRC được thành lập bởi sự hợp nhất của Cục thuế nội địa, cục Thuế và Hải quan, có hiệu lực vào ngày 18 tháng 4 năm 2005.

Ngoài ra, Vương quốc Anh cũng đang hợp tác với chính phủ Hoa Kỳ liên quan đến FATCA.

Đồng thời, Vương quốc Anh cũng là một bên tham gia các thỏa thuận với OECD và thỏa thuận đa phương khác. Theo đó, cơ quan thuế của Anh đã thực hiện trao đổi thông tin khách hàng theo tiêu chuẩn toàn cầu của OECD. Thực hiện việc trao đổi thông tin giữa các cơ quan thuế theo Tiêu chuẩn báo cáo (Common Reporting Standard - CRS) và Chỉ thị của Hội đồng EU15 triển khai CRS và được gọi là Chỉ thị về Hợp tác hành chính (Directive on Administrative Cooperation - DAC).

Thứ năm, TCTD phải công bố các thông tin liên quan đến nghi ngờ rửa tiền, tội phạm nghiêm trọng và tội phạm xuyên quốc gia

i) Theo Luật tố tụng hình sự năm 2002 (Proceeds of Crime Act - PCA), sửa đổi, bổ sung năm 2008, bất kỳ người nào nếu có cơ sở hợp lý để biết hoặc nghi ngờ rửa tiền mà không cung cấp thông tin sẽ bị coi là tội phạm.

Cũng theo Điều 328 PCA năm 2002, sửa đổi, bổ sung năm 2008, việc không cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến chuyển động của dòng tiền, việc giữ các quỹ có nguồn gốc hình sự trong một tài khoản không hoạt động sẽ cấu thành một hành vi phạm tội theo Điều này. Tiền thu được từ trốn thuế cũng sẽ được xem xét thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều luật này.

ii) Liên quan đến tội phạm nghiêm trọng và tội phạm xuyên quốc gia

Theo Điều 50 của Đạo luật buôn bán ma túy năm 1994 (Drug Trafficking Act - DTA), sửa đổi, bổ sung năm 2003, Ngân hàng được miễn trừ nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng khi cung cấp thông tin bí mật của khách hàng trong trường hợp ngân hàng biết hoặc nghi ngờ rằng khách hàng có liên quan đến buôn bán ma túy.

Phần 3 Luật An ninh và chống tội phạm khủng bố năm 2001 (Anti-Terrorism Crime and Security Act - ATCSA), sửa đổi, bổ sung năm 2018 quy định việc buộc TCTD tịch thu và đóng băng tiền trong một số tài khoản định danh của khách hàng và cho phép các thẩm phán thực hiện các lệnh giám sát tài khoản để bảo đảm rằng chính phủ có thể thu thập bất kỳ thông tin nào liên quan và điều này có thể kéo dài tới 90 ngày.

Các quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền và chống khủng bố yêu cầu ngân hàng cung cấp thông tin khách hàng nếu có cơ sở hợp lý để tin rằng khách hàng của họ tham gia thực hiện hành vi phạm tội khủng bố hoặc nghi ngờ rửa tiền.

Tóm lại, theo quy định của pháp luật Anh, các giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong án lệ Tournier cũng đã được luật hóa và cũng giống như Thụy Sĩ, nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng hiện được giới hạn trong nhiều trường hợp liên quan đến minh bạch thuế, tội phạm nghiêm trọng và tội phạm xuyên quốc gia.

Liên quan đến nội dung này, pháp luật của Trung Quốc cũng có những quy định nhằm tạo thuận lợi cho các thủ tục tư pháp hoặc để hỗ trợ các cuộc điều tra và giám sát của chính phủ. Theo Điều 4 Thông tư số 01 ngày 15/1/2002 của Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc hướng dẫn Luật về Ngân hàng nhân dân Trung Quốc năm 1995, sửa đổi, bổ sung năm 2003 quy định: các tổ chức tài chính có nghĩa vụ hỗ trợ điều tra, đóng băng hoặc khấu trừ tiền gửi.¹¹¹ Cụ thể là các cơ quan tư pháp, cơ quan hành chính, cơ quan quân sự và các cơ quan khác có quyền yêu cầu tổ chức tài chính hỗ trợ đóng băng và khấu trừ tiền gửi của các tổ chức, cá nhân theo luật định.¹¹² Danh sách các cơ quan có thẩm quyền truy vấn, đóng băng và khấu trừ tiền gửi của pháp nhân và cá nhân gồm: Tòa án nhân dân, Cơ quan thuế, Hải quan, Viện kiểm sát, Cơ quan an ninh công cộng (cơ quan công an), Cơ quan an ninh nhà nước, Cục an ninh quân đội, nhà tù, cơ quan điều tra, cơ quan giám sát, cơ quan kiểm toán, cơ quan quản lý hành chính công thương, cơ quan quản lý chứng khoán. Cụ thể:

Thứ nhất, TCTD phải cung cấp các thông tin liên quan đến thủ tục tư pháp

Tòa án, Viện Kiểm sát và Cơ quan An ninh công cộng có thể yêu cầu ngân hàng thực hiện việc cung cấp thông tin khách hàng liên quan đến thủ tục tư pháp. Thủ tục này cho phép các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo luật định có quyền truy vấn tài khoản của khách hàng trong các trường hợp sau:

¹¹¹ Theo Điều 2 Thông tư số 01 ngày 15/1/2002 của Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc thì Thuật ngữ “hỗ trợ điều tra tiền gửi” dùng để chỉ hành động, theo đó các tổ chức tài chính thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền về thông tin tiền gửi như số tiền và loại tiền gửi của một pháp nhân hoặc cá nhân theo luật pháp hoặc quy định hành chính có liên quan và yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền để yêu cầu.

“Hỗ trợ đóng băng tiền gửi” đề cập đến một hành động, theo đó các tổ chức tài chính cấm các pháp nhân hoặc cá nhân rút toàn bộ hoặc một phần tiền gửi trong tài khoản tiền gửi tương ứng của họ trong một thời gian nhất định theo luật pháp liên quan và yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền để đóng băng.

“Hỗ trợ trong việc khấu trừ tiền gửi” đề cập đến một hành động, theo đó các tổ chức tài chính chuyển toàn bộ hoặc một phần tiền gửi trong tài khoản tiền gửi của một pháp nhân hoặc cá nhân vào một tài khoản được chỉ định theo luật pháp liên quan và yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền để khấu trừ

¹¹² Circular of the People's Bank of China on Promulgating the Provisions on the Administration of Financial Institutions' Assistance in the Inquiry, Freezing or Deduction of Deposits, Promulgation Date : 2002-01-15, Promulgation Number : Yin Fa [2002] No. 1 Promulgation Department: The People's Bank of China, <http://www.fdi.gov.cn/1800000121_39_2203_0_7.html

Luật tố tụng dân sự năm 2017 trao quyền cho các tòa án thu thập các bằng chứng từ các tổ chức và cá nhân có liên quan.¹¹³ Ở Trung Quốc, tòa án có thể thu thập chứng cứ cả trong trường hợp các bên không thể tự mình thu thập hoặc khi tòa án xem xét là cần thiết. Nếu có trường hợp không chấp hành các phán quyết của tòa, tòa sẽ ra thông báo yêu cầu hỗ trợ cho việc thực thi.¹¹⁴ Trong trường hợp này, nếu ngân hàng không tuân theo lệnh của tòa án, ngân hàng sẽ bị tòa án áp dụng hình phạt tiền.¹¹⁵

Trong tố tụng hình sự, Luật tố tụng hình sự trao quyền cho Tòa án, Viện Kiểm sát và Cơ quan An ninh công cộng tiếp cận thông tin khách hàng của ngân hàng.¹¹⁶ Trong quá trình điều tra, Cơ quan An ninh công cộng và Viện Kiểm sát có thể điều tra tiền gửi ngân hàng và khiếu hồi của nghi phạm hình sự.¹¹⁷ Tuy nhiên, luật pháp ở Trung Quốc đã không quy định điều kiện tiên quyết cho Cảnh sát và Kiểm sát viên tiến hành một cuộc điều tra về các tài khoản của các nghi phạm hình sự. Điều này có khả năng dẫn đến việc vi phạm quyền riêng tư của khách hàng. Ngoài ra, trong phiên điều trần, tòa án có thể truy vấn các tài khoản ngân hàng của các nghi phạm hình sự để xác minh bằng chứng.¹¹⁸

Trong thủ tục hành chính, Luật tố tụng hành chính cũng cho phép các tòa án thu

¹¹³ Điều 67 Luật tố tụng dân sự năm 2017 (Civil Procedure Law of the People's Republic of China)

Article 67 The people's court shall have the right to investigate and take evidence from the relevant units or individuals, and such units or individuals shall not refuse to cooperate.

The people's court shall examine and determine the authenticity and validity of documentary evidence provided by relevant units and individuals.

¹¹⁴ Điều 242 Luật tố tụng dân sự năm 2017

Where a person subject to execution fails to perform the obligation specified in the legal document in accordance with the notice of execution, the people's court shall have the power to direct inquiries to the relevant units about the property of deposits, bonds, stocks and funds of the person subject to execution, and shall have the power to distrain, freeze, transfer or sell the property of such person, provided that such inquiries, distraint, freezing, transfer or sale does not exceed the scope of the obligation to be performed by the person subject to execution.

For distraint, freezing, transfer or sale of deposits, a people's court shall make a ruling and issue a notice requesting for assistance for enforcement, which must be complied with by relevant units.

¹¹⁵ Điều 114 Luật tố tụng dân sự năm 2017

If any of the following units under an obligation to assist in investigation and execution commits any of the listed acts, the people's court may, in addition to ordering it to perform its assistance obligation, impose a fine:

1. relevant units that refuse to cooperate with or that obstruct the investigation or collection of evidence by the people's court;
2. where units concerned refuse to provide assistance in connection with the inquiry, seizure, freeze, transfer or appraisal of property after receiving the notice of the people's court requiring such assistance;
3. relevant units that, after receiving a notice from the people's court to assist in execution, refuse to assist in withholding the revenue of the person subject to execution, or in transferring the relevant title deeds, or in passing on the relevant negotiable instruments, certificates, or other property; or
4. other units that refuse to assist in execution.

A people's court may fine the principally responsible person or any other person directly responsible for an unit that commits any of the acts described in the preceding paragraph; the people's court may detain any person that refuses to carry out his duty to assist and submit a judicial proposal to the supervisory authorities or other relevant authorities suggesting the imposition of disciplinary sanctions.

¹¹⁶ Điều 47 Criminal Procedure Law of the People's Republic of China năm 2012, sửa đổi năm 2018

¹¹⁷ Điều 119 Criminal Procedure Law năm 2012, sửa đổi năm 2018

¹¹⁸ Điều 160 Criminal Procedure Law năm 2012, sửa đổi năm 2018.

thập chứng cứ từ các cơ quan chính phủ, các tổ chức và công dân khác.¹¹⁹ Điều này tương tự như quy định trong Luật tố tụng dân sự như đã trình bày ở trên.

Thứ hai, TCTD phải cung cấp thông tin khách hàng cho cơ quan giám sát

Một số luật và quy định hành chính khác cho phép một số cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu các ngân hàng cung cấp thông tin tài khoản khách hàng. Cụ thể, theo quy định của Luật Giám sát năm 2018, các thành viên lãnh đạo của Văn phòng giám sát hành chính ở cấp quận hoặc cấp cao hơn có thể yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng (là tổ chức gửi tiền hoặc cá nhân) về tiền gửi tại ngân hàng nếu có nghi ngờ. Cụ thể khi tiến hành điều tra những vi phạm liên quan đến tham nhũng, hối lộ, lãng phí tài sản, cơ quan giám sát có quyền kiểm tra tài khoản ngân hàng của tổ chức hoặc cá nhân vi phạm nếu được sự đồng ý của Thủ trưởng Cơ quan giám sát cùng cấp hoặc cấp cao hơn; trong trường hợp cần thiết, Cơ quan giám sát có thể yêu cầu tòa án thực hiện các biện pháp khẩn cấp tạm thời để ngăn chặn các hành vi vi phạm các quy định của pháp luật (đóng băng tiền gửi của người bị nghi ngờ tại ngân hàng hoặc tại các tổ chức tài chính khác theo quy định của pháp luật).¹²⁰

Thứ ba, TCTD phải cung cấp thông tin khách hàng cho Ủy ban quản lý giám sát chứng khoán Trung Quốc (CSRC)

Ủy ban quản lý giám sát chứng khoán Trung Quốc và các chi nhánh của cơ quan này được trao quyền xem xét tài khoản quỹ của những người liên quan đến vụ việc đang được điều tra.¹²¹

Thứ tư, TCTD phải cung cấp thông tin khách hàng cho Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBC), Ủy ban giám sát quản lý Ngân hàng Trung Quốc (CBRC), Ủy ban quản lý giám sát bảo hiểm Trung Quốc (CIRC)

Trong số các 13 cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền yêu cầu ngân hàng cung cấp thông tin khách hàng nhằm hỗ trợ điều tra, đóng băng hoặc khấu trừ tiền gửi theo Thông tư số 01 ngày 15/1/2002 của Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc hướng dẫn

¹¹⁹ Điều 39, Điều 40 Administrative Litigation Law of the People's Republic of China. Tòa án nhân dân có quyền yêu cầu các bên cung cấp hoặc bổ sung bằng chứng. Tòa án nhân dân có thẩm quyền lấy bằng chứng từ cơ quan hành chính có liên quan, tổ chức, công dân khác.

¹²⁰ Luật Giám sát hành chính (Administrative Supervision Law of the People's Republic of China) được ban hành năm 1997, sửa đổi 2010, được thay thế bởi Luật Giám sát năm 2018 (Supervision Law of the People's Republic of China) Điều 23, Supervision Law of the People's Republic of China năm 2018

¹²¹ Securities Law of the People's Republic of China, 168(4), <http://www.npc.gov.cn/englishnpc/Law/2007-12/11/content_1383569.htm>

các tổ chức tài chính trong việc hỗ trợ điều tra, đóng băng hoặc khấu trừ tiền gửi, chỉ có một cơ quan quản lý tài chính là Ủy ban quản lý giám sát chứng khoán Trung Quốc (CSRC). Tuy nhiên ba cơ quan quản lý tài chính khác là PBC, CBRC, CIRC cũng có thể yêu cầu ngân hàng cung cấp thông tin khách hàng, cụ thể như sau:

Theo Luật Ngân hàng Trung ương Trung Quốc năm 1995, sửa đổi, bổ sung năm 2003 quy định: Ngân hàng Trung ương Trung Quốc¹²² và các chi nhánh ngân hàng địa phương được trao quyền kiểm soát và kiểm tra các hoạt động liên quan đến quy định ngoại hối, quy định về đồng RMB (đồng Nhân dân tệ), quy tắc chống rửa tiền.v.v..¹²³ Thẩm quyền này cho phép PBC yêu cầu ngân hàng cung cấp thông tin của khách hàng cho những mục đích trên. Hơn nữa, khi một ngân hàng gặp khó khăn trong việc đáp ứng nhu cầu thanh toán của khách hàng và có nguy cơ khủng hoảng tài chính cao, PBC có thể, với sự chấp thuận của Hội đồng nhà nước¹²⁴ điều tra toàn diện ngân hàng.¹²⁵ Trong tình huống đó, PBC có thể yêu cầu ngân hàng cung cấp thông tin của khách hàng miễn là nó có liên quan đến nhiệm vụ của PBC.

Bên cạnh đó, theo quy định của Luật Quản lý và Giám sát Ngân hàng được ban hành năm 2003 và có hiệu lực vào ngày 1 tháng 2 năm 2004, CBRC với tư cách là cơ quan quản lý ngân hàng có thể yêu cầu ngân hàng cung cấp các báo cáo tài chính và bất kỳ tài liệu nào liên quan đến hoạt động kinh doanh của một ngân hàng.¹²⁶ Hơn nữa, CBRC có thể yêu cầu và sao chép tất cả các tài liệu liên quan.¹²⁷ Do đó, thông tin liên

¹²² Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBC hoặc PBOC) là ngân hàng trung ương của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa có quyền kiểm soát chính sách tiền tệ và quản lý các định chế tài chính của nước này

¹²³ Law of the People's Republic of China on the People's Bank of China, Điều 32 Ngân hàng Nhân dân Trung Hoa có quyền kiểm tra, giám sát các hoạt động sau đây của tổ chức tài chính và các đơn vị khác và cá nhân:

- (1) Thực hiện các quy định về kiểm soát dự trữ tiền gửi;
- (2) Các hoạt động liên quan đến các khoản vay đặc biệt của Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc;
- (3) Thực hiện các quy định để kiểm soát Nhân dân tệ;
- (4) Thực hiện các quy định về kiểm soát thị trường cho vay liên ngân hàng và thị trường trái phiếu liên ngân hàng;
- (5) Thực hiện các quy định về kiểm soát ngoại hối;
- (6) Thực hiện các quy định về kiểm soát vàng;
- (7) Quản lý Kho bạc Nhà nước thay mặt cho Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc;
- (8) Thực hiện các quy định về kiểm soát thanh toán bù trừ; và
- (9) Thực hiện các quy định chống rửa tiền.

¹²⁴ Hội đồng nhà nước của Trung Quốc hiện nay là Quốc Vụ viện (Chính phủ)

¹²⁵ Điều 34 Law of the People's Republic of China on the People's Bank of China,

¹²⁶ Luật Giám sát và Quản lý các tập đoàn tài chính tại Trung Quốc - Banking Supervision and Regulation Law, Điều 33 Cơ quan quản lý ngân hàng, khi cần thực hiện nhiệm vụ, có quyền yêu cầu các tổ chức tài chính của ngành ngân hàng nộp, theo các quy định có liên quan, bảng cân đối kế toán, báo cáo lợi nhuận, báo cáo kế toán tài chính khác, báo cáo thống kê và thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và quản lý, cũng như báo cáo kiểm toán được chuẩn bị bởi kế toán viên được chứng nhận.

¹²⁷ Luật Giám sát và Quản lý các tập đoàn tài chính tại Trung Quốc - Banking Supervision and Regulation Law,

quan đến khách hàng của ngân hàng có thể được CBRC yêu cầu ngân hàng cung cấp để tạo điều kiện cho hoạt động quản lý của CBRC.

Ngoài ra, theo Điều 154 (5), Điều 154 (7) Luật Bảo hiểm năm 1995, sửa đổi, bổ sung năm 2015 (Insurance Law of the People's Republic of China), CIRC có quyền yêu cầu ngân hàng cung cấp tài khoản của các công ty bảo hiểm, đại lý bảo hiểm, môi giới bảo hiểm, công ty quản lý tài sản bảo hiểm và văn phòng đại diện của các tổ chức bảo hiểm nước ngoài bị cáo buộc tham gia vào hoạt động kinh doanh bất hợp pháp và tài khoản ngân hàng của các tổ chức và cá nhân có nghi ngờ hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh bất hợp pháp đó; và nếu cần thiết thì người phụ trách chính của CIRC có thể yêu cầu Tòa án đóng băng hoặc tịch thu tài sản.

Thứ năm, TCTD phải cung cấp thông tin khách hàng cho cơ quan kiểm toán

Theo quy định tại Điều 33 và Điều 34 Luật Kiểm toán năm 2011, tổ chức kiểm toán khi tiến hành kiểm toán có quyền yêu cầu các đơn vị và cá nhân liên quan hỗ trợ bằng cách cung cấp cho họ thông tin và tài liệu có liên quan một cách trung thực với sự chấp thuận của người phụ trách cơ quan kiểm toán cấp quận trở lên.

Thứ sáu, TCTD phải cung cấp thông tin khách hàng cho Bộ Tài chính

Theo quy định tại Điều 32 (2) Luật Kế toán năm 2007, Bộ Tài chính và các văn phòng địa phương trực thuộc có quyền yêu cầu các ngân hàng liên quan cung cấp thông tin về tổ chức đang bị điều tra hoặc tổ chức khác có giao dịch với tổ chức đang bị điều tra để kiểm tra sự tuân thủ chế độ kế toán.¹²⁸

Điều 34 Cơ quan quản lý ngân hàng có thể thực hiện các biện pháp sau để tiến hành kiểm tra tại chỗ, theo yêu cầu của giám sát:

- (1) Kiểm tra tại chỗ tổ chức tài chính của ngành ngân hàng;
- (2) Phỏng vấn các nhân viên của một tổ chức tài chính và yêu cầu họ cung cấp các tài liệu về nội dung đang được kiểm tra;
- (3) Kiểm tra và sao chụp các tài liệu, tài liệu của tổ chức tài chính liên quan đến nội dung đang được kiểm tra và niêm phong các tài liệu, tài liệu có khả năng bị loại bỏ, che giấu hoặc tiêu hủy; và
- (4) Kiểm tra hệ thống máy tính mà tổ chức tài chính kiểm soát dữ liệu kinh doanh của mình.

Việc kiểm tra tại chỗ phải được sự chấp thuận của người đứng đầu cơ quan quản lý ngân hàng. Để kiểm tra tại chỗ, phải có ít nhất hai thanh tra viên, họ phải xuất trình giấy chứng nhận hợp pháp và văn bản thông báo thanh tra. Trường hợp có ít hơn hai thanh tra viên hoặc không có giấy chứng nhận hợp pháp và thông báo kiểm tra bằng văn bản được ban hành thì tổ chức tài chính có quyền từ chối chấp nhận thanh tra.

¹²⁸ Accounting Law of the People's Republic of China, <http://www.npc.gov.cn/englishnpc/Law/2007-12/13/content_1383953.htm>. Điều 32. Sở Tài chính chịu trách nhiệm giám sát các tổ chức trong các trường hợp sau:

(1) Sổ sách kế toán có được thành lập theo luật hay không;

(2) Tài liệu kế toán, sổ kế toán, báo cáo kế toán tài chính và các tài liệu kế toán khác là trung thực và đầy đủ;

(3) Việc thực hành kế toán có tuân thủ các quy định của Luật này và hệ thống kế toán thống nhất của Nhà nước hay không; và

(4) Những người tham gia vào công việc kế toán có đủ tiêu chuẩn hay không.

Trong việc thực hiện giám sát trong tình huống đề cập trong đoạn (2), nếu có nghi ngờ về vi phạm pháp luật nghiêm trọng, Sở Tài chính trực thuộc Hội đồng Nhà nước và các cơ quan được chỉ định của nó có thể thực hiện yêu cầu của các đơn vị có kinh tế giao dịch kinh doanh với đơn vị thuộc sự giám sát và của các tổ chức tài chính mà đơn vị được giám sát đã mở tài khoản; Các đơn vị và tổ chức tài chính có liên quan sẽ được hỗ trợ.

Thứ bảy, TCTD phải cung cấp thông tin khách hàng cho cơ quan thuế

Theo Luật quản lý thuế năm 1992, sửa đổi, bổ sung năm 2001, để điều tra các vi phạm liên quan đến pháp luật về thuế, cơ quan thuế theo sự phân cấp có quyền yêu cầu ngân hàng cung cấp thông tin về tiền gửi của khách hàng, cụ thể: Ủy viên Cục thuế (hoặc Chi cục trưởng Cục thuế) từ cấp quận trở lên được trao quyền để yêu cầu các ngân hàng cung cấp thông tin về các tài khoản tiền gửi của đối tượng tham gia kinh doanh hoặc đại lý khấu trừ đã mở tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức tài chính khác. Khi điều tra các vi phạm về thuế, cơ quan thuế có thể, với sự chấp thuận của Ủy viên Cục thuế (hoặc Chi cục trưởng Cục thuế) cấp thành phố trở lên có quyền yêu cầu các tổ chức liên quan cung cấp thông tin tài khoản và tiền gửi của các nghi can trong vụ án. Thông tin mà cơ quan thuế có được qua quá trình điều tra sẽ không được sử dụng cho các mục đích khác ngoài thuế.¹²⁹ Như vậy, theo quy định của Luật quản lý thuế thì tùy thuộc vào phạm vi thông tin khách hàng và mục đích của việc cung cấp thông tin khách hàng, việc yêu cầu cung cấp thông tin về tiền gửi tiết kiệm của khách hàng phải tuân theo quy trình phê duyệt khác nhau.

Thứ tám, TCTD phải cung cấp thông tin khách hàng cho cơ quan hải quan

Theo quy định của Luật Hải quan năm 1987, sửa đổi, bổ sung năm 2000, trong quá trình điều tra vụ buôn lậu, tùy thuộc vào sự chấp thuận của người đứng đầu Hải quan khu vực hoặc người đứng đầu Hải quan cấp dưới được người đó ủy quyền, có quyền thẩm tra thông tin về tài khoản ngân hàng và số tiền chuyển của những nghi can tại các tổ chức tài chính hoặc dịch vụ bưu chính.¹³⁰

Tóm lại, thông qua việc hệ thống hóa và phân tích giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH tại Trung Quốc, có thể thấy, có ít nhất 16 tổ chức có thể yêu cầu ngân hàng cung cấp thông tin khách hàng. Điều này cho thấy, nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng bị giới hạn trong rất nhiều trường hợp và có quá nhiều cơ quan chính phủ được trao quyền yêu cầu ngân hàng cung cấp thông tin khách hàng.

¹²⁹ Law of the People's Republic of China on the Administration of Tax Collection 1992, amended 2001.

Điều 54 (6) upon approval of the commissioner of the tax bureau (or sub-bureau) at or above the county level, to inquire about the deposit accounts that a taxpayer engaged in production or business operations or a withholding agent has opened with a bank or any other financial institution. Upon approval of the commissioner of the tax bureau (sub-bureau) at or above the level of the city divided into districts or the autonomous prefecture, inquire about the savings a suspect involved in a case. No information obtained through inquiry by the tax authorities may be used for purposes other than tax collection.

¹³⁰ Điều 6 (5) Luật Hải quan Trung Quốc - Customs Law of the People's Republic of China 1987, sửa đổi, bổ sung 2000

Liên quan đến những tác động của xu thế thế giới về báo cáo các giao dịch đáng ngờ, hợp tác quốc tế về đến thuế, các vấn đề này ít ảnh hưởng đến Trung Quốc. Các yêu cầu về báo cáo các giao dịch đáng ngờ liên quan đến rửa tiền không được nêu rõ trong pháp luật hiện hành. Do đó, khi phát hiện các giao dịch nghi ngờ liên quan đến tội phạm rửa tiền, ngân hàng có thể báo cáo với cảnh sát hoặc cơ quan có thẩm quyền khác. Tuy nhiên, vì không có yêu cầu pháp lý rõ ràng để cung cấp thông tin trong tình huống như vậy, các ngân hàng sẽ phải đối mặt với nguy cơ bị kiện vì vi phạm nghĩa vụ bảo mật nếu họ báo cáo các nghi ngờ cho chính quyền, đặc biệt là khi các nghi phạm chứng minh là vô tội. Do đó, ngân hàng ở Trung Quốc có thể miễn cưỡng hợp tác với chính quyền trong việc chủ động báo cáo các giao dịch đáng ngờ về rửa tiền hoặc tội phạm khác.

Về hợp tác quốc tế liên quan đến thuế, cho đến thời điểm này, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký kết rất “khiêm tốn” các hiệp ước về thuế. Trung Quốc đã ký kết hiệp ước thuế đầu tiên vào năm 1983 với Nhật Bản, ký kết Hiệp ước tránh đánh thuế hai lần với Hoa Kỳ vào năm 1984.¹³¹ Trung Quốc và Hoa kỳ cũng đã đạt được thỏa thuận liên chính phủ về chia sẻ thông tin về thuế trong khuôn khổ thực thi Đạo luật tuân thủ thuế đối với các tài khoản nước ngoài (FATCA) vào ngày 26/6/2014. Phó Giáo sư Wang Wei, Trường Luật Đại học Fudan Trung Quốc trình bày trong Hội thảo *Bank Secrecy Symposium*: “Bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH tại Trung Quốc là yếu. Nó đã không ban hành trong bất kỳ luật riêng tư chính thức nào và không có kế hoạch lập pháp để làm như vậy. Các quy tắc hiện hành chi phối bảo mật thông tin khách hàng của ngân hàng không được thực hiện chặt chẽ và ít khi được thi hành. Ngược lại, quyền hạn của các cơ quan chính phủ khác nhau để yêu cầu các tổ chức tài chính cung cấp thông tin khách hàng thì rộng hơn và thực tế hơn.”¹³²

Trong vấn đề này, các nhà lập pháp của Singapore lại có một cách tiếp cận rõ ràng, cụ thể hơn. Những giới hạn về nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH được quy định tại Điều 47 của Luật Ngân hàng năm 1970, sửa đổi năm 2018: “Thông tin khách hàng của ngân hàng sẽ không bị tiết lộ bởi ngân hàng hoặc bất kỳ nhân viên

¹³¹ Agreement between the Government of the United States of America and the Government of the People's republic of China for the Avoidance of Double Taxation and the Prevention of Tax Evasion with Respect to Taxes on Income (30 April 1984) effective from 1 January 1987.

¹³² Hu Ying (2015), *Report of Proceedings: Bank Secrecy Symposium*, A Symposium at the Faculty of Law, National University of Singapore, 4-5 December 2014

nào của ngân hàng tại Singapore, ngoại trừ được quy định rõ ràng trong Đạo luật này”. Ngân hàng sẽ chịu trách nhiệm hình sự theo Điều 47(6)¹³³ về việc tiết lộ thông tin khách hàng trừ trường hợp được quy định theo Phụ lục thứ ba của Đạo luật này.¹³⁴ Nghĩa vụ bảo mật này cũng được mở rộng cho cả các nhân viên trong ngân hàng và những người được quy định trong Điều 2, bao gồm giám đốc, thư ký, nhân viên, người quản lý tài sản (tài sản đang tranh tụng hoặc của một công ty bị vỡ nợ, được một toà án chỉ định), người quản lý và người thanh lý.

Nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng theo Luật Ngân hàng năm 1970, sửa đổi bổ sung năm 2018 tại Phụ lục thứ ba của Luật này đặt ra một loạt các trường hợp mà theo đó cung cấp thông tin khách hàng được cho phép (Phụ lục thứ ba được thiết kế thành 3 cột cụ thể: cột 1- mục đích cung cấp thông tin khách hàng, cột 2 - chủ thể yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng, cột 3 - điều kiện để cung cấp thông tin).

Các trường hợp được phép cung cấp thông tin khách hàng được nêu trong Phụ lục thứ ba được chia thành hai phần:

i) Phần I tập trung vào việc quy định chi tiết các giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng được quy định tại Điều 47 (1) Luật Ngân hàng. Trường hợp tiết lộ thông tin khách hàng được thực hiện theo các giới hạn trong Phần I của Phụ lục thứ ba, người nhận thông tin không bị cấm tiết lộ thông tin cho bất kỳ người nào khác.

ii) Trong Phần II, người nhận thông tin bị cấm tiết lộ thông tin khách hàng cho bất kỳ người nào khác, trừ khi được ủy quyền theo Phụ lục thứ ba hoặc nếu được yêu cầu phải thực hiện theo lệnh của tòa án.¹³⁵ Ví dụ cung cấp thông tin khi có sự đồng ý bằng văn bản của khách hàng trong Phần I, thông tin này có thể được chuyển tiếp cho người khác (trừ khi các bên có thỏa thuận điều khoản cấm tiết lộ thông tin). Trong khi đó, việc cung cấp thông tin cho cố vấn chuyên môn (như luật sư) của ngân hàng được đề cập trong Phần II thì người nhận thông tin trong trường hợp này sẽ bị cấm cung cấp

¹³³ Banking Act (Cap 19) (Revised Edition, 30/11/2018), Section 47(6) – **Xem thêm Phụ lục bảng 1**
<<https://sso.agc.gov.sg/Act/BA1970?ProvIds=P1VII-#pr47->>.

(6) Bất kỳ người nào vi phạm tiểu mục (1) hoặc (5) sẽ bị kết tội và sẽ chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội
(a) Đối với cá nhân, phạt tiền không quá \$ 125.000 hoặc phạt tù không quá 3 năm hoặc cho cả hai; hoặc là
(b) Trong bất kỳ trường hợp nào khác, với mức phạt không quá \$ 250.000.

¹³⁴ Ngân hàng hoặc bất kỳ nhân viên nào của ngân hàng được quy định trong cột đầu tiên của Phụ lục thứ ba có thể tiết lộ thông tin khách hàng cho những người hoặc đối tượng như được quy định trong cột thứ hai của Phụ lục phải tuân thủ các điều kiện như được quy định trong cột thứ ba của Phụ lục đó

¹³⁵ Xem thêm **Phụ lục thứ ba** (Phụ lục bảng 1 Luận án)

thông tin cho bất kì người nào khác. Việc cung cấp thông tin thuộc các trường hợp được quy định trong Phần II sẽ bị xem là một hành vi phạm tội.

Thông qua việc phân tích các trường hợp giới hạn trong việc cung cấp thông tin khách hàng được quy định trong Phụ lục thứ ba của Luật Ngân hàng Singapore năm 1970, sửa đổi bổ sung năm 2018, có thể nhận thấy rằng, giới hạn việc cung cấp thông tin khách hàng theo Phụ lục thứ ba chính là sự cụ thể hóa trường hợp ngoại lệ hạn chế trong án lệ Tournier, cụ thể dưới đây:

Một là, án lệ Tournier cho phép cung cấp thông tin khách hàng vì lợi ích của ngân hàng thì Phụ lục thứ ba phần 1(4a) Luật Ngân hàng Singapore quy định: Ngân hàng có thể cung cấp thông tin khách hàng chỉ khi có liên quan đến việc thực hiện một số thủ tục tố tụng nhất định như thủ tục tố tụng giữa ngân hàng và khách hàng hoặc người bảo lãnh liên quan đến giao dịch ngân hàng của khách hàng.

Hai là, án lệ Tournier cho phép công bố thông tin theo yêu cầu của pháp luật thì Phụ lục thứ ba phần 1(7) cho phép ngân hàng có thể cung cấp thông tin của khách hàng theo lệnh của Tòa án Tối cao theo Đạo luật Chứng cứ,¹³⁶ hoặc cho mục đích điều tra, truy tố hình sự đối với hành vi bị cáo buộc hoặc nghi ngờ phạm tội¹³⁷ hoặc có thể cung cấp thông tin khách hàng theo Đạo luật Bảo hiểm tiền gửi, cho Cơ quan Quản lý tiền tệ Singapore.¹³⁸

Ba là, án lệ Tournier cho phép việc công bố thông tin khách hàng khi có sự đồng ý rõ ràng hay ngụ ý của khách hàng, thì Phụ lục thứ ba phần 1(1) cho phép ngân hàng có thể cung cấp thông tin của khách hàng khi có sự đồng ý bằng văn bản của khách hàng hoặc, nếu khách hàng đã qua đời, sẽ tiết lộ cho người đại diện được chỉ định.¹³⁹

¹³⁶ Luật Ngân hàng Singapore, Phụ lục thứ ba, phần 1 đoạn 7: “7. Disclosure is necessary for compliance with an order of the Supreme Court or a Judge thereof pursuant to the powers conferred under Part IV of the Evidence Act”

¹³⁷ Luật Ngân hàng Singapore, Phụ lục thứ ba, phần 1 đoạn 5 “Disclosure is necessary for —(a) compliance with an order or request made under any specified written law to furnish information, for the purposes of an investigation or prosecution, of an offence alleged or suspected to have been committed under any written law; (b) the making of a complaint or report under any specified written law for an offence alleged or suspected to have been committed under any written law.

¹³⁸ Luật Ngân hàng Singapore, Phụ lục thứ ba, phần 1 đoạn 5 “Disclosure is necessary for —

(a) compliance with an order or request made under any specified written law to furnish information, for the purposes of an investigation or prosecution, of an offence alleged or suspected to have been committed under any written law; (b) the making of a complaint or report under any specified written law for an offence alleged or suspected to have been committed under any written law.

¹³⁹ Phụ lục thứ ba, Phần I(1)

Disclosure is permitted in writing by the customer or, if he is deceased, his appointed personal representative

Phụ lục thứ ba còn xác định nhiều trường hợp ngân hàng phải cung cấp thông tin khách hàng như: (vi) Việc tiết lộ là cần thiết để tuân thủ lệnh/ giấy báo sai áp để có thể thu hồi các khoản tiền nợ trong tài khoản của ngân hàng¹⁴⁰ hoặc thanh toán bồi thường theo Đạo luật bảo hiểm tiền gửi.¹⁴¹

Ngoài những giới hạn được quy định trong Phụ lục thứ ba, Luật Ngân hàng của Singapore còn dự liệu các ngoại lệ hạn chế sẽ tiếp tục phát sinh và xâm nhập vào nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng liên quan đến chiến lược hợp tác quốc tế về thuế, thực hiện việc tương trợ tư pháp quốc tế trong việc ngăn chặn nạn buôn bán ma túy và các hành vi phạm tội nghiêm trọng khác. Cụ thể:

Liên quan đến hợp tác quốc tế về thuế, thừa nhận tiêu chuẩn của OECD. Singapore đã chấp nhận các sáng kiến của OECD để chống trốn thuế thông qua trao đổi thông tin khách hàng của ngân hàng một cách rộng rãi hơn. Ngày 6 tháng 3 năm 2009, Bộ trưởng Bộ Tài chính Singapore thông báo rằng Singapore đã thông qua Tiêu chuẩn OECD 2008 để trao đổi thông tin hiệu quả thông qua Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (Avoidance of Double Taxation Agreements - DTA). Luật Thuế thu nhập (sửa đổi) năm 2009 được ban hành vào ngày 9 tháng 2 năm 2010 cho phép Singapore thực hiện việc trao đổi thông tin với OECD theo Luật thuế thu nhập.

Singapore cũng đã thực hiện các bước để tạo điều kiện cho các tổ chức tài chính Singapore tuân thủ FATCA. Singapore là một trong những nước châu Á đầu tiên, ngoài Nhật Bản, tham gia đàm phán với Mỹ về FATCA. Luật Thuế thu nhập Singapore (sửa đổi) 2013 đã được bổ sung một phần mới mang tên “Thỏa thuận quốc tế về cải thiện tuân thủ thuế”.¹⁴² Mục đích của phần này là thực hiện nghĩa vụ của Singapore theo thỏa thuận tuân thủ thuế quốc tế.¹⁴³

Liên quan đến hoạt động phòng, chống rửa tiền, pháp luật về chống rửa tiền qua ngân hàng của Singapore được quy định ở nhiều văn bản, chẳng hạn như: Luật phòng, chống tham nhũng, buôn bán bất hợp pháp ma túy và các tội phạm nghiêm trọng khác (*The Corruption, Drug Trafficking and Other Serious Crimes (Confiscation of Benefits) Act - CDSA*) được ban hành ngày 6/7/1999, Luật về phòng, chống khủng

¹⁴⁰ Luật Ngân hàng Singapore, Phụ lục thứ ba, phần 1(6)

¹⁴¹ Luật Ngân hàng Singapore, Phụ lục thứ ba, phần 2(10)

¹⁴² Singapore Income Tax (Amendment) Act 2013, Part XXB, ‘International Agreements to Improve Tax Compliance’

¹⁴³ Singapore Income Tax (Amendment) Act 2013 s 105J.

bổ (*Terrorism (Suppression of Financing act)*) năm 2003, sửa đổi, bổ sung năm 2016... Để đảm bảo hiệu quả của hoạt động phòng, chống rửa tiền qua ngân hàng, pháp luật Singapore đã quy định khá cụ thể về nghĩa vụ báo cáo và cung cấp thông tin của các ngân hàng.¹⁴⁴ Theo quy định tại mục 3 phần V CDSA, các ngân hàng phải giữ lại hoặc giữ một bản sao tài liệu về giao dịch tài chính¹⁴⁵ của khách hàng trong khoảng thời gian tối thiểu (5 năm kể từ ngày đóng tài khoản, hoặc ngày thực hiện giao dịch).¹⁴⁶ Trong trường hợp vi phạm, sẽ bị coi là phạm tội và bị phạt tối đa SGD \$10,000.

Tóm lại, các quy định về giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng được quy định trong Luật Ngân hàng Singapore là khá rõ ràng, cụ thể phù hợp với bối cảnh của ngân hàng hiện đại. Phụ lục thứ ba cũng đã có những quy định “nới lỏng” nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng, tạo điều kiện thuận lợi cho thực tiễn ngân hàng hiện đại và mở rộng các trường hợp mà ngân hàng có thể cung cấp thông tin khách hàng. Cụ thể, luật cho phép trường hợp cung cấp thông tin khách hàng liên quan đến việc thực hiện các chức năng của ngân hàng nơi các chức năng này đã được thuê ngoài.¹⁴⁷ Các điều khoản đó cho phép các ngân hàng thuê bên thứ ba xử lý dữ liệu của ngân hàng ở Singapore hoặc ở nước ngoài đã được cấp phép bởi Cơ quan tiền tệ Singapore về gia công bên ngoài Singapore. Như vậy, ngoài việc cung cấp một danh mục những hạn chế được quy định trong Phụ lục thứ ba, cơ quan lập pháp của Singapore cũng đã dự liệu các ngoại lệ hạn chế sẽ tiếp tục phát sinh và xâm nhập vào nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong Luật Ngân hàng của nước này.¹⁴⁸

3.2.2 Tổ chức tín dụng cung cấp thông tin của khách hàng khi được sự đồng ý của khách hàng

Khách hàng của một TCTD là chủ sở hữu thực sự của các thông tin, dữ liệu bí mật và họ có toàn quyền cung cấp thông tin của mình hoặc cho phép TCTD cung cấp

¹⁴⁴ Điều 2 CDSA 2016, <https://sso.agc.gov.sg/Act/CDTOSCCBA1992?ValidDate=20180831>

¹⁴⁵ Là bất kỳ tài liệu nào liên quan đến giao dịch tài chính do tổ chức thực hiện với tư cách một tổ chức tài chính như: đóng hoặc mở tài khoản tại tổ chức tài chính, chuyển tiền giữa Singapore và nước ngoài hoặc thay mặt cá nhân chuyển tiền giữa các quốc gia nước ngoài.

¹⁴⁶ Điều 36 CDSA 2016

¹⁴⁷ Luật Ngân hàng Singapore, Phụ lục thứ ba, phần 2 (3)

Disclosure is solely in connection with the performance of operational functions of the bank where such operational functions have been out-sourced. Thuê ngoài dịch vụ (Outsourcing) là hình thức sử dụng những nguồn lực bên ngoài để thực hiện công việc mà lẽ ra nhân viên trong công ty cần đảm nhận

¹⁴⁸ Điều 105 K (3) Banking Act

các thông tin bí mật của mình. Cung cấp thông tin bí mật của khách hàng với sự đồng ý của khách hàng sẽ miễn trừ TCTD với nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng.

Về vấn đề này, pháp luật Thụy Sĩ quy định: thông tin khách hàng là của chính khách hàng. Do đó, khách hàng có quyền nhận bất kỳ thông tin liên quan đến mình, đồng thời, khách hàng cũng có thể ủy quyền hoặc yêu cầu ngân hàng cung cấp thông tin đó cho người được khách hàng chỉ định, chẳng hạn như cho Sở thuế vụ Hoa Kỳ trong trường hợp có thỏa thuận FATCA. Tuy nhiên, yêu cầu này phải được thể hiện một cách rõ ràng và theo nguyên tắc trung thực thiện chí.¹⁴⁹ Nghĩa là, thực hiện hành vi với ý định tốt một cách ngay thẳng, chính trực.¹⁵⁰ Do vậy, thực tế gần đây, việc các tòa án và chính quyền Hoa Kỳ đã buộc khách hàng ở Mỹ ký một tuyên bố cho phép ngân hàng phát hành hồ sơ của khách hàng. Nếu xem xét dưới góc độ luật pháp Thụy Sĩ, sự đồng ý như vậy không phải là tự nguyện, không được coi là hợp pháp.¹⁵¹

Các nhà lập pháp Anh lại có cách tiếp cận khác, pháp luật Anh quy định như sau: ngân hàng có thể cung cấp thông tin theo yêu cầu của khách hàng khi khách hàng đưa ra sự đồng ý rõ ràng hoặc ngụ ý. Điều này sẽ loại trừ trách nhiệm bảo mật thông tin khách hàng của ngân hàng. Bởi, khách hàng là chủ sở hữu thực sự của thông tin, dữ liệu bí mật và họ có toàn quyền cung cấp thông tin hoặc cho phép ngân hàng cung cấp thông tin đó. Giới hạn này được đưa ra dựa trên án lệ *Joachimson v Swiss Bank Corporation* [1921] 3 KB 110 và án lệ *Tournier v National Provincial and Union Bank of England* [1924].¹⁵² Theo đó, việc cung cấp thông tin có thể được thực hiện với sự đồng ý rõ ràng hoặc ngụ ý của khách hàng. Sự đồng ý rõ ràng của khách hàng phải tự nguyện, tự do ý chí và phải dưới dạng văn bản, để ngân hàng có thể cung cấp thông tin của họ trong một số trường hợp nhất định. Song, như thế nào được coi là sự đồng ý ngụ ý của khách hàng là một vấn đề gây nhiều tranh cãi trong luật pháp ở Anh.

¹⁴⁹ Stefan Breitenstein, 'Switzerland' in Gwendoline Godfrey (2010), Neate and Godfrey: *Bank Confidentiality* (5th edn, International Bar Association, 2010), tr 788.

¹⁵⁰ Hoàng Thế Liên (2008), *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự năm 2005*, tập I, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.28.

¹⁵¹ Wilson Claire (2014), *A Critical Analysis of the Banker's Duty of Secrecy with Special Reference to Hong Kong*

¹⁵² - *Joachimson v Swiss Bank Corporation* [1921] 3 KB 110 là phán quyết của Tòa phúc thẩm Anh và xứ Wales liên quan đến bản chất cơ bản của mối quan hệ pháp lý giữa chủ ngân hàng và khách hàng.

- *Tournier v National Provincial and Union Bank of England* [1924] 1 KB 461 là một trường phán quyết mang tính bước ngoặt ở Vương quốc Anh. Quyết định chính được đưa ra bởi Bankes LJ. Phán quyết khẳng định: "Điều khoản ẩn trong hợp đồng giữa ngân hàng và khách hàng quy định rằng ngân hàng *Tournier v. National Provincial and Union Bank of England* không được tiết lộ cho người thứ ba, nếu không có sự đồng ý rõ ràng hoặc ngầm, tình trạng tài khoản của khách hàng, các giao dịch của khách hàng với ngân hàng, hay bất cứ thông tin nào liên quan đến khách hàng mà ngân hàng có được thông qua việc quản lý tài khoản của khách hàng

Một số quan điểm cho rằng: khách hàng phải nhận thức được thông lệ ngân hàng và rằng ngân hàng có thể cung cấp thông tin của khách hàng cho cơ quan tham khảo tín dụng, do đó ngân hàng sẽ dựa vào đồng ý ngụ ý để công bố. Tuy nhiên, một số quan điểm khác cho rằng: đây là một vấn đề rất chuyên môn của ngân hàng. Khách hàng không nhận thức được nguyên tắc cung cấp thông tin này, và tại sao các ngân hàng phải dựa vào sự đồng ý ngụ ý, khi mà họ có thể tìm kiếm sự đồng ý rõ ràng của khách hàng trong một thời gian hợp lý? và liệu các ngân hàng có thực sự cần đến sự đồng ý của khách hàng để cung cấp thông tin hay không?, hoặc liệu nó có bất công với những khách hàng khi không biết về thông lệ ngân hàng này hay không?¹⁵³

Trong *Án lệ Turner v Royal Bank of Scotland*,¹⁵⁴ tòa án từ chối quan điểm rằng một khách hàng đã biết tất cả các thủ tục này ngay từ thời điểm mở tài khoản, điều này là một thách thức. Đồng thời cho rằng, thực tiễn không đủ rõ ràng để tạo thành một điều khoản ngụ ý trong hợp đồng giữa ngân hàng và khách hàng.

Còn các nhà lập pháp Trung Quốc lại cho rằng, bảo mật thông tin khách hàng là điều cần thiết để bảo vệ khách hàng. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, khách hàng có thể cho phép ngân hàng cung cấp một số thông tin nhất định về bản thân mình. Ví dụ: khách hàng có thể yêu cầu ngân hàng xác nhận trạng thái tài chính bền vững của mình bằng cách cung cấp các số liệu liên quan đến tài khoản của mình cho bên thứ ba. Thật vậy, bảo mật thông tin khách hàng là một nghĩa vụ pháp lý trong hợp đồng tín dụng, liên quan chủ yếu đến lợi ích của khách hàng. Vì vậy, khi khách hàng yêu cầu ngân hàng cung cấp một số thông tin nhất định về bản thân họ nếu họ có nhu cầu, điều đó sẽ loại trừ nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của ngân hàng.

Song, khách hàng không thể đồng ý loại trừ trách nhiệm bảo mật của ngân hàng hoàn toàn vì điều khoản pháp lý về bảo mật ngân hàng là bắt buộc, có lợi ích công cộng, ngoài lợi ích riêng của khách hàng trong việc duy trì tính bảo mật của ngân hàng. Điều này là rất cần thiết cho sự thành công của ngành ngân hàng. Tính chất bắt buộc của nghĩa

¹⁵³ - Ameera Alqayem (2014), *The Banker Customer Confidential Relationship*, Thesis submitted in fulfilment of the requirement for the degree of PhD in law, Brunel University, dẫn lại từ R. Cranston, 'Principles of Banking Law', Oxford University Press, 2nd edn, 2002, tr.176

¹⁵⁴ Ông Turner, nguyên đơn trong vụ án tuyên bố rằng ngân hàng đã vi phạm nghĩa vụ bảo mật trong việc trả lời một số "yêu cầu về tình trạng" khả năng thanh toán nợ của ông ta. Ngân hàng cho rằng ông Turner đã đưa ra một sự cho phép ngụ ý để ngân hàng trả lời các yêu cầu về tình trạng khi anh ta mở tài khoản tại ngân hàng, mặc dù anh ta không biết rằng thông lệ trong hoạt động ngân hàng cho phép các ngân hàng tiết lộ một số thông tin nhất định về khách hàng.

vụ bảo mật ngân hàng ngăn cản ngân hàng loại bỏ các nghĩa vụ đó bằng cách sử dụng các lợi thế thương lượng của mình đối với các khách hàng trong các giao dịch ngân hàng. Sự đồng ý của khách hàng phải tự nguyện bởi đây là một hành vi pháp luật dân sự,¹⁵⁵ sự đồng ý chỉ có giá trị khi thể hiện chính xác ý định thực sự của khách hàng,¹⁵⁶ nếu sự đồng ý được thực hiện thông qua cưỡng chế hoặc gian lận, nó sẽ không hợp pháp.

Mặt khác, sự đồng ý của khách hàng có thể được thể hiện rõ ràng hoặc ngụ ý, nhưng dù bằng cách nào cũng phải được thể hiện dưới một hình thức pháp lý nhất định. Nghĩa là, đối với sự đồng ý rõ ràng, không cần phải bằng văn bản, nhưng các ngân hàng nên thận trọng để có được sự chấp thuận bằng văn bản từ phía khách hàng. Liên quan đến sự đồng ý ngụ ý, quy tắc chung là phải bằng hành vi tích cực, chứ không phải là hành vi thụ động, do đó sự im lặng của khách hàng không được xem là đồng ý ngụ ý.

Theo quan điểm của các nhà lập pháp Singapore, các ngân hàng có thể cung cấp thông tin của khách hàng khi có sự đồng ý bằng văn bản của khách hàng.¹⁵⁷ Tuy nhiên, trên thực tế các ngân hàng ở Singapore thường thiết kế các hợp đồng mẫu, trong đó quy định thỏa thuận điều khoản và điều kiện (T&C) về sự đồng ý cung cấp thông tin khách hàng. Điều này là trái với quy định của Luật Ngân hàng Singapore vì luật này quy định các ngân hàng phải tuân thủ các nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng được quy định trong luật này, thậm chí việc thỏa thuận theo T&C cũng có thể tạo thành một hành vi không công bằng theo Luật Bảo vệ người tiêu dùng.

3.2.3. Tổ chức tín dụng cung cấp thông tin của khách hàng vì lợi ích của các tổ chức tín dụng

Liên quan đến việc liệu các TCTD có được cung cấp thông tin khách hàng vì lợi ích của mình không, vấn đề này cũng được quy định trong pháp luật của nhiều nước. Theo pháp luật Thụy Sĩ, trong trường hợp có tranh chấp giữa ngân hàng và khách hàng, ngân hàng có thể cung cấp các thông tin bí mật của khách hàng để tự bảo vệ quyền lợi của mình. Điều này áp dụng khi ngân hàng cung cấp các chứng cứ chứng minh trong thủ tục đòi nợ hoặc cung cấp tài liệu chứng minh trong các thủ tục tố tụng. Bởi theo Điều

¹⁵⁵ Điều 54 General Principles of Civil Law of the People's Republic of China (GPCL - Adopted 12 April 1986 & Effective 1 January 1987) Hành vi pháp luật dân sự là hành vi hợp pháp của công dân hoặc pháp nhân để thiết lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ dân sự.

¹⁵⁶ Khoản 1 Điều 55 General Principles of Civil Law of the People's Republic of China

¹⁵⁷ Phụ lục thứ ba, phần 1, đoạn 1

28.2 Bộ luật dân sự Thụy Sĩ năm 1907, sửa đổi, bổ sung năm 2020 thì các ngân hàng có thể làm như vậy trong trường hợp vì sự sống còn của ngân hàng và cần thiết để tự vệ.

Về khía cạnh này, quan điểm của các nhà lập pháp Anh là các ngân hàng được cung cấp thông tin bí mật của khách hàng nhằm mục đích bảo vệ quyền lợi chính đáng của ngân hàng. Cơ sở để áp dụng giới hạn này là khi khách hàng kiện ngân hàng, hoặc khi ngân hàng kiện khách hàng để thu nợ, như lời giải thích của thẩm phán Bankes LJ,¹⁵⁸ hoặc hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của mình. Cụ thể:

Một là, cung cấp thông tin khách hàng như một chứng cứ chứng minh cho tòa án

Trong trường hợp có tranh chấp giữa ngân hàng và khách hàng hoặc người bảo lãnh, các bên tranh chấp có quyền tự bảo vệ mình và tôn trọng quyền cho phép đương sự cung cấp chứng cứ liên quan để chứng minh cho khiếu nại của bên còn lại. Trong trường hợp này, ngân hàng có thể cung cấp thông tin bí mật của khách hàng như một chứng cứ chứng minh. Tuy nhiên, tất cả các thông tin bí mật khác không liên quan đến vụ việc đó vẫn phải giữ bí mật và các ngân hàng không được phép cung cấp các dữ liệu liên quan đến khách hàng.

Hai là, cung cấp thông tin khách hàng vì mục đích tiếp thị

Trao đổi thông tin nhằm mục đích tiếp thị thường được sử dụng để giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ mới được cung cấp bởi các công ty khác trong cùng một nhóm kinh doanh nhằm tăng tỷ suất lợi nhuận và giảm chi phí tiếp thị.

Tuy nhiên, khi xem xét câu hỏi liệu trao đổi thông tin bí mật của khách hàng giữa các ngân hàng có được xem là cung cấp thông tin vì quyền lợi của ngân hàng hay không, Ủy ban đánh giá Jack¹⁵⁹ cho rằng ngân hàng có thể trao đổi thông tin bí mật với các ngân hàng khác. Tuy nhiên, họ không được chuyển bất kỳ thông tin bí mật nào cho một tổ chức phi ngân hàng khác trong cùng một nhóm. Luật Ngân hàng yêu cầu phải có sự chấp thuận của khách hàng trước khi các ngân hàng chuyển thông tin của họ cho mục đích tiếp thị.¹⁶⁰

Ba là, cung cấp thông tin khách hàng cho các cơ quan tham khảo tín dụng

¹⁵⁸ Tournier v National Provincial and Union Bank of England 1924, 1 KB 461

¹⁵⁹ Ủy ban Đánh giá Luật Dịch vụ Ngân hàng được bổ nhiệm vào tháng 1 năm 1987 dưới sự chủ trì của Giáo sư R B Jack (Jack Committee). Nhiệm vụ của Ủy ban này là kiểm tra văn bản luật và án lệ liên quan đến việc cung cấp các dịch vụ ngân hàng tại Vương quốc Anh cho các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp

¹⁶⁰ Ameera Alqayem (2014), *The Banker Customer Confidential Relationship*, tr.130.

Việc cung cấp các thông tin “đen” của khách hàng cho các cơ quan tham khảo tín dụng,¹⁶¹ liên quan đến khách hàng không trả nợ, có thể được biện minh cho việc cung cấp thông tin vì lợi ích của ngân hàng hoặc ngân hàng cũng có thể hợp pháp hóa việc cung cấp thông tin cho cơ quan tham khảo tín dụng thông qua sự đồng ý ngụ ý của khách hàng, được chứng minh theo các hạn chế của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng - cung cấp thông tin vì lợi ích công cộng, hoặc cung cấp thông tin vì lợi ích chính đáng của ngân hàng, và cũng có thể lý giải hợp lý là cung cấp thông tin với sự đồng ý ngụ ý của khách hàng. Tuy nhiên, vấn đề phát sinh liên quan đến thông tin “trắng” - khi khách hàng đang tuân thủ các khoản thanh toán và không có bất cứ vi phạm nào về nghĩa vụ trả nợ, thì ngân hàng có được cung cấp thông tin của họ không? Có quan điểm cho rằng: việc cung cấp thông tin “trắng” của khách hàng cho các cơ quan tham khảo tín dụng là đang bảo vệ khách hàng khỏi chi tiêu quá nhiều và phát sinh các khoản nợ không thể quản lý hoặc có thể được xem xét vì lợi ích công cộng. Ủy ban đánh giá Jack đã chấp thuận việc ngân hàng có thể cung cấp cả thông tin “đen” và “trắng”. Tuy nhiên, Luật Ngân hàng quy định rằng thông tin “đen” sẽ được tiết lộ cho các cơ quan tham khảo tín dụng nhưng, đối với thông tin “trắng”, ngân hàng nên tìm kiếm sự đồng ý của khách hàng.¹⁶²

Tại Trung Quốc, nhu cầu thực sự về chia sẻ thông tin tín dụng thông qua các cơ quan tham khảo tín dụng để cải thiện việc ra quyết định về phân bổ tín dụng là vấn đề tương đối mới với Trung Quốc. Công ty Dịch vụ Thông tin tín dụng Thượng Hải (SCIS), được thành lập vào tháng 7 năm 1999 với sự chấp thuận của PBC, là cơ quan tham khảo tín dụng đầu tiên kể từ khi thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Tuy nhiên, cho đến thời điểm này, không có quy định pháp luật rõ ràng nào yêu cầu các ngân hàng phải cung cấp thông tin cho các cơ quan tham khảo tín dụng. Do đó, việc cung cấp thông tin cho tham khảo tín dụng tại Trung Quốc phải được đồng ý của

¹⁶¹ Hoạt động thông tin tín dụng đã có lịch sử hàng trăm năm, song hành với hoạt động tín dụng của NHTM. Nó thường được chú ý nhiều hơn mỗi khi nền kinh tế có biến động. Vì thế, sau cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1929 - 1933, khủng hoảng đầu mỏ năm 1970, khủng hoảng kinh tế Châu Á năm 1997, thì thông tin tín dụng lại trở thành vấn đề bức xúc. Theo Word Bank, hiện nay có trên 140 nước và nền kinh tế có hoạt động thông tin tín dụng (TTTD). Trên thế giới nghiệp vụ TTTD có nhiều cách gọi khác nhau như TTTD (credit information), đăng ký tín dụng (credit register), báo cáo tín dụng (credit report), thông tin phòng ngừa rủi ro. Tuy có nhiều cách gọi khác nhau nhưng nội hàm bản chất của nghiệp vụ này trên toàn cầu là tương đối giống nhau, đó là việc hợp tác chia sẻ thông tin giữa những NHTM với nhau để cùng hạn chế rủi ro tín dụng.

¹⁶² - Banking Code 2008, Para. 13.5 – 13.9 / - Dẫn lại của Ameera Alqayem (2014), *The Banker Customer Confidential Relationship*, tr.130

khách hàng về việc cho phép các ngân hàng cung cấp một số thông tin của họ cho các cơ quan tham khảo tín dụng.

Dù rằng, căn cứ vào Luật Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc, Ngân hàng Trung ương Trung Quốc và các chi nhánh được ủy quyền có thẩm quyền kiểm tra và giám sát các khoản tiền gửi, cho vay, quyết toán và các tài khoản nợ xấu của các ngân hàng.¹⁶³ PBC có quyền yêu cầu các ngân hàng ở Thượng Hải chuyển thông tin tín dụng liên quan đến nó. Nhưng, chi nhánh Thượng Hải của PBC không được chuyển thông tin tín dụng cho SCIS và cho phép các ngân hàng thương mại tiếp cận thông tin tín dụng mà không có sự đồng ý trước của khách hàng. PBC không có thẩm quyền cho phép chuyển thông tin tín dụng cho các ngân hàng khác. Trường hợp PBC có thông tin liên quan đến khách hàng từ một ngân hàng nhất định, thì phải giữ bí mật thông tin đó.

Theo quy định của pháp luật Singapore, tại Phụ lục thứ ba, phần 1 đoạn 4a việc cung cấp thông tin khách hàng vì lợi ích của ngân hàng chỉ khi có liên quan đến việc thực hiện một số thủ tục tố tụng nhất định. Chẳng hạn, các thủ tục tố tụng giữa ngân hàng và khách hàng hoặc người bảo lãnh liên quan đến giao dịch ngân hàng của khách hàng.¹⁶⁴

Tóm lại, có thể nhận thấy, theo quy định pháp luật của một số nước thì ngân hàng có thể cung cấp thông tin khách hàng như một chứng cứ để chứng minh tại tòa. Tuy nhiên, việc cung cấp thông tin khách hàng cho mục đích tiếp thị và cung cấp thông tin cho các cơ quan tham khảo tín dụng được quy định hạn chế hoặc phải có yêu cầu rõ ràng về thủ tục để các ngân hàng có thể cung cấp thông tin của khách hàng vì lợi ích của các ngân hàng.

3.2.4. Tổ chức tín dụng cung cấp thông tin của khách hàng vì lợi ích công cộng

Pháp luật Thụy Sĩ, dù không minh định việc giới hạn nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH vì lợi ích công cộng nhưng tương tự như trường hợp vì lợi ích chính đáng của ngân hàng, ngân hàng có thể áp dụng Điều 28.2 Bộ luật dân sự Thụy Sĩ năm 1917, sửa đổi, bổ sung năm 2020, các ngân hàng có thể cung cấp thông tin khách hàng nếu có chứng minh lợi ích công cộng có thể vượt trội hơn lợi ích của một cá nhân.

¹⁶³ Điều 32 Law of the People's Republic of China on the People's Bank of China

¹⁶⁴ Luật Ngân hàng Singapore, Phụ lục II, phần 1 đoạn 4a: "4. Disclosure is solely with a view to the institution of, or solely in connection with, the conduct of proceedings — (a) between the bank and the customer or his surety relating to the banking transaction of the customer;"

Liên quan đến nội dung này, pháp luật của Anh có giải quyết như sau: Ngân hàng có thể cung cấp thông tin bí mật của khách hàng một cách hợp pháp nếu đủ điều kiện: có nhiệm vụ phải công bố công khai. Theo phán quyết của thẩm phán Lord Finlay trong án lệ *Weld Blundell v. Stephens* “*khi nhà nước đối mặt với bất kỳ mối nguy hiểm nào, lợi ích của nó phải vượt trội hơn lợi ích của cá nhân*”.¹⁶⁵ Đây được coi là xương sống của giới hạn này. Tuy nhiên, nội dung giới hạn này không dễ mô tả do tính chất trừu tượng của nó, không có tiêu chuẩn thống nhất trong những vấn đề này và mỗi trường hợp phải được nghiên cứu riêng để tòa án quyết định liệu nó có thuộc trường hợp vì lợi ích công cộng hay không.¹⁶⁶ Nhiều yếu tố khác xung quanh vụ án có thể ảnh hưởng đến quyết định của tòa án khi xem xét như thế nào là lợi ích công cộng. Chẳng hạn như, sức ép truyền thông hoặc áp lực công khai có thể được coi là mối đe dọa nghiêm trọng đối với nhiệm vụ bảo mật, hoặc có thể áp dụng khi cung cấp thông tin của khách hàng đang giao dịch với kẻ thù trong thời chiến,¹⁶⁷ hoặc có thể áp dụng trong trường hợp phòng ngừa và phát hiện gian lận, tội phạm nghiêm trọng, khi ngân hàng báo cáo giao dịch nghi ngờ liên quan đến hành vi phạm tội ví dụ như tổng tiền khách hàng ... Điều đó cho thấy rằng việc áp dụng tiêu chuẩn vì lợi ích công cộng được mở rộng ở rất nhiều trường hợp. Chính vì vậy, trong Báo cáo của Ủy ban đánh giá Jack đã đề nghị bãi bỏ giới hạn này.

Song, chính phủ bác bỏ quan điểm của Ủy ban đánh giá và đưa ra lập luận ủng hộ việc giữ lại giới hạn này với lý do vì “*nó cho ngân hàng một biện pháp tự vệ nếu ngân hàng tin rằng phải cung cấp thông tin vì lợi ích công cộng*” và rằng do tính chất chung chung của ngoại lệ hạn chế “công cộng” có thể bao trùm một số lĩnh vực nhất định mà nhà lập pháp đã không lường trước được. Đồng thời, tội phạm tài chính ngày càng trở nên tinh vi nên nhu cầu cung cấp thông tin khách hàng của ngân hàng cho các cơ quan quản lý là cần thiết. Do đó, không cần thiết phải xóa bỏ ngoại lệ hạn chế này. Song, thay vào đó tòa án cần phải thận trọng hơn trong việc áp dụng ngoại lệ này và ngân hàng cũng cần cân nhắc không nên dựa vào ngoại lệ này quá nhiều.¹⁶⁸

Cách tiếp cận của Trung Quốc, pháp luật ngân hàng cũng có quy định về việc

¹⁶⁵ Án lệ *Weld Blundell v Stephens* 1920,

<<https://www.casemine.com/judgement/uk/5a8ff8de60d03e7f57ecec20>>, truy cập ngày 2/10/2017

¹⁶⁶ Ameera Alqayem (2014), *The Banker Customer Confidential Relationship*.

¹⁶⁷ *Tournier v National Provincial and Union Bank of England* 1924, 1 KB 461

¹⁶⁸ Ameera Alqayem (2014), *The Banker Customer Confidential Relationship*.

cung cấp thông tin khách hàng vì lợi ích của nhà nước hoặc lợi ích công cộng. Đây cũng là một giới hạn khác của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của ngân hàng ở Trung Quốc. Điều này được quy định tại Điều 8 Luật Ngân hàng thương mại Trung quốc năm 1995, sửa đổi, bổ sung năm 2003 (Law of the People's Republic of China on Commercial Banks) theo nguyên tắc chung là kinh doanh ngân hàng không được gây tổn hại đến lợi ích chung của nhà nước hoặc xã hội.

Giới hạn này liên quan đến hai loại lợi ích cần thiết cho lợi ích chung của người dân. *Một là*, lợi ích của nhà nước. Ví dụ, vì an ninh quốc gia có thể yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng trong trường hợp khẩn cấp với nỗ lực đánh bại hoạt động khủng bố. *Hai là*, lợi ích của xã hội. Đây cũng là nguyên tắc điều chỉnh chung trong Bộ luật dân sự Trung Quốc.¹⁶⁹ Điều này càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng khi luật pháp Trung Quốc vẫn phải tiếp tục hoàn thiện. Với sự hướng dẫn của nguyên tắc như vậy, thẩm phán có thể xét xử các trường hợp liên quan đến tranh chấp chưa được pháp luật điều chỉnh hoặc giúp sửa chữa các “lỗ hổng” của pháp luật.

Về vấn đề này, Điều 47 Luật Ngân hàng Singapore năm 1970, sửa đổi, bổ sung năm 2018 quy định: “*Thông tin khách hàng của ngân hàng sẽ không bị tiết lộ bởi ngân hàng hoặc bất kỳ nhân viên nào của ngân hàng tại Singapore, ngoại trừ được quy định rõ ràng trong Đạo luật này*” và tại Phụ lục thứ ba của Luật này đã không quy định cụ thể về việc ngân hàng được quyền cung cấp thông tin khách hàng vì lợi ích công cộng. Do vậy, ngân hàng không thể biện minh cho bất kỳ sự cung cấp thông tin nào của khách hàng vì lý do lợi ích công cộng.

Tóm lại, vì tính chất trừu tượng của khái niệm lợi ích công cộng nên pháp luật của các nước được tác giả lựa chọn nghiên cứu đã có sự cân nhắc cẩn trọng khi quy định giới hạn của nghĩa vụ bảo mật trong trường hợp này và việc ngân hàng có cung cấp thông tin khách hàng vì lợi ích công cộng hay không phụ thuộc vào sự đánh giá của tòa án.

Qua việc phân tích pháp luật của bốn quốc gia điển hình được tác giả lựa chọn nghiên cứu, có thể đưa ra những đánh giá liên quan đến quy định pháp luật về giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH của những nước được đề cập trên như sau:

¹⁶⁹ Điều 7, General Principles of Civil Law of the People's Republic of China

Một là, việc quy định giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH của các nước lựa chọn nghiên cứu nhìn chung đều dựa trên những quan điểm mang tính chất nền tảng, đó là Công ước về bảo vệ nhân quyền và quyền tự do cơ bản năm 1950. Bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong HĐNH là nghĩa vụ buộc các TCTD phải tuân thủ, tuy nhiên nghĩa vụ này có thể bị giới hạn trong những trường hợp nhất định, cụ thể được quy định trong các văn bản luật. Nhìn chung, các quốc gia mà tác giả luận án lựa chọn nghiên cứu đều có quy định giới hạn nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng liên quan đến hoạt động tư pháp, cho phòng ngừa tội phạm và thực thi các hoạt động quản lý, giám sát của nhà nước và ngày càng mở rộng giới hạn nghĩa vụ cung cấp thông tin khách hàng liên quan đến minh bạch thuế, tội phạm nghiêm trọng và tội phạm xuyên quốc gia.

Hai là, về giới hạn của việc cung cấp thông tin khách hàng theo sự đồng ý của khách hàng, bốn quốc gia được lựa chọn nghiên cứu đều có quy định khách hàng có thể yêu cầu ngân hàng cung cấp thông tin của họ cho bên thứ ba. Ngoài ra, ngân hàng cũng có thể cung cấp thông tin khách hàng nếu được sự đồng ý ngụ ý của khách hàng. Tuy nhiên, để xác định như thế nào được xem là sự đồng ý ngụ ý của khách hàng thì có sự khác nhau trong quy định của từng nước. Liệu rằng ngân hàng có thể dựa vào một điều khoản đồng ý trong thỏa thuận với khách hàng để cung cấp thông tin của khách hàng hay không? Câu trả lời không rõ ràng và phải được quyết định cho từng trường hợp cụ thể.

Ba là, vì lợi ích chính đáng của TCTD, TCTD còn có thể cung cấp thông tin của khách hàng trong nội bộ TCTD, cung cấp thông tin khách hàng theo những thủ tục nhất định khi đưa ra chứng cứ chứng minh tại tòa trong thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, các nước được tác giả lựa chọn nghiên cứu đều thống nhất rằng việc cung cấp thông tin cho cơ quan tham khảo tín dụng phải có sự thỏa thuận với khách hàng.

Bốn là, liên quan đến giới hạn cung cấp thông tin khách hàng vì lợi ích công cộng hay lợi ích chung. Đây là nội dung rất khó tìm thấy trong luật thực định hay sự giải thích cụ thể, rõ ràng nào. Các nước được tác giả lựa chọn nghiên cứu đều cho rằng, đó là vấn đề của thực tiễn và vai trò của tòa án trong trường hợp này rất quan trọng. Các nước này đều quy định rằng, cần có một lệnh của tòa án trước khi cung cấp thông tin khách hàng trong trường hợp này.

3.3. Giới hạn của nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng theo pháp luật Việt Nam

3.3.1. Thực trạng quy định pháp luật về giới hạn bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng ở Việt Nam

Ở Việt Nam, theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 14 Luật các TCTD năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì *“TCTD, CNNHN Ng phải bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại TCTD, CNNHN Ng. TCTD, CNNHN Ng không được cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi, các giao dịch của khách hàng tại TCTD, CNNHN Ng cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng”*.

Nhằm cụ thể hóa các quy định của Luật các TCTD về nghĩa vụ bảo mật và cung cấp thông tin khách hàng, Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP cũng đã quy định: *“Thông tin khách hàng của TCTD, CNNHN Ng phải được giữ bí mật và chỉ được cung cấp theo quy định của Luật các TCTD năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Nghị định này và pháp luật có liên quan”*. Cũng theo Điểm a Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP *“TCTD, CNNHN Ng chỉ được cung cấp thông tin khách hàng cho tổ chức khác, cá nhân thuộc trường hợp có quy định cụ thể tại bộ luật, luật, nghị quyết của Quốc hội”*.

Như vậy, Luật các TCTD năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã quy định rõ TCTD có nghĩa vụ bảo mật thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi, các giao dịch của khách hàng tại TCTD, nhưng nghĩa vụ đó sẽ bị giới hạn trong hai trường hợp: i) khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; ii) khi được sự đồng ý của khách hàng.

Thứ nhất, TCTD cung cấp thông tin của khách hàng khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Về quy định này, hiện có rất nhiều văn bản luật có quy định việc TCTD phải cung cấp thông tin của khách hàng cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cụ thể dưới đây:

Một là, TCTD phải cung cấp thông tin khách hàng cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án

Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (BLTTHS năm 2015) thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp những tài liệu, đồ vật, trình bày những tình tiết làm sáng tỏ vụ án.¹⁷⁰ Như vậy, để có chứng cứ nhằm làm sáng tỏ tình tiết của vụ án, theo yêu cầu của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, TCTD phải cung cấp thông tin của khách hàng cho các cơ quan ấy, trường hợp này sẽ loại trừ nghĩa vụ của TCTD trong việc bảo mật thông tin khách hàng.

Vấn đề cũng được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS năm 2015) và Luật tố tụng hành chính năm 2015 (Luật TTHC năm 2015). Pháp luật đã trao quyền cho Tòa án hỗ trợ đương sự trong việc thu thập chứng cứ và chỉ tiến hành thu thập, xác minh chứng cứ trong những trường hợp do luật này quy định.¹⁷¹ Do đó, một TCTD sẽ không thể lấy lý do bảo mật thông tin khách hàng như một cái cớ để từ chối cung cấp những chứng cứ liên quan.¹⁷² Tương tự như trong tố tụng dân sự, các đương sự trong tố tụng hành chính cũng có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp.

Đồng thời, theo quy định của Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì Chấp hành viên¹⁷³ có quyền: xác minh tài sản, điều kiện thi hành án của người phải thi hành án; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu để xác minh địa chỉ, tài sản của người phải thi hành án hoặc phối hợp với cơ quan có liên quan xử lý vật chứng, tài sản và những việc khác liên quan đến thi hành án.¹⁷⁴

Hai là, TCTD phải cung cấp thông tin khách hàng cho cơ quan thanh tra

Một trong các thẩm quyền của thanh tra được quy định trong Luật Thanh tra năm 2010 là quyền yêu cầu.¹⁷⁵ Trong quá trình thanh tra, khi xét thấy cần thiết, thủ trưởng các cơ quan thanh tra, thủ trưởng các cơ quan quản lý nhà nước mà trực tiếp là người ra

¹⁷⁰ Khoản 1 Điều 88 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

¹⁷¹ - Khoản 2 Điều 6 BLTTDS năm 2015: Tòa án có trách nhiệm hỗ trợ đương sự trong việc thu thập chứng cứ và chỉ tiến hành thu thập, xác minh chứng cứ trong những trường hợp do Bộ luật này quy định.

- Khoản 2 Điều 9 Luật TTHC năm 2015: Tòa án có trách nhiệm hỗ trợ đương sự trong việc thu thập tài liệu, chứng cứ và tiến hành thu thập, xác minh chứng cứ; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án hoặc đương sự theo quy định của Luật này.

¹⁷² - Điều 7 BLTTDS năm 2015: Trách nhiệm cung cấp tài liệu, chứng cứ của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền

- Điều 10 Luật TTHC năm 2015: Nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền

¹⁷³ Chấp hành viên là người được Nhà nước giao nhiệm vụ thi hành các bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật này. Chấp hành viên có ba ngạch là Chấp hành viên sơ cấp, Chấp hành viên trung cấp và Chấp hành viên cao cấp. Chấp hành viên do Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm.

¹⁷⁴ Khoản 4 Điều 20 Luật Thi hành án dân sự năm 2008

¹⁷⁵ Căn cứ tính chất của quyền trong hoạt động thanh tra, chúng ta có thể phân loại thành 4 nhóm quyền chủ yếu, bao gồm quyền yêu cầu, quyền quyết định, quyền kiến nghị và quyền kết luận, kiến nghị sau thanh tra.

quyết định thanh tra; trưởng đoàn thanh tra; thành viên đoàn thanh tra; người được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành được quyền đưa ra các yêu cầu, đòi hỏi với đối tượng thanh tra và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thực hiện một hoặc một số công việc nhất định trong khuôn khổ pháp luật quy định để thực hiện nhiệm vụ thanh tra. Chẳng hạn, quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra cung cấp thông tin, tài liệu đó,¹⁷⁶ yêu cầu tổ chức tín dụng nơi đối tượng thanh tra có tài khoản phong tỏa tài khoản đó để phục vụ việc thanh tra khi có căn cứ cho rằng đối tượng thanh tra có hành vi tẩu tán tài sản.¹⁷⁷

Như vậy, nếu TCTD có thông tin, tài liệu liên quan đến đối tượng thanh tra phải cung cấp đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu của người có thẩm quyền theo luật định.

Ba là, TCTD phải cung cấp thông tin khách hàng theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 Luật các TCTD năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017: “TCTD, CNNHN^g có trách nhiệm cung cấp cho NHNN thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và được NHNN cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với TCTD, CNNHN^g theo quy định của NHNN”. Vấn đề này được hướng dẫn tại Thông tư 03/2013/TT- NHNN ngày 28/1/2013 của Thống đốc NHNN Việt Nam về hoạt động thông tin tín dụng của NHNN Việt Nam và được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 27/2017/TT- NHNN ngày 31/12/2017 của Thống đốc NHNN Việt Nam. Theo đó, TCTD, CNNHN^g cung cấp cho CIC¹⁷⁸ toàn bộ Hệ thống chỉ tiêu thông tin tín dụng quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này và được phân thành các nhóm chỉ tiêu sau: a) Thông tin nhận dạng; b) Thông tin hợp đồng tín dụng; c) Thông tin quan hệ tín dụng; d) Thông tin tình trạng tài khoản thẻ tín dụng; e) Thông tin bảo đảm tiền vay; g) Thông tin tài chính năm của khách hàng vay là doanh nghiệp, bao gồm: bảng cân đối kế toán,

¹⁷⁶ Khoản 1d Điều 46 Luật Thanh tra năm 2010, Khoản 1e Điều 53 Luật Thanh tra năm 2010

¹⁷⁷ Khoản 1 Điều 46, khoản 1l Điều 53 Luật Thanh tra năm 2010.

¹⁷⁸ Trung tâm Thông tin tín dụng - The Credit Information Centre (CIC) là tổ chức sự nghiệp nhà nước thuộc NHNN Việt Nam, có chức năng thu nhận, lưu trữ, phân tích, xử lý, dự báo thông tin tín dụng phục vụ cho yêu cầu quản lý nhà nước của NHNN; thực hiện các dịch vụ thông tin ngân hàng theo quy định của NHNN và của pháp luật.

Theo Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 27/2017/TT- NHNN ngày 31/12/2017 của Thống đốc NHNN Việt Nam, “Trung tâm Thông tin tín dụng” thành “Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam”

CIC có quyền và nghĩa vụ thu nhận, xử lý, lưu giữ, bảo mật thông tin tín dụng về khách hàng vay từ TCTD, CNNHN^g, tổ chức tự nguyện và cá nhân. (Khoản 2 Điều 12 Thông tư 03/2013/TT-NHNN ngày 28/1/2013 Quy định về hoạt động thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo quy định của Bộ Tài chính; h) Thông tin đầu tư trái phiếu vào khách hàng vay là doanh nghiệp.¹⁷⁹

Đồng thời, theo quy định tại Khoản 1 Điều 31 Luật Phòng chống rửa tiền năm 2012: *“Tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp cho NHNN Việt Nam thông tin, tài liệu, hồ sơ về các giao dịch và các thông tin khác theo quy định của Luật này nhằm phục vụ cho việc phân tích, chuyển giao thông tin”* và theo Khoản 2 Điều 19. Nghị định 116/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống rửa tiền: *“Cơ quan phòng, chống rửa tiền thuộc NHNN Việt Nam có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan (đối tượng báo cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân lưu giữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến giao dịch và các bên liên quan đến giao dịch) cung cấp thông tin, tài liệu, hồ sơ và các thông tin khác cần thiết cho việc phân tích, chuyển giao thông tin về rửa tiền”*

Với những nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 4 Luật NHNNVN năm 2010, NHNN Việt Nam chịu trách nhiệm về các lĩnh vực tiền tệ ngân hàng, thực thi chính sách tiền tệ và giám sát hệ thống các TCTD. Trong đó, cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng là bộ phận trực tiếp giám sát các TCTD, CNNHN, quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo... Do đó, TCTD có nghĩa vụ cung cấp thông tin khách hàng được coi là cần thiết để có thể bảo đảm an toàn cho HĐNH.

Bốn là, TCTD phải cung cấp thông tin khách liên quan đến hoạt động kiểm toán

Một trong những quyền hạn của Kiểm toán nhà nước là yêu cầu đơn vị được kiểm toán và tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu phục vụ cho việc kiểm toán.¹⁸⁰ Mục đích của hoạt động kiểm toán nhà nước là nhằm đảm bảo và nâng cao quyền lực của nhà nước, đảm bảo sự lành mạnh của tài chính nhà nước, đồng thời giúp các đơn vị được kiểm toán có cái nhìn toàn diện và đúng đắn hơn về thực trạng tài chính, về chất lượng công tác quản lý kinh tế tài chính, kịp thời phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý kinh tế, tiền và tài sản của nhà nước. Góp phần tích cực, có hiệu quả vào cuộc đấu tranh chống gian lận, tham nhũng và lãng phí, hạn chế thất thoát tài sản, tiền bạc của dân, của nước.

¹⁷⁹ Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 27/2017/TT- NHNN ngày 31/12/2017 của Thống đốc NHNN Việt Nam về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2013/TT-NHNN ngày 28/01/2013 của Thống đốc NHNN Việt Nam quy định về hoạt động thông tin tín dụng của NHNN Việt Nam.

¹⁸⁰ Khoản 2 Điều 11 Luật Kiểm toán nhà nước năm 2015

Để thực hiện quy định này, các đơn vị được kiểm toán, trong đó có các TCTD phải: cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu cần thiết để thực hiện việc kiểm toán theo yêu cầu của Kiểm toán nhà nước, Kiểm toán viên nhà nước và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, khách quan của thông tin, tài liệu đã cung cấp.¹⁸¹ Cụ thể là cung cấp cho Kiểm toán nhà nước các thông tin được quy định trong Phụ lục 2: Hướng dẫn chi tiết nội dung, phương pháp - thủ tục kiểm toán hoạt động tín dụng của các Ngân hàng thương mại khi được kiểm toán nhà nước yêu cầu¹⁸². Như vậy, theo quy định của các văn bản này thì kiểm toán nhà nước cũng có quyền yêu cầu TCTD cung cấp thông tin khách hàng của mình.

Năm là, TCTD phải cung cấp thông tin khách hàng liên quan đến quy định về thuế

Cơ quan quản lý thuế¹⁸³ có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế và phối hợp với cơ quan quản lý thuế để thực hiện pháp luật về thuế; kiểm tra thuế, thanh tra thuế; cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về thuế...¹⁸⁴

Điểm a Khoản 2 Điều 72 Luật Quản lý thuế năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2012 quy định: “*Ngân hàng thương mại, TCTD khác có trách nhiệm cung cấp nội dung giao dịch qua tài khoản của người nộp thuế trong thời hạn 10 làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu cung cấp thông tin của cơ quan quản lý thuế*”. Vấn đề này đã được cụ thể hóa tại Điều 45 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2012 như sau: “*TCTD theo quy định của Luật các TCTD có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế: a) Hồ sơ, thông tin giao dịch qua tài khoản ngân hàng của người nộp thuế; thông tin về số tiền bảo lãnh cho người nộp thuế của ngân hàng theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế; b) Hồ sơ, chứng từ, số tài khoản thanh toán, bản sao sổ kế toán chi tiết tài khoản thanh toán, bản sao bộ chứng từ thanh toán quốc tế, bộ chứng từ thanh toán nội địa, thanh*

¹⁸¹ Khoản 3 Điều 57 Luật Kiểm toán nhà nước năm 2015

¹⁸² Điều 17 Quyết định số 11/2017/QĐ-KTNN ngày 21 tháng 11 năm 2017 về ban hành quy trình kiểm toán các tổ chức tài chính, ngân hàng

¹⁸³ Cơ quan quản lý thuế gồm: Cơ quan thuế gồm Tổng cục thuế, Cục thuế, Chi cục thuế; Cơ quan hải quan gồm Tổng cục hải quan, Cục hải quan, Chi cục hải quan (Khoản 2 Điều 2 Luật Quản lý thuế năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2012)

¹⁸⁴ Khoản Điều 9 Luật Quản lý thuế năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2012

toán biên mộ qua ngân hàng của tổ chức, cá nhân theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế; c) Các thông tin khác phục vụ cho hoạt động thu thập xử lý thông tin, kiểm tra, thanh tra thuế của cơ quan quản lý thuế theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế”.

Như vậy, theo quy định của các văn bản này thì cơ quan thuế, cơ quan hải quan cũng có quyền yêu cầu TCTD cung cấp thông tin khách hàng nhằm phục vụ cho việc thu thập xử lý thông tin, kiểm tra, thanh tra thuế của cơ quan quản lý thuế.

Sáu là, TCTD phải cung cấp thông tin khách liên quan đến quá trình giải quyết việc phá sản

Trong thủ tục phá sản, các chủ thể sau cũng có quyền thu thập thông tin từ TCTD liên quan đến tất cả tài sản của người bị phá sản. Cụ thể, tại Khoản 1 Điều 7 Luật Phá sản năm 2014 đã quy định: *“Cá nhân, cơ quan, tổ chức đang quản lý, lưu giữ tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ việc phá sản có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ việc phá sản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của chủ nợ, doanh nghiệp, hợp tác xã, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. Cá nhân, cơ quan, tổ chức không cung cấp được tài liệu, chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều này phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do, nếu cố ý không cung cấp tài liệu, chứng cứ mà không có lý do chính đáng thì bị xử lý theo quy định của pháp luật”.*

Với quy định trên thì chủ nợ, doanh nghiệp, hợp tác xã, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, có quyền yêu cầu TCTD đang quản lý, lưu giữ tài liệu, chứng cứ có liên quan đến tài sản phá sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mắc nợ phải có nghĩa vụ cung cấp thông tin liên quan đến tài sản cho các chủ thể trên.

Tóm lại, có thể thấy, hiện có rất nhiều văn bản luật quy định giới hạn nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của các TCTD. Nghĩa vụ này không chỉ bị giới hạn liên quan đến hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, kiểm toán, quản lý thuế mà còn có thể giới hạn bởi những hướng dẫn của NHNN hoặc liên quan đến quá trình giải quyết việc phá sản. Việc TCTD cung cấp thông tin khách hàng trong những trường hợp này sẽ loại trừ nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH. Nhìn chung, quy định của pháp luật Việt Nam có những điểm tương đồng với pháp luật của Thụy Sĩ, Trung Quốc. Cụ thể, nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH của các TCTD ở Việt Nam

không được quy định trong bất cứ luật riêng nào. Ngoài ra, nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của Việt Nam còn có điểm tương đồng với pháp luật Trung Quốc khi quy định giới hạn nghĩa vụ bảo mật cho nhiều cơ quan chính phủ khác nhau, chú trọng vai trò của Ngân hàng nhà nước và hướng tới việc bảo đảm an toàn cho hệ thống tín dụng.

Thứ hai, TCTD cung cấp thông tin của khách hàng khi được sự đồng ý của khách hàng

Khách hàng của một TCTD là chủ sở hữu thực sự của các thông tin, dữ liệu bí mật và họ có toàn quyền tiết lộ thông tin bản thân mình hoặc cho phép TCTD cung cấp các thông tin bí mật của mình. Cung cấp thông tin bí mật của khách hàng với sự đồng ý của khách hàng sẽ miễn trừ TCTD với nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng.

Điểm b Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP quy định: TCTD, CNNHN^{Ng} chỉ được cung cấp thông tin khách hàng cho tổ chức khác, cá nhân thuộc trường hợp có chấp thuận của khách hàng bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác theo thỏa thuận với khách hàng. Đồng thời Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP khẳng định rõ trách nhiệm của TCTD, CNNHN^{Ng} có trách nhiệm cung cấp thông tin khách hàng cho chính khách hàng hoặc người đại diện hợp pháp của khách hàng đó.

Ngoài ra, nhằm nhấn mạnh nghĩa vụ bảo mật các thông tin khách hàng khi khách hàng thực hiện các giao dịch trên Ngân hàng số - ngân hàng có thể thực hiện hầu hết các giao dịch ngân hàng bằng hình thức trực tuyến thông qua Internet, Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP: *“TCTD, CNNHN^{Ng} không được cung cấp thông tin xác thực khách hàng khi truy cập các dịch vụ ngân hàng bao gồm mã khóa bí mật, dữ liệu sinh trắc học, mật khẩu truy cập của khách hàng, thông tin xác thực khách hàng khác cho bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào, trừ trường hợp được sự chấp thuận của khách hàng đó bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác theo thỏa thuận với khách hàng đó”*.

Có thể nhận thấy, Luật các TCTD năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các văn bản hướng dẫn liên quan khẳng định chủ thể trực tiếp của thông tin bí mật của khách hàng trong HĐNH là của khách hàng, việc phải bảo mật thông tin khách hàng là nghĩa vụ bắt buộc, buộc TCTD phải tuân thủ.

Để hình dung một cách tổng thể các trường hợp giới hạn nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH của các nước Thụy Sĩ, Anh, Singapore, Trung Quốc và Việt

Nam, từ đó có những phân tích đánh giá các quy định pháp luật của các nước về vấn đề này, có thể xem bảng tổng hợp tại **Phụ lục bảng 2**.

3.3.2. Đánh giá pháp luật Việt Nam về giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng trong mối liên hệ với pháp luật một số quốc gia

Ngoài hai trường hợp pháp luật quy định nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng bị giới hạn. Liệu pháp luật Việt Nam có quy định TCTD được cung cấp thông tin vì lợi ích của chính TCTD hay lợi ích công cộng như pháp luật một số nước được lựa chọn nghiên cứu không?

Một là, về việc liệu TCTD có thể công bố thông tin vì các lợi ích của chính mình không? Chẳng hạn, khi TCTD tiến hành khởi kiện khách hàng để thu hồi khoản tiền cho khách hàng vay đã đến hạn nhưng không được trả, TCTD có thể sẽ cung cấp các thông tin liên quan đến tài khoản của khách hàng, số tiền mà khách hàng còn nợ TCTD liên quan đến việc vay vốn đó cho luật sư, cơ quan tài phán. Pháp luật ngân hàng Việt Nam hiện hành cho phép TCTD có thể cung cấp thông tin khách hàng trong thủ tục tố tụng tại tòa và đây chính là một trong những trường hợp cung cấp thông tin theo yêu cầu của Tòa án như một chứng cứ để chứng minh tại tòa án.

Đối với việc cung cấp thông tin của khách hàng trong nội bộ TCTD. Về vấn đề này, Luật các TCTD năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: các TCTD có thể cung cấp thông tin của khách hàng cho nhau để phục vụ cho hoạt động nội bộ của các TCTD.¹⁸⁵

Trước đây, Nghị định số 70/2000/NĐ-CP cũng có hướng dẫn việc cung cấp thông tin nhằm phục vụ hoạt động nội bộ của TCTD và giữa các TCTD¹⁸⁶ Tuy nhiên, hiện nay Nghị định số 117/2018/NĐ-CP đã không hướng dẫn trường hợp các TCTD được quyền cung cấp thông tin khách hàng nhằm mục đích phục vụ hoạt động nội bộ như từng được quy định tại Khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 70/2000/NĐ-CP. Sự thay đổi này gây ra khá nhiều bối rối rằng TCTD có thể lưu hành và sử dụng thông tin khách hàng giữa các

¹⁸⁵ Khoản 3 Điều 13 Luật các TCTD năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “TCTD, CNHNHN được trao đổi thông tin với nhau về hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”.

¹⁸⁶ Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 70/2000/NĐ-CP quy định: “Tổ chức nhận tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng chỉ được cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng trong các trường hợp sau: phục vụ hoạt động nội bộ của tổ chức nhận tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng”.

phòng ban nội bộ hoặc giữa các đơn vị trực thuộc, đơn vị liên kết của TCTD đó nhằm mục đích phục vụ hoạt động nội bộ hay không?

Theo tác giả, việc lưu hành hoặc sử dụng thông tin khách hàng cho mục đích hoạt động nội bộ, đây là hoạt động trao đổi thông tin giữa các phòng ban chuyên môn. Tuy nhiên, pháp luật ngân hàng cần hướng dẫn cụ thể loại thông tin nào của khách hàng được trao đổi nhằm phục vụ hoạt động nội bộ của TCTD để không vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của TCTD.

Đối với trường hợp TCTD chuyển thông tin khách hàng đến các đơn vị trực thuộc, đơn vị liên kết, nếu các đơn vị này có tư cách pháp nhân độc lập, cho dù nhằm mục đích phục vụ hoạt động nội bộ cũng có thể được xem là hành động cung cấp thông tin khách hàng cho một bên thứ ba và cần được điều chỉnh tương tự như trường hợp TCTD cung cấp thông tin khách hàng cho cá nhân và tổ chức khác. Vì mỗi công ty là một pháp nhân riêng biệt, do đó cung cấp thông tin bí mật từ công ty này cho công ty khác, hoặc thậm chí cho công ty mẹ, được coi là vi phạm nguyên tắc độc lập nói chung và trách nhiệm bảo mật nói riêng. Do vậy, pháp luật ngân hàng cũng cần hướng dẫn cụ thể việc cung cấp thông tin khách hàng trong trường hợp này.

Ngoài ra, theo Luật các TCTD năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Luật không có quy định việc TCTD phải cung cấp thông tin cho cơ quan tham khảo tín dụng, việc cung cấp thông tin cho mục đích tiếp thị và tham khảo tín dụng phải trên cơ sở thỏa thuận với khách hàng. Theo quy định tại Điều 11 Nghị định 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2010 về hoạt động thông tin tín dụng, thì TCTD có thể cung cấp cho công ty thông tin tín dụng một số thông tin của khách hàng, cụ thể gồm: i) Thông tin định danh của khách hàng vay và những người có quan hệ với khách hàng vay (nếu có), gồm: bố đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con; ii) Thông tin về lịch sử cấp tín dụng, thuê tài sản, mua hàng trả góp, trả chậm và các giao dịch khác có điều kiện về lãi suất, thời hạn phải trả, tiền thuê; iii) Thông tin về lịch sử trả nợ, số tiền đã đến hạn hoặc chưa đến hạn, thời hạn phải trả, hạn mức tín dụng của khách hàng vay; iv) Thông tin về bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của khách hàng vay; v) Các thông tin khác liên quan nhưng phải bảo đảm không vi phạm quyền của khách hàng vay, không bao gồm những thông tin về tài khoản tiền gửi và thông tin thuộc phạm vi, danh mục bí mật của Nhà nước. Những thông tin trên chỉ được phép cung cấp cho

công ty thông tin tín dụng khi đã có sự thỏa thuận với khách hàng vay¹⁸⁷ và cung cấp cho công ty thông tin tín dụng theo hợp đồng ký kết giữa hai bên.¹⁸⁸ Như vậy, việc TCTD cung cấp thông tin của khách hàng cho công ty thông tin tín dụng không thuộc những trường hợp mà TCTD được phép cung cấp thông tin cho khách hàng. Nghĩa là muốn cung cấp thông tin khách hàng trong trường hợp này phải thỏa thuận với khách hàng.

Hai là, về giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng liên quan đến lợi ích công cộng.

Lợi ích công cộng là gì? Đây là một khái niệm quan trọng trong khoa học pháp lý để chỉ các lợi ích quan trọng của xã hội hay cộng đồng, có giá trị cao hơn lợi ích tư (của cá nhân, tổ chức) riêng lẻ. Tuy nhiên, cho đến nay, việc giải thích khái niệm lợi ích công cộng cũng không hề thống nhất.

Tìm hiểu ngữ nghĩa từ điển, khái niệm này cũng được định nghĩa khác nhau. Từ điển Oxford đưa ra định nghĩa vô cùng ngắn gọn về lợi ích công cộng là *“lợi ích hoặc lợi ích của toàn thể cộng đồng; là lợi ích công cộng”*.¹⁸⁹ Trong khi đó, Từ điển chuyên ngành luật Black’s Law định nghĩa về lợi ích công cộng như sau: *“1. đó là lợi ích chung của công chúng, đạt được sự thừa nhận và bảo vệ; 2. là điều mà toàn thể công chúng có quyền lợi”*.¹⁹⁰ Có thể thấy khái niệm lợi ích công cộng thể hiện rõ hai đặc điểm chính: i) tính trừu tượng (không rõ ràng), như thế nào là chung, là công cộng, là đối lập với cá nhân hoặc lợi ích nhóm?; ii) được nhà nước thừa nhận và bảo vệ như một giá trị cốt lõi của nền tảng xã hội.

Ở Việt Nam, khái niệm lợi ích công cộng không được quy định trong luật, tuy nhiên, theo Điều 2 Bộ luật dân sự năm 2015 về công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền dân sự: *“Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền dân sự được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật. Quyền dân sự chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.”* Và một trong những nguyên tắc của luật dân sự là nguyên tắc tôn trọng, bảo đảm lợi ích công cộng hay lợi ích chung: *“Việc xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ*

¹⁸⁷ Khoản 2 Điều 11 Nghị định 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2010 về hoạt động thông tin tín dụng

¹⁸⁸ Khoản 1 Điều 15 Nghị định 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2010 về hoạt động thông tin tín dụng

¹⁸⁹ Từ điển Oxford, <https://en.oxforddictionaries.com/definition/public_interest?>, truy cập ngày 19/1/2020

¹⁹⁰ Bryan A. Garnet, Black’s Law Dictionary Second Pocket Edition, West Publishing, 2001

*dân sự không được xâm phạm đến lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác”.*¹⁹¹

Có thể nhận thấy, về nội dung này, pháp luật Việt Nam quy định tương tự như pháp luật Trung Quốc, khái niệm lợi ích công cộng hay lợi ích chung được quy định trong luật chung và liên quan đến hai lợi ích: i) lợi ích nhà nước: vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia; ii) lợi ích xã hội: trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng. Đồng thời, pháp luật ngân hàng không minh định việc TCTD có được cung cấp thông tin khách hàng vì lợi ích công cộng không.

Tóm lại, có thể thấy: i) Pháp luật Việt Nam không quy định rõ ràng TCTD có thể cung cấp thông tin của khách hàng vì lợi ích của chính TCTD nhưng nếu cung cấp thông tin khách hàng như một chứng cứ chứng minh tại tòa khi bị kiện hoặc khởi kiện khách hàng nhằm thu hồi nợ. Đây chính là một trong các trường hợp cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật. ii) Quy định cung cấp thông tin nội bộ và cung cấp thông tin cho cơ quan thông tin tín dụng được đề cập nhưng chưa hướng dẫn cụ thể, rõ ràng. iii) Việc cung cấp thông tin vì lợi ích chung, được đề cập trong nguyên tắc của Bộ luật dân sự và không minh định giới hạn này trong luật chuyên ngành.

Tác giả cho rằng, việc pháp luật Việt Nam không minh định giới hạn nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng vì lợi ích công cộng/ lợi ích chung là nhằm tránh những trường hợp lạm dụng việc cung cấp thông tin khách hàng làm ảnh hưởng đến quyền được bảo mật thông tin, quyền riêng tư của khách hàng và các yêu cầu của ngành ngân hàng hiện đại. Thật vậy, tham khảo kinh nghiệm của các nước đã phân tích thì ngay cả pháp luật của Anh và Trung Quốc cũng đã có nhiều sự cân nhắc khi ghi nhận việc cung cấp thông tin trong trường hợp này. Thụy Sĩ cũng quy định rằng, nếu chứng minh lợi ích của việc cung cấp thông tin khách hàng vượt xa lợi ích của việc bảo mật thông tin khách hàng. Pháp luật Việt Nam hiện chưa thể liệt kê các trường hợp cụ thể trong việc cung cấp thông tin khách hàng như pháp luật Singapore. Do vậy, việc pháp luật chuyên ngành ở Việt Nam không minh định giới hạn nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH vì lợi ích chung nhưng có thể vận dụng các nguyên tắc được quy định trong Bộ luật dân sự để giải quyết cho những trường hợp buộc phải cung cấp thông tin khách hàng

¹⁹¹ Khoản 4 Điều 3 Bộ luật dân sự năm 2015

vì lợi ích của nhà nước, của xã hội, thiết nghĩ điều này cũng khá phù hợp trong xu thế hiện nay, có sự tương đồng với pháp luật của các nước được lựa chọn nghiên cứu.

Ba là, về giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH theo các quy định của pháp luật hiện hành. Thông qua việc hệ thống hóa, so sánh, phân tích về giới hạn nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH, tác giả cho rằng, tương tự pháp luật của các nước trên thế giới, pháp luật Việt Nam đã khẳng định bảo mật thông tin khách hàng là nghĩa vụ mà các TCTD phải triệt để tuân thủ; đồng thời cũng đã có những quy định về giới hạn nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng. Tuy nhiên các quy định này vẫn chưa hoàn thiện vì:

- Theo quy định của Luật các TCTD năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017, TCTD sẽ được miễn trừ nghĩa vụ bảo mật thông tin nếu được sự chấp thuận của khách hàng. Câu hỏi đặt ra là nếu khách hàng chết hoặc rơi vào trường hợp cần được giám hộ thì người thừa kế hoặc người giám hộ của khách hàng có được quyền đương nhiên yêu cầu TCTD cung cấp thông tin khách hàng cho mình hoặc cho bên thứ ba khác không?

Về vấn đề này, theo quy định của BLDS năm 2015 thì kể từ thời điểm mở thừa kế, những người thừa kế có các quyền, nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.¹⁹² Như vậy, theo quy định này, người thừa kế của khách hàng sẽ có quyền yêu cầu TCTD cung cấp tất cả thông tin của khách hàng và TCTD không thể tuyên bố với người thừa kế rằng họ có nghĩa vụ bảo mật thông tin đối với người chết mà phải chuyển giao cho những người thừa kế tất cả các thông tin cần thiết để xác minh số lượng, giá trị tài sản là di sản của người đã chết và các thông tin về các giao dịch khác của người đã chết.

- Liên quan đến trường hợp giám hộ, BLDS năm 2015 có quy định “*người giám hộ của người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự có trách nhiệm quản lý tài sản của người được giám hộ như tài sản của chính mình; được thực hiện giao dịch dân sự liên quan đến tài sản của người được giám hộ vì lợi ích của người được giám hộ*”.¹⁹³ Vậy với các thông tin liên quan đến các giao dịch khác của khách hàng của các TCTD mà đang được giám hộ thì người giám hộ có quyền được yêu cầu TCTD cung cấp thông tin của họ cho mình hoặc cho bên thứ ba khác hay không? Vấn đề này chưa được pháp luật ngân hàng quy định rõ ràng.

¹⁹² Điều 614 Bộ luật dân sự năm 2015.

¹⁹³ Khoản 1 Điều 59 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Liên quan đến trường hợp phá sản, theo quy Khoản 1 Điều 7 Luật Phá sản năm 2014 như đã đề cập trên thì chủ nợ, doanh nghiệp, hợp tác xã, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản cũng có quyền yêu cầu TCTD cung cấp thông tin liên quan đến cá nhân, cơ quan, tổ chức đang quản lý, lưu giữ tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ việc phá sản. Tất nhiên, các chủ thể này khi thực hiện quyền này phải thông qua tòa án phụ trách giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản.

Tuy vậy, liệu chủ nợ có quyền trực tiếp yêu cầu TCTD cung cấp thông tin liên quan đến vụ việc phá sản không?

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Luật Phá sản năm 2014: chủ nợ không có bảo đảm, chủ nợ có bảo đảm một phần có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.... và theo Khoản 2 Điều 26, khi nộp đơn yêu cầu họ phải kèm theo đơn phải có chứng cứ để chứng minh khoản nợ đến hạn (chẳng hạn qua hợp đồng vay hoặc hợp đồng bán chịu...). Còn việc xác nhận các thông tin này thuộc thẩm quyền của tòa án, của Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản được thẩm phán phụ trách vụ việc phá sản chỉ định (Điều 16 và Điều 45 Luật Phá sản năm 2014). Do vậy, việc quy định chủ nợ có quyền yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ việc phá sản theo tác giả là chưa phù hợp.

- Ngoài ra, TCTD, CNNHN chỉ được cung cấp thông tin khách hàng cho tổ chức khác, cá nhân thuộc trường hợp có chấp thuận của khách hàng bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác theo thỏa thuận với khách hàng. Tuy nhiên nội dung của thỏa thuận này ra sao, hình thức thể hiện ý chí của khách hàng trong việc thỏa thuận này như thế nào nên chẳng cần được hướng dẫn một cách cụ thể, tránh các tranh chấp có thể phát sinh sau này.

Bốn là, nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của các TCTD trong xu thế hội nhập thế giới.

Trong thời gian qua, Việt Nam đã tích cực triển khai ký kết hiệp định tránh đánh thuế hai lần nhằm tạo ra một môi trường kinh doanh bình đẳng, thuận lợi cho các đối tượng nộp thuế. Tính đến năm 2018, Việt Nam đã ký kết Hiệp định tránh đánh thuế hai

lần với 76 nước,¹⁹⁴ từ đó góp phần thúc đẩy kinh tế đối ngoại phát triển, mở rộng quan hệ hợp tác trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa, tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài, chuyển giao công nghệ, đáp ứng yêu cầu tăng thu cho ngân sách nhà nước, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Mục đích ký kết các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần nhằm loại bỏ việc đánh thuế trùng bằng cách: (a) miễn, giảm số thuế phải nộp ở Việt nam cho các đối tượng cư trú của nước ký kết hiệp định; hoặc (b) khấu trừ thuế mà đối tượng cư trú Việt nam đã nộp tại nước ký kết hiệp định vào số thuế phải nộp ở Việt Nam. Ngoài ra, Hiệp định còn tạo khuôn khổ pháp lý cho việc hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau giữa các cơ quan thuế Việt Nam với cơ quan thuế các nước ký kết trong công tác quản lý thuế quốc tế nhằm ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và vào tài sản.

Như vậy, trong xu thế hội nhập thế giới, chắc chắn các TCTD sẽ phải thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập liên quan đến việc báo cáo các giao dịch đáng ngờ liên quan đến rửa tiền, trốn thuế hoặc cam kết về việc tuân thủ thuế đối với chủ tài khoản nước ngoài (FATCA). Đồng thời, liên quan đến tội phạm nghiêm trọng và tội phạm xuyên quốc gia, quá trình hoàn thiện pháp luật về phòng, chống rửa tiền ở Việt Nam thường xuyên được Lực lượng Đặc nhiệm Tài chính Quốc tế (Financial Action Task Force - FATF) và Nhóm châu Á/Thái Bình Dương về chống rửa tiền (Asian - Pacific Group on Money Laundering - APG) rà soát, đánh giá và đưa ra các khuyến nghị phù hợp. Hàng loạt những điều chỉnh lớn trong hệ thống pháp luật của Việt Nam trong thời gian qua đã thể hiện thiện chí và nỗ lực của Việt Nam trong việc đáp ứng những yêu cầu của các khuyến nghị. Đơn cử như Bộ luật hình sự năm 2015 đã có hai thay đổi quan trọng: xây dựng chế định tội rửa tiền phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (Công ước Palermo) và quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân.

Trong lĩnh vực ngân hàng, yêu cầu đặt ra là pháp luật cần được áp dụng như một biện pháp phòng ngừa đối với hành vi rửa tiền. Do cơ quan quản lý trong lĩnh vực này là Ngân hàng Nhà nước - Cơ quan được Chính phủ giao nhiệm vụ trung tâm trong việc

¹⁹⁴ PwC, Sổ tay thuế Việt Nam 2018, <<https://www.pwc.com/vn/vn/publications/2018/pwc-vietnam-pocket-tax-book-2018-vn.pdf>>

triển khai các hoạt động phòng chống rửa tiền - nên các văn bản hướng dẫn được ban hành về cơ bản bám sát yêu cầu của các khuyến nghị từ phía FATF.

Việt Nam hiện đã tránh được nguy cơ bị FATF đưa vào Danh sách những quốc gia có rủi ro về rửa tiền và tài trợ cho khủng bố gây bất ổn cho hệ thống tài chính quốc tế. Tuy nhiên, cũng theo đánh giá của của cơ quan này, Việt Nam vẫn thuộc danh sách các quốc gia có thiếu hụt về cơ chế chống rửa tiền, chống khủng bố. Nếu không có những cải thiện kịp thời về chính sách trong quá trình rà soát của FATF, không loại trừ khả năng Việt Nam sẽ trở thành đối tượng bị áp dụng các biện pháp kiểm soát, hạn chế giao dịch từ các quốc gia thành viên của FATF. Do đó, trong thời gian tới, trên cơ sở những kết quả đã đạt được, Việt Nam cần nghiêm túc thực hiện những yêu cầu xác đáng của FATF để tránh nguy cơ có thể gây tổn hại đến uy tín và hoạt động ngoại thương.

3.3.3. Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về giới hạn của nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng

Bảo mật thông tin khách hàng là nghĩa vụ luật định mà các TCTD cần tuân thủ. Bảo mật thông tin của khách hàng trong HĐNH sẽ góp phần quan trọng trong việc tạo lòng tin nơi khách hàng, giúp bảo vệ lợi ích chính đáng của khách hàng, từ đó đóng góp vào sự phát triển chung của nền kinh tế đất nước. Việc quy định rõ ràng các nghĩa vụ bảo mật thông tin của khách hàng sẽ khuyến khích huy động được nguồn tài chính trong nước và thu hút vốn từ bên ngoài. Tuy nhiên, nếu bảo vệ bí mật một cách tuyệt đối có thể dẫn đến những tác động tiêu cực cho nền kinh tế, nếu các chủ thể trốn thuế, rửa tiền tìm đến những nơi này để giấu tiền “bẩn” của họ.

Việc pháp luật Việt Nam duy trì một nghĩa vụ bảo mật như là một phần của quyền con người là cần thiết. Dù vậy, xác định giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH là vấn đề khó khăn của bất kỳ quốc gia nào. Nếu thông tin khách hàng được pháp luật quy định cho phép TCTD cung cấp cho nhiều cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác nhau sẽ hỗ trợ tích cực cho hoạt động tư pháp và thực thi pháp luật; có thể thúc đẩy hiệu quả kinh doanh ngân hàng; hỗ trợ được hoạt động phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia. Tuy nhiên, điều này sẽ làm phương hại đến giá trị xã hội được mọi người tôn trọng đó là quyền riêng tư cá nhân.

Thông qua việc hệ thống hóa, phân tích về giới hạn nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH cho thấy, quy định pháp luật về giới hạn nghĩa vụ bảo mật

thông tin khách hàng trong HĐNH ở Việt Nam đã có nhiều điểm tương đồng so với các nước được lựa chọn nghiên cứu. Các quy định này đã góp phần bảo đảm được quyền được bảo mật thông tin của khách hàng, hỗ trợ tư pháp và thực thi pháp luật. Tuy nhiên, các quy định này vẫn còn chung chung; đồng thời vẫn có một số trường hợp có thể cũng cần được yêu cầu TCTD phải cung cấp thông tin khách hàng như trường hợp liên quan đến hợp tác quốc tế trong cuộc chiến chống tội phạm xuyên quốc gia hay hợp tác quốc tế về thuế, hoặc liên quan đến vấn đề giám hộ lại chưa được pháp luật ngân hàng ghi nhận. Do đó, cần phải tiếp tục rà soát, cân nhắc để quy định các trường hợp này và cả thủ tục để TCTD có thể cung cấp thông tin khách hàng nhằm bảo đảm sự cân bằng khéo léo giữa các nhóm lợi ích. Trên cơ sở phân tích ở trên, tác giả đề xuất các kiến nghị sau:

Một là, pháp luật ngân hàng cần bổ sung trường hợp TCTD có thể cung cấp thông tin khách hàng theo yêu cầu của người thừa kế và người đại diện hợp pháp của khách hàng trong trường hợp giám hộ. Đồng thời hướng dẫn cụ thể phạm vi thông tin khách hàng mà TCTD có thể cung cấp trong những trường hợp này. Do vậy, Khoản 3 Điều 14 Luật các TCTD năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có thể bổ sung như sau: “TCTD, CNHNHN không được cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi, các giao dịch của khách hàng tại TCTD, CNHNHN cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng hoặc theo yêu cầu của người đại diện hợp pháp của khách hàng”.

Hai là, Điều 7 Luật Phá sản năm 2014 chỉ nên quy định: “Cá nhân, cơ quan, tổ chức đang quản lý, lưu giữ tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ việc phá sản có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ việc phá sản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của doanh nghiệp, hợp tác xã, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản” vì rằng chủ nợ không được trực tiếp yêu cầu TCTD cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc mắc nợ của khách hàng mà phải thông qua tòa án như phân tích trên.

Ba là, Luật NHNN Việt Nam năm 2010 và Luật các TCTD năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã có quy định việc các TCTD cung cấp thông tin cho NHNN.¹⁹⁵

¹⁹⁵ Điều 35 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010.

TCTD, CNNHNNg có trách nhiệm cung cấp cho NHNN thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và được NHNN cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với TCTD, CNNHNNg theo quy định của NHNN.¹⁹⁶ Tuy nhiên, Nghị định số 117/2018/NĐ-CP hướng dẫn việc cung cấp thông tin liên quan đến khách hàng cho các cơ quan có thẩm quyền chưa đề cập trường hợp này. Rõ ràng, việc TCTD cung cấp thông tin khách hàng cho những mục đích này cũng ảnh hưởng đến quyền lợi của khách hàng nên chẳng cần được hướng dẫn cụ thể trong Nghị định.

Bốn là, pháp luật ngân hàng cần hướng dẫn rõ như thế nào, trong trường hợp nào, bằng hình thức nào được coi là có sự chấp thuận khác của khách hàng và TCTD, để các TCTD có thể cung cấp thông tin cho các chủ thể có liên quan mà không vi phạm quyền của khách hàng cũng như có thể bảo vệ nhân viên ngân hàng trong trường hợp cung cấp thông tin khách hàng khi được khách hàng yêu cầu thông qua các thông điệp dữ liệu, từ đó tạo điều kiện thuận lợi hơn trong việc giải quyết các tranh chấp phát sinh sau này.

Năm là, liên quan đến giới hạn của nghĩa vụ cung cấp thông tin khách hàng cho mục đích thuế, hướng dẫn tại Nghị định số 117/2018/NĐ-CP vẫn chưa rõ ràng và không có sự hài hòa giữa bảo mật thông tin khách hàng với yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng vì mục đích thuế. Do vậy, cần quy định rõ ràng hơn về vấn đề này và có tính đến việc TCTD phải cung cấp thông tin cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài theo các hiệp định mà Việt Nam sẽ ký kết.

¹⁹⁶ Điều 13 Luật các TCTD năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trong chương 3, thông qua việc sử dụng những phương pháp chủ đạo như phương pháp phân tích và phương pháp tổng hợp, phương pháp Luật học so sánh, tác giả đã phân tích những vấn đề liên quan đến giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH. Các kết quả nghiên cứu cụ thể dưới đây:

Thứ nhất, tác giả đã luận giải được bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH là nghĩa vụ mà TCTD cần triệt để tuân thủ nhưng nghĩa vụ ấy cũng cần được giới hạn trong một số trường hợp nhất định.

Thứ hai, để trả lời cho câu hỏi nghiên cứu 2, tác giả đã vận dụng lý thuyết về vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường để chứng minh rằng trong một số trường hợp, để bảo vệ an ninh công cộng, an toàn, phúc lợi chung, nhà nước cần phải can thiệp thông qua việc quy định các giới hạn về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong quan hệ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH nhằm bảo đảm sự công bằng giữa lợi ích công cộng và quyền tư nhân, quyền dân sự.

Thứ ba, thông qua việc phân tích, so sánh, đánh giá những quy định pháp luật liên quan đến giới hạn của nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong HĐNH ở Việt Nam với một số nước trên thế giới được tác giả lựa chọn nghiên cứu, tác giả đã làm rõ được điểm tương đồng, khác biệt và nguyên nhân của những điểm tương đồng và khác biệt.

Thứ tư, trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng quy định pháp luật về giới hạn bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH của TCTD ở Việt Nam. Tác giả đưa ra các khuyến nghị nhằm hoàn thiện một số quy định pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH ở Việt Nam. Cụ thể là trong các trường hợp liên quan đến quy định thừa kế, giám hộ, giải quyết phá sản, cho mục đích thuế, cung cấp thông tin theo sự đồng ý của khách hàng.

CHƯƠNG 4. BẢO ĐẢM THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG TRONG HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG Ở VIỆT NAM

Pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH thời gian qua đã có những sửa đổi, bổ sung giúp cải thiện sự cân bằng giữa các yêu cầu hoạt động của các TCTD và sự bảo mật thông tin của khách hàng. Tuy vậy, những lo ngại liên quan đến nghĩa vụ bảo mật và nghĩa vụ cung cấp thông tin khách hàng theo luật định của các TCTD và việc thiếu các biện pháp khắc phục những hạn chế trong việc bảo mật thông tin cho khách hàng vẫn còn tồn tại. Bởi, ngày càng nhiều khách hàng của các TCTD “bỗng dưng” mất tiền trong tài khoản, nhiều thông tin của khách hàng bị rò rỉ, bị mất cắp, bị công bố trên mạng Internet, làm cho khách hàng của các TCTD lo lắng và đặt ra các nghi ngờ về mức độ an ninh, sự bảo mật thông tin của khách hàng khi sử dụng các dịch vụ ngân hàng của TCTD. Từ thực tiễn trên đòi hỏi cần phải có giải pháp bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH ở Việt Nam.

Mục đích của chương này là i) Làm rõ nội hàm của khái niệm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH; ii) Xác định các biện pháp bảo đảm thực thi; iii) Nhận diện các yếu tố có ảnh hưởng đến việc thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng; vi) Phân tích, đánh giá thực trạng thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH của TCTD liên quan đến hoạt động ban hành VBQPPL và văn bản quản lý, điều hành của NHNN Việt Nam, thực trạng tuân thủ, các hành vi vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng, vai trò của kiểm soát nội bộ, của khách hàng; iv) Đề xuất các kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng và giải pháp bảo đảm các chủ thể trong quan hệ pháp luật này thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH ở Việt Nam.

4.1. Khái luận thực thi pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng

4.1.1. Khái niệm thực thi pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng

Xây dựng và thực thi pháp luật là hai mặt hoạt động cơ bản của nền quản trị quốc gia. Nếu như xây dựng pháp luật là một quá trình hoạt động vô cùng quan trọng, phức hợp, bao gồm rất nhiều các hoạt động kế tiếp nhau, liên hệ chặt chẽ với nhau, do nhiều

tổ chức và cá nhân có vị trí, vai trò, chức năng, quyền hạn khác nhau cùng tiến hành, nhằm chuyển hóa ý chí của Nhà nước, của nhân dân thành những quy định pháp luật dựa trên những nguyên tắc nhất định và được thể hiện dưới những hình thức pháp lý nhất định mà chủ yếu là VBQPPL,¹⁹⁷ đó là một quá trình ra quyết định tập thể với sự tham gia, can dự của rất nhiều chủ thể có liên quan, trong đó phải kể tới những người làm công tác tổng kết thực tiễn, những người soạn thảo, góp ý, thẩm định, những đối tượng chịu tác động trực tiếp của văn bản và những chủ thể có quyền biểu quyết, thông qua VBQPPL¹⁹⁸ thì hoạt động thực thi pháp luật là quá trình triển khai các quy định pháp luật đã được ban hành đi vào đời sống thực tiễn thông qua các hành vi pháp lý của các chủ thể trong đời sống xã hội và nó cũng là một hệ vấn đề rất phức tạp bởi thực thi pháp luật không chỉ là trách nhiệm của cơ quan nhà nước mà còn là trách nhiệm của toàn xã hội. Thực thi pháp luật phụ thuộc vào nhiều yếu tố như mức độ hoàn thiện của hệ thống pháp luật; vị trí, vai trò của các công cụ, biện pháp hỗ trợ cho quá trình thực thi pháp luật của cơ quan hành chính nhà nước, Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân; hiệu quả và mức độ răn đe của việc áp dụng chế tài đối với hành vi vi phạm pháp luật cũng như ý thức pháp luật của các chủ thể thực thi pháp luật.....

Thực thi pháp luật được hiểu chung nhất là hoạt động thực hiện và thi hành pháp luật. Theo nghĩa hẹp, thực thi pháp luật chỉ là hoạt động của riêng cơ quan quản lý nhà nước trong việc áp dụng, thi hành pháp luật. Nhưng cách hiểu đó là phiến diện và chưa đầy đủ vì pháp luật là chuẩn mực chung và bất cứ ai trong xã hội đều phải tuân theo. Vì vậy, thực thi pháp luật phải là hoạt động thực hiện và tuân theo pháp luật của tất cả mọi người.¹⁹⁹

Về bản chất, thực thi pháp luật luôn là các hành vi hợp pháp của chủ thể - đối tượng chịu sự tác động của VBQPPL và của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm hỗ trợ các chủ thể trong việc hiểu và vận dụng quy định pháp luật đối với hoàn cảnh, tình huống của mình. Thực thi pháp luật được nhìn nhận là toàn bộ hành vi của các chủ thể có tính hệ thống, tính mục đích nhằm triển khai các quy định pháp luật vào thực tiễn

¹⁹⁷ Nguyễn Minh Đuan (2011), *Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.13

¹⁹⁸ Nguyễn Văn Cương, Tlđđ

¹⁹⁹ Trịnh Anh Tuấn, *Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật cạnh tranh của Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Viện Nghiên cứu Thương mại – Bộ Công Thương, Hà Nội, 2015, tr.27.

đời sống thông qua việc tuân thủ pháp luật, thi hành pháp luật, sử dụng pháp luật, áp dụng pháp luật (ADPL). Nói cách khác, ở phương thức thực hiện hành vi pháp lý, thực thi pháp luật được hiểu đồng nghĩa với thực hiện pháp luật. Tuy nhiên, nội hàm khái niệm thực thi pháp luật ngoài phương thức thực hiện hành vi như đã đề cập trên, khái niệm thực thi pháp luật còn bao gồm các nội dung chủ thể và biện pháp bảo đảm thực thi pháp luật.

Như vậy, thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH là tổng thể các hành vi hợp pháp, có mục đích của các chủ thể liên quan đến hoạt động bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH để cụ thể hóa quy định pháp luật về nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng vào thực tiễn HĐNH nhằm bảo vệ quyền lợi của khách hàng, tăng cường trách nhiệm của chủ thể trực tiếp nắm giữ bí mật thông tin khách hàng; tạo cơ chế giám sát thực thi pháp luật về nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của các chủ thể có liên quan theo luật định trong việc bảo đảm bí mật thông tin khách hàng.

4.1.2. Nội dung thực thi pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng

4.1.2.1. Chủ thể và phương thức thực thi pháp luật về bảo mật thông tin của khách hàng

Một là, cơ quan quản lý nhà nước về tiền tệ và hoạt động ngân hàng

Mục đích thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH của cơ quan quản lý nhà nước về tiền tệ và hoạt động ngân hàng là để thiết lập khuôn khổ pháp luật cho hoạt động bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH, đồng thời áp dụng các biện pháp nhằm tăng cường việc thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH một cách hiệu quả, nhằm góp phần bảo đảm sự phát triển an toàn HĐNH và hệ thống các TCTD. Do vậy, phương thức thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH của cơ quan này được thực hiện thông qua các hoạt động chính là: ban hành VBQPPL, văn bản áp dụng pháp luật và các biện pháp can thiệp trực tiếp khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

Hai là, thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng đối với chủ thể trực tiếp nắm giữ bí mật thông tin khách hàng

Khi khách hàng thực hiện các giao dịch với các TCTD thì nhân viên, người quản lý, người điều hành TCTD, CNNHN - những chủ thể có mối quan hệ trực tiếp với

khách hàng sẽ sở hữu nhiều thông tin quan trọng về khách hàng. Do đó, thực thi pháp luật bảo mật thông tin khách hàng của chủ thể này cũng được thể hiện ở việc *thi hành/chấp hành, tuân thủ* các quy định pháp luật ngân hàng về bảo mật thông tin khách hàng. Điều này có nghĩa là trong khi thực thi các quy định pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng, các chủ thể này phải kiềm chế, không hành động, thỏa thuận trái pháp luật; không thực hiện hoặc cam kết những điều mà pháp luật nghiêm cấm; việc thực hiện luôn phải tự giác, kiềm chế thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật về bảo mật.

Ngoài ra, TCTD phải tích cực thực hiện các quy định về bảo mật thông tin khách hàng bằng việc cụ thể hóa hoặc quy định thêm các văn bản nội bộ như cấm nang tín dụng hoặc sổ tay tín dụng; quy định nghĩa vụ bảo mật này trong các hợp đồng hoặc cam kết với khách hàng trong các hợp đồng mẫu phù hợp với quy định của pháp luật để thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng.

Ba là thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng đối với chủ thể thứ ba có liên quan

Trong quá trình HĐNH, không chỉ có các TCTD nắm giữ thông tin bí mật của khách hàng mà còn có nhiều chủ thể vì những lý do khác nhau như: được pháp luật cho phép quyền yêu cầu cung cấp thông tin hoặc được sự chấp thuận của khách hàng,²⁰⁰ được khách hàng ủy quyền; do hoạt động nghề nghiệp... cũng có được các thông tin của khách hàng. Các chủ thể này có thể là kiểm toán nhà nước, kiểm toán viên nhà nước; các cá nhân được chủ tài khoản ủy quyền được quyền yêu cầu cung cấp thông tin trong phạm vi ủy quyền; Tổng giám đốc tổ chức bảo hiểm tiền gửi khi tổ chức này thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình; cơ quan nhà nước được quyền yêu cầu cung cấp thông tin để thực hiện nhiệm vụ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, ... và những chủ thể khác đã được đề cập trong nội dung giới hạn của nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong HĐNH - nhóm chủ thể thứ ba này cũng phải thực thi nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng thông qua việc *tuân thủ* nghĩa vụ bảo mật thông tin mà mình biết được trong hoạt động nghiệp vụ của mình, thực hiện những công việc do chủ thể sở hữu thông tin ủy quyền.

Bốn là, thực thi pháp luật về bảo mật thông tin của chính khách hàng

²⁰⁰ Khoản 3 Điều 14 Luật các TCTD năm 2010

Thực thi pháp luật bảo mật thông tin của chủ thể này được thể hiện thông qua việc *sử dụng* quyền công bố hoặc chia sẻ các thông tin bí mật của mình hoặc thỏa thuận những thông tin cần được giữ bí mật; ngoài ra, chủ thể này còn có thể sử dụng quyền khiếu nại, khởi kiện khi các chủ thể nắm giữ bí mật thông tin vi phạm quyền được bảo mật thông tin của mình; đồng thời khách hàng cũng phải thực hiện các nghĩa vụ, các thỏa thuận trong việc giữ bí mật thông tin của chính mình. Đây là nội dung cũng có tác động đến hiệu quả thực thi pháp luật về bảo mật thông tin của khách hàng, bởi lẽ bản thân khách hàng khi giao dịch với các TCTD cũng phải thực thi nghĩa vụ bảo mật thông tin liên quan đến tiền gửi, giao dịch của mình, đồng thời khách hàng phải thận trọng trong việc sử dụng quyền của mình liên quan đến việc cung cấp thông tin bí mật cho chủ thể được ủy quyền thực hiện các giao dịch với các TCTD; khách hàng phải có ý thức chủ động bảo mật thông tin của chính mình.

Như vậy, có thể thấy, việc thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng không chỉ dừng lại ở quy định về việc thực thi pháp luật bảo mật thông tin khách hàng của các chủ thể trực tiếp cung cấp sản phẩm, dịch vụ ngân hàng cho khách hàng và khách hàng, mà đó còn phải là nghĩa vụ của chủ thể thứ ba có liên quan nắm giữ bí mật thông tin của khách hàng trong quá trình hoạt động của mình và của cơ quan quản lý nhà nước về HĐNH. Các chủ thể thông thường phải cùng đồng thời thực hiện các quy định pháp luật dưới nhiều hình thức khác nhau với tính chất, phạm vi, mức độ thực hiện của mỗi hình thức có khác nhau.

4.1.2.2. Biện pháp bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng

Biện pháp thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng là các cách thức, thủ tục mà các chủ thể liên quan phải thực hiện nhằm bảo đảm thực thi hiệu quả pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH trên thực tế. Biện pháp thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng có thể gồm các biện pháp cụ thể sau:

Một là, biện pháp mang tính chất khuyến khích chủ thể trực tiếp nắm giữ thông tin khách hàng thực hiện tốt nghĩa vụ của mình. Bên cạnh các quy định mang tính định hướng trong việc thực thi pháp luật bảo mật thông tin khách hàng, các nhà làm luật, cơ quan quản lý nhà nước về tiền tệ và HĐNH cũng đã quy định các biện pháp khuyến khích TCTD quy định thêm hoặc cụ thể hóa các quy định pháp luật, trang bị, áp dụng những phương tiện kỹ thuật hiện đại nhằm bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông

tin khách hàng.

Hai là, biện pháp mang tính chất ngăn ngừa. Thông qua hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất hoặc chuyên đề, Ngân hàng nhà nước đã tiến hành xem xét, đánh giá việc thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng của các TCTD, phát hiện những hạn chế, thiếu sót trong cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật để kiến nghị các biện pháp khắc phục. Biện pháp này góp phần ngăn ngừa, phát hiện và kịp thời xử lý các vi phạm nghĩa vụ bảo mật, bảo đảm cho các TCTD thực hiện quy định pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng một cách nghiêm túc.

Ba là, áp dụng chế tài xử lý hành vi vi phạm pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng. Trong quá trình thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng, các TCTD có thể cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng. Vì vậy, các hành vi này cần phải được xử lý và áp dụng biện pháp chế tài nghiêm khắc để răn đe đối với người vi phạm. Việc áp dụng các biện pháp này sẽ góp phần ngăn ngừa, hạn chế tình trạng vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin, gây tổn hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng, hệ thống tín dụng của quốc gia và hiệu lực quản lý nhà nước.

4.1.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng

Một là, môi trường chính trị, pháp lý

Môi trường chính trị, pháp lý bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng bao gồm định hướng chính trị liên quan đến việc bảo mật thông tin khách hàng trong mối tương quan giữa yêu cầu bảo mật thông tin khách hàng và việc cung cấp thông tin khách hàng trong một số trường hợp luật định phù hợp với lợi ích của các chủ thể tham gia mối quan hệ này.

Khuôn khổ pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng phải chứa đựng các quy tắc xử sự để các chủ thể thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Mức độ rõ ràng, cụ thể và khả thi của pháp luật bảo mật thông tin khách hàng quyết định việc thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNNH.

Hai là, nhận thức về quyền được bảo mật thông tin và thiết chế bảo đảm quyền của khách hàng trong việc bảo mật thông tin

Khách hàng là người quan trọng nhất trong nền kinh tế và mỗi doanh nghiệp chỉ thành công khi khách hàng hài lòng. Đây là lý do doanh nghiệp luôn xem khách hàng là

Thượng đế. Là một Thượng đế, khách hàng có nhiều quyền, trong đó các quyền quan trọng có liên quan đến thông tin khách hàng gồm các quyền sau:

(i) *Quyền được thông báo.* TCTD cung cấp đầy đủ các thông tin có liên quan đến sản phẩm, dịch vụ mà ngân hàng cung cấp một cách minh bạch, đơn giản hóa và trung thực. TCTD phải giải thích cho khách hàng hiểu tất cả các điều khoản liên quan đến việc bảo mật thông tin trước khi thực hiện bất kỳ thỏa thuận hoặc giao kết hợp đồng nào.

(ii) *Quyền được bảo đảm an toàn khi tham gia giao dịch, sử dụng sản phẩm, dịch vụ.* TCTD phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật và quy chế nội bộ hiện hành để bảo đảm một môi trường an toàn và thuận lợi, không có mối đe dọa đến sự an toàn về tài sản, tiền gửi và các khoản lợi của khách hàng khi tham gia giao dịch, sử dụng sản phẩm, dịch vụ của TCTD.

(iii) *Quyền được bảo mật thông tin.*²⁰¹ Nhân viên TCTD, TCTD phải bảo mật thông tin khách hàng, không được tiết lộ thông tin tài khoản, tiền gửi và các giao dịch khác của khách hàng cho bên thứ ba ngoại trừ một số giới hạn theo luật định; TCTD cũng phải bảo vệ thông tin của khách hàng khỏi bị bên thứ ba truy cập trái phép.

(iv) *Quyền được yêu cầu bồi thường thiệt hại, khiếu nại, tố cáo, khởi kiện hoặc đề nghị tổ chức xã hội khởi kiện để bảo vệ quyền lợi của mình theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.*²⁰²

Khách hàng cần ý thức rõ các quyền của mình khi tham gia vào HĐNH và sử dụng quyền của mình trong trường hợp bị TCTD vi phạm.

Hệ thống luật pháp của một quốc gia cần ban hành và bảo đảm việc thực thi các cơ chế để khách hàng có thể khiếu nại hoặc đệ đơn tới tòa án khi có những cơ sở xác đáng để tin rằng các quyền của họ đã bị xâm phạm.

Ba là, ý thức trách nhiệm của TCTD và nhân viên của các tổ chức này trong việc bảo mật thông tin khách hàng

Bảo mật thông tin khách hàng là nghĩa vụ luật định buộc TCTD, nhân viên của tổ chức này phải tuân thủ.²⁰³ Để thực hiện tốt nghĩa vụ của mình, người quản lý, nhân viên của các TCTD phải ý thức rõ nghĩa vụ của mình, tôn trọng các cam kết đối với khách

²⁰¹ Quyền này được quy định tại Điều 14 Luật các TCTD năm 2010 - Bảo mật thông tin và Điều 6 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010 - Bảo vệ thông tin của người tiêu dùng

²⁰² Khoản 6, 7 Điều 8 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010

²⁰³ Điều 14 Luật các TCTD năm 2010

hàng. Những vi phạm của các chủ thể này, sự thiếu ý thức, trách nhiệm của chủ thể này sẽ ảnh hưởng lớn đến niềm tin của khách hàng, từ đó ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh ngân hàng, an toàn hệ thống tín dụng quốc gia và hiệu quả quản lý của nhà nước. Do vậy việc rèn luyện, nâng cao ý thức của người quản lý, nhân viên của các TCTD là cần thiết để bảo đảm sự an toàn trong hoạt động của các TCTD và sẽ tạo được lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ khác trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay.

Bốn là, hoạt động thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm pháp luật về nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNNH

Thanh tra,²⁰⁴ giám sát ngân hàng,²⁰⁵ xử lý vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng theo quy định của pháp luật²⁰⁶ là những nhiệm vụ, quyền hạn được Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định cho NHNN thực hiện trong quá trình thực hiện chức năng của mình. Điều này hoàn toàn phù hợp với mục đích của thanh tra, giám sát ngân hàng là nhằm góp phần bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hệ thống các TCTD và hệ thống tài chính; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền và khách hàng của các TCTD; duy trì và nâng cao lòng tin của công chúng đối với hệ thống các TCTD; bảo đảm việc chấp hành chính sách, pháp luật về tiền tệ và ngân hàng; góp phần nâng cao hiệu quả và hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.²⁰⁷ Các hành vi vi phạm trong lĩnh vực tổ chức, quản trị, điều hành TCTD cũng bị xử phạt.²⁰⁸

Tóm lại, thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNNH là quá trình chuyển hóa từ “pháp luật trên giấy tờ” thành “pháp luật trong hành động” của các chủ thể có liên quan trong quá trình HĐNNH. Đây là một quá trình phức tạp phụ thuộc vào rất nhiều chủ thể, vào nhiều điều kiện khác nhau. Những vấn đề lý luận trên là cơ sở cho việc phân tích, đánh giá thực trạng thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng, từ đó kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật liên quan và đề xuất các giải pháp bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNNH ở Việt Nam.

²⁰⁴ *Thanh tra ngân hàng* là hoạt động thanh tra của NHNN đối với các đối tượng thanh tra ngân hàng trong việc chấp hành pháp luật về tiền tệ và ngân hàng (Khoản 11 Điều 6 Luật NHNNVN năm 2010)

²⁰⁵ *Giám sát ngân hàng* là hoạt động của NHNN trong việc thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin về đối tượng giám sát ngân hàng thông qua hệ thống thông tin, báo cáo nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời rủi ro gây mất an toàn hoạt động ngân hàng, vi phạm quy định an toàn hoạt động ngân hàng và các quy định khác của pháp luật có liên quan. (Khoản 12 Điều 6 Luật NHNNVN năm 2010)

²⁰⁶ Khoản 11 Điều 4 Luật NHNNVN năm 2010

²⁰⁷ Điều 50 Luật NHNNVN năm 2010

²⁰⁸ Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

4.2. Thực trạng thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng

4.2.1. Thực thi pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng của cơ quan quản lý nhà nước về tiền tệ và hoạt động ngân hàng

Thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HDNH của cơ quan quản lý nhà nước về tiền tệ và HDNH thể hiện ở những hoạt động cụ thể sau:

4.2.2.1. Thể chế hóa quy định pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng

Với vị trí, chức năng thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của chính phủ trong quản lý và phát triển kinh tế;²⁰⁹ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, HDNH và ngoại hối; thực hiện chức năng của Ngân hàng Trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các TCTD và cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ, quản lý nhà nước các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước;²¹⁰ và thực hiện chức năng của người lãnh đạo Chính phủ, lãnh đạo Ngân hàng nhà nước; Chính phủ, Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản để cụ thể hóa hoạt động quản lý trong lĩnh vực ngân hàng.

Ngay từ những năm đầu hệ thống ngân hàng thương mại đi vào hoạt động, căn cứ vào các quy định của Luật các TCTD năm 1997, cụ thể tại Điều 17 về “*bảo đảm bí mật số dư tiền gửi của khách hàng*”²¹¹ và Điều 104 về “*từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân về việc cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi, tài sản của khách hàng...*”²¹² Chính phủ đã thông qua Nghị định số 70/2000/NĐ-CP giúp quy định chi tiết hơn và khẳng định TCTD có “nghĩa vụ” từ chối cung cấp thông tin khách hàng và nội dung thông tin cần giữ bí mật cũng được mở rộng từ số dư tiền gửi của khách hàng đến mọi thông tin liên quan đến tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng. Đồng thời, để đưa quy định này vào thực tiễn, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 02/2001/TT-NHNN ngày 4/4/2001, Quyết định số 1004/2001/QĐ-NHNN ngày 08/8/2001 về việc sửa đổi tiết a điểm 2.2 Mục II Thông tư 02 và văn bản hợp nhất số 08/VBHN ngày 21/5/2014 để hướng

²⁰⁹ Điều 8 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015

²¹⁰ Điều 1 Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

²¹¹ Khoản 3 Điều 17 Luật các TCTD năm 1997

²¹² Khoản 2 Điều 104 Luật các TCTD năm 1997

dẫn thực hiện Nghị định này.

Tiếp đó, khi Luật các TCTD năm 2010 có hiệu lực và thay thế Luật các TCTD năm 1997, chính sách bảo mật thông tin đã có bước tiến mới. Cụ thể, khoản 2 Điều 14 Luật các TCTD năm 2010 đã nhấn mạnh, TCTD và CNNHN có nghĩa vụ “phải bảo đảm bí mật thông tin” và phạm vi bí mật thông tin cũng được mở rộng đến thông tin liên quan “tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng” tại tổ chức đó. Sau hơn 15 năm kể từ ngày Luật các TCTD năm 2010 ban hành, Chính phủ thông qua Nghị định số 117/2018/NĐ-CP ngày 11/9/2018 về việc giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của TCTD, CNNHN có hiệu lực ngày 1/11/2018 nhằm khắc phục những hạn chế của Nghị định số 70/2000/NĐ-CP như phạm vi bảo mật thông tin khách hàng quá hẹp; chủ thể có nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng chưa đầy đủ, cơ quan có thẩm quyền và người có thẩm quyền được quyền yêu cầu TCTD cung cấp thông tin khách hàng chưa phù hợp với thực tế và chưa đầy đủ; một số quy định trong Nghị định số 70/2000/NĐ-CP mâu thuẫn với văn bản Luật, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng trong một số trường hợp đã gây khó khăn cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc phát hiện, xử lý các sai phạm liên quan đến tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân....²¹³

Bên cạnh đó, những năm trở lại đây, khi công nghệ điện tử và số hóa thông tin phát triển nhanh chóng, xâm nhập sâu rộng vào các nghiệp vụ của hệ thống ngân hàng Việt Nam, các dịch vụ tài chính của các tổ chức tín dụng đều áp dụng công nghệ thông tin để lưu trữ, bảo mật và quản lý thông tin khách hàng mình. Do vậy, rủi ro công nghệ lạc hậu, nguy hiểm từ tin tặc và các phần mềm độc hại trên mạng điện tử có thể mang đến mối đe dọa từ việc thất thoát thông tin cá nhân của khách hàng và việc bảo mật thông tin công nghệ có thể ngăn ngừa, hỗ trợ việc thực hiện, giám sát việc bảo đảm bí mật thông tin khách hàng khi khách hàng sử dụng dịch vụ tài chính của các TCTD. Trước rủi ro mạng và rủi ro công nghệ thông tin tác động ngày càng cao đến bảo mật thông tin khách hàng trong hoạt động dịch vụ ngân hàng, NHNN đã liên tục cập nhật và ban hành các văn bản hướng dẫn các TCTD thực hiện trách nhiệm bảo mật thông tin trong HĐNH của mình. **(Xem Phụ lục bảng 3)**

²¹³ Ngân hàng nhà nước Việt Nam (2017), *Báo cáo đánh giá tác động của chính sách - Nghị định thay thế Nghị định số 70/2000/NĐ-CP ngày 21/11/2000*

Có thể thấy, đến nay khuôn khổ pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNN không ngừng được củng cố và điều chỉnh phù hợp với thực tiễn phát triển của HĐNN và sự phát triển nền kinh tế của đất nước.

4.2.2.2. Thực hiện hoạt động thanh tra, giám sát của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Thời gian qua, tình hình tấn công mạng trên thế giới và trong nước gia tăng, việc nhân viên ngân hàng tiết lộ thông tin cá nhân của khách hàng trong quá trình thu hồi nợ của ngân hàng,²¹⁴ cũng như việc nhiều khách hàng của các TCTD “bỗng dưng” mất tiền trong tài khoản thời gian gần đây,²¹⁵ NHNN đã tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát nội bộ nhằm phòng ngừa, ngăn chặn và phát hiện kịp thời sai phạm trong các giao dịch hoạt động ngân hàng; rà soát, hoàn thiện các cơ chế, quy chế, quy định của NHNN cũng như các quy trình, quy định nội bộ của từng TCTD, đảm bảo chặt chẽ, minh bạch, xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, từng bộ phận trong các hoạt động nghiệp vụ.

Trước đây, hoạt động thanh tra, giám sát lĩnh vực tài chính - ngân hàng chưa thực sự chặt chẽ và hiệu quả chưa cao, nội dung thanh tra còn hạn chế theo từng chuyên đề, các cuộc thanh tra trực tiếp phần lớn tập trung vào chi nhánh TCTD; phương pháp thanh tra chủ yếu giới hạn ở khâu thanh tra việc chấp hành các chính sách pháp luật về lĩnh vực tài chính - ngân hàng; công tác cảnh báo rủi ro chưa được coi trọng... Tại Hội nghị triển khai nhiệm vụ Ngành Ngân hàng năm 2018, Phó Thống đốc NHNN Đào Minh Tú đánh giá công tác thanh tra, giám sát ngân hàng vẫn còn một số hạn chế nhất định như chất lượng một số cuộc thanh tra chưa cao, chưa chỉ rõ vi phạm và kiến nghị biện pháp xử lý phù hợp và kịp thời; còn phụ thuộc vào tính trung thực, chính xác từ đối tượng giám sát...²¹⁶

Hiện nay, hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng được chú trọng, nhằm khắc phục kịp thời những tồn tại và hạn chế trong công tác thanh tra, góp phần thực hiện tốt chủ trương của Đảng và Nhà nước về tái cơ cấu nền kinh tế, trong đó có nhiệm vụ tái cơ

²¹⁴ Bạch Dương, *Ngân hàng tiết lộ thông tin cá nhân khách hàng khi đòi nợ*, Tlđđ

²¹⁵ Thanh Lan, *Bỗng dưng mất nửa tỷ trong tài khoản sau một đêm*, Tlđđ
Nguyễn Thơm, *Mất 26 tỷ trong tài khoản: Khách hàng có còn niềm tin?*, Tlđđ

²¹⁶ Hà Thành, *Thanh tra giám sát ngân hàng: Nâng chất bảo đảm an toàn cho hệ thống*, <<https://thoibaonganhang.vn/thanh-tra-giam-sat-ngan-hang-nang-chat-bao-dam-an-toan-cho-he-thong-79678.html>>, truy cập ngày 15/9/2018

cấu hệ thống TCTD, tăng cường xử lý nợ xấu trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng. Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng luôn coi trọng công tác giám sát rủi ro, khai thác triệt để thông tin và tính hữu ích từ các báo cáo giám sát; xây dựng kế hoạch thanh tra chi tiết, góp phần rút ngắn thời gian, tăng cường hiệu quả công tác thanh tra tại chỗ. Phương pháp thanh tra được đổi mới theo hướng chuyển từ thanh tra chuyên đề sang thanh tra toàn diện các TCTD. Nội dung thanh tra được mở rộng, tập trung vào một số vấn đề trọng tâm, trọng điểm về thực trạng tài chính của từng TCTD, xác định cụ thể số lãi, lỗ, chỉ rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, từng cá nhân liên quan..²¹⁷

Qua công tác thanh tra, kiểm tra, đã phát hiện nhiều tồn tại, sai phạm của các tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước. Nội dung các sai phạm phát hiện qua thanh tra tập trung chủ yếu vào: hoạt động tín dụng, việc huy động vốn, việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro, kiểm toán, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro thanh khoản... Qua đó, đã ban hành 23 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, tổng số tiền phạt là 3.330,5 triệu đồng. Bên cạnh đó, cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng đã đưa ra kiến nghị yêu cầu TCTD khắc phục tồn tại, sai phạm đồng thời tích cực đôn đốc, kiểm tra, giám sát TCTD trong việc thực hiện kiến nghị. Các kiến nghị, khuyến nghị tập trung vào các lĩnh vực: quản trị, điều hành, kiểm toán nội bộ, hạch toán kế toán, hoạt động tín dụng, bảo lãnh, an toàn kho quỹ, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro, an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng..²¹⁸

Trong bối cảnh thế giới công nghệ ngày càng phát triển, NHNN yêu cầu các TCTD xác định công tác đảm bảo an ninh, an toàn HĐNN là nhiệm vụ trọng tâm, có tầm quan trọng đặc biệt trong tình hình hiện nay. Để ngăn ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật trong Ngành, bên cạnh việc trực tiếp tăng cường và đặc biệt coi trọng công tác thanh tra, giám sát, Ngân hàng Nhà nước đã chỉ đạo các TCTD tăng cường công tác kiểm toán, kiểm soát nội bộ, áp dụng nhiều biện pháp tích cực để ngăn ngừa, phát hiện các vi phạm pháp luật; chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan

²¹⁷ Việt Sơn, *Đổi mới công tác thanh tra, giám sát các tổ chức tín dụng*, <<http://baovinhphuc.com.vn/kinh-te/50981/doi-moi-cong-tac-thanh-tra-giam-sat-cac-to-chuc-tin-dung.html>>, truy cập ngày 12/9/2018

²¹⁸ Hoài thu, *Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng: Góp phần cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu*, <http://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/thanhtrabtc/r/m/hdtt/hdtt_chitiet?dDocName=UCMTMP127639&dID=132398&_afzLoop=12851802027479625#!%40%40%3FdID%3D132398%26_afzLoop%3D12851802027479625%26dDocName%3DUCMTMP127639%26_adf.ctrl-state%3D7nbpelvjuw_4>, truy cập ngày 12/9/2018

có thẩm quyền trong việc chuyển giao hồ sơ, vụ việc có dấu hiệu vi phạm để kịp thời ngăn chặn và xử lý các vi phạm.

Công tác thanh tra, giám sát ngân hàng, mặc dù đã có nhiều đổi mới và chuyển biến tích cực, nhưng vẫn còn hạn chế trong việc phát hiện và xử lý các hành vi tiêu cực và tội phạm; nhiều vụ việc phát sinh không được phát hiện kịp thời. Trong thời gian qua, việc thông tin khách hàng bị rò rỉ, bị mất cắp trở nên khá phổ biến, tuy nhiên không có vụ việc nào được Cơ quan Thanh tra, giám sát NHNN phát hiện.

4.2.2. Thực thi pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng chủ thể trực tiếp nắm giữ bí mật thông tin khách hàng

Thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng của các TCTD được thể hiện ở hoạt động dưới đây.

4.2.2.1. TCTD phải tuân thủ nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng

Có thể nói bảo mật thông tin khách hàng là nghĩa vụ mang tính sống còn của TCTD. Nhận thức được vấn đề này, các TCTD rất chú trọng đến việc quán triệt/giám sát nhân viên của mình cũng như đầu tư các trang thiết bị nhằm thực hiện nghĩa vụ này.

Tuy nhiên, vẫn có trường hợp nhân viên của các TCTD vì những lý do khác nhau đã không thực hiện đúng nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng mà pháp luật đã quy định. Chẳng hạn, thông báo số dư tài khoản của khách hàng mặc dù khách hàng không thực hiện thủ tục yêu cầu ngân hàng kiểm tra số dư tài khoản;²¹⁹ hoặc cung cấp thông tin tài khoản của khách hàng (qua tổng đài chăm sóc khách hàng) khi chưa xác thực căn thân khách hàng, từ đó dẫn đến việc nhiều khách hàng bị mất tiền trong tài khoản.²²⁰ Không dừng lại ở đó, một số trường hợp, nhân viên ngân hàng đã không tuân thủ quy định nội bộ của các ngân hàng, truy cập vào mạng lưu trữ dữ liệu nội bộ, sao chép thông tin khách hàng để “dự phòng” cho bản thân (ví dụ dự phòng cho một công việc mới khi cần đến dữ liệu của khách hàng),²²¹ hoặc lấy cắp thông tin khách hàng để rút tiền của

²¹⁹ Hồng Dung, *Bảo mật thông tin khách hàng: lỗ hổng từ ngân hàng*, <<https://tinnhanhchungkhoan.vn/tien-te/bao-mat-thong-tin-khach-hang-lo-hong-tu-ngan-hang-134093.html>>, truy cập ngày 15/12/2015

²²⁰ Việt Tường, *Nữ 9X giúp đồng bọn xâm nhập nhiều tài khoản ngân hàng*, <<https://baomoi.com/nu-9x-giup-dong-bon-xam-nhap-nhieu-tai-khoan-ngan-hang/c/27152106.epi>>

²²¹ Việt Dũng, *Nhân viên ngân hàng Techcombank bán thông tin khách VIP gửi tiền*, Quá trình điều tra xác định, từ tháng 6/2011, Hương nhiều lần mượn tài khoản của đồng nghiệp truy cập vào mạng lưu trữ dữ liệu nội bộ, sao chép thông tin khách hàng và copy vào máy tính cá nhân tại nơi làm việc. Mục đích của Hương là sau này nếu chuyển việc thì sẽ sử dụng để thu hút khách gửi tiền về ngân hàng mới và sẽ rao bán kiếm lời.

khách hàng,²²² rao bán kiếm lời hoặc theo đặt hàng.²²³

Ngoài ra, cũng có những trường hợp nhân viên TCTD lợi dụng việc trực tiếp theo dõi, liên hệ khách hàng đã sử dụng các thông tin của khách hàng, rút tiền của khách hàng làm thiệt hại đến lợi ích của khách hàng, ảnh hưởng đến niềm tin của khách hàng với các TCTD. Chẳng hạn, vụ mất 245 tỷ của bà Chu Thị Bình tại ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu (Eximbank), chi nhánh TP.HCM. Lợi dụng việc trực tiếp theo dõi, liên hệ khách hàng cũng như phê duyệt trên chứng từ giấy và trên hệ thống Corebank của Eximbank, ông Lê Nguyễn Hưng, nguyên Phó Giám đốc Eximbank chi nhánh TP.HCM đã lập giấy ủy quyền giả mạo việc khách hàng ủy quyền rút tiền đã rút hơn 245 tỷ đồng khách hàng. Vụ án này đã được đưa ra xét xử. Ngày 23/11/2019, TAND TP.HCM tuyên án đối với 6 bị cáo nguyên là nhân viên Eximbank về hành vi “thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp” gây thiệt hại 264 tỷ đồng cho ngân hàng này. Hành vi của Lê Nguyễn Hưng đã phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.²²⁴

Hoặc vụ án Huỳnh Thị Huyền Như và đồng phạm, lấy danh nghĩa kiểm soát viên, quyền trưởng phòng giao dịch, Huyền Như đã sử dụng các thông tin định danh, thông tin về tài khoản của khách hàng lập các chứng từ, ký giả chữ ký của chủ tài khoản, sử dụng quyền trên hệ thống, trực tiếp thao tác chuyển tiền từ các tài khoản của khách hàng đi trả nợ cá nhân cho mình.²²⁵ Hành vi phạm tội của nhân viên ngân hàng này làm ảnh hưởng đến uy tín của Ngân hàng Vietinbank, tạo ra tâm lý hoang mang, lo ngại cho khách hàng. Ngày 27 tháng 1 năm 2014, TAND TP.HCM tuyên án Huỳnh Thị Huyền Như và đồng phạm. Huyền Như nhận án chung thân cho tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 6 năm tù cho tội làm giả con dấu của cơ quan tổ chức.²²⁶

Khoảng cuối tháng 7/2012, Hương gửi thư chào bán danh sách này trên Internet. Ngày 25/7/2012, Hương thu 10 triệu đồng khi giao danh sách 1.000 khách hàng ở khu vực Hà Nội có số dư tài khoản từ 500 triệu đồng trở lên cho một người ở ngân hàng khác. <<https://vietstock.vn/2013/01/nhan-vien-ngan-hang-techcombank-ban-thong-tin-khach-vip-gui-tien-1351-255674.htm>

²²² Bùi Trang-Đỗ Mến, *Nhân viên ngân hàng tuồn thông tin khách hàng: Rủi ro hiện hữu*, <https://tinnhanhchungkhoan.vn/phap-luat/nhan-vien-ngan-hang-tuon-thong-tin-khach-hang-rui-ro-hien-huu-254672.html>, truy cập 14/2/2019

²²³ Nguyễn Viết Thế, Nghiên cứu đề xuất các giải pháp bảo mật thông tin cho hệ thống ngân hàng, Baking Việt Nam (2016), Hội thảo Đổi mới và sáng tạo – Những nhân tố then chốt nâng cao hiệu quả hoạt động và lợi thế cạnh tranh của hệ thống ngân hàng Việt Nam trong bối cảnh hội nhập, tr 135

²²⁴ Tuyết Mai, *Xét xử 6 nhân viên Eximbank trong vụ 245 tỉ đồng của khách 'bốc hơi'*, <<https://tuoitre.vn/xet-xu-6-nhan-vien-eximbank-trong-vu-245-ti-dong-cua-khach-boc-hoi-20181122124430614.htm>>,

²²⁵ Để có tiền trả nợ, từ tháng 5/2011 đến 9/2011, Huyền Như lấy danh nghĩa kiểm soát viên, quyền trưởng phòng giao dịch Điện Biên Phủ, chi nhánh TP.HCM của Vietinbank để huy động tiền gửi. Huyền Như đã lập các chứng từ, ký giả chữ ký của chủ tài khoản, sử dụng quyền trên hệ thống, trực tiếp thao tác chuyển tiền từ các tài khoản của khách hàng đi trả nợ cá nhân cho mình.

²²⁶ M.H, *Siêu lừa Huyền Như lĩnh án chung thân*, <<https://www.doisongphapluat.com/phap-luat/an-ninh-hinh-su/sieu-lua-huyen-nhu-linh-an-chung-than-a19656.html>>

Qua các dữ liệu trên, dẫn rằng việc xét xử của tòa án không liên quan trực tiếp vi phạm pháp luật về bảo mật thông tin của khách hàng nhưng qua đây cũng cho thấy rằng, nhân viên ngân hàng đã không thực hiện đúng nghĩa vụ bảo mật thông tin của khách hàng và các quy định nội bộ của ngân hàng, quy trình làm việc của các ngân hàng còn nhiều sơ hở, chưa đảm bảo an toàn tuyệt đối cho khách hàng. Và như lời thừa nhận của một Tổng giám đốc ngân hàng rằng *“đâu đó, vẫn còn những lỗ hổng trong chế độ bảo mật thông tin của khách hàng mà ngân hàng vẫn chưa thể “trám” được”*.²²⁷

Đánh giá cho tình trạng rò rỉ thông tin khách, tình trạng nhiều khách hàng bị mất tiền trong tài khoản như vừa qua, đại diện Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Phó Thống đốc NHNN Đào Minh Tú cũng đưa ra ý kiến: *“những việc mất tiền của khách hàng gần đây gây ảnh hưởng niềm tin của người gửi tiền. Có những vụ việc do nguyên nhân khách quan nhưng cũng nhiều vụ việc do chưa làm tốt trong quy trình, quy định (kể cả cán bộ thừa hành, nhân viên quản lý)”*.²²⁸

Có thể thấy, tính chất, mức độ và những hành vi vi phạm có thể khác nhau, song các hành vi đó đều thể hiện sự việc không thực hiện đúng nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng do pháp luật quy định, không tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như quy chế quản lý nội bộ của các TCTD, cần phải có những giải pháp khắc phục.

Bên cạnh đó, cùng với sự phát triển của dịch vụ ngân hàng điện, khả năng chuyển khoản và thanh toán tiền trên mọi phương tiện di động như smartphone, ATM, các loại thẻ tín dụng... thì các nguy cơ lấy cắp tiền trong ngân hàng cũng tăng dần. Đây là mối đe dọa đối với ngân hàng và khách hàng. Pháp luật đã quy định TCTD, CNHNHN phải áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật cơ sở dữ liệu khách hàng, tối thiểu bao gồm:

1. Dữ liệu nhạy cảm của khách hàng khi lưu trữ, truyền trên mạng Internet phải được mã hóa hoặc che dấu.
2. Thiết lập quyền truy cập đúng chức năng, nhiệm vụ cho nhân sự thực hiện nhiệm vụ truy cập dữ liệu khách hàng; có biện pháp giám sát mỗi lần truy cập.

²²⁷ Hồng Dung, Bảo mật thông tin khách hàng: lỗ hổng từ ngân hàng, <<https://tinnhanhchungkhoan.vn/tien-te/bao-mat-thong-tin-khach-hang-lo-hong-tu-ngan-hang-134093.html>>

²²⁸ Minh Phương, Bảo mật ngân hàng tốt, người dùng đỡ bất an, <<https://baotintuc.vn/khoa-hoc-cong-nghe/bao-mat-ngan-hang-tot-nguoi-dung-do-bat-an-20170629120139843.htm>>, truy cập ngày 15/7/2018

3. Có biện pháp quản lý truy cập, tiếp cận các thiết bị, phương tiện lưu trữ dữ liệu về thông tin khách hàng để phòng chống nguy cơ lộ, lọt thông tin khách hàng.²²⁹

Nhưng biện pháp quản lý, tiêu chuẩn kỹ thuật cần thiết đó cụ thể là gì thì hoàn toàn phụ thuộc vào từng TCTD và khi triển khai trên thực tế, có ngân hàng đã đạt tới trình độ công nghệ tiên tiến điển hình như Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Công thương Việt Nam (Vietinbank), hay “Ngân hàng An ninh thông tin tiêu biểu 2017” như Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB),²³⁰ nhưng cũng không ít ngân hàng đang sử dụng, vận hành những hệ thống lạc hậu mà nguyên nhân do tiềm lực tài chính cũng như trình độ, năng lực cán bộ cán bộ kỹ thuật thông tin của các ngân hàng còn hạn chế.

Tóm lại, từ những dữ liệu phân tích trên cho thấy thực trạng thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng còn nhiều bất cập, tiềm ẩn những nguy cơ chưa được phát hiện, chưa bảo đảm tuân thủ pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH và cần phải có những giải pháp khắc phục.

4.2.2.2. TCTD phải chấp hành nghĩa vụ cung cấp thông tin khách hàng trong những trường hợp luật định

Trên cơ sở quy định pháp luật, thời gian qua TCTD đã ban hành các quy định nội bộ cụ thể hóa các quy định pháp luật nhằm thực thi hiệu quả nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng. Theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP quy định: “*TCTD, CNNHN Ng căn cứ quy định của pháp luật, Nghị định này để ban hành quy định nội bộ về giữ bí mật, lưu trữ và cung cấp thông tin khách hàng và tổ chức thực hiện thống nhất trong TCTD, CNNHN Ng*”.

Việc ban hành các quy định nội bộ nhằm cụ thể hóa các quy định pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng sẽ giúp TCTD, nhân viên các tổ chức này thực thi tốt nghĩa vụ bảo mật của mình.

Thực tiễn tại các TCTD ở Việt Nam thời gian qua đã cho thấy, các TTTD đã xây dựng các quy định nhằm tạo điều kiện cho việc tổ chức và thực hiện hoạt động giữ bí mật, lưu trữ và cung cấp thông tin khách hàng. Chẳng hạn: Quy định 183/2019/QĐ-TGĐ

²²⁹ Điều 19 Thông tư 35/2016/TT-NHNN ngày 29/12/2016 quy định về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ ngân hàng trên Internet

²³⁰ Ngân hàng đạt giải thưởng “Ngân hàng Điện tử tiêu biểu nhất 2017” do Tập đoàn Dữ liệu Quốc Tế IDG và Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam tổ chức, <http://vnba.org.vn/index.php?option=com_k2&view=item&id=4682:trao-giai-thuong-ngan-hang-viet-nam-tieu-bieu-nam-2017&Itemid=212&lang=vi>, truy cập ngày 7/3/2018

ngày 28/1/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng HD bank về Quy định giữ bí mật, lưu trữ và cung cấp thông tin khách hàng; Quy định 1135/QĐ-HĐTV-PC ngày 31/12/2019 của Hội đồng thành viên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) về Cung cấp thông tin trong hệ thống ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (hiện tại nhiều ngân hàng đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện các dự thảo về Quy định giữ bí mật, lưu trữ và cung cấp thông tin khách hàng). Thông qua các quy định của các TCTD, tác giả nhận thấy:

- Các quy định nội bộ của các TCTD đều dựa trên cơ sở các VBQPPL do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Đồng thời các TCTD cũng đã tiến hành sửa đổi bổ sung thường xuyên các văn bản này cho phù hợp với sự thay đổi của pháp luật.

- Về nội dung, các TCTD đã cụ thể hóa khá đầy đủ những nội dung được quy định trong Điều 5 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP.²³¹

- Mặc dù có nhiều điểm tương đồng trong các quy định về giữ bí mật, lưu trữ và cung cấp thông tin khách hàng. Song, các TCTD đều xây dựng các quy định này theo hướng phù hợp với những đặc thù của từng TCTD nhằm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH một cách hiệu quả.

Nhìn chung, việc ban hành các quy định nội bộ là căn cứ quan trọng cho các TCTD thực hiện các biện pháp bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH.

Bên cạnh việc ban hành các quy định nội bộ cụ thể hóa các quy định pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng, TCTD phải chấp hành nghĩa vụ cung cấp thông tin khách hàng trong một số trường hợp nhất định theo luật định.

Nhằm cụ thể hóa các quy định tại Điều 13 Luật các TCTD năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Khoản 3 Điều 4 và Khoản 1 Điều 11 của Nghị định số 117/2018/NĐ-CP quy định các trường hợp TCTD phải cung cấp thông tin khách hàng: (i) Có sự chấp thuận của khách hàng và phải cung cấp thông tin khách hàng cho chính khách hàng hoặc người đại diện hợp pháp của khách hàng đó, (ii) cung cấp cho cá nhân, tổ chức khác có

²³¹ Theo Điều 5 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP quy định: TCTD, CNNHNNg căn cứ quy định của pháp luật, Nghị định này để ban hành quy định nội bộ về giữ bí mật, lưu trữ và cung cấp thông tin khách hàng và tổ chức thực hiện thống nhất trong TCTD, CNNHNNg.

Đồng thời Nghị định cũng hướng dẫn rõ những nội dung tối thiểu mà Quy định nội bộ về giữ bí mật, lưu trữ và cung cấp thông tin khách hàng phải có. Chẳng hạn như: Quy trình, thủ tục tiếp nhận, xử lý và cung cấp thông tin khách hàng; quy trình, thủ tục lưu trữ, bảo vệ bí mật thông tin khách hàng; Việc giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm quy định nội bộ về giữ bí mật, lưu trữ, cung cấp thông tin khách hàng; Phân cấp thẩm quyền, quyền hạn, nghĩa vụ của các đơn vị, cá nhân trong việc giữ bí mật, lưu trữ và cung cấp thông tin khách hàng.

quyền yêu cầu TCTD cung cấp thông tin khách hàng được quy định cụ thể tại bộ luật, luật, nghị quyết của Quốc hội.

Đối với cung cấp thông tin khách hàng theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, việc cung cấp thông tin trong trường hợp này có bản chất pháp lý là quan hệ mệnh lệnh - phục tùng theo thẩm quyền hành chính nhà nước, hoặc theo thẩm quyền tổ tụng để thực thi một hoạt động quản lý nhà nước cụ thể, hoặc thực thi một hoạt động tổ tụng, thi hành án cụ thể.

Do đó, việc xác định cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người đại diện có thẩm quyền của cơ quan này, các trường hợp cơ quan này được tiếp cận thông tin khách hàng, phạm vi, mục đích sử dụng thông tin khách hàng.. là phải dựa trên sự tuân thủ tuyệt đối quy định của pháp luật có liên quan (pháp luật về tố tụng, thi hành án, thanh tra, hải quan, thuế, xử lý vi phạm hành chính..), mà không phụ thuộc vào ý chí của TCTD và khách hàng.

Theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP hướng dẫn về việc cung cấp thông tin khách hàng của TCTD thì quy định chủ thể được quyền ký văn bản yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng đã mở rộng ra tối đa.²³² Đồng thời, chức danh các

²³² Văn bản yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng phải do các cá nhân sau đây ký:²³²

1. Tổng Thanh tra Chính phủ, Phó Tổng Thanh tra Chính phủ; Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra bộ; Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra tỉnh; Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra sở; Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra huyện; Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, Trưởng đoàn thanh tra; thành viên đoàn thanh tra theo quy định của pháp luật về thanh tra.
2. Tổng Kiểm toán nhà nước, Phó Tổng Kiểm toán nhà nước, Kiểm toán trưởng Kiểm toán nhà nước chuyên ngành, Kiểm toán trưởng Kiểm toán nhà nước khu vực, Trưởng Đoàn kiểm toán, Tổ trưởng Tổ kiểm toán, Thành viên Đoàn kiểm toán là Kiểm toán viên nhà nước theo quy định của pháp luật về kiểm toán nhà nước.
3. Viện trưởng, Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân các cấp, Viện kiểm sát quân sự các cấp theo quy định của pháp luật về kiểm sát nhân dân.
4. Chánh án, Phó Chánh án, Thẩm phán, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, tỉnh và tương đương, Tòa án quân sự Trung ương, Tòa án quân sự quân khu và tương đương, Tòa án quân sự khu vực theo quy định của pháp luật về tòa án.
5. Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng, điều tra viên các cơ quan điều tra trong hệ thống cơ quan điều tra; cấp trưởng, cấp phó các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật về cơ quan điều tra hình sự.
6. Cấp trưởng, cấp phó các đơn vị nghiệp vụ trong công an nhân dân, quân đội nhân dân theo thẩm quyền quy định của pháp luật về công an nhân dân, quân đội nhân dân.
7. Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng các cơ quan thi hành án, chấp hành viên đang tổ chức thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án.
8. Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan; Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu; Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan; Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố; Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng Chi cục Hải quan; Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng Chi cục kiểm tra sau thông quan theo quy định của pháp luật về hải quan.
9. Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế; Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng Vụ Thanh tra Tổng cục Thuế; Cục trưởng, Phó cục trưởng Cục Thuế; Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

chủ thể được quyền ký yêu cầu TCTD cung cấp thông tin khách hàng rất nhiều và ở các cấp khác nhau, thậm chí là đến cấp huyện cũng có quyền ký văn bản yêu cầu các ngân hàng cung cấp thông tin về tiền gửi, tài sản gửi của khách hàng.

Liên quan đến nội dung này, có quan điểm cho rằng việc cung cấp thông tin khách hàng cho những đối tượng được yêu cầu cung cấp thông tin như hiện nay là phù hợp vì những quy định về chủ thể được yêu cầu TCTD cung cấp thông tin khách hàng như trong Nghị định số 70/2000/NĐ-CP trước đây có thể dẫn tới việc khó khăn, chẳng hạn trong công tác quản lý, điều tra của các cơ quan điều tra cấp huyện và một số cơ quan chức năng điều tra và làm chậm trễ việc phát hiện, xử lý các sai phạm liên quan đến tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân.²³³

Thật ra, hướng dẫn của Nghị định số 117/2018/NĐ-CP liên quan đến việc mở rộng đối tượng được yêu cầu cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng tại ngân hàng có liên quan đến những sửa đổi trong các quy định tại Điều 16 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 về nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn truy tố và quy định tại Điều 40 về hệ thống Viện kiểm sát nhân dân, hay Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, Luật Công an nhân dân năm 2014, Luật Thanh tra năm 2010, Luật Kiểm toán Nhà nước năm 2015, Luật Hải quan năm 2014, Luật Quản lý thuế năm 2006, sửa đổi bổ sung năm 2012. Các bổ sung về chủ thể có quyền ký yêu cầu TCTD cung cấp thông tin khách hàng là nhằm phù hợp, tương thích với các văn bản trên. Tuy nhiên, phạm vi này mở rộng ra tối đa, thậm chí cơ quan ở cấp huyện cũng có quyền ký văn bản yêu cầu các ngân hàng cung cấp thông tin về tiền gửi, tài sản gửi của khách hàng, liên quan đến các mục đích (i) thanh tra, (ii) điều tra, (iii) truy tố, (iv) xét xử, (v) thi hành án, (vi) kiểm toán và (vii) quản lý thuế.²³⁴ Đồng thời, chức danh các chủ thể được quyền ký yêu cầu TCTD cung cấp thông tin khách hàng rất nhiều và ở các cấp khác nhau sẽ tạo ra một sự “bất an” cho khách hàng. Như đã phân tích tại nội dung 2.4, HĐNH phụ thuộc rất lớn và khách hàng. Để có

10. Cá nhân khác của cơ quan nhà nước được pháp luật có liên quan quy định có thẩm quyền ký văn bản của cơ quan nhà nước yêu cầu TCTD, CNNHN cung cấp thông tin khách hàng.

²³³ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Báo cáo đánh giá tác động của chính sách nghị định thay thế nghị định 70/2000/NĐ-CP ngày 21/11/2000

²³⁴ Như vậy, nếu so với Nghị định số 70/2000/NĐ-CP ngày 21/11/2000 của Chính phủ về việc giữ bí mật, lưu trữ và cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng trước đây thì Nghị định mới đã bổ sung thêm 02 trường hợp mà việc cung cấp thông tin khách hàng sẽ loại trừ trách nhiệm bảo mật thông tin của TCTD đó là kiểm toán và quản lý thuế

vốn phục vụ hoạt động cho vay của mình cũng như phục vụ hoạt động cho nền kinh tế thì yếu tố đầu vào then chốt là phải huy động vốn từ tiền gửi của cá nhân, doanh nghiệp. Việc can thiệp nhiều như vậy có khả năng sẽ ảnh hưởng tới hoạt động huy động vốn của ngân hàng, bởi một khi khách hàng có cơ sở lo sợ rằng thông tin của họ bị cung cấp cho quá nhiều chủ thể khác nhau, nếu không được bảo đảm an toàn, chắc chắn sẽ ảnh hưởng nhiều đến hành động của khách hàng, họ có thể giữ tiền ở nhà hoặc thậm chí có thể chuyển sang các khoản đầu tư tài chính thay thế như vàng, đầu tư vào tiền ảo thực hiện tích trữ tiền cá nhân.

Bên cạnh đó, Nghị định này đã không hướng dẫn rõ trong trường hợp cụ thể nào các cơ quan nhà nước đó được quyền yêu cầu cung cấp thông tin, trong khi hướng dẫn trước đây tại Nghị định số 70/2000/NĐ-CP lại quy định cụ thể rằng các cơ quan nhà nước chỉ có thể yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng trong quá trình thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.²³⁵ Đồng thời, các cơ quan nhà nước này còn phải cung cấp cho TCTD các tài liệu chứng minh kèm theo như quyết định thanh tra, quyết định khởi tố vụ án... như là một điều kiện bắt buộc để TCTD cung cấp thông tin khách hàng. Thay vào đó, Nghị định số 117/2018/NĐ-CP chỉ đề cập đến nguyên tắc mà các cơ quan nhà nước phải thực hiện, được nêu tại Khoản 3 Điều 4 rằng: Cơ quan nhà nước.... chỉ được yêu cầu TCTD, CNHNHN cung cấp thông tin khách hàng theo đúng mục đích, nội dung, phạm vi, thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc khi được sự chấp thuận của khách hàng và phải chịu trách nhiệm về việc yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng.

Quy định này đã tạo ra không ít bối rối cho các TCTD trong trường hợp tiếp nhận yêu cầu từ phía các cơ quan nhà nước khi mà các TCTD khó có thể đánh giá được thế nào là đúng mục đích như nguyên tắc nêu trên. Song, TCTD khó có thể từ chối cung cấp thông tin khách hàng một khi các cơ quan nhà nước theo hướng dẫn trên yêu cầu TCTD cung cấp thông tin khách hàng. Điều này sẽ gây nhiều khó khăn cho chính các TCTD cũng như ảnh hưởng đến quyền được bảo mật thông tin của khách hàng.

Đối với cung cấp thông tin theo sự chấp thuận của khách hàng, việc cung cấp thông tin trong trường hợp này có bản chất pháp lý là quan hệ xác lập, thực hiện theo ý chí định đoạt của khách hàng. Về nguyên tắc, TCTD phải tôn trọng và thực hiện đúng

²³⁵ Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 70/2000/NĐ-CP ngày 21/11/2000

việc cung cấp thông tin khách hàng cho tổ chức, cá nhân khác khi khách hàng có yêu cầu. Tuy nhiên, pháp luật cũng quy định: TCTD, CNNHN chỉ được cung cấp thông tin khách hàng cho tổ chức khác, cá nhân thuộc trường hợp có chấp thuận của khách hàng bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác theo thỏa thuận với khách hàng.²³⁶ Song trên thực tế, có những trường hợp, khách hàng gọi điện thoại đến tổng đài chăm sóc khách hàng, giao dịch viên TCTD thì cũng đã có thể nhận được thông tin tài khoản, số dư trong tài khoản của mình.

Trước đây, vấn đề này cũng đã được cụ thể hóa tại Thông tư số 02/2001/TT-NHNN ngày 4 tháng 4 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Việc cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng phải tuân theo các quy định sau:²³⁷

- Việc cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng theo yêu cầu của bản thân khách hàng đó được thực hiện theo hướng dẫn của từng tổ chức nhận tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng hoặc theo thỏa thuận bằng văn bản giữa tổ chức nhận tiền gửi, tài sản gửi và khách hàng.²³⁸

Tổ chức nhận tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng không được cung cấp các thông tin liên quan đến tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng trong trường hợp khách hàng yêu cầu qua điện thoại.

- Đối với việc cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng theo yêu cầu của người được khách hàng đó ủy quyền: phải có giấy ủy quyền đối với trường hợp được phép ủy quyền theo quy định của pháp luật, yêu cầu cung cấp thông tin phải phù hợp với nội dung ủy quyền và phải được thực hiện bằng văn bản nêu rõ

²³⁶ Khoản 1b Điều 11 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP

²³⁷ Tiết a điểm 2.2 Mục II thông tư số 02/2001/TT-NHNN ngày 4 tháng 4 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định 70/2000/NĐ-CP ngày 21/11/2000 của Chính phủ về giữ bí mật, lưu trữ và cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng như sau: Việc cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng theo yêu cầu của khách hàng được thực hiện theo hướng dẫn của từng tổ chức nhận tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng hoặc theo thỏa thuận bằng văn bản giữa tổ chức nhận tiền gửi, tài sản gửi và khách hàng".

²³⁸ Quy định này được sửa đổi bởi Quyết định số 1004/2001/QĐ-NHNN ngày 08/8/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi tiết a điểm 2.2 Mục II Thông tư Số 02/2001/TT-NHNN ngày 4/4/2001 về việc hướng dẫn thực hiện nghị định 70/2000/NĐ-CP ngày 21/11/2000 của chính phủ về việc giữ bí mật, lưu trữ và cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng

Điều 1: Sửa đổi tiết a điểm 2.2 Mục II thông tư số 02/2001/TT-NHNN ngày 4 tháng 4 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định 70/2000/NĐ-CP ngày 21/11/2000 của Chính phủ về giữ bí mật, lưu trữ và cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng như sau: Việc cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng theo yêu cầu của khách hàng được thực hiện theo hướng dẫn của từng tổ chức nhận tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng hoặc theo thỏa thuận bằng văn bản giữa tổ chức nhận tiền gửi, tài sản gửi và khách hàng".

những thông tin cần cung cấp có liên quan đến tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng và phù hợp với các quy chế, thể lệ của tổ chức nhận tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng.

Do đó, pháp luật cũng cần có những hướng dẫn cụ thể hình thức thỏa thuận khác giữa các bên trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của khách hàng, hoặc cần rà soát, bổ sung trong các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Đối với cung cấp thông tin cho tổ chức, cá nhân khác, chẳng hạn cung cấp thông tin cho công ty thông tin tín dụng.

Khoản 2 Điều 11, Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2010 về hoạt động thông tin tín dụng quy định: thông tin khách hàng có thể được TCTD cung cấp cho công ty thông tin tín dụng khi đã có sự thỏa thuận với khách hàng vay và cung cấp cho công ty thông tin tín dụng theo hợp đồng ký kết giữa hai bên. Như vậy, muốn cung cấp thông tin khách hàng trong trường hợp này phải thỏa thuận với khách hàng. Tuy nhiên, với quy định trên phát sinh một vài vướng mắc:

Về yếu tố thỏa thuận giữa TCTD và khách hàng trong việc để TCTD cung cấp thông tin khách hàng cho công ty thông tin tín dụng

Theo Từ điển Tiếng Việt, thỏa thuận được hiểu là sự đồng ý với nhau về những điều kiện nào đó có quan hệ đến hai bên, sau khi đã bàn bạc.²³⁹

Thỏa thuận có nghĩa là: đi tới sự đồng ý sau khi cân nhắc, thảo luận được thể hiện ở chỗ không có một ý kiến đối lập của bất cứ một bộ phận nào trong số các bên liên quan đối với những vấn đề quan trọng và thể hiện thông qua một quá trình mà mọi quan điểm của các bên liên quan đều phải được xem xét và dung hoà được tất cả các tranh chấp; là việc các bên (cá nhân hay tổ chức) có ý định chung tự nguyện cùng nhau thực hiện những nghĩa vụ mà họ đã cùng nhau chấp nhận vì lợi ích của các bên. Như vậy, để coi là một sự thỏa thuận phải có sự thống nhất giữa tự do ý chí và sự ưng thuận. Tuy nhiên, hiện nay, các TCTD thường quy định trong hợp đồng tín dụng điều khoản về quyền của TCTD (bên cho vay), chẳng hạn: *“có quyền sử dụng các thông tin của khách hàng (bên vay) và các khoản tín dụng của bên vay bao gồm cả các thông tin từ các văn bản, các tài liệu do bên vay cung cấp; các hợp đồng, văn bản ký kết giữa bên vay và bên ngân hàng để cung cấp cho các đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ thông tin tín dụng và/hoặc đánh giá*

²³⁹ Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, Từ điển Tiếng Việt, tr.1533

tín nhiệm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, hoặc cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật”;²⁴⁰ hoặc chỉ quy định: “TCTD có quyền cung cấp thông tin cho Trung tâm thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật”.²⁴¹ Rõ ràng khi khách hàng ký kết vào các hợp đồng mẫu được coi là sự bày tỏ ý chí của khách hàng về việc đồng ý để TCTD chuyển giao thông tin của mình cho công ty thông tin tín dụng. Song yếu tố ưng thuận trong trường hợp này gần như bị triệt tiêu, bởi thông thường sự ưng thuận trong giao kết hợp đồng thông thường là một quá trình được thể hiện qua việc các bên đàm phán, thương lượng để sửa đổi, bổ sung các điều kiện và điều khoản của hợp đồng.²⁴² Đồng thời, việc khách hàng đồng ý cho TCTD cung cấp như vậy sẽ là rất bất công cho khách hàng bởi TCTD bao giờ cũng có vị thế thương lượng tốt hơn khách hàng của mình, nên việc ưng thuận này có thể không công bằng đối với khách hàng do không có sự cân xứng về thông tin, về khả năng đàm phán, thương lượng giữa các bên; đặc biệt khi khách hàng không ý thức về điều khoản “đồng ý” này trong hợp đồng mẫu hoặc thậm chí bắt buộc phải đồng ý về điều khoản đó.

Đồng thời khi quy định điều khoản chọn như vậy, giả định nếu khách hàng chọn không đồng ý, thì nên chăng pháp luật cũng cần có những quy định về cơ hội tín dụng công bằng cho những khách hàng này vì nếu khách hàng chọn không đồng ý có thể bị mất cơ hội để được xem xét cấp tín dụng.

Ngoài việc phải chấp hành các quy định về bảo mật thông tin, cung cấp thông tin theo luật định, theo Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP, TCTD còn có nghĩa vụ giải quyết khiếu nại của khách hàng. Có thể nói rằng, đây là một trong những quy định quan trọng để bảo vệ quyền lợi của khách hàng, không chỉ giúp khách hàng có thể thực hiện việc bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi bị xâm hại mà nó còn thể hiện trách nhiệm của các TCTD cũng như của cơ quan nhà nước về bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của khách hàng. Tuy nhiên, những quy định về giải quyết khiếu nại

²⁴⁰ Mẫu Hợp đồng tín dụng, <https://www.vpbank.com.vn/sites/default/files/VPB_Documents/vay_the_chap_-_hop_dong_tin_dung_kiem_khe_uoc_nhan_no.pdf>

²⁴¹https://www.ocb.com.vn/Upload/M%E1%BA%ABu%20s%E1%BB%91%2003-TD-OCB-2017%20MauHD_tin%20dung%20ca%20nhan_han%20muc.pdf

²⁴² Xem thêm: Ngô văn Hiệp, “Sự thỏa thuận trong giao kết hợp đồng gia nhập”, <<http://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/phap-luat-kinh-te.aspx?ItemID=137>>, truy cập ngày 2/10/2017

trong các quy định của pháp luật hiện hành chưa đáp ứng được những yêu cầu trên thực tế và gây nhiều khó khăn cho khách hàng trong quá trình khiếu nại. Cụ thể:

i) Các quy định của pháp luật hiện hành chưa quy định trình tự, thủ tục cũng như thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

ii) Các văn bản pháp luật mới chỉ đưa ra quy định rất chung mang tính nguyên tắc: TCTD, CNNHN có trách nhiệm “*giải quyết khiếu nại của khách hàng trong việc cung cấp thông tin khách hàng theo quy định của pháp luật; tổ chức giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm quy định nội bộ về giữ bí mật, lưu trữ, cung cấp thông tin khách hàng*”²⁴³ nhưng chưa quy định rõ quy trình, trách nhiệm tiếp và xử lý những trường hợp TCTD, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (khi yêu cầu TCTD cung cấp thông tin khách hàng trong những trường hợp luật định) vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng; chưa xác định những trường hợp cụ thể nào thuộc thẩm quyền giải quyết khiếu nại của TCTD,²⁴⁴ trường hợp nào thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan nhà nước khác, ví dụ các cơ quan bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng. Cơ chế giám sát và xử lý việc thực hiện các quy định này như thế nào.... Tất cả những điều này đang chờ một quy định rõ ràng, cụ thể. Bởi trên thực tế theo đại diện của Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng (CT&BVNTD - Bộ Công Thương), gần đây Cục có nhận được phản ánh nhiều khách hàng về việc gửi phản ánh đến ngân hàng bằng hình thức email, tuy hệ thống thư điện tử của ngân hàng đã xác nhận tiếp nhận thành công email của ngân hàng không liên hệ lại với khách hàng hay có cách giải quyết vấn đề khách hàng phản ánh. Cũng theo ý kiến của đại diện Cục CT&BVNTD, nhằm đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng trong quá trình giải quyết các tranh chấp phát sinh với ngân hàng, người tiêu dùng cần tìm hiểu trong các tài liệu giao dịch với ngân hàng để xác định xem các phương thức liên hệ nào được coi là phương thức chính thức, do ngân hàng công bố và vận hành. Chẳng hạn, nếu ngân hàng chấp nhận sử dụng email trong quá trình liên hệ thì người tiêu dùng sử dụng cách thức gửi thông tin qua email; ngược lại, người tiêu dùng nên đến trực tiếp các chi nhánh, điểm kinh doanh của ngân hàng để lập biên bản/phiếu phản ánh thông tin.²⁴⁵ Tác

²⁴³ Điểm c,d Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP

²⁴⁴ Bởi hiện nay pháp luật quy định TCTD, CNNHN có trách nhiệm giải quyết khiếu nại của khách hàng trong việc cung cấp thông tin khách hàng theo quy định của pháp luật (Điểm c Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP)

²⁴⁵ Hà Linh, Ngân hàng "làm khó" khách hàng khiếu nại, <<https://anninhthudo.vn/kinh-doanh/ngan-hang-lam-kho-khach-hang-khieu-nai/794400.antd>>, truy cập ngày 25/3/2019

giả cho rằng, giải quyết khiếu nại của khách hàng là nghĩa vụ luật định. Cần công khai quy trình, hướng dẫn chi tiết để khách hàng có thể thực hiện quyền khiếu nại của mình, tránh tình trạng Ngân hàng "làm khó" khách hàng.

4.2.3. Thực thi pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin của chính khách hàng

Thời gian qua, cũng có nhiều trường hợp do ý thức của khách hàng chưa cao nên vẫn còn không ít người chia sẻ quá nhiều thông tin cá nhân lên mạng xã hội. Đây là nguyên nhân khiến tình trạng lừa đảo trong thời kỳ công nghệ hiện đại diễn biến phức tạp. Hoặc nhiều khách hàng quá tin vào nhân viên ngân hàng, không tuân thủ đầy đủ, đúng quy trình giao dịch với ngân hàng, tạo điều kiện để kẻ gian lợi dụng và dẫn đến tình trạng mất tiền. Chẳng hạn vụ khách hàng mất 245 tỷ đồng tại Eximbank.²⁴⁶

Theo quy định của pháp luật, nghĩa vụ của khách hàng là bảo mật thông tin tài khoản của mình nhưng trong nhiều trường hợp khách hàng chia sẻ thông tin của mình, cung cấp mật khẩu ... để người khác thực hiện giúp các giao dịch. Rất nhiều trường hợp khách hàng lơ đãng, cho mượn password, đọc mã PIN cho người khác rút hộ tiền...²⁴⁷

Đồng thời, khi tham gia vào các giao dịch với TCTD, khách hàng phải nghiên cứu kỹ và thỏa thuận các điều khoản bảo mật thông tin của chính mình. Tuy nhiên, nhiều khách hàng với tính chủ quan hoặc/ và kiến thức tài chính hạn hẹp có thể chưa nắm rõ quyền được bảo mật thông tin của mình và xem nhẹ vấn đề này khi ký kết hợp đồng.

Bên cạnh các hạn chế do những nguyên nhân chủ quan từ phía khách hàng, còn có những nguyên nhân từ các quy định của pháp luật. Dù ý thức của khách hàng trong việc bảo mật thông tin của mình đã nâng cao nhưng việc sử dụng pháp luật trong việc thực hiện quyền khiếu nại, khởi kiện của khách hàng còn hạn chế, bởi những khó khăn trong việc chứng minh các thiệt hại thực tế, chứng minh lỗi của bên vi phạm. Cụ thể là khi khách hàng nhận thấy thông tin của mình bị rò rỉ, bị công bố, bị mất cắp, muốn khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại thì phải chứng minh: hành vi vi phạm pháp luật, có lỗi, có thiệt hại thực tế xảy ra, có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm và hậu quả thực tế xảy ra. Song việc chứng minh này không đơn giản với khách hàng.

²⁴⁶ Cường Ngô, Vụ khách hàng mất 245 tỷ đồng tại Eximbank: Có thể khởi kiện ngân hàng để đòi quyền lợi, <<https://laodong.vn/phap-luat/vu-khach-hang-mat-245-ty-dong-tai-eximbank-co-the-khoi-kien-ngan-hang-de-doi-quyen-loi-592653.lido>>, truy cập 23/3/2018

²⁴⁷ Bảo Khánh, Các vụ mất tiền trong tài khoản ngân hàng gần đây hoàn toàn là vấn đề lừa đảo, <<https://dantri.com.vn/suc-manh-so/cac-vu-mat-tien-trong-tai-khoan-ngan-hang-gan-day-hoan-toan-la-van-de-lua-dao-20160928084912303.htm>>, truy cập ngày 28/9/2017

Qua tìm hiểu thực tiễn xét xử tại Tòa án nhân dân các cấp trong thời gian vừa qua, hầu như chưa có vụ việc nào được đưa ra xét xử. Điều này hoàn toàn có thể lý giải bởi việc để lộ thông tin khách hàng sẽ tạo nên nhiều ảnh hưởng tiêu cực cho hoạt động của TCTD. Trước hết, uy tín, sự tín nhiệm của khách hàng đối với TCTD đó sẽ giảm sút, thậm chí nhiều khách hàng sẽ “quay lưng”, tẩy chay TCTD đó trong quá trình lựa chọn TCTD làm đối tác để thực hiện các giao dịch. Ngoài ra, đối với các nhà đầu tư nước ngoài, bảo mật thông tin là vấn đề được các nhà đầu tư đặc biệt quan tâm. Do đó, khi TCTD để lộ thông tin của khách hàng, thì bản thân TCTD đã tự làm mất điểm trong mắt của các tổ chức xếp hạng tín dụng quốc tế, các nhà đầu tư và khách hàng quốc tế...Do đó, nếu có đơn khởi kiện, nhiều trường hợp giữa TCTD đã tự thỏa thuận với khách hàng, tìm cách giải quyết nội bộ nhằm bảo vệ uy tín của tổ chức mình.

Tóm lại, do bảo mật thông tin khách hàng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, không chỉ trong xây dựng, gìn giữ niềm tin của khách hàng đối với một TCTD cụ thể, mà còn đối với cả hệ thống tín dụng của quốc gia và hiệu lực quản lý nhà nước nên trong thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng thì phương thức thực thi pháp luật chủ yếu là tuân thủ pháp luật, chấp hành pháp luật của các chủ thể theo quy định của pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng. Việc sử dụng pháp luật trong việc khiếu nại, khởi kiện của khách hàng, kéo theo là việc ADPL của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phụ thuộc nhiều vào khách hàng. Một khi khách hàng không thực hiện quyền hoặc đã được thỏa thuận giải quyết nếu có vi phạm về bảo mật thông tin khách hàng thì việc thực thi pháp luật thông qua phương thức ADPL của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng khó thực hiện trên thực tế.

4.3. Đánh giá thực trạng thực thi pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng

4.3.1. Những ưu điểm trong thực thi pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng

Thứ nhất, hệ thống pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng của các TCTD đã tạo lập được hành lang pháp lý cho các chủ thể tham gia HĐNH thực hiện các quyền và nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng. Cụ thể dưới đây:

Một là, quy định rõ quyền và nghĩa vụ của TCTD, khách hàng và các chủ thể liên quan trong quan hệ pháp luật bảo mật thông tin của khách hàng.

- *Đối với các TCTD*, khi yêu cầu khách hàng cung cấp các thông tin để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của mình thì các tổ chức này phải có nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng mà họ có được.²⁴⁸ Cụ thể, TCTD phải bảo đảm an toàn, bí mật thông tin khách hàng trong quá trình cung cấp, quản lý, sử dụng, lưu trữ thông tin khách hàng. Bên cạnh đó, pháp luật cũng quy định các TCTD cũng có quyền từ chối yêu cầu cung cấp thông tin cho bên thứ ba nhằm bảo đảm lợi ích của khách hàng.²⁴⁹

Ngoài ra, khi TCTD sử dụng dịch vụ công nghệ thông tin của bên thứ ba phục vụ cho hoạt động kinh doanh của mình thì trách nhiệm của TCTD trong việc bảo đảm an toàn thông tin không thay đổi.²⁵⁰ TCTD phải có trách nhiệm trong việc bảo vệ thông tin số, hệ thống thông tin tránh bị truy nhập, sử dụng, tiết lộ, gián đoạn, sửa đổi hoặc phá hoại trái phép nhằm bảo đảm tính bí mật, tính toàn vẹn và tính sẵn sàng của thông tin.²⁵¹

- *Cơ quan nhà nước, tổ chức khác, cá nhân* phải giữ bí mật thông tin khách hàng, sử dụng thông tin khách hàng đúng mục đích khi yêu cầu cung cấp thông tin và không được cung cấp cho bên thứ ba mà không có sự chấp thuận của khách hàng, trừ trường hợp cung cấp theo quy định của pháp luật.²⁵²

Đối với bên thứ ba là các tổ chức chuyên môn được TCTD thuê hoặc hợp tác với TCTD cung cấp dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của các TCTD có nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin theo hợp đồng đã ký kết với các TCTD.²⁵³ Đặc biệt, NHNN Việt Nam đã ban hành Thông tư số 18/2018/TT-NHNN quy định về an toàn hệ thống thông tin trong HĐNH thay thế cho Thông tư số 31/2015/TT-NHNN quy định về đảm bảo an toàn, bảo mật hệ thống công nghệ thông tin trong HĐNH. Trong đó, quy

²⁴⁸ Theo Điều 94 Luật các TCTD năm 2010, TCTD phải yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh phương án sử dụng vốn khả thi, khả năng tài chính của mình, mục đích sử dụng vốn hợp pháp, biện pháp bảo đảm tiền vay trước khi quyết định cấp tín dụng...; Tổ chức tín dụng có quyền yêu cầu khách hàng vay báo cáo việc sử dụng vốn vay và chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích vay vốn.

²⁴⁹ Theo Điều 14 Luật các TCTD năm 2010 quy định về bảo mật thông tin thì:

“1. Nhân viên, người quản lý, người điều hành của TCTD, CNHNHN không được tiết lộ bí mật kinh doanh của TCTD, CNHNHN.”

2. TCTD, CNHNHN phải bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại TCTD, CNHNHN.

3. TCTD, CNHNHN không được cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi, các giao dịch của khách hàng tại TCTD, CNHNHN cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng”.

²⁵⁰ Khoản 3 Điều 31 Thông tư số 18/2018/TT-NHNN quy định về an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng

²⁵¹ Khoản 5 Điều 2 Thông tư số 18/2018/TT-NHNN quy định về an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng

²⁵² Khoản 4 Điều 4 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP

²⁵³ Xem thêm: Điều 13 Quyết định số 35/2006/QĐ-NHNN ngày 31/7/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về ban hành quy định về các nguyên tắc quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng điện tử.

định rõ trách nhiệm bảo mật thông tin khách hàng của TCTD là theo cam kết trong hợp đồng sử dụng dịch vụ của TCTD đối với bên thứ ba.²⁵⁴

Ngoài ra, pháp luật cũng quy định trách nhiệm trong trường hợp bên thứ ba sử dụng nhà thầu phụ, sẽ không làm thay đổi trách nhiệm của bên thứ ba đối với dịch vụ mà TCTD sử dụng.²⁵⁵

- *Đối với khách hàng*, khi tham gia vào quan hệ với các TCTD sẽ có nghĩa vụ cung cấp các thông tin theo yêu cầu. Đồng thời, khách hàng cũng có đặc quyền là các thông tin về tài khoản, giao dịch và một số thông tin khác của mình phải được bảo vệ một cách hợp pháp và không thể bị xâm hại bởi bên thứ ba không có thẩm quyền tiếp cận thông tin. Song, khách hàng cũng phải có nghĩa vụ bảo mật thông tin của chính mình.²⁵⁶

Có thể thấy, pháp luật hiện hành đã có những bổ sung hết sức cần thiết trong việc xác định quyền và nghĩa vụ của tất cả các bên trong quan hệ pháp luật bảo mật thông tin khách hàng. Cụ thể là, bên cạnh việc quy định nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của tổ chức trực tiếp nắm giữ bí mật thông tin của khách hàng (các TCTD), chủ thể của thông tin bí mật (khách hàng), thì các chủ thể thứ ba (cơ quan nhà nước, tổ chức khác và cá nhân) có liên quan phải bảo mật thông tin khách hàng mà mình yêu cầu các TCTD cung cấp liên quan đến hoạt động công vụ hoặc hoạt động chuyên môn khác. Đây là cơ sở để khách hàng có thể bảo vệ lợi ích của mình khi bị các chủ thể thứ ba này xâm hại.

Trước đây, nếu thông tin khách hàng bị chủ thể thứ ba là cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu TCTD cung cấp thông tin khách hàng tiết lộ thông tin bí mật của mình thì cũng không có cơ sở để khiếu kiện vì chủ thể thứ ba này không có quan hệ giao dịch trực tiếp với khách hàng nên không tồn tại hợp đồng và khách hàng cũng không thể thỏa thuận với chủ thể này về trách nhiệm bảo mật.

²⁵⁴ Hợp đồng sử dụng dịch vụ ký kết với bên thứ ba phải có tối thiểu những nội dung nhất định, trong đó phải có điều khoản về cam kết của bên thứ ba về bảo đảm an toàn thông tin bao gồm: i) Không sao chép, thay đổi, sử dụng hay cung cấp dữ liệu của tổ chức sử dụng dịch vụ cho cá nhân, tổ chức khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; trong trường hợp này, bên thứ ba phải thông báo cho tổ chức sử dụng dịch vụ trước khi cung cấp dữ liệu, trừ khi việc thông báo sẽ vi phạm pháp luật Việt Nam. (ii) Phổ biến cho nhân sự của bên thứ ba tham gia thực hiện hợp đồng các quy định về bảo đảm an toàn thông tin của tổ chức, thực hiện các biện pháp giám sát bảo đảm tuân thủ. (Điểm b, c Khoản 1 Điều 34 Thông tư số 18/2018/TT-NHNN quy định về an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng)

²⁵⁵ Khoản 3 Điều 34 Thông tư số 18/2018/TT-NHNN quy định về an toàn hệ thống thông tin trong HĐNNH

²⁵⁶ Khách hàng có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Nghị định này và hướng dẫn của TCTD, CNNHNNH trong việc cung cấp thông tin khách hàng (Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP)

Hai là, đã mở rộng phạm vi thông tin khách hàng cần được bảo đảm bí mật giúp bảo vệ tốt hơn quyền được bảo mật thông tin của khách hàng.

Pháp luật Việt Nam hiện hành ghi nhận những thông tin mà các TCTD, CNNHN^{Ng} phải bảo mật đó là những thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại TCTD, CNNHN^{Ng}. Cụ thể đó là thông tin do khách hàng cung cấp, thông tin phát sinh trong quá trình khách hàng đề nghị hoặc được TCTD, CNNHN^{Ng} cung ứng các nghiệp vụ ngân hàng, sản phẩm, dịch vụ trong hoạt động được phép.²⁵⁷ Hướng dẫn trên là phù hợp với quy định pháp luật có liên quan²⁵⁸ và cần thiết nhằm bảo đảm quyền lợi của khách hàng khi giao dịch với TCTD.

Theo tác giả, nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng chỉ phát sinh khi hợp đồng hình thành và chấm dứt khi hợp đồng chấm dứt. Tuy nhiên, bí mật thông tin của khách hàng có thể phát sinh khi chưa có hợp đồng. Dù rằng, về mặt pháp lý, chưa có một cơ sở nào ràng buộc nghĩa vụ giữ bí mật thông tin trong trường hợp này. Vì đây chưa phải là khách hàng - một bên trong quan hệ giao dịch nhưng các chủ thể này cũng có những thông tin quan trọng cần được pháp luật bảo vệ. Một cá nhân hay một tổ chức tuy chưa từng có giao dịch với TCTD nhưng có thể đến các tổ chức này để xin vay vốn. Khi đó, trong hồ sơ vay vốn của cá nhân hay tổ chức có những thông tin cần phải giữ bí mật với bên thứ ba như tình hình tài chính của cá nhân, doanh nghiệp; dự án đầu tư, phương thức sản xuất, kinh doanh.²⁵⁹ Nếu TCTD và cá nhân hay tổ chức này chưa hoặc không ký kết hợp đồng tín dụng nhưng thông tin này bị TCTD tiết lộ cho đối thủ cạnh tranh thì việc tiết lộ thông tin này có thể gây thiệt hại lớn cho cá nhân, tổ chức ấy. Do đó, việc pháp luật quy định TCTD phải bảo mật thông tin khách hàng cả trong quá trình đề nghị giao kết hợp đồng là cần thiết nhằm bảo vệ quyền lợi của khách hàng.

Theo quy định của Nghị định số 70/2000/NĐ-CP thì các thông tin khách hàng cần phải bảo đảm bí mật gồm: tiền gửi, tài sản gửi của khách hàng; các thông tin liên quan đến tiền gửi của khách hàng bao gồm số hiệu tài khoản, mẫu chữ ký của chủ tài khoản hoặc người được chủ tài khoản ủy quyền, các thông tin về doanh số hoạt động và số dư

²⁵⁷ Khoản 2 Điều 14 Luật các TCTD năm 2010; Khoản 1 Điều 4, Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP

²⁵⁸ Chẳng hạn, Khoản 2 Điều 387 Bộ luật dân sự năm 2015 có quy định: Trường hợp một bên nhận được thông tin bí mật của bên kia trong quá trình giao kết hợp đồng thì có trách nhiệm bảo mật thông tin và không được sử dụng thông tin đó cho mục đích riêng của mình hoặc cho mục đích trái pháp luật khác.

²⁵⁹ Điều 7 và Điều 9 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN Quy định về hoạt động cho vay của TCTD, CNNHN^{Ng} đối với khách hàng.

tài khoản; các thông tin liên quan đến giao dịch gửi, rút tiền, chuyển tiền và tài sản của khách hàng; nội dung các văn bản, giấy tờ, tài liệu; tên và mẫu chữ ký của người gửi tiền và tài sản.²⁶⁰ Như vậy, hướng dẫn hiện hành đã khắc phục được việc quy định phạm vi thông tin khách hàng cần được bảo mật quá hẹp như trước đây.

Ba là, quy định các biện pháp pháp lý để khách hàng có thể bảo vệ quyền lợi của mình khi bị của các chủ thể liên quan làm lộ hoặc cung cấp thông tin khách hàng không đúng thẩm quyền.

Trong quá trình HĐNH, các TCTD nắm giữ rất nhiều thông tin về khách hàng, việc rò rỉ thông tin khách hàng sẽ dẫn đến rất nhiều hệ lụy. Chính vì vậy, việc thiết lập một cơ chế khiếu nại, khởi kiện để bảo đảm việc thực thi quyền được bảo mật thông tin khách hàng trên thực tế, đồng thời tạo ra một cơ chế để kiểm tra, theo dõi các chủ thể có nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng, buộc các chủ thể đó phải thực thi nghĩa vụ bảo mật thông tin của khách hàng mà mình nắm giữ là hết sức cần thiết.

Pháp luật hiện hành ghi nhận rõ quyền khách hàng, trong trường hợp phát hiện thông tin của mình bị rò rỉ, bị TCTD hoặc các chủ thể thứ ba có quyền yêu cầu TCTD cung cấp thông tin khách hàng sử dụng thông tin khách hàng không đúng quy định của pháp luật thì có quyền khiếu nại, khởi kiện, yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.²⁶¹ Quy định này cũng đã tạo cơ sở để khách hàng có thể bảo vệ lợi ích của mình khi thông tin bị tiết lộ.

Bốn là, quy định các chế tài xử lý vi phạm liên quan khi thông tin khách hàng bị tiết lộ không đúng thẩm quyền, cụ thể:

Việc quy định các chế tài xử lý vi phạm là một trong những cách thức bảo đảm thực hiện các quy định pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng mang tính răn đe, trừng phạt đối với người vi phạm. Việc áp dụng các biện pháp này sẽ góp phần ngăn ngừa, hạn chế tình trạng vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin gây tổn hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và sự an toàn của HĐNH.

Theo quy định của pháp luật hiện hành, hành vi vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của TCTD có thể dẫn đến những thiệt hại ở những mức độ khác nhau cho

²⁶⁰ Xem thêm Điều 2 Nghị định 70/2000/NĐ-CP ngày 21/11/2000 của Chính phủ hướng dẫn về việc giữ bí mật, lưu trữ và cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng.

²⁶¹ Điểm b Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP

khách hàng. Chính vì vậy, pháp luật Việt Nam cũng đã quy định các loại chế tài nhằm điều chỉnh các hành vi vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin ấy, cụ thể:

Về chế tài dân sự, BLDS năm 2015 đã quy định chế tài bồi thường do vi phạm nghĩa vụ, cách xác định trách nhiệm dân sự đối với những chủ thể vi phạm.²⁶² Chủ thể gây thiệt hại phải bồi thường cho chủ thể bị thiệt hại theo quy định bồi thường do vi phạm hợp đồng hoặc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Đây là cơ sở để pháp luật ngân hàng quy định nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng của chủ thể nắm giữ thông tin khách hàng nói chung và nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho khách hàng nói riêng.

Về chế tài hành chính, văn bản pháp luật hiện hành về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và HĐNH là Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, tùy thuộc vào tính chất, mức độ vi phạm, người bị vi phạm sẽ bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi lấy cắp, thông đồng để lấy cắp thông tin thẻ của khách hàng.²⁶³ Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp thông tin khách hàng của TCTD, CNNHNNg không đúng quy định của pháp luật; làm lộ, sử dụng thông tin khách hàng của TCTD, CNNHNNg không đúng mục đích theo quy định của pháp luật.²⁶⁴ Nhìn chung, Nghị định số 88/2019/NĐ-CP đã có những quy định lượng hóa mức tiền phạt tương ứng với mức độ vi phạm so với Nghị định 96/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trước đây.

Về chế tài hình sự, BLHS năm 2015 đã có ghi nhận về việc xử lý những hành vi vi phạm quy định tiết lộ thông tin của khách hàng tại Điều 291 về tội thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng có thể bị xử phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, người phạm tội có thể bị phạt tiền đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. Điều 356, Điều 357 quy định về tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn; tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ, Điều 361 về tội cố ý làm lộ bí mật công tác; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật công

²⁶² Điều 351, 361, 364, 584 BLDS năm 2015.

²⁶³ Điểm d Khoản 5 Điều 28, Điểm b Khoản 6 Điều 28 Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019

²⁶⁴ Điểm b, d Khoản 4 Điều 47 số Nghị định số 88/2019/NĐ-CP

tác; Điều 362 về tội vô ý làm lộ bí mật công tác; tội làm mất tài liệu bí mật công tác.

Gần đây nhất, Điều 17 Luật An ninh mạng năm 2018 cũng quy định về phòng chống gián điệp mạng, bảo vệ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư trên không gian mạng. Đồng thời Luật cũng quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực này.

Liên quan đến nội dung này, tham khảo nghiên cứu kinh nghiệm lập pháp một số nước trên thế giới, cho thấy vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng có thể dẫn đến việc áp dụng những chế tài khác nhau. Chẳng hạn, pháp luật của Singapore, vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin khách sẽ bị phạt tiền hoặc phạt tù. Cụ thể Điều 47 Luật Ngân hàng Singapore năm 1970, sửa đổi, bổ sung năm 2018 quy định: người nào vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng có thể bị phạt tù với thời hạn lên đến ba năm và/hoặc có thể bị phạt tới 125.000 đô la Singapore, một số trường hợp khác mức tiền phạt không vượt quá 250.000 đô la Singapore.²⁶⁵

Tại Thụy Sĩ, vi phạm các nghĩa vụ bảo mật thông tin của khách hàng có thể dẫn đến ba loại chế tài: hình sự, dân sự, hành chính. Đối với trách nhiệm hình sự, chủ thể phải chịu trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ bảo mật không chỉ giới hạn ở nhân viên (người phổ biến thông tin) mà còn cả đối với những TCTD (với tư cách là người sử dụng lao động). Pháp luật cũng quy định chế tài ngay cả khi chưa có thiệt hại xảy ra. Cụ thể, người vi phạm sẽ gánh chịu hậu quả là hình phạt tù tới 3 năm (trước đây là không quá sáu tháng hoặc một khoản tiền phạt không quá 50.000 franc Thụy Sĩ (CHF)); nếu vi phạm những nghĩa vụ đã được cam kết với lỗi vô ý thì hình phạt là một khoản tiền với mức phạt lên tới 250.000 CHF (trước đây là không quá 30.000 CHF). Các chế tài này cũng được áp dụng ngay cả sau khi chấm dứt quan hệ chính thức hoặc quan hệ lao động hoặc là sự thực hiện nghiệp vụ (Điều 47, Luật liên bang về Ngân hàng và Ngân hàng tiết kiệm năm 1934, sửa đổi, bổ sung năm 2019). Với quy định này, pháp luật Thụy Sĩ đã xác lập một nghĩa vụ rõ ràng đòi hỏi các TCTD phải quản lý chặt chẽ và giám sát các

²⁶⁵ 47.—(1) Customer information shall not, in any way, be disclosed by a bank in Singapore or any of its officers to any other person except as expressly provided in this Act. [23/2001]....

(5) Any person (including, where the person is a body corporate, an officer of the body corporate) who receives customer information referred to in Part II of the Third Schedule shall not, at any time, disclose the customer information or any part thereof to any other person, except as authorised under that Schedule or if required to do so by an order of court.

(6) Any person who contravenes subsection (1) or (5) shall be guilty of an offence and shall be liable on conviction (a) in the case of an individual, to a fine not exceeding \$125,000 or to imprisonment for a term not exceeding 3 years or to both; or (b) in any other case, to a fine not exceeding \$250,000.

thông tin bí mật được quản lý. Về trách nhiệm dân sự, nhân viên ngân hàng và ngân hàng có thể bị kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại tại tòa dân sự do vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin theo Điều 41 và Điều 49 Luật Thương mại. Theo đó, khách hàng có thể yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi tiết lộ của mình cả trong trường hợp chưa giao kết hợp đồng với ngân hàng hoặc sau khi chấm dứt quan hệ hợp đồng với ngân hàng. Về trách nhiệm hành chính, một nhân viên vi phạm nghĩa vụ bảo mật thì kể cả giám đốc hoặc kiểm toán viên cũng có thể bị chấm dứt hợp đồng. Bên cạnh đó, ngân hàng còn phải đối mặt với hai loại biện pháp hành chính: một là, họ có thể bị rút giấy phép kinh doanh trong lĩnh vực ngân hàng; hai là, họ có thể bị khai trừ ra khỏi Liên đoàn các ngân hàng Thụy Sĩ. Cả hai biện pháp này là động lực mạnh mẽ để ngân hàng thực thi tốt hơn nghĩa vụ giám sát và bảo vệ thông tin bí mật.²⁶⁶

Theo luật pháp của Anh, nếu khách hàng cho rằng thông tin của mình bị sắp bị ngân hàng tiết lộ thì họ có yêu cầu tòa án ban hành một lệnh cấm nếu có bằng chứng cho thấy thông tin của họ sẽ bị tiết lộ. Người bị thiệt hại cũng có thể khiếu nại dân sự về thiệt hại và yêu cầu bồi thường thiệt hại phát sinh.²⁶⁷

Mặc dù không có quy định chế tài hình sự trong việc tiết lộ thông tin của khách hàng, pháp luật Anh cũng quy định không phải mọi vi phạm đối với Luật Bảo vệ dữ liệu của nước này đều là một vi phạm hành chính, trừ trường hợp khi một cá nhân chịu thiệt hại do hành vi tiết lộ thông tin, một hình phạt tài chính sẽ do Cao ủy phụ trách Thông tin ấn định.²⁶⁸

Luật Hình Sự Trung Quốc năm 1979, sửa đổi, bổ sung năm 2011, tại Điều 253 quy định nếu nhân viên của một tổ chức tài chính bán hoặc cung cấp thông tin khách hàng, sẽ bị phạt tù có thời hạn không quá 3 năm, cải tạo lao động hoặc/ và bị phạt tiền.²⁶⁹

Như vậy, pháp luật Việt Nam cũng đã có các chế tài khá nghiêm khắc với các vi phạm liên quan đến nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH.

²⁶⁶ Paolo S. Grassi and Daniele Calvarese (1995), *Tlđđ*, tr. 329 – 372.

²⁶⁷ European Financial market lawyer Group, *Tlđđ*, tr.17.

²⁶⁸ Cao ủy phụ trách Thông tin của Văn phòng là một đơn vị độc lập được thiết lập chủ yếu nhằm bảo vệ dữ liệu riêng tư của cá nhân.

²⁶⁹ Article 253a Criminal Law of the People's Republic of China năm 1979, sửa đổi bổ sung năm 2011, Where any staff member of a state organ or an entity in such a field as finance, telecommunications, transportation, education or medical treatment, in violation of the state provisions, sells or illegally provides personal information on citizens, which is obtained during the organ's or entity's performance of duties or provision of services, to others shall, if the circumstances are serious, be sentenced to fixed-term imprisonment not more than three years or criminal detention, and/or be fined.

Thứ hai, nhận thức của các chủ thể thực thi pháp luật về bảo mật thông tin, về tầm quan trọng và yêu cầu bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khác ngày càng được nâng cao.

Đối với khách hàng, theo thống kê của Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng (CT&BVNTD- Bộ Công Thương) cho biết, trong năm 2019, tổng đài tư vấn, hỗ trợ người tiêu dùng của Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng (thuộc Bộ Công Thương) ghi nhận có 9.295 cuộc gọi đến, trong đó các tổng đài viên của Cục đã tiếp nhận và trả lời 5.186 cuộc gọi, chiếm 55,79%. Ngành hàng bị khiếu nại nhiều nhất là tài chính, bảo hiểm, ngân hàng (chiếm 41%). Phân chia theo hành vi khiếu nại, chiếm tỷ lệ cao nhất trong số các nhóm hành vi bị khiếu nại là bảo vệ thông tin của người tiêu dùng (34%). Trong đó, nội dung khiếu nại chủ yếu tập trung vào việc doanh nghiệp thu thập trái phép thông tin của người tiêu dùng, không ghi nhận yêu cầu chỉnh sửa thông tin của người tiêu dùng, dẫn tới việc tiếp tục sử dụng thông tin của người tiêu dùng vào các mục đích xâm phạm quyền lợi của người tiêu dùng. Điều này cho thấy, ý thức của khách hàng trong việc bảo mật thông tin của mình đã được nâng cao.

Về phía các TCTD, các TCTD đều đã xây dựng, công bố, sửa đổi, bổ sung các quy định, quy chế về quản lý, sử dụng tài liệu bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh, bảo mật thông tin khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật. Đồng thời, các ngân hàng đều đang áp dụng nhiều biện pháp nghiệp vụ khác nhau để giám sát và phát hiện kịp thời các giao dịch gian lận, hạn chế rủi ro trong quá trình giao dịch của khách hàng. Công tác tuyên truyền, giải thích, hướng dẫn, cảnh báo các rủi ro luôn được chú trọng.

Các thiết chế bên trong bảo đảm thực thi trách nhiệm bảo mật thông tin khách hàng là Hệ thống kiểm soát nội bộ (HTKSNB)²⁷⁰ và Kiểm toán nội bộ (KTNB)²⁷¹ của

²⁷⁰ *Kiểm soát nội bộ* là việc kiểm tra, giám sát đối với các cá nhân, bộ phận trong việc thực hiện cơ chế, chính sách, quy định nội bộ, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, văn hóa kiểm soát nhằm kiểm soát xung đột lợi ích, kiểm soát rủi ro, đảm bảo hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đạt được các mục tiêu đề ra đồng thời tuân thủ quy định của pháp luật (Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 Quy định về Hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực vào 1/1/2019).

HTKSNB là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của TCTD, CNNHNNg được xây dựng phù hợp với hướng dẫn của NHNN và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra (Khoản 1, Điều 40 Luật các TCTD năm 2010)

Hoạt động của HTKSNB là một phần không tách rời các hoạt động hằng ngày của TCTD, CNNHNNg. Kiểm soát nội bộ được thiết kế, cài đặt, tổ chức thực hiện ngay trong mọi quy trình nghiệp vụ tại tất cả các đơn vị, bộ phận của TCTD, CNNHNNg dưới nhiều hình thức... (Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 44/2011/TT-NHNN ngày 29/12/2011 Quy định về Hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ của TCTD, CNNHNNg).

²⁷¹ Khoản 2, Điều 3 Thông tư 44/2011/TT-NHNN ngày 29/12/2011 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ của TCTD, CNNHNNg).

TCTD và thiết chế bên ngoài là cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng²⁷² không ngừng được củng cố và hoàn thiện.

Mục đích của hoạt động kiểm soát nội bộ; thanh tra, giám sát ngân hàng nhằm góp phần bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra²⁷³; bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hệ thống các TCTD và hệ thống tài chính; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền và khách hàng của TCTD; duy trì và nâng cao lòng tin của công chúng đối với hệ thống các TCTD; bảo đảm việc chấp hành chính sách, pháp luật về tiền tệ và ngân hàng; góp phần nâng cao hiệu quả và hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.²⁷⁴

Tóm lại, thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH đã đạt được một số thành tựu nhất định trong việc bảo mật thông tin khách hàng. Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong xây dựng, gìn giữ niềm tin của khách hàng, góp phần tích cực cho sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam trong thời gian vừa qua. Tuy vậy, nhìn một cách tổng thể, có thể nói pháp luật ngân hàng vẫn chưa phát huy hết vai trò điều chỉnh của mình trong việc bảo mật thông tin khách hàng, cụ thể dưới đây.

4.3.2. Bất cập, hạn chế trong thực thi pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng

Một là, hoạt động ban hành các VBQPPL điều chỉnh pháp lý về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH.

- *Các quy định về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH bị phân hóa, chưa mang tính hệ thống.*

Pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH đã quy định rõ nguyên tắc ADPL và phân hoá phạm vi điều chỉnh bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH theo hướng: việc giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của TCTD, CNNHN thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.²⁷⁵ Đối với việc giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của các TCTD khi i) thông tin đó thuộc danh mục bí mật nhà nước, ii) cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, iii) cho cơ quan, tổ chức, cá nhân để sử dụng vào

²⁷² Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng là đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của NHNN, thực hiện nhiệm vụ thanh tra, giám sát ngân hàng, phòng, chống rửa tiền (khoản 1 Điều 49 Luật NHNNVN năm 2010)

²⁷³ Điều 3 Thông tư số 44/2011/TT-NHNN ngày 29/12/2011

²⁷⁴ Điều 50 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

²⁷⁵ Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP

mục đích phòng, chống rửa tiền; phòng, chống khủng bố, sẽ theo quy định pháp luật có liên quan.²⁷⁶

Có thể nhận thấy, một mặt việc phân hoá phạm vi điều chỉnh như hướng dẫn trên là cần thiết nhằm bảo đảm được tính ổn định của quan hệ pháp luật được Nghị định này điều chỉnh. Mặt khác, việc phân hóa như vậy sẽ giúp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp tục nghiên cứu và điều chỉnh những quan hệ xã hội đang và sẽ phát sinh. Bởi lẽ, thông tin bí mật trong lĩnh vực ngân hàng rất phong phú và đa dạng; vấn đề bảo mật thông tin khách hàng của các TCTD cũng liên quan đến rất nhiều lĩnh vực pháp luật khác nhau. Đồng thời, trong xu thế hội nhập quốc tế, pháp luật Việt Nam cũng sẽ phải có những thay đổi phù hợp với những vấn đề mang tính toàn cầu như trốn thuế, rửa tiền, tài trợ khủng bố²⁷⁷... Song, rõ ràng là việc điều chỉnh pháp luật đối với nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng được phân hóa và quy định tại nhiều văn bản khác nhau như vậy sẽ rất khó cho việc tìm hiểu và vận dụng pháp luật để bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng.

- Cơ chế xác định trách nhiệm của tổ chức chuyên môn được TCTD thuê hoặc hợp tác với TCTD cung cấp dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của các TCTD vẫn chưa xác định rõ ràng.

Pháp luật hiện hành quy định TCTD sử dụng dịch vụ công nghệ thông tin của bên thứ ba phục vụ cho hoạt động kinh doanh của mình thì trách nhiệm của TCTD trong việc bảo đảm an toàn thông tin không thay đổi.²⁷⁸ Tuy nhiên, thực tiễn thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng có nhiều bất cập, hạn chế. Chẳng hạn, khi sử dụng các giao dịch trực tuyến, ngân hàng số,... sử dụng các dịch vụ trên môi trường mạng Internet, người sử dụng sẽ phải kê khai các thông tin cá nhân - những thông tin này gắn với việc xác định rõ ràng danh tính, nhân thân của một con người cụ thể, nhằm phân biệt người này với người khác. Dù rằng, pháp luật đã có những quy định về nghĩa vụ bảo mật thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của TCTD là theo hợp đồng đã ký kết với các TCTD nhưng nếu bí mật thông tin khách hàng bị chủ thể thứ ba tiết lộ trong quá trình này thì trách nhiệm của các TCTD - với tư cách là một

²⁷⁶ Khoản 2, 3 Điều 1 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP

²⁷⁷ Luật các TCTD năm 2010 đã ghi nhận trách nhiệm của các TCTD trong việc phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố (Điều 11)

²⁷⁸ Khoản 3 Điều 31 Thông tư số 18/2018/TT-NHNN quy định về an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng

chủ thể trực tiếp trong hợp đồng cung cấp dịch vụ cho khách hàng sẽ phải chịu trách nhiệm đến đâu, như thế nào lại chưa thấy đề cập; trách nhiệm của các bên liên quan khi cung cấp các dịch vụ trên môi trường mạng khi thiệt hại do rò rỉ thông tin khách hàng cũng không được quy định chi tiết.

Trong mỗi quan hệ ba bên này, nếu thông tin khách hàng bị rò rỉ, bị tiết lộ thì TCTD là chủ thể phải chịu trách nhiệm trực tiếp trước khách hàng; tổ chức cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin cho TCTD chịu trách nhiệm theo hợp đồng đã ký kết với TCTD. Tuy nhiên, trong các vụ rò rỉ thông tin của khách hàng vừa qua, phía ngân hàng cho rằng hệ thống mã PIN (Personal Identification Number - mã số định danh cá nhân, dùng để xác nhận người dùng) được xây dựng và hoạt động dựa trên các thiết bị đảm bảo bí mật bằng phần cứng, không có sự can thiệp của nhân viên ngân hàng.²⁷⁹ Khi đó, bất kỳ giao dịch nghi ngờ nào đều do lỗi từ phía khách hàng.²⁸⁰

- Chưa quy định rõ cơ chế giải quyết khi có mâu thuẫn trong việc yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng.

Trường hợp giữa TCTD và khách hàng có bất đồng về việc cung cấp thông tin cho tổ chức, cá nhân khác thì sẽ được giải quyết theo cơ chế pháp lý nào? Ví dụ, thời hạn cung cấp thông tin là theo yêu cầu của khách hàng, theo quy định trong quy chế nội bộ của TCTD, theo quy định của pháp luật hay theo sự thỏa thuận giữa hai bên?

Bên cạnh đó các quy định cần hướng dẫn chi tiết hơn trường hợp nào, hình thức nào được coi là có sự chấp thuận của khách hàng để các TCTD có thể cung cấp thông tin cho các chủ thể có liên quan mà không vi phạm quyền của khách hàng cũng như có thể bảo vệ nhân viên trong trường hợp cung cấp thông tin khách hàng khi được khách hàng yêu cầu bằng lời nói hoặc thông qua các thông điệp dữ liệu. Việc này tạo điều kiện thuận lợi hơn trong việc giải quyết các tranh chấp phát sinh sau này.

Đối với trường hợp TCTD cung cấp thông tin cho chính khách hàng, pháp luật chưa quy định rõ như thế nào là thỏa thuận (hình thức cung cấp, nội dung mà khách hàng yêu cầu TCTD cung cấp và cách thức xử lý nếu yêu cầu cung cấp thông tin của khách hàng không phù hợp với quy định trong quy chế nội bộ của TCTD đó).

²⁷⁹ Thanh Lan, *Bổng dưm mất nửa tỷ trong tài khoản sau một đêm*, Tlđđ Nguyễn Thơm, *Mất 26 tỷ trong tài khoản: Khách hàng có còn niềm tin?*, Tlđđ

²⁸⁰ Chẳng hạn, lý do khách hàng vô tình để lộ thông tin tài khoản (Khánh Huyền, *Mất nửa tỷ đồng trong tài khoản VCB: Có nên chia lỗi và trách nhiệm?*)

Hai là, các thiết chế bảo đảm việc thực thi pháp luật bảo mật thông tin khách hàng thời gian qua chưa làm tốt hoạt động phòng ngừa, ngăn chặn và phát hiện kịp thời sai phạm liên quan đến nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng.

Dù KSNB được thiết kế, cài đặt, tổ chức thực hiện ngay trong mọi quy trình nghiệp vụ tại tất cả các đơn vị, bộ phận của TCTD, CNNHNNG dưới nhiều hình thức khác nhau. Đó không chỉ là hoạt động được thực hiện bởi các trưởng phòng, ban giám đốc...những người có trách nhiệm kiểm soát mà tất cả nhân viên trong ngân hàng, cho đến các quy trình, thiết bị giám sát, văn bản, chế độ, cơ cấu tổ chức...đều đang hàng ngày, hàng giờ làm nhiệm vụ kiểm soát, tự kiểm soát và kiểm soát lẫn nhau nhưng hoạt động này thời gian qua cho thấy những người có trách nhiệm kiểm soát, nhân viên trong ngân hàng đã không tuân thủ các nguyên tắc bảo mật thông tin khách hàng trong HTKSNB, chưa phát huy vai trò trong việc ngăn ngừa những sai phạm trong hoạt động của các TCTD.

Đối với hoạt động thanh tra, giám sát lĩnh vực tài chính - ngân hàng thời gian vừa qua cũng chưa thực sự chặt chẽ và hiệu quả chưa cao, vẫn còn hạn chế trong việc phát hiện và xử lý các hành vi tiêu cực và tội phạm, việc thông tin khách hàng bị rò rỉ, bị mất cắp, bị chiếm đoạt vẫn xảy ra khá phổ biến trong thời gian qua mà không có vụ việc nào được Cơ quan Thanh tra giám sát NHNN phát hiện và xử lý.

Ba là, quy định về giải quyết khiếu nại của khách hàng vẫn còn chung chung gây khó khăn trong việc thực hiện quyền được khiếu nại của khách hàng

Một trong những trách nhiệm của TCTD là giải quyết khiếu nại của khách hàng. Có thể nói rằng, đây là một trong những quy định quan trọng nhất để bảo vệ quyền lợi của khách hàng. Bởi, điều này không chỉ giúp khách hàng có thể thực hiện việc bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi bị xâm hại, mà nó còn thể hiện trách nhiệm của các TCTD cũng như của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của khách hàng. Tuy nhiên, những quy định về giải quyết khiếu nại trong các quy định của pháp luật hiện hành chưa đáp ứng được những yêu cầu trên thực tế và gây nhiều khó khăn cho khách hàng trong quá trình khiếu nại. Cụ thể:

i) Các quy định của pháp luật hiện hành chưa quy định trình tự, thủ tục cũng như thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

ii) Các văn bản pháp luật hiện hành mới chỉ quy định chung chung, mang tính nguyên tắc: TCTD có trách nhiệm “*giải quyết khiếu nại của khách hàng trong việc cung cấp thông tin khách hàng theo quy định của pháp luật; tổ chức giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm quy định nội bộ về giữ bí mật, lưu trữ, cung cấp thông tin khách hàng*”²⁸¹ nhưng chưa quy định rõ quy trình, trách nhiệm tiếp, xử lý, giám sát các trường hợp TCTD, cơ quan nhà nước có thẩm quyền vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng; chưa xác định những trường hợp cụ thể nào thuộc thẩm quyền giải quyết khiếu nại của TCTD,²⁸² trường hợp nào thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan nhà nước khác, ví dụ các cơ quan bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng. Cơ chế giám sát và xử lý việc thực hiện các quy định này như thế nào.... Tất cả những điều này đang chờ một quy định rõ ràng, cụ thể.

Bốn là, chưa quy định cụ thể về hành vi vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng cũng như chế tài xử lý

Các văn bản pháp luật mới chỉ đưa ra quy định rất chung mang tính nguyên tắc. Luật NHNNVN năm 2010 và Luật các TCTD năm 2010 đều ghi nhận nghĩa vụ giữ bí mật thông tin về khách hàng và các chế tài mà các TCTD sẽ gánh chịu tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm: bị xử lý kỷ luật, phạt vi phạm hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự, phải bồi thường thiệt hại. Trong khi đó, các văn bản pháp luật liên quan còn thiếu những quy định cụ thể về hành vi vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng cũng như chế tài xử lý. Điều này đã khiến cho việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật bảo mật thông tin khách hàng còn nhiều khó khăn.

Một là, quy định mức xử lý vi phạm hành chính trong về hành vi cung cấp, tiết lộ thông tin liên quan khách hàng còn chồng chéo, chẳng hạn đối với Nghị định số 88/2019/NĐ-CP quy định mức phạt đối với hành vi cung cấp thông tin khách hàng của TCTD, CNNHN không đúng quy định của pháp luật; làm lộ, sử dụng thông tin khách hàng của TCTD, CNNHN không đúng mục đích theo quy định của pháp luật cao nhất là đến 40.000.000 đồng. Song theo Nghị định số 185/2013/NĐ-CP về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm

²⁸¹ Điểm c, d Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP

²⁸² Bởi hiện nay pháp luật quy định TCTD, CNNHN có trách nhiệm giải quyết khiếu nại của khách hàng trong việc cung cấp thông tin khách hàng theo quy định của pháp luật (Điểm c Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP)

và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thì tại Điều 65 quy định hành vi vi phạm về bảo vệ thông tin của người tiêu dùng sẽ bị phạt tiền từ 10 - 20 triệu đồng

Hai là, quy định chế tài đối với những hành vi vi phạm nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin của khách hàng trong Bộ luật hình sự chưa rõ ràng, cụ thể, chưa dự liệu được các hành vi vi phạm thông tin bí mật của khách hàng, chế tài tương xứng với các hành vi vi phạm ấy. Bộ luật hình sự chỉ quy định chế tài liên quan đến việc cung cấp, trao đổi, mua bán thông tin về tài khoản của khách hàng, vậy việc cung cấp các thông tin khác của khách hàng như khách hàng vay, khách hàng cung ứng dịch vụ thanh toán, khách hàng thuê mua tài chính... thì xử lý như thế nào thì hầu như chưa được ghi nhận cụ thể. Thêm vào đó, các thông tư như: Thông tư số 36/2012/TT-NHNN quy định về trang bị, quản lý, vận hành và đảm bảo an toàn hoạt động của máy giao dịch tự động, Thông tư số 20/2016/TT-NHNN về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2012/TT-NHNN ngày 28/12/2012 quy định về trang bị, quản lý, vận hành và đảm bảo an toàn hoạt động của máy giao dịch tự động và Thông tư số 39/2014/TT-NHNN ngày 11/12/2014 hướng dẫn về dịch vụ trung gian thanh toán, Thông tư số 47/2014/TT-NHNN quy định các yêu cầu kỹ thuật về an toàn bảo mật đối với trang thiết bị phục vụ thanh toán thẻ ngân hàng, chưa đề cập đến việc xử phạt hay những biện pháp xử lý khi các TCTD vi phạm hoặc làm sai những gì đã quy định và hướng dẫn. Ngoài ra, nếu văn bản pháp luật của NHNN có đề cập thì chỉ dừng ở mức khá chung, chưa đi vào chi tiết. Điều 28 Luật các TCTD năm 2010 cũng chỉ quy định, Ngân hàng Nhà nước sẽ thu hồi Giấy phép hoạt động trong trường hợp “TCTD, CNHNHNg không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ quyết định xử lý của Ngân hàng Nhà nước để đảm bảo an toàn trong HĐNH” mà chưa đề cập chi tiết về xử lý vi phạm khi bảo mật thông tin khách hàng bị xâm phạm do lỗi của bên TCTD.

Ba là, chưa quy định rõ ràng cơ chế để khách hàng có thể bảo vệ mình trong trường hợp có vi phạm xảy ra. Đây là nội dung quan trọng bởi nếu pháp luật chỉ ghi nhận quyền được bảo đảm bí mật thông tin khách hàng, nhưng khách hàng không biết phải làm thế nào trong trường hợp quyền của mình bị xâm phạm thì đó cũng chỉ là một quy định mang tính chất nửa vời. Cụ thể, pháp luật ngân hàng chưa quy định về việc cơ chế xác minh, trình tự, thủ tục để khách hàng có thể thực hiện quyền của mình khi bị các chủ thể nắm giữ thông tin vi phạm, bởi trong nhiều trường hợp, các khách hàng nhận thấy

rằng quyền được bảo đảm bí mật thông tin của mình đang bị xâm phạm, nhưng không thể xác định chính xác chủ thể xâm phạm là ai, chẳng hạn như việc trao đổi thông tin qua giữa các TCTD, qua các cơ quan thông tin tín dụng, giữa các tổ chức cung cấp phương tiện thanh toán và tổ chức cung cấp dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của TCTD... để thực hiện các biện pháp bảo vệ hoặc khởi kiện. Hơn nữa, để yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ quyền được bảo đảm bí mật thông tin của mình, khách hàng phải đưa ra chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình nhưng với những trường hợp như vậy khách hàng sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc cung cấp các chứng cứ.

Tóm lại, việc thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH đã được quan tâm trong thực tiễn, đó không chỉ là nghĩa vụ của TCTD, của khách hàng, mà còn là trách nhiệm của Chính phủ, NHNN Việt Nam, các chủ thể thứ ba khác có được thông tin khách hàng do hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp, hoạt động công vụ. Có thể đánh giá hoạt động thực thi pháp luật bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH đã góp phần quan trọng trong việc bảo vệ quyền được bảo mật thông tin của khách hàng ngân hàng. Tuy nhiên, các hạn chế liên quan đến các quy định pháp luật điều chỉnh pháp luật bảo mật thông tin khách hàng như đề cập trên. Bên cạnh đó, pháp luật bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH cũng chưa đề cập đến những thay đổi của xu thế thế giới về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH. Đồng thời, sự thiếu vắng các quy định nội bộ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng; cũng như chưa theo kịp sự phát triển của công nghệ ngân hàng là những thách thức đặt ra trong giai đoạn hiện nay.

4.4. Định hướng và giải pháp bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng ở Việt Nam

4.4.1. Định hướng liên quan đến bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng

Một là, thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH cần quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam

Có thể nói, đường lối chính trị của đảng cầm quyền có ý nghĩa chỉ đạo trong việc xây dựng pháp luật, tuyên truyền, giáo dục pháp luật. Pháp luật làm cho đường lối, chính

sách của Đảng thành ý chí chung, thành ý chí của Nhà nước.²⁸³ Thực tiễn xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Việt Nam trong thời gian vừa qua đã cho thấy những chủ trương, đường lối và chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước làm tiền đề quan trọng cho việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Cùng với việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, nhiều văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đã tạo ra khung pháp lý quan trọng nhất cho sự vận hành nền kinh tế thị trường, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong nền kinh tế, tạo lập môi trường pháp lý an toàn và hiệu quả cho các hoạt động kinh doanh, trong đó có HĐNH.

Thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH cần giải quyết được vấn đề hài hòa giữa quyền, lợi ích giữa các chủ thể tham gia vào quan hệ pháp luật bảo mật thông tin khách hàng, bảo đảm cho hoạt động kinh doanh ngân hàng an toàn và hiệu quả cũng như bảo đảm cho yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm. Bởi lẽ, nếu vì lợi ích của khách hàng, lợi ích của các TCTD mà nhà nước quy định quá khắt khe về bảo mật thông tin thì sẽ ảnh hưởng không tốt cho hoạt động thực thi pháp luật và đấu tranh phòng chống tội phạm có liên quan đến HĐNH. Hoặc nếu để phục vụ cho hỗ trợ tư pháp và thực thi pháp luật mà quy định buộc các TCTD phải cung cấp thông tin khách hàng cho những chủ thể liên quan trong những trường hợp mà không quy định rõ giới hạn và thủ tục cung cấp thông tin khách hàng thì sẽ làm ảnh hưởng đến quyền của khách hàng, kéo theo hệ lụy là hoạt động kinh doanh của ngân hàng sẽ gặp khó khăn, không bảo đảm được hiệu quả, ổn định của HĐNH.

Như vậy, câu hỏi được đặt ra là việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng cần căn cứ vào yếu tố nào để vừa đảm bảo quyền, lợi ích giữa các chủ thể tham gia vào quan hệ xã hội trong HĐNH mà cũng vừa thực hiện kinh doanh ngân hàng an toàn và hiệu quả; bảo đảm cho yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm?

Để giải quyết vấn đề này, cần dựa vào nguyên lý công bằng của pháp luật. *Trước hết*, nguyên lý công bằng của pháp luật đòi hỏi việc xây dựng, thực hiện và bảo vệ pháp luật phải công bằng, không được thiên vị hay chỉ dựa vào lợi ích của một (hoặc một nhóm) chủ thể nào đó, mà phải dựa vào lợi ích toàn cục, phải tối ưu hóa mọi lợi ích của

²⁸³ Nguyễn Cửu Việt (Chủ biên, 2001), *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr 218

chủ thể có liên quan. Pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH cần hoàn thiện theo hướng này. Điều đó có nghĩa là, pháp luật cần bảo đảm vai trò của mình trong việc tạo lập cơ sở pháp lý vững chắc cho việc thực hiện việc bảo đảm quyền lợi của khách hàng và thúc đẩy hiệu quả kinh doanh của các TCTD. Cụ thể là nếu các TCTD không thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn, bảo mật thông tin khách hàng thì phải phát hiện, cảnh báo và xử lý ngay và nghiêm, không bao che, dung túng. Bên cạnh đó, pháp luật cần bảo vệ quyền lợi của khách hàng, vì nếu không bảo vệ được khách hàng, thì không huy động được vốn nhàn rỗi từ dân chúng, không thể thực hiện HĐNH. Mặt khác, pháp luật cần tạo lập cơ sở pháp lý để phục vụ cho hoạt động tư pháp và thực thi pháp luật; tạo điều kiện hợp tác quốc tế trong cuộc chiến chống tội phạm xuyên biên giới và các vi phạm quy định về thuế thông qua việc quy định rõ ràng phạm vi thông tin cần yêu cầu cung cấp, trình tự thủ tục yêu cầu cung cấp nhằm tránh sự lạm quyền trong yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng làm ảnh hưởng đến quyền lợi khách hàng cũng như hoạt động bình thường của TCTD. Muốn vậy, trong quá trình xây dựng và hoàn thiện cơ chế pháp lý về bảo mật thông tin khách hàng cần có sự tham gia của nhiều chủ thể, phải có cơ chế giải trình, kiểm tra, giám sát và đảm bảo công khai và minh bạch.

Thứ hai, bảo đảm sự phù hợp trong việc điều chỉnh bằng pháp luật đối với bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH. Có ba vấn đề cơ bản liên quan đến nội dung này:

i) Pháp luật cần thiết phải xác định cụ thể các trường hợp mà các TCTD được phép cung cấp thông tin khách hàng; vượt quá giới hạn đó là vi phạm và cần xử lý. Nói khác đi, là phải quy định thông qua những quy phạm cấm đoán, nêu rõ những nội dung nào TCTD không được thực hiện, những gì TCTD phải thực hiện để bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin khách hàng và chế tài cụ thể kèm theo.

ii) Xây dựng cơ chế bảo vệ quyền lợi của khách hàng của các TCTD khi thông tin của họ bị cung cấp không đúng quy định của pháp luật.

iii) Tăng cường các biện pháp thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin của khách hàng.

Thứ ba, bảo đảm thực thi pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong HĐNH phải phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam và các cam kết quốc tế.

Hầu hết các nước đều thừa nhận rằng thông tin khách hàng do các TCTD nắm giữ phải được bảo vệ khỏi tiết lộ ở một mức độ nào đó. Ranh giới của sự bảo vệ này đã thay đổi trong thập kỷ qua và khi thế giới đã tăng cường cuộc chiến chống lại hoạt động tội phạm quốc tế, đặc biệt là rửa tiền, tài trợ khủng bố và trốn thuế thì một điểm chung của các biện pháp được thực hiện là trao đổi rộng rãi chế độ thông tin ngân hàng. Nhiều nước trên toàn thế giới đang sửa đổi luật pháp của mình theo hướng tăng cường tiết lộ và minh bạch thông tin khách hàng để tuân thủ các áp lực quốc tế này.

Thời gian qua, không chỉ quốc tế mà ngay tại Việt Nam, dư luận đặc biệt quan tâm tới vụ việc “Hồ sơ Panama”. Theo thông tin sơ bộ, có 185 địa chỉ được cho là ở Việt Nam. Trong một diễn biến khác có liên quan, “Báo cáo tháng 12/2015 của Global Financial Integrity (GFI) có tên Luồng tài chính phi pháp từ các quốc gia đang phát triển: 2004-2013 của 2 tác giả Dev Kar và Joseph Spanjers cho thấy các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi đã thất thoát tổng cộng 7.800 tỷ USD từ các luồng tài chính phi pháp (chuyển tiền phi pháp từ trong nước ra nước ngoài) trong giai đoạn từ năm 2004 đến năm 2013. Với những diễn biến kể trên, để không trở thành điểm nóng của tội phạm rửa tiền trong cách nhìn nhận, đánh giá của cộng đồng quốc tế, Việt Nam cần hiểu chính xác và đảm bảo thực thi hiệu quả các tiêu chuẩn của thế giới về vấn đề này.²⁸⁴ Do đó pháp luật ngân hàng cần xây dựng và hoàn thiện cơ sở pháp lý vững chắc để có thể vừa bảo đảm được lợi ích của các bên trong quan hệ với TCTD, vừa bảo đảm lợi ích của quốc gia trong bối cảnh hội nhập sâu rộng như hiện nay.

4.4.2. Giải pháp bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng

4.4.2.1. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng

Một là, tiếp tục nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng; tham khảo kinh nghiệm của một số quốc gia có những quy định về vấn đề này, từ đó xây dựng khung khổ pháp lý bảo mật thông tin khách hàng, khi TCTD thực hiện nghĩa vụ cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cho cơ quan, tổ chức, cá nhân để sử dụng vào mục đích phòng, chống rửa tiền; phòng, chống

²⁸⁴ Nguyễn Minh Hằng, Hoàng Minh Thái (2016), *Phòng chống rửa tiền trong điều kiện hội nhập quốc tế và yêu cầu hoàn thiện pháp luật*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số T6 (291)

khủng bố,²⁸⁵ bảo đảm cân bằng lợi ích của khách hàng, lợi ích của các TCTD và lợi ích của quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu, rộng như hiện nay tại Việt Nam.

Hai là, tiếp tục rà soát các quy định hiện hành về pháp luật bảo mật thông tin của khách hàng, qua đó sửa đổi những quy định còn chồng chéo hoặc không còn phù hợp để hoàn thiện các quy định pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH cho đồng bộ, nhất quán với các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Ba là, phối hợp với các bộ, ngành liên quan rà soát và cụ thể hóa các trường hợp tổ chức, cá nhân được quyền yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng, từ đó cụ thể hóa các trường hợp được yêu cầu cung cấp thông tin; trường hợp cấm, hạn chế cung cấp thông tin khách hàng nhằm bảo đảm thuận lợi trong việc quản lý và thực thi pháp luật của các TCTD, bảo đảm quyền được bảo mật thông tin của khách hàng (có thể tham khảo pháp luật của Singapore về cách thức thể hiện như trong Phụ lục thứ ba của Luật Ngân hàng Singapore năm 1970, sửa đổi, bổ sung năm 2018).

Bốn là, hướng dẫn cụ thể hơn nghĩa vụ bảo mật thông tin liên quan đến chủ thể là đối tác của khách hàng. Đây là nhóm chủ thể có nhiều thông tin cần được bảo mật nhưng lại không tồn tại bất cứ một giao dịch nào giữa họ với các TCTD. Do vậy, nếu pháp luật không có sự ghi nhận quyền được bảo mật thông tin của nhóm chủ thể này thì sẽ khó buộc các TCTD chịu trách nhiệm khi tổ chức này tiết lộ thông tin của họ.

Năm là, cần hướng dẫn rõ ràng quy định TCTD được phép cung cấp thông tin khách hàng cho nội bộ của TCTD. Điều này cũng có thể ảnh hưởng đến quyền được bảo mật thông tin của khách hàng. Luật các TCTD có quy định trường hợp này nhưng Nghị định số 117/2018/NĐ-CP đã không đề cập đến. Về nội dung này, theo tác giả, pháp luật cần quy định cụ thể những thông tin khách hàng mà TCTD được cung cấp, dữ liệu trường hợp TCTD cung cấp thông tin khách hàng như: khi TCTD này sáp nhập hoặc đề xuất sáp nhập với TCTD khác. Quy định rõ thông tin về tiền gửi, tài sản gửi... mà CNNHNNg được cung cấp cho ngân hàng mẹ vì mục đích quản lý rủi ro hoặc kiểm toán nội bộ.

Ngoài ra, khi TCTD thực hiện việc cung cấp thông tin khách hàng cho công ty thông tin tín dụng hoặc các thỏa thuận cung cấp thông tin khác, nếu TCTD thiết kế điều khoản điều kiện đồng ý cung cấp thông tin khách hàng, cần phải giải thích rõ với khách

²⁸⁵ Khoản 2, 3, 4 Điều 1 Nghị định số 117/2018/NĐ-CP

hàng phạm vi của điều khoản đồng ý, bảo đảm rằng khi khách hàng lựa chọn đồng ý là ý chí thực sự của khách hàng.

Sáu là, rà soát, bổ sung các chế tài nhằm xử lý các hành vi vi phạm nghĩa vụ bảo mật các thông tin khách hàng khác của khách hàng. Cụ thể là:

- Rà soát, sửa đổi nhằm tạo sự thống nhất liên quan đến mức xử lý vi phạm hành chính về bảo mật thông tin khách hàng trong Nghị định số 88/2019/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng và Nghị định số 185/2013/NĐ-CP về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

- Bổ sung các chế tài hình sự nhằm xử lý các hành vi vi phạm nghĩa vụ bảo mật các thông tin khác của khách hàng như thông tin liên quan đến việc chứng minh phương án sử dụng vốn khả thi, khả năng tài chính, các báo cáo hàng quý, năm về tình hình sản xuất kinh doanh.. mà khách hàng đã cung cấp cho các TCTD, chứ không chỉ là thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi như đề cập trên.

- Khung pháp lý cho việc xử lý tội phạm công nghệ cao đã có, nhưng mới ở bước sơ khai, chưa hoàn thiện. Do đó, việc quy định đầy đủ, cụ thể trong luật và văn bản hướng dẫn thi hành là những bảo đảm rất quan trọng để các chủ thể biết và thực hiện; đồng thời tránh được sự tùy tiện trong quá trình thực thi pháp luật. Như vậy, để TCTD tuân thủ nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng cần có hệ thống quy phạm pháp luật ngân hàng rõ ràng, minh bạch, cụ thể để dễ dàng vận dụng. Các văn bản pháp luật và hướng dẫn thi hành nhất thiết phải thống nhất và không nên chỉ quy định có tính chất định khung mà cần bảo đảm yếu tố định lượng rõ ràng, cụ thể. Chẳng hạn, quy định cụ thể mức phạt, mức độ bồi thường trong trường hợp TCTD vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng mà mình đã cam kết hoặc theo luật định, các trường hợp để lộ bí mật thông tin khách hàng hoặc không tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về công nghệ thông tin dù cố ý hay vô ý là cần thiết. Những sai phạm trong quản lý, vận hành và bảo đảm an toàn hoạt động của các máy giao dịch tự động cũng cần phải có chế tài cụ thể.

4.4.2.2. Xây dựng cơ chế bảo vệ quyền lợi của khách hàng khi thông tin của họ bị cung cấp không đúng quy định của pháp luật

Để quyền lợi của khách hàng khi thông tin của họ bị cung cấp không đúng quy định của pháp luật thì pháp luật phải quy định một cơ chế riêng để bảo vệ quyền lợi của

khách hàng. Bởi trong nhiều trường hợp, khách hàng nhận thấy rằng quyền được bảo mật thông tin của mình đang bị xâm phạm, nhưng không thể xác định chính xác chủ thể xâm phạm là ai, chẳng hạn như việc trao đổi thông tin giữa các TCTD với nhau, cung cấp thông tin khách hàng các cơ quan thông tin tín dụng (việc cung cấp thông tin cho cơ quan thông tin tín dụng có sai sót dẫn đến việc khách hàng không được TCTD khác cấp tín dụng), giữa các tổ chức cung cấp phương tiện thanh toán và tổ chức cung cấp dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của TCTD...thì khách hàng sẽ áp dụng các biện pháp khiếu nại, khởi kiện hoặc yêu cầu bồi thường thiệt hại ra sao.

Hơn nữa, để yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ quyền được bảo mật thông tin của mình, khách hàng phải đưa ra chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình nhưng với những trường hợp như vậy khách hàng sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc cung cấp các chứng cứ. Do đó việc quy định rõ ràng, cụ thể cơ chế bảo vệ quyền lợi của khách hàng của các TCTD khi thông tin của họ bị cung cấp không đúng quy định của pháp luật là điều cần thiết. Cụ thể:

- TCTD phải xây dựng một quy trình giải quyết khiếu nại và công bố chính thức trên website của các TCTD bằng ngôn ngữ đơn giản, quy định các bước chính của trình tự khiếu nại, trong đó quy định rõ thời hạn xử lý và trả lời. Có thể gồm những nội dung sau: i) Các nguyên tắc giải quyết khiếu nại. ii) Chính sách xử lý phản nàn, khiếu nại của khách hàng. iii) Quá trình giải quyết khiếu nại. Quá trình giải quyết khiếu nại của khách hàng của các TCTD cũng cần được giám sát bởi cơ quan giám sát Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Các thủ tục khiếu nại nội bộ này được coi là cơ chế đầu tiên mà khách hàng có thể áp dụng để bảo vệ quyền lợi của mình. Việc giải quyết khiếu nại theo biện pháp đầu tiên nếu thực hiện tốt sẽ cải thiện được mối quan hệ khách hàng, tăng sự tin tưởng vào hệ thống ngân hàng và giảm bớt sự xét xử.

- Trong trường hợp việc giải quyết khiếu nại không đạt được kết quả, pháp luật cũng nên thiết lập một hệ thống giải quyết khiếu nại độc lập để giải quyết các khiếu nại của khách hàng trong HĐNNH. Chẳng hạn, quy định cho một thanh tra viên hoặc tổ chức tương đương thuộc cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng thực hiện việc giải quyết các khiếu nại của khách hàng. Hoạt động của thanh tra viên hoặc tổ chức tương đương này nên là độc lập, chuyên nghiệp. Việc giải quyết các khiếu nại này của thanh tra có ý nghĩa

quan trọng. Bởi đây là một trong những mục đích của thanh tra NHNN.²⁸⁶ Các kết luận của cơ quan này sẽ bắt buộc các TCTD vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng sẽ có hành động hiệu quả để khắc phục tình huống phát sinh.

4.4.2.3. Tăng cường các hoạt động kiểm soát nội bộ nhằm bảo đảm bí mật thông tin khách hàng

Hoạt động kiểm soát là hoạt động được thiết lập bởi các chính sách và thủ tục để đảm bảo những chỉ dẫn của nhà quản lý trong việc giảm thiểu rủi ro để đạt được các mục tiêu. Các hoạt động kiểm soát được thực hiện tại các cấp độ của các TCTD và tại rất nhiều giai đoạn của quá trình hoạt động, bao gồm cả môi trường công nghệ. TCTD cần xác định các chính sách và thủ tục kiểm soát có được tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo mật thông tin cũng như quy chế nội bộ của TCTD về HTKSNB và KTNB. Thiết lập HTKSNB của TCTD vừa tổ chức theo cơ cấu tổ chức quản lý (kiểm soát theo từng bộ phận và cá nhân) và vừa thiết lập theo quy trình nghiệp vụ. Các hệ kiểm soát này đan xen nhau trong hệ thống kiểm soát nội bộ của TCTD giúp việc kiểm soát đạt hiệu quả tốt nhất.

4.4.2.4. Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng

Hiện nay, trong tổ chức bộ máy của Nhà nước ta, tham gia quản lý hoạt động kinh doanh tiền tệ có NHNN. Để hoạt động bảo mật thông tin khách hàng được thực thi pháp luật hiệu quả thì NHNN ngoài việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực thi nghĩa này còn thể hiện ở chức năng thanh tra, giám sát. Trong quá trình thanh tra, giám sát ngân hàng sẽ phát hiện ra các tồn tại, sai phạm trong hoạt động của TCTD và đưa ra các kiến nghị khắc phục hoặc xử lý các hành vi vi phạm, bảo đảm hoạt động của các đối tượng thanh tra, giám sát thực hiện đúng quy định của pháp luật, chấp hành đúng chính sách, pháp luật về lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng. Để thực thi tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, NHNN - thông qua các cơ quan chuyên môn trực thuộc cần xác định rõ những nội dung quản lý cần có sự phối hợp giữa các cơ quan, thời gian phải thực hiện và đặc biệt là trách nhiệm pháp lý khi các cơ quan này vi phạm nghĩa vụ phối hợp trong

²⁸⁶ Điều 50 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

hoạt động quản lý. Đồng thời cần tăng cường giám sát chặt chẽ việc thực thi các văn bản pháp luật của các TCTD thông qua các đợt thanh tra định kỳ dưới sự phối hợp của Cục Công nghệ tin học và Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng; cần xác định rõ những nội dung thanh tra, giám sát cần có sự phối hợp giữa các cơ quan, thời gian phải thực hiện và đặc biệt là trách nhiệm pháp lý khi các cơ quan này vi phạm nghĩa vụ phối hợp trong hoạt động thanh tra, giám sát; giải quyết khiếu nại, tố cáo; xử lý vi phạm trong lĩnh vực cung cấp thông tin và xử lý vi phạm, khiếu nại trong hoạt động bảo đảm bí mật thông tin của khách hàng một cách kịp thời, minh bạch.

4.4.2.5. Các giải pháp khác nhằm bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng

Một là, nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân viên TCTD trong việc thực thi pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng.

Các TCTD cần chủ động trong việc xây dựng quy chế nội bộ, quy tắc đạo đức kinh doanh ngân hàng nhằm triển khai các quy định của Nghị định số 117/NĐ-CP để quán triệt cán bộ, nhân viên TCTD tôn trọng, tuân thủ và thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng. Đây cũng là yếu tố rất quan trọng bảo đảm thực thi pháp luật bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH được hiệu quả và cũng là cơ sở pháp lý để cơ quan nhà nước có thẩm quyền ADPL để xét xử kịp thời, đúng pháp luật trong trường hợp TCTD, nhân viên của TCTD vi phạm pháp luật bảo mật thông tin khách hàng, bảo đảm cho pháp luật đi vào cuộc sống. Sau khi ban hành các quy định nội bộ, các TCTD cần thường xuyên tập huấn, phổ biến kinh nghiệm, hướng dẫn nhân viên các TCTD trong việc tiếp nhận, quản lý, lưu trữ, cung cấp thông tin của khách hàng bảo đảm tuân thủ nghĩa vụ giữ bí mật thông tin khách hàng, cách thức thực thi trách nhiệm cung cấp thông tin bí mật của khách hàng trong những trường hợp luật định. Thông qua đó, các TCTD, nhân viên của tổ chức này nhận thức rõ, cụ thể hơn về trách nhiệm của mình và cách thức tuân thủ quy định của pháp luật, làm căn cứ cho việc triển khai thực hiện trong thực tế. Đây là những điều kiện rất quan trọng bảo đảm cho pháp luật được thực thi có hiệu quả và cũng là cơ sở pháp lý để cơ quan nhà nước có thẩm quyền ADPL để xét xử kịp thời, áp dụng thống nhất và đúng pháp luật, bảo đảm cho pháp luật đi vào cuộc sống.

Đồng thời, cần chú trọng đến công tác cán bộ, HTKSNB để theo dõi quá trình tác nghiệp của nhân viên, tránh các trường hợp nhân viên sao chép dữ liệu phòng ngừa cho

bản thân. Các bộ phận kiểm soát trong ngân hàng phải làm nhiệm vụ kiểm tra chéo phần việc của các bộ phận khác; thêm nữa định kỳ bộ phận kiểm toán nội bộ kiểm tra hoạt động của tất cả các phòng ban để kiểm tra và phát hiện kịp thời những trường hợp đánh cắp thông tin khách hàng cho những mục đích của bản thân hoặc nhóm lợi ích.

Xây dựng và tuân thủ chặt chẽ các quy định, tiêu chuẩn về an toàn thông tin: các ngân hàng cần kiểm tra, đánh giá tổng thể công tác an toàn thông tin của mình một cách thường xuyên, tìm ra các lỗ hổng và nguy cơ; xây dựng và tổ chức triển khai các quy định, quy trình, tiêu chuẩn về an toàn thông tin của Ngành trên cơ sở các quy định, tiêu chuẩn an toàn thông tin của quốc tế và Việt Nam. Điều chỉnh cơ cấu quản lý an toàn thông tin như: hoàn thiện tổ chức bộ phận chuyên trách về quản lý an toàn thông tin; quy định đầy đủ và rõ ràng các vai trò, trách nhiệm và mối quan hệ giữa các đơn vị, bộ phận và từng vị trí công tác trong công tác đảm bảo an toàn thông tin. Bên cạnh đó, cần nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác đảm bảo an toàn thông tin: xây dựng các tiêu chuẩn về năng lực, đào tạo nâng cao năng lực cán bộ quản lý và kỹ thuật làm công tác đảm bảo an toàn thông tin; hình thành đội ngũ chuyên gia về an toàn thông tin.

Ngoài ra, TCTD cần phải tổ chức các hội thảo, các chương trình đào tạo để các nhân viên hoạt động chuyên nghiệp và nắm vững những quy định của pháp luật về vấn đề này, từ đó có thể đáp ứng tốt hơn nhu cầu cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng hiện nay.

Hai là, nâng cao nhận thức của khách hàng

Tăng cường tuyên truyền đối với khách hàng trong việc nâng cao ý thức và trách nhiệm trong việc bảo mật thông tin của chính mình.

Cảnh báo khách hàng cần cẩn trọng trong việc cung cấp thông tin cá nhân trên các phương tiện thông tin đại chúng, khi giao dịch qua mạng. Các nội dung cảnh báo cần được thông tin thường xuyên cho khách hàng thông qua tin nhắn, email, trước khi thực hiện các giao dịch tại các máy ATM...

Phổ cập dân trí về tài chính cho người dân. Chính phủ cần xây dựng một cơ chế phối hợp, đồng thời khuyến khích sự hợp tác giữa các cơ quan chính phủ, cơ quan thanh tra, giám sát của NHNN, Hiệp hội ngân hàng và các hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng trong việc giáo dục tài chính, cung cấp thông tin và hướng dẫn cho người tiêu dùng nói chung và khách hàng của TCTD nói riêng. Đây cũng có thể là một biện pháp tốt để tăng

cường nhận thức và sự cẩn trọng của khách hàng khi thực hiện giao dịch thông qua các dịch vụ tài chính của TCTD.

Ba là, giải pháp về kỹ thuật

Các TCTD cần thường xuyên rà soát các quy trình bảo mật, an ninh, an toàn hệ thống, kiểm tra thường xuyên quyền truy cập hệ thống, không để tội phạm lợi dụng kẽ hở để truy cập, điều khiển hệ thống; rà soát lại quy trình hoạt động nghiệp vụ đối với những người đã chuyển công tác, thường xuyên kiểm tra an toàn hệ thống để kịp thời phát hiện lỗ hổng và phát hiện cài đặt các thiết bị ngoại vi. Đồng thời, TCTD cần tăng cường đào tạo nghiệp vụ, nhất là xử lý tình huống, phối hợp với Công an địa phương khi phát hiện dấu hiệu gian lận, giả mạo trong thanh toán điện tử; giáo dục nâng cao đạo đức nghề nghiệp của nhân viên ngân hàng để không bị lợi dụng, mua chuộc.

Chuyên môn hóa công tác quản trị rủi ro công nghệ. Hầu hết các ngân hàng hiện nay đều coi rủi ro công nghệ như là một bộ phận của rủi ro hoạt động (hay rủi ro tác nghiệp). Tuy vậy, với tầm quan trọng và tác động của loại rủi ro này, nên tách riêng thành một bộ phận chuyên nghiệp, chịu trách nhiệm xây dựng quy trình chính sách, công tác cảnh báo sớm và xử lý khi rủi ro công nghệ xảy ra. Kết hợp giữa công tác phòng ngừa, xử lý rủi ro công nghệ trong nội bộ đơn vị quản trị rủi ro với các đơn vị về truyền thông, quan hệ khách hàng, nghiệp vụ để đảm bảo tính thống nhất và hợp lý khi xử lý rủi ro. Đồng thời, tăng cường tối ưu hóa các thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0 nhằm hạn chế tội phạm công nghệ cao trong lĩnh vực ngân hàng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Trong chương 4, tác giả đã phân tích, đánh giá thực trạng thực thi pháp luật về bảo mật thông tin của khách hàng trong HĐNH ở Việt Nam.

Thông qua việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu như phương pháp phân tích và phương pháp tổng hợp, phương pháp phân tích luật viết, phương pháp Luật học so sánh, tác giả đã làm rõ những ưu điểm và hạn chế trong thực thi pháp luật về bảo mật thông tin của khách hàng trong HĐNH. Các kết quả nghiên cứu cụ thể dưới đây:

Thứ nhất, pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH của các TCTD đã tạo lập được hành lang pháp lý cho các chủ thể tham gia HĐNH thực hiện các quyền và nghĩa vụ bảo mật thông tin khách. Cụ thể:

- Quy định rõ quyền và nghĩa vụ của TCTD, khách hàng và các chủ thể liên quan trong quan hệ pháp luật bảo mật thông tin của khách hàng.

- Đã mở rộng phạm vi thông tin khách hàng cần được bảo mật giúp bảo vệ tốt hơn quyền được bảo mật thông tin của khách hàng. Đã tạo cơ chế nhằm khuyến khích các TCTD ban hành các quy định nội bộ cụ thể hóa các quy định pháp luật nhằm thực thi hiệu quả nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng.

- Đã quy định các biện pháp pháp lý để khách hàng có thể bảo vệ quyền lợi của mình khi bị của các chủ thể liên quan làm lộ hoặc cung cấp thông tin khách hàng không đúng thẩm quyền.

- Quy định các chế tài xử lý vi phạm liên quan khi thông tin khách hàng bị cung cấp không đúng thẩm quyền.

- Nhận thức của các chủ thể thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH về tầm quan trọng và yêu cầu bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin ngày càng được nâng cao.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được như đã đề cập, thông qua việc phân tích thực trạng thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH có thể thấy những hạn chế, bất cập như sau:

- Các quy định về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH vẫn chưa đáp ứng yêu cầu của việc bảo đảm quyền được bảo mật thông tin của khách hàng. Cụ thể i) Quy định pháp luật hiện hành về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH vẫn còn bị phân hóa, chưa mang tính hệ thống. ii) Phạm vi thông tin khách hàng cần được bảo mật thông

tin vẫn còn một số trường hợp chưa được hướng dẫn cụ thể/ làm rõ. iii) Cơ chế xác định trách nhiệm của tổ chức chuyên môn được TCTD thuê hoặc hợp tác với TCTD cung cấp dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của các TCTD vẫn chưa xác định rõ ràng. iv) Chưa hướng dẫn rõ ràng về quy định TCTD được phép cung cấp thông tin khách hàng cho TCTD khác. v) Chưa quy định rõ cơ chế xác định trách nhiệm khi có mâu thuẫn trong việc yêu cầu cung cấp thông tin khách hàng.

- Chưa quy định cụ thể về hành vi vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng cũng như chế tài xử lý hành vi; quy định về giải quyết khiếu nại của khách hàng vẫn còn chung chung.

- Sự vào cuộc chậm trễ của các thiết chế thanh tra, giám sát NHNN trong việc phát hiện sai phạm về bảo mật thông tin khách hàng thời gian qua cho thấy vai trò của thanh tra, giám sát NHNN chưa phát huy được vai trò trong phát hiện kịp thời sai phạm liên quan đến nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng.

Thứ hai, thông qua việc làm sáng tỏ các vấn đề trên, tác giả đã trả lời được câu hỏi nghiên cứu trong phần tổng quan: Làm thế nào để thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH một cách hiệu quả? và giả thuyết nghiên cứu đặt ra cho câu hỏi này là: Pháp luật hiện hành còn những hạn chế, bất cập nên chưa thực sự bảo đảm được quyền được bảo mật thông tin khách hàng. Do đó, để thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng một cách hiệu quả cần có giải pháp toàn diện từ chủ trương, chính sách, pháp luật đến cơ chế thực thi pháp luật phù hợp.

Thứ ba, trên cơ sở những hạn chế, vướng mắc trong thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH, tác giả luận án đã đưa ra những định hướng và giải pháp bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH. Cụ thể:

Một là, hoàn thiện pháp luật nói chung và hoàn thiện pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH nói riêng, trước hết cần phải phù hợp với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hai là, để các chủ thể trong quan hệ pháp luật bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH thực thi pháp luật bảo mật thông tin khách hàng trên thực tế cần dựa vào lý thuyết về sự can thiệp của nhà nước trong đời sống kinh tế, xã hội; lý thuyết về hiệu quả của pháp luật trong điều chỉnh các quan hệ xã hội trong nền kinh tế thị trường và lý thuyết về thông tin bất cân xứng giữa người kinh doanh và người tiêu dùng. Vận dụng các lý

thuyết này, tác giả cho rằng pháp luật cần hoàn thiện theo hướng hài hòa lợi ích giữa các chủ thể trong việc bảo mật thông tin khách hàng.

Ba là, dựa trên những định hướng cơ bản vừa nêu, tác giả đã đề xuất các kiến nghị cụ thể cho việc hoàn thiện pháp luật và các giải pháp bảo mật thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng: i) rà soát, sửa đổi các quy định còn chồng chéo; ii) hướng dẫn rõ ràng quy định TCTD được phép cung cấp thông tin khách hàng cho nội bộ của các TCTD; iii) bổ sung chế tài xử lý vi phạm về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH. Bên cạnh đó, tác giả còn đề xuất phải hình thành nên các quy định, trong đó quy định rõ thẩm quyền, thủ tục khiếu nại, giám sát việc xử lý các khiếu nại của khách hàng. Ngoài ra, TCTD phải tăng cường hoạt động kiểm soát nội bộ, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thanh tra, giám sát việc thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng. Hơn nữa, các giải pháp khác về nhân sự, công nghệ cũng có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH của các TCTD. Với hệ thống các kiến nghị và giải pháp nêu trên, tác giả hy vọng sẽ góp phần trong việc bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH trong thời gian tới.

PHẦN KẾT LUẬN

Bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong HĐNH của các TCTD là nghĩa vụ được pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới ghi nhận. Cũng như các nước trên thế giới, Việt Nam xác định đây là nghĩa vụ mà các TCTD cần triệt để tuân thủ, là một trong những tiêu chí xác định mức độ bảo đảm an toàn trong cung ứng dịch vụ ngân hàng. Một TCTD không bảo đảm được bí mật thông tin khách hàng thường sẽ mất lòng tin của khách hàng nói riêng và của công chúng nói chung, từ đó sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của mình, hệ thống tín dụng quốc gia và hiệu lực quản lý của nhà nước. Những nghiên cứu và kết quả trong luận án làm cơ sở để tác giả đưa ra những kết luận sau:

Thứ nhất, bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong HĐNH của TCTD là một vấn đề rất quan trọng, không chỉ đối với bản thân mỗi khách hàng, TCTD, mà còn đối với nhà nước và xã hội. Cho đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu có liên quan đến pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong HĐNH với các góc độ khác nhau. Những công trình nghiên cứu đó là cơ sở quan trọng cho tác giả trong việc nghiên cứu, tiếp thu, kế thừa và phát triển trong luận án của mình.

Thứ hai, tác giả đã phân tích và làm rõ cơ sở hình thành và phát sinh nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH; phân tích bản chất, phạm vi thông tin khách hàng cần được bảo mật. Đồng thời, tác giả cũng đã phân tích sự cần thiết phải bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH của TCTD.

Thứ ba, để trả lời cho câu hỏi nghiên cứu 2, tác giả đã phân tích lý do phải giới hạn nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH, các nguyên tắc của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng; làm rõ các giới hạn của nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH của TCTD. Trên cơ sở phân tích, so sánh, tham khảo kinh nghiệm điều chỉnh pháp luật về vấn đề này của một số nước được tác giả lựa chọn như Anh, Singapore, Thụy Sĩ, Trung Quốc, tác giả đưa ra các khuyến nghị nhằm hoàn thiện quy định về giới hạn bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH ở Việt Nam.

Thứ tư, tác giả luận án cũng đã chứng minh được thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH còn những hạn chế, bất cập nên chưa thực sự bảo đảm được quyền được bảo mật thông tin khách hàng. Căn cứ vào thực trạng thực thi

pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH, tác giả đã đề xuất kiến nghị hoàn thiện pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng và đề xuất các giải pháp bảo đảm thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH ở Việt Nam. Từ đó, câu hỏi nghiên cứu đã được làm rõ, giả thiết nghiên cứu đã được chứng minh.

Thứ năm, xuyên suốt luận án, tác giả luôn bám sát vào đối tượng, phạm vi và mục đích nghiên cứu của đề tài. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể như phương pháp phân tích và phương pháp tổng hợp, phương pháp phân tích luật viết, phương pháp Luật học so sánh được sử dụng phù hợp nhằm giải quyết những vấn đề mà luận án đặt ra.

Thứ sáu, nhận thức rằng, pháp luật về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong HĐNH là vấn đề rộng và phức tạp, cần có sự nghiên cứu lâu dài, kế thừa và phát triển liên tục. Trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã có sự cố gắng cao nhất. Kết quả nghiên cứu của luận án có thể sẽ đặt ra nhiều vấn đề cần phải nghiên cứu và tiếp tục hoàn thiện.

Ngoài ra, thông qua việc hệ thống hóa, phân tích, đánh giá và so sánh pháp luật Việt Nam với một số nước được lựa chọn về giới hạn pháp luật bảo mật thông tin khách hàng cũng như phân tích thực trạng thực thi pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong HĐNH ở Việt Nam, tác giả luận án cho rằng pháp luật Việt Nam đã thể hiện phần nào vai trò của mình trong việc bảo vệ quyền riêng tư cá nhân của khách hàng, đã có những quy định thúc đẩy hiệu quả kinh doanh ngân hàng; đã thể hiện vai trò của mình trong việc hỗ trợ tư pháp và thực thi pháp luật và tạo điều kiện cho hợp tác quốc tế trong cuộc chiến chống tội phạm xuyên quốc gia và các vi phạm về thuế. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam thể hiện vai trò điều chỉnh của mình trong các vấn đề trên rộng hẹp khác nhau và hiệu quả của từng yêu cầu này cũng khác nhau. Do đó, tác giả cũng mong muốn sẽ tiếp tục nghiên cứu trong thời gian tới.

NHỮNG CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ CÔNG BỐ

1. Nguyễn Thị Kim Thoa (2015), *Đảm bảo bí mật thông tin khách hàng của tổ chức hoạt động ngân hàng – nhìn từ góc độ pháp lý*, Tạp chí Ngân hàng (22), tr.24-31.
2. Nguyễn Thị Kim Thoa (2016), *Nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng theo quy định pháp luật một số nước trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam*, Tạp chí Khoa học pháp lý (7), tr.31- 42.
3. Nguyễn Thị Kim Thoa (2017), *Một số vấn đề pháp lý về bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng*, Tạp chí Ngân hàng (8), tr.14- 19.
4. Nguyễn Thị Kim Thoa (2018), *Nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật bảo mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật (www.tcdcpl.moj.gov.vn)
5. Nguyễn Thị Kim Thoa (2018), *Một số điểm mới về việc giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài*, Tạp chí Ngân hàng (21), tr.22- 25.
6. Nguyễn Thị Kim Thoa (2019), *Bàn về pháp luật bảo mật thông tin khách trong hoạt động ngân hàng*, Tạp chí Ngân hàng (20), tr.32- 37.
7. Nguyễn Thị Kim Thoa (2020), *Giới hạn nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật Việt Nam*, Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam (1), tr.82- 97.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Bảng tổng hợp so sánh giới hạn nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng trong HDNH một số nước

Quốc gia	Giới hạn của nghĩa vụ bảo đảm bí mật thông tin khách hàng trong HDNH							
	Theo quy định của pháp luật					Sự đồng ý của khách hàng	Vì lợi ích của TCTD	Vì lợi ích công cộng
	<i>Cơ quan giám sát ngân hàng</i>	<i>Cơ quan tài chính</i>	<i>Cơ quan có thẩm quyền khác (không phải là cơ quan tư pháp)</i>	<i>Cơ quan tư pháp</i>	<i>Các quy định đặc biệt về rửa tiền, tham nhũng, tội phạm có tổ chức</i>			
Thụy Sĩ	Cơ quan Giám sát thị trường tài chính (FINMA).	Không cung cấp thông tin tự động, báo cáo khi có yêu cầu chỉ liên quan đến gian lận thuế.		Tòa án trong: - Điều tra hình sự; - Phá sản và tố tụng dân sự. - Hỗ trợ quốc tế lẫn nhau trong các vấn đề hình sự nếu hành vi bị truy tố cấu thành tội phạm theo luật pháp Thụy Sĩ.	Khi có lý do để nghi ngờ rằng tài sản có liên quan đến tội phạm, họ phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền.	Rõ ràng.	Chỉ trong thủ tục tố tụng nhằm tự vệ hoặc đưa ra chứng cứ chứng minh khi thực hiện việc thu hồi nợ.	Nếu chứng minh lợi ích của việc cung cấp thông tin khách hàng là cao hơn nghĩa vụ bảo mật.

Anh	- Cơ quan kiểm soát ngành tài chính (FCA).	- Sở thuế vụ Anh - Cục Thuế và Hải quan. - Cung cấp thông tin thuế theo các Hiệp định đã ký kết.	Văn phòng chống Gian lận nghiêm trọng (SFO).	- Cơ quan điều tra thông qua Lệnh của tòa liên quan đến thủ tục phá sản.	Khi có nghi ngờ rằng tài sản có liên quan rửa tiền, tội phạm khủng bố, buôn bán ma túy.	- Ngu ý. - Rõ ràng.	- Khi bị kiện hoặc khởi kiện để thu hồi nợ, cung cấp chứng cứ chứng minh tại tòa. - Cơ quan tham khảo tín dụng phải thỏa thuận với khách hàng.	Có quy định.
Singapore	Theo quy định của Luật Ngân hàng Singapore năm 1970, sửa đổi, bổ sung năm 2018, ngân hàng có nghĩa vụ bảo mật thông tin khách hàng và chỉ có thể cung cấp thông tin của khách hàng theo quy tại Phụ lục thứ ba và Luật này. Cụ thể có thể cung cấp thông tin khách hàng theo lệnh của Tòa án Tối cao theo Đạo luật Chứng cứ hoặc cho mục đích điều tra, truy tố hình sự, hoặc có thể cung cấp thông tin khách hàng theo Đạo luật Bảo hiểm tiền gửi, hoặc cho Cơ quan Quản lý tiền tệ Singapore. Liên quan đến hoạt động phòng chống rửa tiền, pháp luật về chống rửa tiền qua TCTD của Singapore được quy định ở nhiều văn bản.					Rõ ràng.	- Chỉ trong thủ tục tố tụng giữa ngân hàng và khách hàng hoặc người bảo lãnh liên quan đến giao dịch ngân hàng của khách hàng. - Tham khảo tín dụng, phải thỏa thuận.	Không quy định.

Trung Quốc	- Văn phòng giám sát hành chính. - Ủy ban quản lý giám sát chứng khoán Trung Quốc (CSRC). - Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBC). - Ủy ban giám sát quản lý Ngân hàng Trung Quốc (CBRC). - Ủy ban quản lý giám sát bảo hiểm Trung Quốc (CIRC).	- Cơ quan thuế. - Cơ quan Hải quan. - Cơ quan kiểm toán. - Cơ quan quản lý hành chính công thương.	- Viện kiểm sát - Cơ quan an ninh công cộng - Cơ quan an ninh nhà nước - Cục an ninh quân đội - Nhà tù - Cơ quan điều tra.	Tòa án	Khi có nghi ngờ rằng tài sản có liên quan rửa tiền, tội phạm khủng bố, buôn bán ma túy.	- Ngụ ý - Rõ ràng	- Cơ quan tham khảo tín dụng phải được sự đồng ý của khách hàng.	Có quy định.
--	---	---	---	--------	--	--	--	---------------------

Việt Nam	Ngân hàng nhà nước Việt Nam.	Cơ quan thuế, cơ quan Hải quan.	- Kiểm toán nhà nước - Thanh tra - Điều tra - Viện kiểm sát - Thi hành án.	Tòa án	Báo cáo cho NHNNVN Khi có nghi ngờ rằng tài sản có liên quan rửa tiền, tội phạm khủng bố, buôn bán ma túy.	Rõ ràng.	- Chỉ trong thủ tục tố tụng nhằm cung cấp chứng cứ chứng minh tại tòa (là 1 trong những trường hợp giới hạn theo quy định của pháp luật. - Cung cấp thông tin cho cơ quan thông tin tín dụng phải được sự đồng ý của khách hàng.	Không quy định.

Bảng 3. Tên văn bản hướng dẫn về hoạt động bảo đảm bí mật thông tin của khách hàng trong HĐNNH

TT	Tên văn bản	Nội dung
1	Nghị định số 70/2000/NĐ-CP ngày 22/11/2000	Giữ bí mật, lưu trữ và cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng
2	Nghị định số 117/2018/NĐ-CP ngày 11/9/2018	Giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
3	Nghị định số 202/2004/NĐ-CP ngày 10/12/2004	Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng
4	Nghị định số 95/2011/NĐ-CP ngày 20/10/2011	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 202/2004/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng
5	Nghị định số 96/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014	Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng
6	Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019	Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng
7	Nghị định 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2010	Hoạt động thông tin tín dụng
8	Thông tư số 02/2001/TT-NHNN ngày 04/4/2001	Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 70/2000/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về việc giữ bí mật, lưu trữ và cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng
9	Quyết định số 1004/2001/QĐ-NHNN ngày 08/8/2001	Về việc sửa đổi tiết a điểm 2.2 Mục II Thông tư số 02/2001/TT-NHNN
10	Thông tư số 08/VBHN-NHNN ngày 21/5/2014	Văn bản hợp nhất Thông tư hướng dẫn Nghị định 70/2000/NĐ-CP về giữ bí mật, lưu trữ và cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi và tài

		sản gửi của khách hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành
11	Thông tư số 01/2011/TT-NHNN ngày 21/2/2011	Bảo đảm an toàn, bảo mật hệ thống công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng
12	Thông tư số 31/2015/TT-NHNN ngày 28/12/2015	Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2011/TT-NHNN về đảm bảo an toàn, bảo mật hệ thống công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng
13	Thông tư số 18/2018/TT-NHNN ngày 21/8/2018	An toàn hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng
14	Thông tư 03/2013/TT-NHNN ngày 28/1/2013	Hoạt động thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
15	Quyết định số 35/2006/QĐ-NHNN ngày 31/7/2006	Các nguyên tắc quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng điện tử
16	Thông tư số 29/2011/TT-NHNN ngày 21/9/2011	Quy định về Về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ ngân hàng trên mạng Internet
17	Thông tư số 35/2016/TT-NHNN ngày 29/12/2016	Quy định về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ ngân hàng trên Internet
18	Thông tư 36/2012/TT-NHNN ngày 28/12/2012	Quy định về trang bị, quản lý, vận hành và đảm bảo an toàn hoạt động của máy giao dịch tự động
19	Thông tư số 31/2015/TT-NHNN ngày 28/12/2015	Quy định về đảm bảo an toàn, bảo mật hệ thống công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng
20	Thông tư số 47/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014	Quy định về kỹ thuật về an toàn bảo mật đối với trang bị phục vụ thanh toán thẻ ngân hàng.

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ cơ sở dữ liệu: thuvienphapluat.vn

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**A. VĂN BẢN PHÁP LUẬT****Tiếng Việt**

1. Bộ luật dân sự năm 2015
2. Bộ Luật hình sự năm 2015
3. Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015
4. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015
5. Công ước của Liên hợp quốc về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và chất hướng thần năm 1988
6. Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000
7. Công ước châu Âu về Nhân quyền năm 1950
8. Hiến Pháp Việt Nam năm 2013
9. Luật An toàn thông tin mạng năm 2015
10. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015
11. Luật Bảo hiểm tiền gửi năm 2012
12. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010
13. Luật Các tổ chức tín dụng năm 1997, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010
14. Luật công nghệ thông tin năm 2006
15. Luật Kiểm toán độc lập năm 2011
16. Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010
17. Luật Phá sản năm 2014
18. Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012
19. Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013
20. Luật Quản lý Thuế năm 2006, Luật Quản lý Thuế sửa đổi năm 2012
21. Luật Thanh tra năm 2010
22. Luật Thi hành án dân sự năm 2008, Luật Thi hành án dân sự sửa đổi năm 2014
23. Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014
24. Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015
25. Luật tố tụng hành chính năm 2015

26. Luật Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Nhà nước năm 2009
27. Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012
28. Nghị định số 55/2001/NĐ-CP ngày 23/08/2001 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng Internet
29. Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng nhà nước Việt Nam
30. Nghị định số 70/2000/NĐ-CP ngày 21/11/2000 của Chính phủ về việc giữ bí mật, lưu trữ và cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng
31. Nghị định số 117/2018/NĐ-CP ngày 11/9/2018 của Chính phủ về việc giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
32. Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại – Thực hiện thí điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh
33. Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 18/10/2013 về sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại – Thực hiện thí điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh
34. Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt
35. Nghị định số 116/2013/NĐ-CP ngày 4/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Phòng, chống rửa tiền
36. Nghị định số 202/2004/NĐ-CP ngày 10/12/2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng
37. Nghị định 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng
38. Nghị định số 95/2011/NĐ-CP ngày 20/10/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 202/2004/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng
39. Nghị định số 96/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng
40. Nghị định số 88/2019/NĐ- CP ngày 14/11/2019 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng

41. Quyết định số 35/2006/QĐ-NHNN ngày 31/7/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về các nguyên tắc quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng điện tử
42. Quyết định số 1004/2001/QĐ-NHNN ngày 08/8/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi tiết a điểm 2.2 Mục II Thông tư số 02/2001/TT-NHNN ngày 4/4/2001 về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 70/2000/NĐ-CP ngày 21/11/2000 của chính phủ về việc giữ bí mật, lưu trữ và cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi và tài sản gửi của khách hàng
43. Quyết định số 15/2015/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 34/2008/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia và Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 79/2009/QĐ-TTGg ngày 18 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ
44. Thông tư số 35/2016/TT-NHNN ngày 29/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ ngân hàng trên Internet
45. Thông tư số 18/2018/TT-NHNN ngày 21/8/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng
46. Thông tư số 01/2011/TT-NHNN ngày 21/2/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc bảo đảm an toàn, bảo mật hệ thống công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng
47. Thông tư số 31/2015/TT-NHNN ngày 28/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về đảm bảo an toàn, bảo mật hệ thống công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng
48. Thông tư số 44/2011/TT-NHNN ngày 29/12/2011 Quy định về Hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
49. Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có hiệu lực vào ngày 1/1/2019 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng thương mại, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài của pháp luật Việt Nam

50. Thông tư số 03/2013/TT- NHNN ngày 28/1/2013 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam về hoạt động thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
51. Thông tư số 27/2017/TT- NHNN ngày 31/12/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2013/TT- NHNN ngày 28/01/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
52. Thông tư số 02/2001/TT-NHNN ngày 04/4/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện Nghị định 70/2000/NĐ-CP
53. Thông tư số 09/2003/TT-NHNN ngày 5/8/2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện một số quy định tại Nghị định số 55/2001/NĐ-CP ngày 23/08/2001 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng Internet
54. Thông tư số 01/2008/TT-NHNN ngày 10/3/2008 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2003/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện một số quy định tại Nghị định số 55/2001/NĐ-CP ngày 23/08/2001 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng Internet
55. Thông tư số 29/2011/TT-NHNN ngày 21/9/2011 của Thống đốc NHNN quy định về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ ngân hàng trên mạng Internet
56. Thông tư 23/2014/TT-NHHH ngày 19/8/2014 hướng dẫn về việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán
57. Thông tư liên tịch số 03/2014/TTLT-BTP-NHNNVN ngày 17/1/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc xác minh điều kiện thi hành án của Thừa phát lại tại các tổ chức tín dụng
58. Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về quy chế cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng
59. Thông tư số 36/2012/TT-NHNN ngày 28/12/2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về trang bị, quản lý, vận hành và đảm bảo an toàn hoạt động của máy giao dịch tự động
60. Thông tư số 47/2014/TT-NHNN quy định các yêu cầu kỹ thuật về an toàn bảo mật đối với trang thiết bị phục vụ thanh toán thẻ ngân hàng

61. Thông tư số 20/2016/TT-NHNN sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2012/TT-NHNN và Thông tư số 47/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014 quy định về kỹ thuật về an toàn bảo mật đối với trang bị phục vụ thanh toán thẻ ngân hàng
62. Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền năm 1948

Tiếng Anh

63. Administrative Litigation Law of the People's Republic of China 2015
64. Accounting Law of the People's Republic of China 2007
65. Civil Procedure Law of the People's Republic of China (Revised in 2017)
66. Civil Procedure Law of the People's Republic of China 2017
67. Criminal Procedure Law of the People's Republic of China 2012, 2018
68. Customs Law of the People's Republic of China 1987, 2000
69. Law of the People's Republic of China on the Administration of Tax Collection 2001
70. Law of the People's Republic of China on the People's Bank of China 1995, 2003
71. Law of the People's Republic of China on Commercial Banks 1995, 2003
72. Circular of the People's Bank of China on Promulgating the Provisions on the Administration of Financial Institutions' Assistance in the Inquiry, Freezing or Deduction of Deposits, 2002
73. Federal Constitution of the Swiss Confederation 1999, 2018
74. Singapore Banking Act năm 2008. 2018
75. Swiss Civil Code 1907, 2020
76. Swiss Civil Procedure Code 2008, 2018
77. Swiss Criminal Procedure Code 2007, 2020
78. Swiss Federal Act on Banks and Savings Banks (Banking Act) 1934, 2019
79. Swiss Federal Law on Debt Collection and Bankruptcy 1889, 2020
80. Swiss Financial Market Supervision Act 2007
81. The Banks & Trust Companies Regulations - Statute Law of the Bahamas
82. Tournier v. National Provincial and Union Bank of England (1924), 1 KB 461
83. United Kingdom Insolvency Law 1986, 2013
84. United Kingdom Police and Criminal Evidence Act 1984, 2018
85. United Kingdom Criminal Justice Act 1987, 2017

86. United Kingdom Taxes Management Act 1970, 2008
87. United Kingdom Custom and Excise Management Act 1979, 2019
88. United Kingdom Proceeds of Crime Act 2002, 2008
89. United Kingdom Anti-Terrorism Crime and Security Act 2001, 2018

B. SÁCH, GIÁO TRÌNH, BÀI TẬP CHỈ

Tiếng Việt

90. Nguyễn Văn Cường, *Bản chất của hoạt động xây dựng pháp luật: Một vài vấn đề cần bàn luận thêm*, <<http://ktvb.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/ngghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=5>>, truy cập ngày 20/5/2017
91. Nguyễn Văn Cường, *Quan niệm về pháp luật và hệ thống pháp luật ở phương Tây*, <<http://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/ngghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=1549>>, truy cập ngày 30/3/2016
92. Thái Thị Tuyết Dung (2012), *Quyền riêng tư trong thời đại công nghệ thông tin*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp (9)
93. Nguyễn Chí Dũng (2007), *Cơ chế pháp lý giám sát hoạt động tư pháp và các yếu tố cấu thành*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp (107)
94. Nguyễn Minh Đoan (2011), *Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
95. Nguyễn Minh Đoan (2012), *Hiệu quả của pháp luật, những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia.
96. Nguyễn Minh Hằng, Hoàng Minh Thái (2016), *Phòng chống rửa tiền trong điều kiện hội nhập quốc tế và yêu cầu hoàn thiện pháp luật*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số T6 (291)
97. Nguyễn Am Hiếu (2017), *Tính hợp lý của pháp luật trong việc giới hạn quyền tự do kinh doanh của công dân*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số 6.
98. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (1996), Bộ môn Tin học, *Tập bài giảng tin học*, tập 1.
99. Hoàng Thế Liên (Chủ biên) (2008), *Bình luận khoa học BLDS năm 2005, tập I*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội

100. Nguyễn Thị Mai Nga (2006), *Hợp tác quốc tế phòng chống ma túy và tình hình phòng, chống tội phạm ma túy ở một số quốc gia*, Tạp chí Kiểm sát, số 11.
101. Trần Hoàng Nga (2011), *Từ kinh nghiệm của Hoa kỳ và Liên minh châu Âu, Bàn về nguyên tắc áp dụng ngoài lãnh thổ của Luật Cạnh tranh Việt Nam*, Tạp chí Khoa học pháp lý (5)
102. Nam Nguyễn, *Tiêu chí xác định chất lượng của hệ thống pháp luật*, <<http://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nguyen-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=1538>>, truy cập 10/8/2017
103. Tạ Thu Hồng Nhung, Nguyễn Mạnh Hùng, Bạch Thị Thu Hồng, *Mô hình giám sát tài chính hợp nhất tại Singapore và gợi ý cho Việt Nam*, <<http://www.tapchicongthuong.vn/bai-viet/mo-hinh-giam-sat-he-thong-tai-chinh-hop-nhat-tai-singapore-va-goi-y-cho-viet-nam-27209.htm>> truy cập ngày 1/10/2018
104. Lê Minh Tâm (2003), *Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam, những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Công an nhân dân.
105. Đoàn Phan Tân (2001), *Về Khái niệm thông tin và các thuộc tính làm nên giá trị của thông tin*, Tạp chí Văn hóa – Nghệ thuật, số (3).
106. Ngô văn Hiệp, *Sự thỏa thuận trong giao kết hợp đồng gia nhập*, <<http://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/phap-luat-kinh-te.aspx?ItemID=137>>, truy cập ngày 2/10/2017.
107. Nguyễn Hồng Sơn (2015), “*Mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường trong một số lý thuyết về kinh tế*”, Tạp chí Lý luận chính trị, số (12).
108. Nguyễn Thị Hương Thanh (2016), *Chính sách an toàn bảo mật cho hoạt động cung ứng dịch vụ tài chính của tổ chức tín dụng*, Tạp chí Ngân hàng (21).
109. Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (2005), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Văn hóa Sài Gòn.
110. Trung tâm Từ điển học (2011), *Từ điển Tiếng Việt Đà Nẵng*, Hà nội
111. Trường Đại học Luật Hà Nội (1998), *Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam, tập I*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
112. Trường Đại học Luật Hà Nội (2015), *Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam, tập I*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

113. Nguyễn Thanh Tú (2004), *Nghĩa vụ giữ bí mật thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng*, Tạp chí Khoa học pháp lý (1).
114. Viện Nghiên cứu và phổ biến tri thức bách khoa (1998), *Từ điển kinh tế thị trường*, Hà Nội.
115. Nguyễn Cửu Việt (Chủ biên, 2001), *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tiếng Anh

116. Alexander Vishnevskiy (2015), *Bank Secrecy: a Look at Modern Trends from a Theoretical Standpoint*, Pravo. Zhurnal Vysshey shkoly ekonomiki, No 4, pp. 140–146 (in English).
117. Beth A. Rushford (1984), *The Effect of Swiss Bank Secrecy on the Enforcement of Insider Trading Regulations and the Memorandum of Understanding Between the United States and Switzerland*, Boston College International and Comparative Law Review, Volume 7, Issue 2, p.546.
118. Brown & Dacin (1997), *The Company and the Product: Corporate Associations and Consumer Product Responses*, *Journal of Marketing*, Vol. 61, No. 1 (Jan., 1997), pp. 68-84.
119. Elisa Rangel Nunes (2014), *Relevant Aspects of Banking Secrecy in Angola*, *American International Journal of Research in Humanities, Arts and Social Sciences*, Vol. 7 (1).
120. Gwendoline Godfrey, Danforth Newcomb, Brian Burke, George Chen, Niklas Schmidt, Eva Stadler, Dimitria Coucouni, William Johnston and Walter H Boss (2016), *Bank Confidentiality – A Dying Duty But Not Dead Yet?*, *Business Law International*, Vol 17, No 3.
121. Jacques Richelle v. Freya Mareels (2014), *4 Belgium* in Neate and Godfrey: *Bank Confidentiality*, Fifth edition, Bloomsbury Professional , p.83-102, <http://www.strelia.com/sites/strelia.com/files/belgium_0.pdf>, truy cập ngày 30/3/2016.
122. Maurice Aubert (1984), *The Limits of Swiss Banking Secrecy under Domestic and International Law*, *Berkeley Journal of International Law*, Volume 2, Article 2.

123. Olivier Dunant, Michele Wassmer (1988), *Swiss Bank Secrecy: Its Limits under Swiss and International Laws*, *Case Western Reserve Journal of International Law*, Volume 20, Issue 2.
124. Paolo S. Grassi and Daniele Calvarese (1995), *The Duty Of Confidentiality Of Banks In Switzerland: Where It Stands And Where It Goes. Recent Developments And Experience. The Swiss Assistance To, And Cooperation With The Italian Authorities In The Investigation Of Corruption Among Civil Servants In Italy (The "Clean Hands" Investigation): How Much Is Too Much?*, *Pace International Law Review* 1995, Vol. 7, pp. 329-372.
125. Robert S. Pasley (2002), *Privacy Rights v. Anti-Money Laundering Enforcement*, *North Carolina Banking Institute*, Volume 6, Issue 1, Article 7.
126. Robert S. Ladd (2011), *Swiss Miss: The Future of Banking Secrecy Laws in Light of Recent Changes in the Swiss System and International Attitudes*, *Transnational Law & Contemporary Problems*; Summer 2011, Vol. 20 Issue 2, tr. 540-560.
127. Robert U. Vogler (2006), *Swiss Banking Secrecy: Origins, Significance, Myth*, Publisher Association for Financial History (Switzerland and Principality of Liechtenstein).
128. Sandra Booyesen, Dora Neo (2017), *Can Banks Still Keep a Secret? Bank secrecy in Financial Centres around the World*, Cambridge University Press.
129. Werner De Capitani (1998), *Recent Developments - Banking Secrecy Today*, *University of Pennsylvania Journal of International Law*, Vol 10, issue 1, article 2. P.57-70.

C. BÁO, BÁO CÁO, KHẢO SÁT, TÀI LIỆU HỘI THẢO, TÀI LIỆU KHÁC

Tiếng Việt

130. Duy Anh, *Buôn bán thông tin cá nhân: Ngang nhiên thu lợi, chẳng biết sợ ai*, <<http://giadinh.net.vn/thi-truong/buon-ban-thong-tin-ca-nhan-ngang-nhien-thu-loi-cha-biet-so-ai-20170425085818608.htm>>, truy cập ngày 27/9/2017.
131. Lan Anh, *Eximbank và lỗ hồng nhân viên hay quy trình quản lý kém?*, <<https://bizlive.vn/ngan-hang/eximbank-va-lo-hong-nhan-vien-hay-quy-trinh-quan-ly-kem-3441560.html>>, truy cập ngày 27/4/2018.

132. Trúc Dân, *Nhân viên ngân hàng bán thông tin khách hàng* <<http://vietbao.vn/An-ninh-Phap-luat/Nhan-vien-ngan-hang-ban-thong-tin-khach-hang/65636353/218/>>, truy cập ngày 15/6/2015.
133. Hồng Dung, *Bảo mật thông tin khách hàng: lỗ hổng từ ngân hàng*, <<https://tinnhanhchungkhoan.vn/tien-te/bao-mat-thong-tin-khach-hang-lo-hong-tu-ngan-hang-134093.html>>, truy cập ngày 15/12/2015.
134. Bạch Dương, *Ngân hàng tiết lộ thông tin cá nhân khách hàng khi đòi nợ*, <<http://vneconomy.vn/tai-chinh/ngan-hang-tiet-lo-thong-tin-ca-nhan-khi-doi-no-20161109090437314.htm>>, truy cập ngày 5/10/2016.
135. Thùy Dương, *Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán thẻ cần xử lý tra soát, khiếu nại của khách hàng*, <<https://baotintuc.vn/kinh-te/to-chuc-cung-ung-dich-vu-thanh-toan-the-can-xu-ly-tra-soat-khieu-nai-cua-khach-hang-20180618202327513.htm>>, truy cập ngày 15/9/2018.
136. Linh Đàm, *FATCA: Mặt trái của “tấm thẻ xanh”*, <<http://cafef.vn/tai-chinh-quoc-te/fatca-mat-trai-cua-tam-the-xanh-2013051312002552017.chn>>, truy cập ngày 5/10/2016.
137. Nguyễn Hồng Hải, *Cần hoàn thiện cơ chế pháp lý về bảo mật thông tin khách hàng tại tổ chức tín dụng, Đặc san Toàn cảnh Ngân hàng Việt Nam 2018*, <<https://tinnhanhchungkhoan.vn/tien-te/can-hoan-thien-co-che-phap-ly-ve-bao-mat-thong-tin-khach-hang-tai-tctd-230153.html>>, truy cập 15/6/2018.
138. Lê Hiệp, *Bảo mật thông tin - Chuyện sống còn của doanh nghiệp*, <<http://vneconomy.vn/cuoc-song-so/bao-mat-thong-tin-chuyen-song-con-cua-doanh-nghiep-64737.htm>> truy cập ngày 15/6/2015.
139. Phạm Thế Quang Huy, *Những trò lừa đảo công nghệ cao khiến bao người "khóc dở mếu dở"*, <<http://dantri.com.vn/suc-manh-so/nhung-hinh-thuc-lua-dao-cong-nghe-cao-pho-bien-ma-moi-nguoi-can-canhh-giac-20180312132932694.htm>>, truy cập ngày 12/5/2018.
140. Minh Hiếu, *Khách hàng Vietcombank chỉ ra lỗ hổng trong hệ thống OTP*, <<http://kienthuc.net.vn/tien-vang/khach-hang-vietcombank-chi-ra-lo-hong-trong-he-thong-otp-726639.html>>, truy cập ngày 10/12/2016.

141. Trịnh Thanh Huyền và Nguyễn Thị Mai, *Khuyến nghị của cơ quan Đặc nhiệm Tài chính về phòng chống rửa tiền*, <<http://tapchitaichinh.vn/viet-nam-chong-rua-tien,-tai-tro-khung-bo/khuyen-nghi-cua-co-quan-dac-nhiem-tai-chinh-ve-phong-chong-rua-tien-64384.html>>, truy cập ngày 10/6/2017.
142. Khánh Huyền, *Ngân hàng không được tự ý cung cấp hồ sơ khách hàng cho thuê*, <<https://www.tienphong.vn/kinh-te/ngan-hang-khong-duoc-tu-y-cung-cap-ho-so-khach-hang-cho-thue-1313503.tpo>>, truy cập ngày 20/8/2018.
143. Khánh Huyền, *Mất nửa tỷ đồng trong tài khoản VCB: Có nên chia lỗi và trách nhiệm?*, <<http://cafef.vn/mat-nua-ty-dong-trong-tai-khoan-vcb-co-nen-chia-loi-va-trach-nhiem-20160816101741351.chn>> truy cập 7/3/2018.
144. Bảo Khánh, *Các vụ mất tiền trong tài khoản ngân hàng gần đây hoàn toàn là vấn đề lừa đảo*, <<https://dantri.com.vn/suc-manh-so/cac-vu-mat-tien-trong-tai-khoan-ngan-hang-gan-day-hoan-toan-la-van-de-lua-dao-20160928084912303.htm>>, truy cập ngày 28/8/2017.
145. Thanh Lan, *Bỗng dưng mất nửa tỷ trong tài khoản sau một đêm*, <<http://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/ebank/ngan-hang/bong-dung-mat-nua-ty-dong-trong-tai-khoan-sau-mot-dem-3451620.html>>, truy cập 15/12/2016.
146. Phạm Nghĩa, Chấm dứt kỷ nguyên "bí mật ngân hàng" Thụy Sĩ, <<https://nld.com.vn/thoi-su-quoc-te/cham-dut-ky-nguyen-bi-mat-ngan-hang-thuy-si-20181006212631908.htm>>, truy cập ngày 8/10/2018.
147. Hà Nguyên, *Quyền riêng tư và được bảo mật thông tin của bệnh nhân*, <<http://www.ykhoanet.com/binhluan/hanguyen/36.htm>>, truy cập ngày 1/2/2016.
148. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2017), *Báo cáo đánh giá tác động của chính sách - Nghị định thay thế Nghị định số 70/2000/NĐ-CP ngày 21/11/2000*.
149. Cường Ngô, *Vụ khách hàng mất 245 tỷ đồng tại Eximbank: Có thể khởi kiện ngân hàng để đòi quyền lợi*, <<https://laodong.vn/phap-luat/vu-khach-hang-mat-245-ty-dong-tai-eximbank-co-the-khoi-kien-ngan-hang-de-doi-quyen-loi-592653.lao>>, truy cập 23/3/2018.
150. Mai Phương, *Ngân hàng Thụy Sĩ nay không còn bí mật!*, <<http://plo.vn/kinh-te/ngan-hang-thuy-sy-nay-khong-con-bi-mat-250399.html>>, truy cập 15/9/2016.

151. Minh Phương, *Bảo mật ngân hàng tốt, người dùng đỡ bất an*, <<https://baotintuc.vn/khoa-hoc-cong-nghe/bao-mat-ngan-hang-tot-nguoi-dung-do-bat-an-20170629120139843.htm>>, truy cập ngày 15/7/2018.
152. Việt Sơn, *Đổi mới công tác thanh tra, giám sát các tổ chức tín dụng*, <<http://baovinhphuc.com.vn/kinh-te/50981/doi-moi-cong-tac-thanh-tra-giam-sat-cac-to-chuc-tin-dung.html>>, truy cập ngày 12/9/2018.
153. Hà Thành, *Thanh tra giám sát ngân hàng: Nâng chất bảo đảm an toàn cho hệ thống*, Thời báo Ngân hàng, <<https://vietnambiz.vn/thanh-tra-giam-sat-ngan-hang-nang-chat-bao-dam-an-toan-cho-he-thong-82332.html>>, truy cập ngày 15/9/2018.
154. Quốc Thắng, *Công khai bán thông tin cá nhân, thu bạc tỷ*, <<https://vnexpress.net/tin-tuc/phap-luat/cong-khai-ban-thong-tin-ca-nhan-thu-bac-ty-2341628.html>>, truy cập ngày 27/9/2017.
155. Nguyễn Viết Thế, *Nghiên cứu đề xuất các giải pháp bảo mật thông tin cho hệ thống ngân hàng*, Baking Việt Nam (2016) - Hội thảo Đổi mới và sáng tạo – Những nhân tố then chốt nâng cao hiệu quả hoạt động và lợi thế cạnh tranh của hệ thống ngân hàng Việt Nam trong bối cảnh hội nhập, tr 135.
156. Đức Thiện, *Cảnh báo chiến dịch lừa đảo mạo danh ngân hàng*, <<https://viettimes.vn/canh-bao-chien-dich-lua-dao-mao-danh-ngan-hang-123695.html>> truy cập ngày 12/5/2018.
157. Nguyễn Thơm, *Mất 26 tỷ trong tài khoản: Khách hàng có còn niềm tin?*, <<http://news.zing.vn/mat-26-ty-trong-tai-khoan-khach-hang-co-con-niem-tin-post676389.html>> truy cập 30/8/2016.
158. Hoài Thu, *Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng: Góp phần cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu*, <http://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/thanhtrabtc/r/m/hdtt/hdtt_chitiet?dDocName=UCMTMP127639&dID=132398&_afrLoop=12851802027479625#!%40%40%3FdID%3D132398%26_afrLoop%3D12851802027479625%26dDocName%3DUCMTMP127639%26_adf.ctrl-state%3D7nbpelvju_4>, truy cập ngày 12/9/2018.

159. Trần Thủy, *Trăm tỷ gửi ngân hàng bị mất: Tại khách sai hết, mất ráng chịu!*, <<http://vietnamnet.vn/vn/kinh-doanh/tai-chinh/tien-gui-boc-hoi-loi-tai-khach-hay-ngan-hang-phui-tay-450973.html>>, truy cập ngày 18/5/2018.
160. Nguyễn Thị Thủy, Nguyễn Thị Thu Hiền (2014), *Quyền tiếp cận các nguồn lực phát triển của nhà đầu tư*, Kỷ yếu Hội thảo “Quyền tiếp cận các nguồn lực phát triển của nhà đầu tư”, Khoa Luật Thương mại – Trường Đại học Luật TP.HCM.
161. Bùi Trang, Đỗ Mến, *Nhân viên ngân hàng tuồn thông tin khách hàng: Rủi ro hiện hữu*, <<https://tinnhanhchungkhoan.vn/phap-luat/nhan-vien-ngan-hang-tuon-thong-tin-khach-hang-rui-ro-hien-huu-254672.html>>, truy cập ngày 14/2/2019.
162. Việt Tường, *Nữ 9X giúp đồng bọn xâm nhập nhiều tài khoản ngân hàng*, <<https://baomoi.com/nu-9x-giup-dong-bon-xam-nhap-nhieu-tai-khoan-ngan-hang/c/27152106.epi>>, truy cập ngày 10/8/2018.
163. Dân Việt, *Yêu cầu ngân hàng cung cấp thông tin khách hàng: Vi phạm quyền riêng tư con người?*, <<http://antt.vn/yeu-cau-ngan-hang-cung-cap-thong-tin-khach-hang-vi-pham-quyen-rieng-tu-con-nguoi-258559.htm>>, truy cập ngày 1/10/2018.

Tiếng Anh

164. Ameera Alqayem (2014), *The banker customer confidential relationship*, Thesis submitted in fulfilment of the requirement for the degree of PhD in law, Brunel University.
165. Bhati, S. S., McCrae, M. & De Zoysa, A. (2009) *A theoretical analysis of bank relationship*. 4th International Asian Academy of Applied Business Conference (pp. 154-161).
166. Council of the Bars and Law Societies of the European Community – CCBE (2002), *Code of Conduct for Lawyers in the European Union*, <http://www.idhae.org/pdf/code2002_en.pdf>, truy cập ngày 18/3/2016.
167. The European Banking Federation, Anti-Fraud and Anti-Money Laundering Committee & Fiscal Committee (2004), *Report on Banking Secrecy*, <http://www.ebf-fbe.eu/wp-content/uploads/2014/03/Bk_secrecy_Report04-2004-02083-01-E.pdf>, truy cập ngày 18/3/2016.
168. European Financial market lawyer Group (2014), *Survey On Banking Secrecy Regimes In The Euro Area*, <<http://www.efmlg.org/Docs/Documents/2014-10->

- 30%20EFMLG%20letter%20to%20the%20EC%20and%20EBA%20-%20Banking%20secrecy.pdf>, truy cập ngày 24/3/2016.
169. Global Internet Liberty Campaign (2002), *Privacy and human rights An International Survey of Privacy Laws and Practice*, <<http://gilc.org/privacy/survey/intro.html>>, truy cập ngày 17/3/2016.
 170. Gwendoline Godfrey, Danforth Newcomb, Brian Burke, George Chen, Niklas Schmidt, Eva Stadler, Dimitria Coucouni, William Johnston and Walter H Boss (2016), *Bank Confidentiality – A Dying Duty But Not Dead Yet?*, Business Law international, Vol 17, No 3, September.
 171. Hu Ying (2015), *Report of Proceedings: Bank Secrecy Symposium*, A Symposium at the Faculty of Law, National University of Singapore, 4-5 December 2014.
 172. Jiang Yunfeng (2004), *A Comparative Study on Bank Confidentiality Law in Hong Kong and Mainland China*, in Partial Fulfillment of the Requirements for the Degree of Master of Philosophy, City University Of Hong Kong.
 173. Naomi Fowler, *Financial Secrecy Index 2018: watch and listen*, Tax Justice Network, Financial Secrecy Index 2018, <<https://www.taxjustice.net/2018/02/02/financial-secrecy-index-2018-watch-listen/>>, truy cập ngày 15/11/2018.
 174. OECD (1998), *Harmful Tax Competition: An Emerging Global Issue*.
 175. OECD (2000), *Improving Access to Bank Information for Tax Purposes*.
 176. OECD (2000), *Towards Global Tax Co-operation: Report to the 2000 Ministerial Council Meeting and Recommendations by the Committee of Fiscal Affairs, Progress in Identifying and Eliminating Harmful Tax Practices*.
 177. OECD (2006), *Global Forum on Taxation: Tax Cooperation: Towards a Level Playing Field – 2006 Assessment*.
 178. OECD (2009), “*Moving Forward on the Global Standards of Transparency and Exchange of Information for Tax Purposes*”, A report to G20 Finance Ministers and Central Bank Governors on the Outcomes of the Los Cabos (Mexico) Meeting of the Global Forum on Transparency and Exchange of Information for Tax Purposes.

179. OECD (2011), “*The Era of Banking Secrecy is Over*” - The G20/OECD Process is Delivering Results, (26 October 2011).
180. OECD (2013), *Progress Report to the G20 Leaders: Global Forum Update on Effectiveness and On-going Monitoring*
181. Ronald B. Standler (1997), *Privacy law in USA*, <<http://www.rbs2.com/privacy.htm>>, truy cập ngày 17/3/2016.
182. Toby Mendel, Andrew Puddephatt, Ben Wagner, Dixie Hawtin, Natalia Torres (2012), *Global Survey on Internet Privacy and Freedom of Expression*, the United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization, tr.9.